

BARRY EISLER

SẮT THỦ
TOKYO



tiểu thuyết

"Một sát thủ đa nhân cách với tâm hồn của một thi nhân."

-MYSTERY INK

"Khơi lại sức hấp dẫn thôi miên của dòng truyện sát thủ hành động."

-JAMES ELLROY

NHÀ XUẤT BẢN
VĂN HỌC

vh ajarbook®

SÁT THỦ TOKYO



Tác giả: Barry Eisler

Người dịch: Khánh Vân

Ajarbook phát hành

Nhà xuất bản Văn Học - 2014

ebook©vctvegroup

24-06-2019

Cuốn tiểu thuyết này dành tặng cho ba người không còn ở trên cõi đời này để đọc nó.

Cha tôi, Edgar, người cho tôi sức mạnh.

Mẹ tôi, Barbara, người cho tôi sự thấu hiểu.

Anh trai tôi, Ian, người đã dạy tôi leo núi, kí ức về anh vẫn giúp tôi tiếp tục chinh phục những đỉnh cao mới.

Trong sự thay đổi thời cuộc, họ như tiếng sét mùa thu, một hiện tượng trái mùa, một hứa hẹn sáo rỗng về cơn mưa sẽ âm thầm trút xuống những cánh đồng đã trơ gốc rạ.

— SHOSABURO ABE, về các samurai thời Minh Trị

PHẦN MỘT

*Người thứ ba luôn đi bên cạnh anh là ai?
Khi tôi đếm, chỉ có anh và tôi cùng sóng bước
Nhưng khi tôi nhìn ra trước lên con đường màu trắng
Bên cạnh anh luôn còn một người nữa song hành
Mặc áo choàng nâu có mũ trùm đầu và lướt thật nhanh
Tôi không biết đó là đàn ông hay phụ nữ
... Nhưng ai là người đang ở phía bên kia của anh?*

- T. S. ELIOT, *Đất hoang*

1

HARRY LEN LỎI QUA đám đông trong giờ cao điểm buổi sáng như một chiếc vây cá mập lướt trên mặt nước. Tôi đang ở phía bên kia đường, đi sau cậu ta hai mươi mét, vã mồ hôi như tất cả những người khác trong cái nóng trái tiết của Tokyo tháng mười, và không khỏi thán phục khi thấy cậu nhóc đã tiếp thu rất tốt những gì tôi đã dạy. Cậu ta giống như chất lỏng khi lách qua một khoảng trống ngay trước lúc nó khép lại, hoặc dạt sang bên trái để tránh một nút cổ chai mới xuất hiện. Những thay đổi trong nhịp bước của Harry nhịp nhàng đến nỗi sẽ không có ai nhận ra cậu ta đã thay đổi tốc độ để thu hẹp khoảng cách với mục tiêu của chúng tôi, người lúc này đang lộ rõ vẻ gấp gáp đi xuôi con phố Dogenzaka hướng ra ga Shibuya.

Tên của mục tiêu là Yasuhiro Kawamura. Y là quan chức chính phủ thuộc Đảng Dân chủ Tự do, hay LDP, liên minh chính trị đã điều hành Nhật Bản gần như liên tục suốt từ thời chiến. Vị trí hiện tại của y là thứ trưởng Đất đai và Cơ sở hạ tầng ở Kokudokotsusho, trước là Bộ Xây dựng và Bộ Giao thông, nơi y hẳn đã làm việc gì đó xúc phạm nghiêm trọng đến ai đó, bởi vì sự xúc phạm nghiêm trọng là lí do duy nhất khiến tôi nhận được cuộc gọi từ khách hàng.

Tôi nghe thấy giọng nói của Harry trong tai: “Y đang vào cửa hàng hoa quả Higashimura. Tôi sẽ đợi ở phía trước.” Mỗi người chúng tôi đều đeo một thiết bị tiếp âm được điều khiển bằng vi xử lí của Đan Mạch, nhỏ đến mức có thể gắn vào trong ống tai, nơi anh phải dùng một cái đèn pin mới tìm ra nó. Một thiết bị truyền âm có kích cỡ tương tự nằm dưới ve áo khoác. Âm thanh được truyền dẫn qua sóng siêu cao tần UHF, rất khó bắt nếu anh không biết chính xác anh đang tìm

kiếm cái gì, và cũng sẽ đổi tần số nếu bị bắt được. Thiết bị này giúp chúng tôi khỏi phải giao tiếp bằng mắt liên tục và cho phép chúng tôi đi tiếp một lúc nữa nếu mục tiêu dừng lại hoặc đổi hướng. Vì vậy mặc dù ở xa phía sau, tôi vẫn biết Kawamura vừa ở đâu, và tôi có thể tiếp tục đi thêm một lúc nữa trước khi phải dừng lại để giữ vị trí đằng sau y. Theo dõi một mình quả là khó, và tôi thấy mừng vì có Harry đi cùng.

Còn cách Higashimura chừng hai mươi mét, tôi rẽ vào một hiệu thuốc, một trong hàng tá tòa nhà có mặt tiền thoáng rộng nằm trên phố Dogenzaka, phục vụ cho nỗi ám ảnh của người Nhật về những loại thuốc bồi bổ sức khỏe và chống vi rút. Shibuya là nơi sinh sống của nhiều *buzoku** và đại diện của một vài nhóm có mặt ở đây sáng nay, tụ lại chốn này bởi cùng có nhu cầu về một loại nước tăng lực đóng chai phổ biến mà các cửa hàng này chuyên bán, loại nước tăng lực quảng cáo là có nhân sâm và những nguyên liệu ngoại nhập khác nhưng thực chất chỉ chứa một lượng caffeine thông thường. Chờ đợi trước quầy tính tiền là vài *sarariman** mặc com lê màu xám, khuôn mặt cau lại, những cái ca táp rẻ tiền đựng đưa bên dưới những đôi bàn tay mệt mỏi, tiếp năng lượng cho một ngày đơn điệu nhằm chán nữa trong cái bụng của cỗ máy công việc. Đằng sau họ là hai thiếu nữ có khuôn mặt vô hồn, tóc vàng xạc xơ như miếng giẻ sắt vì những loại thuốc nhuộm biến nó thành màu cam, mũi đeo những cái khuyên to quá cỡ, trang phục như muốn tuyên bố sự cự tuyệt với con đường truyền thống mà những *sarariman* trước mặt đã chọn, nhưng cũng chẳng khiến người khác hiểu được chúng đã chọn cái gì. Và một ông tóc bạc đã nghỉ hưu, da dẻ nhăn nheo nhưng khuôn mặt tươi tỉnh lạ thường, có lẽ đến Shibuya để sử dụng một trong những dịch vụ tình dục nổi tiếng của khu vực này bằng khoản lương hưu giấu giếm vợ, không nhận ra rằng bà ta thừa biết ông đang làm trò gì và đơn giản là không thèm quan tâm.

Tôi muốn cho Kawamura khoảng ba phút để mua hoa quả trước khi tôi ra ngoài, vì vậy tôi đến xem một bộ băng cứu thương nằm ở chỗ tôi có thể nhìn ra ngoài đường. Cái cách y lẩn vào trong cửa hàng giống như một hành động có tính toán nhằm làm lộ mặt kẻ theo dõi, và tôi không thích thế. Nếu chúng tôi không phối hợp với nhau như thế này, Harry sẽ phải dừng lại đột ngột để duy trì vị trí đằng sau mục tiêu. Cậu ta có thể sẽ phải làm một việc kì cục gì đó, như là cột dây giày hoặc dừng lại để đọc một tấm biển chỉ đường, và Kawamura, có lẽ đang nhòm ra qua lối vào của cửa hàng, có thể sẽ phát hiện ra cậu ta. Thay vào đó, tôi biết Harry sẽ tiếp tục đi qua cửa hàng hoa quả; dừng lại cách đó khoảng hai mươi mét, báo cho tôi biết vị trí của mình, và bám theo sau sau khi tôi nói “cuộc diễu hành” lại được tiếp tục.

Cửa hàng hoa quả là một địa điểm tốt để rẽ vào, được lắm - với một người quen thuộc con đường này, việc chọn nó hẳn không phải là tình cờ. Nhưng Harry và tôi sẽ không bị lộ vì những nước đi a-ma-tơ từ cuốn sách dạy chống khủng bố vỡ lòng của chính phủ. Tôi đã từng được huấn luyện như thế, vì vậy tôi biết nó thế nào.

Tôi ra khỏi hiệu thuốc và tiếp tục đi xuôi theo Dogenzaka, chậm hơn trước vì phải cho Kawamura thời gian để ra khỏi cửa hàng. Những ý nghĩ chớp nhoáng lướt nhanh qua tâm trí tôi: Số người đi giữa chúng tôi có đủ để che khuất tầm nhìn của y nếu y ngoảnh lại khi bước ra ngoài không? Tôi đang đi qua những cửa hàng nào phòng khi tôi cần lẩn vào đột ngột? Có ai quan sát những người đang tiến về phía nhà ga trên con đường này để giúp Kawamura nhận ra mình bị theo dõi không? Nếu tôi đã lọt vào tầm ngắm của một đội chống theo dõi thì lúc này họ có thể để ý đến tôi, bởi vì lúc trước tôi còn đang vội vàng để theo kịp mục tiêu, mà bây giờ lại nhấn nha dạo bước, trong khi những người trên đường đi làm không thay đổi nhịp độ như thế. Nhưng Harry là người theo sát, nên dễ bị nghi ngờ hơn, và tôi chưa làm gì để khuấy động sự chú ý trước khi dừng lại ở hiệu thuốc.

Tôi lại nghe tiếng Harry: “Tôi đang ở 1-0-9.” Có nghĩa là cậu ta đã rẽ vào thương xá 109, nổi tiếng vì 109 nhà hàng và cửa hàng thời thượng.

“Không ổn,” tôi nói với cậu ta. “Tầng một là nơi bán đồ lót. Cậu định trà trộn vào năm mươi con nhóc mặc đồng phục kiểu thủy thủ màu xanh để chọn những cái áo lót có độn hả?”

“Tôi định đợi bên ngoài,” cậu ta đáp, và tôi có thể hình dung ra khuôn mặt đỏ lựng của cậu ta.

Mặt tiền của thương xá 109 là một địa điểm gặp gỡ nổi tiếng, ở đó luôn có rất đông khách bộ hành với nhiều thứ tiếng khác nhau.

“Xin lỗi, tôi tưởng cậu định vào cửa hàng đồ lót,” tôi nói, nén cười. “Cứ ở yên đấy và đợi tín hiệu của tôi khi chúng tôi đi ngang qua.”

“Vâng.”

Chỉ còn mười mét nữa là đến cửa hàng hoa quả, mà vẫn chưa thấy bóng dáng Kawamura đâu. Tôi sẽ phải đi chậm lại. Tôi đang ở bên kia đường, nằm ngoài phạm vi Kawamura có thể để ý đến, vì vậy tôi có thể dừng lại, làm trò gì đó với cái điện thoại di động. Tuy nhiên, nếu nhìn, y sẽ để ý thấy tôi đứng đó, mặc dù, với những nét đặc trưng của người Nhật thừa hưởng từ cha, tôi trà trộn vào đám đông không khó khăn gì. Harry, tên thân mật của Haruyoshi, có bố mẹ đều là người Nhật, chưa bao giờ phải lo rằng mình bị để ý giữa những người khác.

Khi tôi trở về Tokyo vào đầu thập niên tám mươi, mái tóc nâu được thừa hưởng từ mẹ gây bất lợi cho tôi tựa như cái áo dạ quang gây bất lợi cho một tay thợ săn, và tôi phải nhuộm tóc đen để tạo cho mình cái vẻ ngoài bình thường đang bảo vệ tôi lúc này. Nhưng mấy năm nay, đất nước này đang phát cuồng vì *chappatsu*, hay tóc nhuộm màu trà, và tôi không còn phải quá thận trọng với chuyện nhuộm tóc nữa. Tôi muốn nói với Harry rằng cậu ta sẽ phải đi nhuộm *chappatsu* nếu cậu ta muốn hòa nhập với số đông, nhưng Harry hoàn toàn là một

otaku, một kẻ lập dị, nên sẽ chẳng đoái hoài đến những vấn đề như ngoại hình cá nhân. Mà dù sao, tôi nghĩ cậu ta cũng chẳng phải làm gì nhiều: một nụ cười vụng về trông như đang đề phòng một cú đánh, thói nháy mắt liên tục khi phấn khích, khuôn mặt chưa hề mất đi nét bụ bẫm được tôn thêm bởi mớ tóc đen dày bù xù mà trong những ngày tệ nhất, nó gần như lơ lửng bồng bềnh bên trên khuôn mặt cậu ta. Chính những nét khiến cậu ta chẳng bao giờ được lên trang bìa tạp chí ấy lại mang đến sự kín đáo, giúp công việc theo dõi có hiệu quả.

Tôi đã bước tới nơi tôi chắc chắn sẽ phải dừng lại thì Kawamura bước ra từ cửa hàng hoa quả và lại hòa vào dòng người. Tôi bước chậm hết mức có thể để gia tăng khoảng cách giữa chúng tôi, quan sát đầu y nhấp nhô khi di chuyển trên đường. Y thuộc loại cao so với một người Nhật và điều đó thật có ích, nhưng y đang mặc một bộ com lê sẫm màu như chín mươi phần trăm những người khác trong đám đông này - dĩ nhiên bao gồm cả Harry và tôi, vì vậy tôi không thể để mình tụt lại quá xa.

Tôi vừa tạo được khoảng cách thích hợp thì y dừng bước và ngoảnh lại, châm một điếu thuốc. Tôi vẫn tiếp tục bước chậm chậm đằng sau, ở phía bên phải của nhóm người giữa chúng tôi, biết rằng y sẽ không thể phát hiện ra tôi trong đám đông. Tôi tập trung nhìn vào những lưng áo trước mặt, như là một người đi làm vào buổi sáng với tâm trạng chán chường. Một thoáng sau, y quay đi và bước tiếp.

Tôi cho phép mình khẽ nở một nụ cười thỏa mãn. Người Nhật không dừng lại để châm thuốc; nếu họ làm vậy, họ sẽ mất hàng tuần trong cuộc đời trưởng thành. Cũng không có lí do gì, như một cơn gió ngược thổi mạnh chực làm tắt diêm, để y phải quay lại và ngoảnh mặt về phía đám đông đằng sau. Nỗ lực theo dõi ngược rành rành của Kawamura lại càng khẳng định tội lỗi của y.

Tội lỗi gì thì tôi không biết, và tôi cũng không bao giờ hỏi. Tôi chỉ nhấn mạnh vài câu hỏi. Mục tiêu có phải là đàn ông không? Tôi không làm hại phụ nữ hay trẻ em. Anh có thuê ai nữa để giải quyết vụ

này không? Tôi không muốn công việc của mình bị ngáng trở bởi một đội dự bị nào đó, và nếu anh thuê tôi, thì tôi là duy nhất. Mục tiêu có phải là đối tượng chính không? Tôi giải quyết vấn đề một cách trực tiếp, như một người lính, chứ không phải bằng cách gửi thông điệp qua bên thứ ba không liên quan, như bọn khủng bố. Những mối bận tâm đằng sau câu hỏi cuối cùng là lí do vì sao tôi muốn nhìn thấy bằng chứng của tội lỗi: nó xác nhận rằng mục tiêu thực sự là đối tượng chính chứ không phải một người vô tội.

Mười tám năm qua, đã hai lần tôi ngừng ra tay vì thiếu cái bằng chứng đó. Lần thứ nhất là khi tôi được thuê xử anh trai của một biên tập viên, người đang cho đăng những bài báo nói về vấn nạn tham nhũng trong khu vực do một chính trị gia phụ trách. Lần thứ hai là cha của một nhà cải tổ ngân hàng, người quá nhiệt huyết với việc điều tra về quy mô và bản chất của các khoản nợ xấu trong cơ quan của ông ta. Tôi sẵn sàng ra tay trực tiếp với biên tập viên và nhà cải tổ đó, nếu tôi được thuê, nhưng rõ ràng những khách hàng nói trên có lí do để theo đuổi một lộ trình vòng vèo hơn, trong đó có cả việc lừa dối tôi. Họ không còn là khách hàng nữa, dĩ nhiên. Hoàn toàn không.

Tôi không phải một tên lính đánh thuê, mặc dù trước kia tôi từng là thế. Và mặc dù trong chừng mực nào đó, tôi sống một cuộc đời phục vụ người khác, nhưng tôi cũng không còn là một samurai. Đặc trưng của một samurai không chỉ là sự phục vụ, mà còn là sự trung thành với ông chủ, với một lí tưởng lớn lao hơn chính bản thân anh ta. Cái lòng trung thành ấy đã từng có thời cháy hừng hực trong tôi, khi mà, với tinh thần võ sĩ đạo ngấm từ những cuốn tiểu thuyết và truyện tranh hảo huyền ở Nhật hồi còn nhỏ, tôi đã sẵn sàng chết để phục vụ ông chủ của tôi, nước Mỹ. Nhưng thứ tình yêu mù quáng và không được đền đáp như thế chẳng bao giờ kéo dài được, và thường đi tới một kết thúc đầy bi kịch, như tình yêu của tôi. Giờ tôi là người thực tế.

Khi đến tòa nhà 109, tôi nói, “Đang qua.” Không phải vào trong ve áo hay thứ gì ngớ ngẩn như vậy. Những thiết bị truyền âm đủ nhạy

để anh không cần phải làm động tác nào tự lật tẩy mình trước một đội quân chống theo dõi lão luyện. Không phải là đang có một đội quân như thế ở ngoài kia, nhưng ta luôn phải lường trước những gì tồi tệ nhất. Harry sẽ biết tôi đang đi qua chỗ cậu ta và một lát sau sẽ đi theo.

Thật ra, sự phổ biến của điện thoại di động có tai nghe khiến loại công việc này dễ dàng hơn trước nhiều. Trước đây, người nào vừa đi bộ một mình vừa lẩm nhẩm thì hoặc anh ta bị điên, hoặc anh ta là một điệp viên hay người của cơ quan an ninh. Ngày nay, lúc nào ta cũng thấy loại hành vi này trong thế hệ *keitai*, hay điện thoại di động, của Nhật.

Đèn giao thông cuối phố Dogenzaka đang có màu đỏ, và đám đông ùn lại khi chúng tôi tiến tới ngã năm trước mặt nhà ga. Những tấm biển hiệu neon chói mắt và những màn hình video khổng lồ lóe sáng điên cuồng trên những tòa nhà xung quanh. Một chiếc xe tải chạy đầu về số khi ì ạch băng qua giao lộ, nặng nề như một chiếc sà lan trên dòng sông đầy bùn, những chiếc loa của nó om sòm phát những bài ca yêu nước hữu khuynh bị xuyên tạc, trong giây lát nhận chìm tiếng chuông mà những người đi xe đạp đang nhấn để cảnh báo những người đi bộ tránh đường. Một người bán hàng rong lách xe hàng qua đám đông, mồ hôi chảy tràn hai bên mặt, mùi cá hấp và cơm nóng bay theo chuyển động lắt léo của anh ta. Một người đàn ông vô gia cư không rõ tuổi, có lẽ là một *sarariman* bị mất việc làm và nhà cửa khi bong bóng kinh tế vỡ vào cuối những năm tám mươi, đang tựa vào một cái chân cột đèn để ngủ, mặc kệ sự huyên náo xung quanh ông ta nhờ rượu hoặc nỗi thất vọng.

Giao lộ Dogenzaka lúc nào cũng như thế này bất kể ngày đêm, và vào giờ cao điểm, khi đèn giao thông chuyển sang màu xanh, hơn ba trăm người cùng lúc bước khỏi vỉa hè, với hai mươi lăm nghìn người khác chờ đợi trong sự chen chúc chật chội. Từ đây, người ta sẽ phải đi trong cảnh vai chèn vai, ngực kề lưng. Bây giờ tôi sẽ theo sát Kawamura, nhưng không quá năm mét, nghĩa là giữa chúng tôi sẽ có

khoảng hai trăm người ngăn cách. Tôi biết y có vé tháng và sẽ không cần tới chỗ máy bán vé tự động. Harry và tôi đã mua vé trước vì vậy chúng tôi có thể đi theo y qua cửa soát vé luôn. Cũng không sợ nhân viên nhà ga sẽ để ý này nọ. Vào giờ cao điểm, họ gần như bị tê liệt bởi đám đông; anh có thể đưa ra bất cứ thứ gì, một cái thẻ bóng chày chẳng hạn, và thân nhiên đi qua.

Đèn giao thông đổi màu, những đám đông cuốn vào nhau như cảnh giao chiến trong một sử thi thời trung cổ. Một chiếc radar vô hình, mà tôi tin là chỉ những cư dân Tokyo mới có, ngăn chặn những va đụng ở giữa phố. Tôi quan sát Kawamura khi y băng chéo qua đường để đi về phía nhà ga, và khéo léo đi theo y. Có năm người giữa chúng tôi khi đi qua quầy soát vé. Lúc này tôi phải bám sát y. Nơi này sẽ trở nên hỗn độn khi tàu vào ga: năm nghìn người đổ ra, năm nghìn người đứng thành mười lăm hàng chờ đợi để lên tàu, ai cũng gắng giành được vị trí tốt. Những người nước ngoài nào nghĩ rằng Nhật Bản là một xã hội lịch sự chắc hẳn chưa bao giờ đi tàu Yamanote* vào giờ cao điểm.

Dòng sông người tràn lên các bậc thang và sân ga, những âm thanh và mùi của nhà ga dường như khuấy động thêm cảm giác hồi hả trong đám đông. Chúng tôi đang bơi ngược dòng với những người vừa mới xuống tàu, và khi chúng tôi tới sân ga, những cánh cửa đang đóng lại, kẹp vào những cái túi và một cái khuỷu tay thò ra lạc lõng. Lúc chúng tôi đi qua ki ốt ở khoảng giữa sân ga, toa cuối cùng đã băng qua và một lát sau nó biến mất. Chuyển tàu tiếp theo sẽ tới trong hai phút nữa.

Kawamura lê bước đến giữa sân ga. Tôi vẫn ở sau y nhưng không đi theo nữa, để tránh bị y phát hiện. Y đang nhìn quanh quất sân ga, nhưng cho dù trước đó y đã thấy tôi hay Harry, việc trông thấy chúng tôi đợi tàu sẽ không làm y lo lắng. Một nửa số người đang đợi cũng vừa mới đi trên phố Dogenzaka.

Tôi nghe thấy con tàu đang rầm rập lao tới lúc Harry đi ngang qua tôi như một chiến đấu cơ bay sát qua một đài không lưu, cái gạt đầu nhẹ hết mức của cậu ta ngụ ý rằng phần việc còn lại là của tôi. Tôi đã nói rằng chỉ cần cậu ta giúp đỡ cho đến khi Kawamura lên tàu, nhiệm vụ của cậu ta luôn dừng lại ở đây như trong những lần theo dõi trước. Harry đã làm tốt công việc quen thuộc là giúp tôi đến gần mục tiêu, và, theo kịch bản của chúng tôi, bây giờ cậu ta sẽ biến khỏi hiện trường. Tôi sẽ liên lạc với cậu ta sau, khi đã hoàn thành nốt những phần việc của mình.

Harry tưởng tôi là một thám tử tư và tất cả những gì tôi làm là theo dõi những người này để thu thập thông tin. Để cậu ta không thấy tỉ lệ tử vong cao đến đáng ngờ ở những đối tượng chúng tôi theo dõi, tôi thường để cậu ta theo dõi những người tôi chẳng chút quan tâm, dĩ nhiên những người này sau đó sẽ tiếp tục sống hạnh phúc và vô tư, và điều đó tạo cho tôi chút vỏ bọc. Ngoài ra, khi nào có thể, tôi tránh cho Harry biết tên đối tượng để giảm thiểu khả năng cậu ta tình cờ gặp quá nhiều cáo phó trùng hợp. Tuy nhiên, một vài đối tượng của chúng tôi có thói quen chết vào cuối buổi theo dõi, và tôi biết Harry cũng tò mò. Tới giờ này cậu ta vẫn chưa hỏi gì, đó là một điều tốt. Tôi thích Harry là một món tài sản đáng giá và không muốn cậu ta trở thành một thứ của nợ.

Tôi tiến tới sát đằng sau Kawamura, chỉ như một người cố gắng kiếm được một vị trí tốt để lên tàu. Đây là phần tinh vi nhất của công việc. Nếu tôi làm hỏng, y sẽ phát hiện ra tôi và tôi sẽ khó mà tiếp cận y lần nữa.

Bàn tay phải của tôi thọc vào trong túi quần và chạm vào một miếng nam châm được điều khiển bằng vi mạch xử lí, có kích cỡ và trọng lượng khoảng chừng một đồng hai lăm xu. Một mặt nam châm được phủ lớp vải sợi len xe màu xanh dương, giống chất vải của bộ com lê Kawamura đang mặc. Nếu cần, tôi có thể lột lớp màu xanh để

lộ ra một lớp màu xám, một màu sắc khác mà Kawamura yêu thích. Trên mặt bên kia của miếng nam châm là một lớp keo chưa được bóc.

Tôi lấy miếng nam châm ra khỏi túi và giấu nó khỏi bị để ý bằng cách nắm trong lòng bàn tay. Tôi sẽ phải đợi đến thời điểm thích hợp, khi sự chú ý của Kawamura bị phân tán. Chỉ cần một chút sao lãng là đủ. Có lẽ là khi chúng tôi lên tàu. Tôi bóc lớp giấy sáp phủ trên lớp keo và nhét nó vào túi quần bên trái.

Con tàu hiện ra cuối sân ga và lao âm âm về phía chúng tôi. Kawamura lấy điện thoại di động từ túi áo ngực ra. Bắt đầu bấm số.

Được rồi, làm thôi. Tôi đi sượt qua người y, gắn miếng nam châm vào áo khoác com lê của y, ngay bên dưới xương bả vai trái, và bước tiếp vài bước.

Kawamura chỉ nói chuyện điện thoại trong vài giây, quá khê đến mức tôi không nghe được gì trước tiếng phanh rít của con tàu đang từ từ dừng lại trước mặt, rồi y thả điện thoại vào túi áo ngực trái. Không biết y vừa gọi cho ai. Chẳng quan trọng. Còn hai ga nữa, cùng lắm là ba, và mọi chuyện sẽ kết thúc.

Con tàu dừng lại và những cánh cửa mở ra, tuôn trào một dòng sông người. Khi những người xuống tàu chỉ còn lại lác đác, những hàng người chờ đợi hai bên cửa lao lên và ùa vào bên trong, như thể ai đó đã bấm vào nút đảo ngược trên một cái máy hút bụi khổng lồ. Mọi người cứ chen nhau lên tàu bất chấp những lời cảnh báo rằng “Cửa đang đóng”, và lượng người trên tàu ngày càng đông hơn cho đến khi tất cả đều bị kẹt cứng tại chỗ, không cần bám vào những cái móc trên đầu vì chẳng còn chỗ nào mà ngã. Cửa đóng lại, toa tàu tròng trành tiến về phía trước, và chúng tôi lên đường.

Tôi thở ra chậm chậm và lúc lắc đầu, nghe tiếng xương cổ kêu răng rắc, cảm thấy chút căng thẳng còn sót lại tan biến khi sắp đi tới những khoảnh khắc cuối cùng. Với tôi luôn là như vậy. Hồi còn nhỏ, tôi từng sống gần một thị trấn có một hệ thống hẻm núi cắt qua, và từ một số hẻm núi đó ta có thể nhảy từ trên vách đá xuống những cái hố

bơi sâu hoắm bên dưới. Anh có thể thấy những đũa lớn hơn làm thế suốt - từ dưới nhìn lên trông cũng không xa lắm. Tuy nhiên, lần đầu tiên trèo lên đỉnh và nhìn xuống, tôi không thể tin nổi là mình lại đứng cao như thế, và tôi cứng người lại. Nhưng những đũa trẻ khác đang nhìn. Và ngay lúc đó, tôi biết dù sợ tới mức nào, dù chuyện gì có thể xảy ra, tôi vẫn sẽ nhảy, và bản năng đã dập tắt nhận thức của tôi về mọi thứ, ngoại trừ cái hành động đơn giản và mang tính cơ bắp là chạy về phía trước. Tôi không có cảm giác hay nhận thức về bất cứ tương lai nào ngoài việc cất những bước chạy mau lẹ đó. Tôi nhớ là đã nghĩ rằng dù mình có chết thì cũng chẳng sao cả.

Kawamura đang đứng trước cửa ở một đầu toa, cách chỗ tôi khoảng một mét, bàn tay phải của y đang nắm một trong những cái thanh ngang trên đầu. Lúc này tôi cần ở gần y.

Tôi đã được dặn rằng cái chết phải có vẻ tự nhiên: đó là sở trường của tôi, và là lí do khiến những dịch vụ của tôi luôn được nhiều người ưa chuộng. Harry đã lấy được hồ sơ y tế của Kawamura từ bệnh viện quốc tế Jikei, nhờ đó tôi biết y mắc một chứng bệnh gọi là nghẽn tim hoàn toàn và phải sống nhờ một thiết bị điều hòa nhịp tim được gắn năm năm trước.

Tôi xoay người để lưng hướng về phía cửa - một sự vi phạm nhỏ nhỏ phép tắc đi tàu tối thiểu của Tokyo, nhưng tôi không muốn một người biết tiếng Anh nào thấy được những chỉ dẫn sẽ xuất hiện trên màn hình chiếc PDA* mà tôi đang cầm. Tôi đã tải một chương trình kiểm tra tim mạch về máy, loại mà bác sĩ sử dụng để điều chỉnh thiết bị điều hòa nhịp tim của bệnh nhân. Và tôi đã trang bị để chiếc PDA gửi được các mệnh lệnh bằng tia hồng ngoại đến miếng nam châm điều khiển. Sự khác biệt duy nhất giữa đồ nghề của tôi và của một bác sĩ chuyên khoa tim mạch là đồ của tôi nhỏ xíu và không dây. Và tôi không tuyên thệ lời thề Hippocrates.

Chiếc PDA đã được bật sẵn và để ở trạng thái “ngủ”, vì thế nó hoạt động ngay lập tức. Tôi liếc xuống màn hình. Nó đang hiện lên dòng chữ “các thông số hoạt động”. Tôi nhấn phím “Enter” và màn hình thay đổi, cho tôi chọn giữa “kiểm tra ngưỡng kích thích” và “kiểm tra ngưỡng nhận cảm”. Tôi chọn cái đầu tiên và được đưa ra một loạt thông số: tốc độ, độ rộng xung, biên độ. Tôi chọn “tốc độ” và nhanh chóng chỉnh thiết bị điều hòa nhịp tim tới giới hạn tốc độ thấp nhất của nó là bốn mươi nhịp một phút, sau đó quay lại màn hình lúc trước và chọn “độ rộng xung”. Màn hình chỉ ra rằng thiết bị điều hòa nhịp tim được thiết lập để phát ra dòng điện trong khoảng thời gian là 0.48 phần nghìn giây. Tôi giảm độ rộng xung xuống hết mức có thể, sau đó chuyển sang “biên độ”. Đơn vị này đang được đặt ở mức 8.5 vôn, và tôi bắt đầu hạ nó xuống nửa vôn một. Khi tôi đã hạ được hai vôn, màn hình hiện lên dòng chữ, “Bạn đã hạ hai vôn đơn vị biên độ. Bạn có chắc là bạn muốn tiếp tục hạ đơn vị biên độ không?” Tôi nhấn “Có” và tiếp tục, lặp lại quy trình đó mỗi lần hạ được hai vôn nữa.

Khi tàu vào ga Yoyogi, Kawamura bước xuống. Y định xuống ở đây sao? Như vậy sẽ thật rắc rối: tia hồng ngoại của thiết bị này có phạm vi phủ sóng hạn chế, và việc vừa điều khiển nó vừa theo sát y sẽ là một thử thách khó khăn. *Chết tiệt, chỉ một vài giây nữa thôi*, tôi nghĩ, định theo y ra ngoài. Nhưng y chỉ đang nhường chỗ cho những người ở đằng sau xuống tàu, và dừng lại bên ngoài cửa. Khi những hành khách xuống ga Yoyogi đã xuống hết, y lại leo lên, theo sát phía sau là vài người đã đợi ở sân ga. Cửa đóng lại, và con tàu tiếp tục di chuyển.

Khi chỉ còn hai vôn, màn hình cảnh báo rằng tôi đang tới gần những giá trị đầu ra tối thiểu và nếu giảm đầu ra hơn nữa sẽ gây nguy hiểm. Tôi chẳng thèm đếm xỉa đến lời cảnh báo và hạ đơn vị đó xuống nửa vôn nữa, vừa làm vừa liếc nhìn Kawamura. Y không thay đổi tư thế.

Khi tôi hạ đơn vị đó xuống còn một vôn và cố giảm hơn nữa, màn hình hiện lên dòng chữ, “Lệnh của bạn sẽ đặt đơn vị này ở giá trị đầu ra tối thiểu. Bạn có chắc là muốn nhập lệnh này?” Tôi nhấn “Có”. Nó nhắc tôi một lần nữa: “Bạn đã đặt đơn vị này ở giá trị đầu ra tối thiểu. Xin hãy xác nhận.” Một lần nữa tôi lại nhấn “Có”. Trì hoãn trong giây lát, rồi màn hình bắt đầu hiện lên những dòng chữ in đậm: Giá trị đầu ra không thể chấp nhận được. Giá trị đầu ra không thể chấp nhận được.

Tôi đóng nắp, nhưng không tắt chiếc PDA. Nó sẽ tự khởi động lại. Có khả năng chuỗi động tác vừa rồi không có kết quả ngay, và tôi muốn có thể thử lại lần nữa nếu cần.

Nhưng tôi không phải làm vậy. Khi tàu vào ga Shinjuku và dừng lại với một cú giật mạnh, Kawamura ngã nhào vào người phụ nữ bên cạnh y. Cửa mở ra và những hành khách khác ùa xuống, nhưng Kawamura vẫn ở lại, bàn tay phải tóm chặt một thanh cột bên cạnh cửa và tay trái siết chặt túi hoa quả, những hành khách khác xô qua người y. Tôi nhìn y xoay người ngược chiều kim đồng hồ cho đến khi lưng chạm vào bức tường bên cạnh cửa. Miệng y há hốc; trông có vẻ hơi kinh ngạc. Sau đó, dần dần, khá nhẹ nhàng, y tuột người xuống sàn. Tôi thấy một trong những hành khách lên tàu ở ga Yoyogi cúi xuống giúp y. Người đàn ông đó, một người phương Tây trên bốn mươi tuổi, cao và gầy đến mức khiến tôi nghĩ đến một cây lao, phảng phất vẻ quý phái với cặp kính không gọng, lắc vai Kawamura, nhưng Kawamura không còn biết gì về những nỗ lực giúp đỡ của người lạ đó.

“*Daijoubu desu ka**?” Tôi hỏi, bàn tay trái luồn xuống lưng Kawamura, dò dẫm tìm miếng nam châm. Tôi dùng tiếng Nhật vì có thể người phương Tây này sẽ không hiểu tôi nói gì và sự tiếp xúc giữa chúng tôi sẽ được giữ ở mức tối thiểu.

“*Wakanarai**,” người lạ thì thào. Gã vỗ vào hai bên má đang ngày càng tím tái của Kawamura và lắc y lần nữa - hơi thô bạo, tôi

nghĩ vậy. Vậy là gã có nói được một chút tiếng Nhật. Không sao. Tôi bấu vào mép miếng nam châm và bóc nó ra. Kawamura đã xong.

Tôi bước qua họ, đi xuống sân ga và những hành khách đang đợi lập tức tràn lên tàu sau lưng tôi. Liếc nhìn qua cửa sổ gần cửa nhất khi bước qua đó, tôi ngạc nhiên khi thấy người lạ đang lục túi Kawamura. Ý nghĩ đầu tiên của tôi là Kawamura đang bị ăn trộm. Tôi tiến lại gần cửa sổ để nhìn cho rõ hơn, nhưng đám đông hành khách ngày càng lớn dần đã che khuất tầm nhìn của tôi.

Thôi thúc quay trở lên tàu nảy sinh trong tôi, nhưng đó sẽ là một việc xuẩn ngốc. Dù sao đi nữa, đã quá muộn rồi. Những cánh cửa đang đóng lại. Tôi thấy chúng tiến sát vào nhau và chẹt vào một thứ gì đó, có lẽ là một cái túi xách hay một bàn chân. Chúng khẽ mở ra rồi lại đóng vào. Đó là một quả táo, rơi xuống đường ray khi con tàu chuyển bánh.

2

TỪ SHINJUKU, tôi bắt tuyến tàu điện ngầm Maranouchi đến Ogikubo, cực tây của thành phố và nằm ngoài nội đô Tokyo. Tôi muốn thực hiện LPT* cuối cùng trước khi liên lạc với khách hàng để báo cáo kết quả vụ Kawamura, và đi về phía tây là đi ngược chiều với những chuyến tàu cao điểm đang đổ về trung tâm thành phố, giúp cho việc làm của tôi dễ dàng hơn.

Chính cái tên LPT đã thể hiện đầy đủ bản chất của nó: một lộ trình được vạch ra để buộc bất cứ kẻ nào đang theo dõi anh phải lộ diện. Harry và tôi dĩ nhiên đã đề phòng hết mức trên đường tới Shibuya và theo dõi Kawamura trong buổi sáng hôm đó nhưng tôi không bao giờ cho rằng vì lúc trước tôi an toàn nên bây giờ tôi vẫn an toàn. Ở Shinjuku, các đám đông quá dày đặc đến nỗi có thể có tới mười kẻ đi theo anh và anh không bao giờ phát hiện được một ai trong số chúng. Ngược lại, bí mật theo dõi một người ngang qua một sân ga dài vắng vẻ với nhiều lối vào và lối ra là điều gần như không thể thực hiện, và hành trình đến Ogikubo đem lại cho tôi sự an tâm mà tôi cần.

Trước kia, khi một nhân viên tình báo muốn liên lạc với một điệp viên nằm vùng nhưng không thể gặp mặt vì sợ bị lộ, họ phải sử dụng một hòm thư bí mật. Điệp viên nằm vùng sẽ thả tấm vi phim vào một hốc cây, hoặc giấu nó trong một cuốn sách ít người biết đến trong thư viện công cộng, và sau đó, nhân viên tình báo sẽ đến lấy nó. Anh sẽ không bao giờ trông thấy hai người họ ở cùng một nơi vào cùng một thời điểm.

Nhờ Internet, việc liên lạc sẽ dễ dàng và an toàn hơn. Khách hàng đăng tải một thông điệp đã được mã hóa trên một Bulfinch, tương đương với một hốc cây. Tôi tải nó xuống từ một cái điện thoại không đăng kí và giải mã nó vào lúc thuận tiện. Và ngược lại.

Thông điệp khá đơn giản. Một cái tên, một bức ảnh, địa chỉ liên lạc nhà riêng và chỗ làm. Số tài khoản ngân hàng, những hướng dẫn chuyển tiền. Một lời nhắc nhở về ba điều cấm kị của tôi: không phụ nữ hay trẻ em, không hại những người không liên quan, không được thuê thêm ai khác để giải quyết vấn đề sắp tới. Điện thoại chỉ được dùng khi công việc đã êm xuôi, đó là lí do cho chuyến đi vòng vèo của tôi đến Ogikubo.

Tôi dùng một cái điện thoại công cộng trên sân ga để gọi cho đầu mối liên lạc của tôi trong Đảng Dân chủ Tự do - một kẻ tôi tớ của LDP mà tôi chỉ biết đến với cái tên Benny, có thể là tên gọi tắt của Benihana hay đại loại thế. Tiếng Anh của Benny khá trôi chảy, vì vậy tôi biết hẳn từng ở nước ngoài. Hẳn thích dùng tiếng Anh với tôi, có lẽ vì nó có một âm điệu mạnh mẽ hơn trong vài hoàn cảnh và Benny thích chứng tỏ mình là một gã cứng rắn. Có lẽ hẳn học cách nói ấy từ những bộ phim gangster của Hollywood.

Chúng tôi chưa bao giờ gặp mặt, dĩ nhiên, nhưng chỉ cần nói chuyện với Benny qua điện thoại cũng đủ để tôi nảy sinh một mối ác cảm với hẳn. Tôi hình dung ra hẳn như một kẻ ăn không ngồi rồi của chính phủ, một kẻ sẽ cố gắng giải quyết vấn đề cân nặng bằng cách chạy bộ tuần ba lần với tốc độ mười phút một dặm trên máy chạy bộ trong một phòng tập lắp gương mạ crom đất đỏ, nơi không khí dịu mát phả ra từ máy điều hòa nhiệt độ và những âm thanh êm ả phát ra từ tivi sẽ ngăn chặn bất cứ cảm giác khó chịu không mong muốn nào. Hẳn sẽ chi bao tay cho những món đồ như gel vuốt tóc hàng hiệu vì dầu sao những thứ nhỏ nhỏ đó cũng chỉ tốn vài đô, và sẽ tiết kiệm tiền bằng cách mặc những chiếc áo sơ mi và cà vạt không cần là với những nhãn mác đề “Lựa Italy chính cống!” mà hẳn đã lựa chọn cẩn thận

trong một chuyến đi nước ngoài từ một thùng đựng đồ hạ giá ở một cửa hàng bách hóa nào đó, tự lấy làm sung sướng vì đã kiếm được những món đồ có chất lượng tốt với cái giá hời như thế. Hắn sẽ phô trương vài món xa xỉ của phương Tây như một cây bút máy Montblanc, đó là những món bùa hộ thân để trấn an hắn rằng hắn là kẻ biết cách hội nhập với thế giới hơn những kẻ ra lệnh cho hắn. Phải, tôi thừa hiểu gã này. Hắn là một kẻ thừa lệnh thấp hèn, một tên trung gian, một gã liên lạc chưa bao giờ để bàn tay dính chàm trong đời, một kẻ không thể phân biệt được sự khác nhau giữa một nụ cười chân thật và những nụ cười đả bôi của mấy ả tiếp viên bòn rút tiền của hắn nhờ một li rượu whiskey Scotland Suntory pha loãng trong khi hắn làm họ phát chán với những lời ám chỉ về Những Việc Quan Trọng mà hắn đang tham gia nhưng dĩ nhiên không thể kể rõ.

Sau vài câu mật khẩu vô thưởng vô phạt đã được thống nhất trước để đảm bảo rằng chúng tôi không phải đang nói chuyện với một kẻ giả mạo, tôi bảo hắn, “Đã xong.”

“Tốt,” hắn nói theo cái lối cộc lốc, ra vẻ một tay dữ dằn. “Có vấn đề gì không?”

“Không có gì đáng kể,” tôi đáp sau một thoáng ngừng, nghĩ về gã trên tàu hỏa.

“Không có gì à? Anh chắc chứ?”

Tôi biết cứ nhùng nhằng thế này thì sẽ chẳng được lợi lộc gì. Tốt nhất là không nói gì cả, và tôi làm đúng như vậy.

“Được rồi,” hắn nói, phá vỡ sự im lặng. “Anh biết là anh có thể đòi hỏi tôi bất cứ thứ gì anh cần. Bất cứ thứ gì, hiểu chứ?”

Benny cố gắng đối xử với tôi như một điệp viên. Có lần hắn còn đòi gặp mặt trực tiếp. Tôi đã bảo hắn rằng nếu chúng tôi gặp mặt trực tiếp, tôi sẽ giết hắn, vì vậy có lẽ chúng tôi nên bỏ qua việc đó. Hắn cười xòa, nhưng chúng tôi chưa bao giờ thực hiện cuộc gặp ấy.

“Tôi chỉ cần một thứ,” tôi nói, ám chỉ đến tiền.

“Ngày mai, như mọi lần.”

“Tốt.” Tôi gác máy, tự động chui ống nghe và phím bấm để phòng họ lần theo dấu cuộc gọi và cử người đến in dấu vân tay. Nếu họ có quyền tra cứu các hồ sơ quân sự thời chiến tranh Việt Nam, và tôi cho rằng họ có thể làm thế, thì họ sẽ phát hiện ra tôi là John Rain, và tôi không muốn họ biết rằng người mà họ đã quen biết hơn hai mươi năm trước, khi tôi lần đầu tiên quay lại Nhật Bản, lại chính là cái kẻ bí ẩn hiện đang làm việc cho họ.

Đợt đó tôi làm việc với CIA, một công việc có được từ những mối quen biết hồi tôi còn ở Việt Nam, đảm bảo rằng “các quỹ hỗ trợ” của Cục sẽ đến với đúng các đối tượng trong đảng cầm quyền, ngày ấy cũng là LDP. Cục đang tiến hành một chương trình hỗ trợ bí mật cho các phần tử chính trị bảo thủ, một phần trong những chính sách chống cộng của chính phủ Mỹ và sự mở rộng tự nhiên của những mối quan hệ đã phát triển trong suốt thời kì chiếm đóng sau chiến tranh, và LDP sẵn sàng đóng vai trò của mình để đổi lấy tiền mặt.

Tôi thực chất chỉ là một kẻ trung chuyên tiền, nhưng tôi có quan hệ tốt với một trong những đối tượng nhận viện trợ của chú Sam*, tên là Miyamoto. Một đồng nghiệp của Miyamoto, ám ức vì chỉ được nhận một phần tiền mà hăn cho là quá ít ỏi, đã đe dọa vạch trần mọi chuyện nếu hăn không được chia chác thêm. Miyamoto nổi điên; trước đây gã đồng nghiệp ấy từng dùng thủ đoạn này và đã đạt được mục đích. Bây giờ hăn lại được voi đòi tiên. Miyamoto đã hỏi liệu tôi có thể xử lí gã này không, với giá 50.000 đô, “không hỏi han gì”.

Lời đề nghị ấy hấp dẫn tôi, nhưng tôi muốn đảm bảo rằng mình được an toàn. Tôi trả lời Miyamoto rằng bản thân tôi không thể làm gì cả, nhưng tôi có thể giới thiệu gã với một người có thể giúp gã.

Người đó trở thành con người thứ hai của tôi, và theo thời gian, tôi dần dần xóa bỏ những dấu vết của John Rain thật. Tôi không còn dùng tên thật hoặc bất cứ thứ gì liên quan đến nó, và đã phẫu thuật để trở nên hoàn toàn giống người Nhật. Tôi cũng để tóc dài hơn, khác hăn

kiểu đầu đinh mà hồi đó tôi ưa thích. Và cặp kính có gọng bằng kim loại mỏng, một sự nhượng bộ với tuổi tác và những hệ quả của nó, tạo cho tôi vẻ trí thức hoàn toàn không giống với diện mạo của một chiến binh sôi sục trong quá khứ. Ngày nay tôi giống một học giả người Nhật hơn là một tên lính lai. Trong hơn hai mươi năm qua tôi đã không gặp một người quen nào của thời làm nghề trung chuyển tiền, và cẩn thận tránh xa Cục Tình báo. Sau những gì họ đã đối xử với tôi và Jake Khùng ở Bù Đốp, tôi hoàn toàn sẵn lòng tống cổ họ ra khỏi cuộc đời tôi.

Miyamoto đã giới thiệu tôi với Benny, người giống Miyamoto làm việc với những người có vấn đề trong LDP, những vấn đề mà tôi có thể giải quyết. Tôi làm việc cho cả hai người họ trong một thời gian, nhưng Miyamoto đã nghỉ hưu khoảng mười năm trước và không lâu sau đó thì chết một cách yên bình trên giường ngủ. Từ đó Benny là khách hàng thân thiết nhất của tôi. Mỗi năm tôi thực hiện ba hoặc bốn phi vụ cho hắn và bất cứ ai trong LDP mà hắn đứng ra thay mặt, với số tiền tương ứng khoảng 100 nghìn đô la mỗi lần. Nghe thì có vẻ nhiều, tôi biết, nhưng còn phải trừ đi chi phí hoạt động: các thiết bị, vài chỗ ở khác nhau, một công ty tư vấn thật nhưng liên tục ngốn tiền cung cấp cho tôi các bản kê khai thuế hàng năm và những phương tiện khác đảm bảo tính hợp pháp cho tôi.

Benny. Tôi tự hỏi liệu gã có biết gì về chuyện xảy ra trên tàu không. Hình ảnh người lạ lục lọi túi của Kawamura đang ngã quy làm tôi khó chịu như một hạt ngũ cốc nhỏ bị mắc trong răng, và tôi liên tục nghĩ về nó, hi vọng hiểu được điều gì. Một sự trùng hợp chẳng? Có lẽ gã đó đang tìm kiếm giấy tờ tùy thân. Đó không phải là cách trợ giúp hiệu quả nhất đối với một người đang trở nên tím tái vì thiếu oxy, nhưng những người thiếu kinh nghiệm thường không hành động sáng suốt khi bị căng thẳng, và ai chẳng luống cuống khi lần đầu tiên nhìn thấy một người đang chết ngay trước mặt mình chứ. Hoặc có thể gã là người quen của Kawamura, có mặt trên tàu để trao đổi gì đó với y. Có

lẽ đó là sự sắp xếp của họ, một sự trao đổi nhanh chóng trên một chuyến tàu đông đúc. Kawamura gọi điện cho đối tác từ Shibuya ngay trước khi lên tàu, nói rằng, “Tôi ở toa thứ ba từ dưới lên, hiện đang rời nhà ga,” và đối tác của y biết phải lên toa nào khi con tàu vào ga Yoyogi. Có lẽ là vậy.

Thật ra, những trùng hợp nho nhỏ vẫn thường xuyên xảy ra trong nghề của tôi. Chúng bắt đầu một cách tự động khi anh trở thành một kẻ nghiên cứu hành vi con người - khi anh theo dõi một người bình thường trải qua một ngày bình thường, lắng nghe những cuộc trò chuyện, nhận biết các thói quen của anh ta. Những thứ mà anh cho là đường thẳng khi nhìn từ một khoảng cách xa có thể đứt đoạn và mang dáng vẻ kì quái khi sẫm soi thật kĩ, như những sợi xơ vải được quan sát dưới một chiếc kính hiển vi.

Một vài mục tiêu của tôi có những mối quan hệ mờ ám, và yếu tố trùng hợp đặc biệt cao. Tôi từng theo dõi những đối tượng tình cờ lại đang nằm trong diện giám sát của cảnh sát: đó là một trong những lí do khiến những kĩ năng theo dõi ngược của tôi phải hoàn toàn tinh vi. Các ả nhân tình là chuyện thường gặp, đôi khi có cả vợ bé con rơi. Một đối tượng mà tôi đang chuẩn bị xóa sổ khi theo dõi y dọc trên sân ga tàu điện ngầm từng khiến tôi kinh ngạc hết mức khi lao mình vào đầu tàu, miễn cho tôi khỏi phải ra tay. Khách hàng đã rất hài lòng, và sửng sốt trước việc tôi có thể làm cho nó trông y như một vụ tự tử trên một sân ga đông người.

Tuy nhiên, tôi có cảm giác Benny biết điều gì đó, và cảm giác đó khiến tôi khó mà gạt đi sự trùng hợp nho nhỏ này. Nếu tôi có một cách nào đó để xác minh rằng hãn đã phá vỡ một trong ba quy tắc của tôi bằng cách thuê thêm một ai khác trong vụ Kawamura, tôi sẽ tìm hãn tính sổ và hãn sẽ phải trả giá. Nhưng tôi chẳng có cách nào để khẳng định điều đó. Tôi sẽ phải gạt nó sang một bên, dán cho nó cái nhãn “chờ xử lí” để giúp mình thấy thoải mái hơn.

Tiền được chuyển tới tôi vào ngày hôm sau, như Benny đã hứa, và chín ngày tiếp theo trôi qua trong êm đềm.

Vào ngày thứ mười, tôi nhận được một cuộc gọi từ Harry. Cậu ta bảo với tôi rằng bạn tôi, Koichiro, sẽ có mặt ở Galerie Coupe Chou ở Shinjuku vào tám giờ thứ ba với vài người bạn, tôi nên ghé qua nếu có thời gian. Tôi bảo cậu ta điều đó thật là tuyệt và sẽ cố gắng tới đó. Tôi biết mình phải đếm ngược lại năm hàng trong mục nhà hàng của *Những trang vàng thành phố Tokyo*, xác định địa điểm gặp gỡ của chúng tôi là ở Las Chicas, và trừ đi năm ngày và năm tiếng đồng hồ.

Tôi thích gặp gỡ ở Las Chicas vì hầu hết mọi người đều tới đây từ đường Aoyama, khiến cho những người đi từ hướng ngược lại trở thành những đối tượng để quan sát, và trước khi vào đến cửa thì người ta buộc phải làm lộ mình bằng cách đi ngang qua một sân hiên nhỏ. Nơi này được vây quanh bởi những con ngõ lắt léo tỏa ra một tá hướng khác nhau, không có lấy một điểm yết hầu nào để ai đó có thể cầm chốt và chờ đợi. Tôi biết rõ những con ngõ ấy, vì tôi buộc mình phải nắm được sơ đồ của bất cứ khu vực nào mà tôi hay lui tới. Tôi tự tin rằng bất cứ một kẻ không mong muốn nào cũng sẽ khó mà tiếp cận tôi ở đó.

Đồ ăn và không khí ở đây cũng thật tuyệt. Cả thực đơn và con người đều thể hiện sự hợp nhất giữa Đông và Tây: cơm jeera Ấn Độ và sô cô la Bỉ, một người đẹp châu Á tóc đen có gò má cao đứng cạnh một cô gái tóc vàng đến từ những vịnh hẹp ở Bắc Âu, một tập hợp nhiều thứ tiếng và ngữ giọng. Không hiểu sao Las Chicas lúc nào cũng giữ được vẻ thời thượng nhưng không hề đánh mất bản sắc của mình.

Tôi đến sớm hơn hai tiếng và chờ đợi, nhâm nhi một trong những loại trà sữa Ấn Độ* đã đem lại tiếng tăm cho nhà hàng. Anh không bao giờ muốn là người đến cuối cùng trong một cuộc hẹn. Như thế thật bất lịch sự. Và khiến anh khó mà ra về trước.

Gần ba giờ, tôi thấy Harry xuất hiện trên phố. Cậu ta không nhìn thấy tôi cho đến khi vào trong.

“Lúc nào anh cũng ngồi quay lưng vào tường nhỉ,” cậu ta nói, bước tới.

“Tôi thích ngắm cảnh,” tôi trả lời thản nhiên. Hầu hết mọi người chẳng để ý gì đến những chuyện này, nhưng tôi đã dạy cậu ta đó là điều cần chú ý khi bước vào một nơi nào đó. Những người ngồi quay lưng ra cửa là những người bình thường; còn những ai ngồi ở những vị trí chiến lược có thể là những tay cáo già hoặc đã từng được huấn luyện, những kẻ có thể đáng chú ý hơn một chút.

Tôi gặp Harry lần đầu khoảng năm năm trước ở Roppongi, nơi cậu ta dính vào một vụ rắc rối với vài tay lính thủy đánh bộ Mỹ đang say xỉn trong một quán bar, chỗ tôi tình cờ có mặt để giết thời gian trước một cuộc hẹn. Harry có vẻ ngoài khá lập dị: đôi khi quần áo của cậu ta chẳng vừa vặn chút nào như thể cậu ta đã ăn cắp chúng từ một dây phơi quần áo nào đó, và cậu ta có thói quen nhìn chăm chăm một cách vô thức vào bất cứ thứ gì thu hút mình. Chính cái nhìn đó đã gây sự chú ý với đám lính thủy đánh bộ Mỹ và một tên trong bọn đã lớn tiếng đe dọa cầm cặp kính dày cộp của Harry vào cái mông Nhật Bản của cậu nếu cậu không tìm chỗ khác mà nhìn. Harry lập tức tuân theo, nhưng dấu hiệu yếu đuối hiển nhiên này chỉ càng khuyến khích bọn lính. Khi chúng theo Harry ra ngoài, và tôi nhận thấy cậu ta thậm chí không để ý chuyện gì sẽ xảy ra, tôi cũng đi theo họ. Tôi không ưa gì bọn côn đồ - một di chứng từ thời thơ ấu.

Cuối cùng, đám lính phải giải quyết với tôi thay vì Harry, và kết quả không như chúng đã định. Harry rất cảm kích.

Hóa ra cậu ta có vài kỹ năng hữu ích. Cậu ta sinh ra ở Mỹ trong một gia đình có bố mẹ là người Nhật và lớn lên như một đứa trẻ song ngữ, mỗi mùa hè lại về ở với ông bà ở ngoại ô Tokyo. Cậu ta học đại học và cao học ở Mỹ, kiếm được tấm bằng trong lĩnh vực toán học ứng dụng và mật mã. Ở trường cao học, cậu ta dính vào rắc rối khi

xâm nhập trái phép các tài liệu của trường mà một vị giáo sư chuyên ngành mật mã đã khoát lác là không ai có thể xâm nhập được. Ngoài ra còn có vài chuyện không vui với FBI, khi họ truy ra rằng Harry chính là thủ phạm thực hiện các vụ thăm dò Cơ quan Tiết kiệm và Vay nợ quốc gia và các tổ chức tài chính khác. Vài nhân vật cấp cao trong Cơ quan An ninh Quốc gia Mỹ biết được trò đùa tinh nghịch này và đã sắp xếp cho Harry làm việc ở Fort Meade, đổi lại họ sẽ gột rửa cái “thành tích” tấn công máy tính đang ngày một dày thêm trong hồ sơ lí lịch của cậu ta.

Harry làm việc cho NSA trong vài năm, giúp họ thâm nhập vào hệ thống máy tính được bảo mật của các tập đoàn và chính phủ khắp nơi trên thế giới, và trong thời gian đó cậu ta đã học được những trò ma thuật về máy tính ám muội nhất của NSA. Cậu ta quay lại Nhật Bản vào giữa thập niên chín mươi, đảm nhiệm công việc tư vấn an ninh máy tính cho một hãng tư vấn toàn cầu lớn. Dĩ nhiên họ đã kiểm tra kĩ lưỡng lai lịch của cậu ta, nhưng hồ sơ lí lịch trong sạch cùng ma lực của tờ giấy chứng nhận cho phép sử dụng thông tin tối mật của NSA đã khiến công ty mới của cậu ta lơ là điều căn bản nhất về chàng trai trạc ba mươi tuổi có vẻ ngoài trẻ con và nhút nhát mà họ vừa thuê.

Đó là, Harry là một tin tặc từ trong xương tủy. Cậu ta đã chán làm việc ở NSA bởi vì, dù công việc có những thử thách kĩ thuật, nhưng nó hoàn toàn được chính phủ chấp thuận. Ngược lại, ở vị trí mới của cậu ta, có những điều lệ, những nội quy mà cậu ta buộc phải tuân theo. Harry không bao giờ bảo mật một hệ thống mà không để lại “cửa hậu” để cậu ta có thể sử dụng bất cứ khi nào nổi hứng. Cậu ta xâm nhập chính những tài liệu của công ty để khám phá điểm yếu của các khách hàng, và sau đó lợi dụng chúng. Harry có những kĩ năng của một thợ khóa và trái tim của một tên trộm.

Từ khi gặp nhau, tôi đã dạy cậu ta những ngón nghề tương đối sạch sẽ của mình. Vốn là một kẻ lạng lổng nên cậu ta hoàn toàn tôn

sùng việc tôi kết thân và giúp đỡ cậu ta, và kết quả là cậu ta trở nên cảm mến tôi. Lòng trung thành sau đó thật sự hữu ích.

“Có chuyện gì thế?” Tôi hỏi sau khi cậu ta đã ngồi xuống.

“Có hai chuyện. Một chuyện tôi nghĩ là anh sẽ biết; chuyện còn lại, tôi không chắc.”

“Tôi nghe đây.”

“Đầu tiên, có vẻ Kawamura đã bị truy tìm chết vào buổi sáng chúng ta theo dõi y.”

Tôi nhấp một ngụm trà sữa. “Tôi biết. Nó xảy ra ngay trước mắt tôi trên tàu hỏa. Quỷ tha ma bắt.”

Phải chăng cậu ta đang quan sát gương mặt tôi kĩ hơn bình thường? “Tôi thấy cáo phó của y trên tờ *Daily Yomiuri*” cậu ta nói. “Con gái của y đăng nó lên. Đám tang diễn ra hôm qua.”

“Còn trẻ như cậu mà cũng đọc các cáo phó sao, Harry?” Tôi hỏi, nhìn cậu ta qua mép tách trà.

Cậu ta nhún vai. “Tôi đọc tất tần tật mọi thứ, anh biết mà. Anh trả tôi tiền để làm những việc như thế.”

Đúng vậy. Harry biết hết mọi sự kiện đang diễn ra xung quanh mình, và có năng khiếu nhận ra những khuôn mẫu từ sự hỗn độn.

“Chuyện thứ hai là gì?”

“Trong lúc đám tang diễn ra, có kẻ đã đột nhập vào căn hộ của y. Tôi cho rằng đó có thể là anh, nhưng vẫn muốn kể với anh phòng khi không phải như vậy.”

Tôi vẫn giữ vẻ bình thản. “Làm sao cậu biết chuyện đó?” Tôi hỏi.

Cậu ta lấy ra một mảnh giấy gấp từ trong túi quần và đẩy nó về phía tôi. “Tôi đã xâm nhập báo cáo của Keisatsucho.” Keisatsucho là Cục Cảnh sát Quốc gia Nhật Bản, FBI của Nhật Bản.

“Chúa ơi, Harry, còn chỗ nào mà cậu không thể xâm nhập được đây? Không thể tin nổi.”

Cậu ta thấy tay như thế điều đó chẳng là gì cả. “Đây chỉ là Sosa, bộ phận điều tra. An ninh của họ tệ hại không tưởng tượng nổi.”

Tôi cảm thấy không cần phải nói với cậu ta rằng tôi đồng ý với đánh giá của cậu ta về an ninh của Sosa - thật ra tôi là một độc giả háo hức với những tài liệu của họ trong nhiều năm nay.

Tôi mở mảnh giấy và bắt đầu đọc lướt qua nội dung của nó. Thứ đầu tiên tôi chú ý là tên của người đã chuẩn bị bản báo cáo này: Ishikura Tatsuhiko. Tatsu. Không hiểu sao tôi chẳng thấy ngạc nhiên.

Tôi biết Tatsu từ hồi còn ở Việt Nam, hồi đó anh ta công tác ở Ban Điều tra và An ninh công cộng Nhật Bản, một trong những tiền thân của Keisatsucho. Bị những hạn chế đặt ra cho quân đội bởi Điều khoản 9 của Hiến pháp thời hậu chiến gây khó dễ và không thể làm gì hơn ngoài việc cử đến một vài người để “nghe và học hỏi”, chính phủ đã cử Tatsu đến Việt Nam trong sáu tháng để lập sơ đồ về các tuyến đường viện trợ của KGB* cho Việt Cộng. Vì tôi nói tiếng Nhật, nên tôi được giao nhiệm vụ giúp đỡ anh ta.

Tatsu thấp và có vóc người mập mập kiểu sẽ phát tướng theo thời gian, và khuôn mặt hiền lành che giấu cho một tính cách dữ dội bên trong - tính cách dữ dội ấy được tiết lộ bởi thói quen hất đầu và ưỡn ngực ra đằng trước như thể anh ta đang bị níu giữ bởi một sợi dây vô hình. Anh ta nản chí với nước Nhật trung lập thời hậu chiến, và ngưỡng mộ con đường chiến binh mà tôi đã chọn. Về phần tôi, tôi bị hấp dẫn bởi nỗi buồn sâu kín ẩn chứa trong đôi mắt anh ta, nỗi buồn ấy, lạ lùng thay, càng trở nên rõ rệt hơn mỗi khi anh ta cười, đặc biệt là những lúc cười hết cỡ. Anh ta ít khi nói về gia đình, về hai đứa con gái nhỏ ở Nhật, nhưng khi kể về họ, niềm tự hào của anh ta hiển hiện thấy rõ. Nhiều năm sau, tôi được biết thông qua một người quen chung rằng anh ta còn có một đứa con trai nữa, đứa con út, nó đã chết trong hoàn cảnh mà Tatsu không bao giờ kể, và tôi hiểu ra vẻ buồn bã của anh ta bắt nguồn từ đâu.

Khi tôi quay lại Nhật Bản, thi thoảng chúng tôi lại gặp nhau, nhưng tôi đã tự tách mình ra xa kể từ lúc dính dáng đến Miyamoto và sau đó là Benny. Tôi đã không gặp Tatsu từ sau khi thay đổi ngoại hình và chuyển sang hoạt động trong bóng tối.

Đó là một điều may, bởi vì qua các báo cáo mà tôi xâm nhập được, tôi biết Tatsu có một giả thuyết ưa thích: LDP có một sát thủ ăn lương. Vào cuối những năm tám mươi, Tatsu bắt đầu tin rằng quá nhiều nhân chứng quan trọng trong những vụ án tham nhũng, quá nhiều nhà cải tổ tài chính, quá nhiều người trẻ tuổi tham gia vận động chống lại hiện trạng chính trị đang bị chết vì “những nguyên nhân tự nhiên”. Theo đánh giá của anh ta, ở đây có một khuôn mẫu chung, và anh ta mô tả sơ lược về hình bóng mờ ảo ở trung tâm của nó là một kẻ có những kỹ năng rất giống của tôi.

Các đồng nghiệp của Tatsu nghĩ hình bóng anh ta trông thấy chỉ là một bóng ma trong trí tưởng tượng của anh ta, và cái quyết tâm dai dẳng điều tra một âm mưu tội ác mà những người khác quả quyết là một ảo ảnh đã không đem lại điều gì giúp anh ta thăng tiến. Tuy nhiên, sự ngoan cố ấy lại bảo vệ anh ta khỏi những thế lực mà anh ta muốn đe dọa, bởi vì không kẻ nào mong làm tăng sức thuyết phục cho những giả thuyết đó bằng cách gây ra cho anh ta một cái chết đột ngột do những nguyên nhân tự nhiên. Trái lại: Tôi cho rằng nhiều kẻ thù của Tatsu hi vọng anh ta sẽ sống một cuộc sống lâu dài và yên ổn. Tôi cũng biết thái độ này sẽ thay đổi ngay lập tức nếu Tatsu đến quá gần sự thật.

Cho đến nay thì chưa. Nhưng tôi chẳng lạ gì Tatsu. Ở Việt Nam, anh ta đã hiểu những nguyên tắc cơ bản của công tác phản gián vào thời điểm mà ngay cả những nhân vật chớp bu của CIA cũng không thể lập một sơ đồ đơn giản về một đơn vị Việt Cộng tiêu biểu. Anh ta đã phát triển các chiến lược hành động bất chấp cái phạm vi “chỉ nghe và học hỏi” của mình. Anh ta đã từ chối cuộc sống nhàn hạ của một tùy viên bình thường là viết các bản báo cáo từ trong biệt thự, thay vào

đó khăng khăng hoạt động trên chiến trường. Các cấp trên kinh hoàng trước năng lực của Tatsu, anh ta đã từng cay đắng kể với tôi như vậy bên số lượng đáng kể những chai rượu sake, và họ cố tình lờ đi những tin tức tình báo mà anh ta đệ trình. Cuối cùng thì sự kiên trì và lòng can đảm của anh ta cũng bị uổng phí. Tôi mong anh ta có thể rút ra được bài học từ kinh nghiệm quá khứ.

Nhưng tôi cho rằng đó là điều không tưởng. Tatsu là một samurai thực thụ, và anh ta sẽ tiếp tục phục vụ ông chủ của mình, cho dù ông chủ đó có phớt lờ hoặc thậm chí lợi dụng anh ta bao nhiêu lần chăng nữa. Phục vụ tận tụy là mục đích cao cả nhất đối với anh ta.

Quả là bất thường khi Keisatsucho điều tra về một vụ đột nhập đơn giản. Hẳn là ở cái chết của Kawamura, và điều y đang làm trước khi chết, có gì đó thu hút sự chú ý của Tatsu. Đây sẽ không phải là lần đầu tiên tôi cảm thấy ông bạn chiến hữu cũ quan sát tôi như thể qua tấm gương một chiều, nhìn thấy một hình bóng đằng sau tấm gương nhưng không biết là ai, và tôi thấy mừng vì đã quyết định cắt đứt liên lạc với anh ta nhiều năm trước.

“Anh không cần phải nói với tôi liệu anh có biết chuyện này không,” Harry nói, cắt ngang suy nghĩ của tôi. “Tôi biết các quy tắc mà.”

Tôi cân nhắc xem nên tiết lộ chừng nào. Nếu tôi muốn tìm hiểu nhiều hơn, những kĩ năng của cậu ta sẽ có ích. Tuy nhiên, tôi không thích cậu ta lại gần hơn bản chất thật trong công việc của tôi. Cậu ta đã ở gần tới mức khó chịu rồi. Tên của Tatsu trong bản báo cáo đó chẳng hạn. Tôi phải giả định rằng Harry sẽ lần theo nó như một đường dẫn trên Internet, gõ vào những giả thuyết của Tatsu, và cảm nhận được một mối liên hệ với tôi. Dĩ nhiên, đó khó có thể được coi là một bằng chứng hoàn toàn thuyết phục, nhưng giữa họ với nhau, Harry và Tatsu sẽ có một số mảnh ghép quan trọng để tìm ra sự thật.

Ngồi trong quán Las Chicas, nhâm nhi tách trà sữa, tôi phải thừa nhận rằng Harry có thể trở thành một rắc rối. Nhận thức đó làm lòng

tôi chùng xuống. *Chúa ơi, tôi nghĩ, mà đang trở nên đa cảm đấy.*

Có lẽ đã đến lúc để thoát ra khỏi chuyện quái quỷ này. Có lẽ lần này thực sự phải làm thế thôi.

“Tôi chẳng biết gì cả,” một lát sau, tôi nói. “Đây là một trường hợp bất thường.” Tôi thấy kể với cậu ta về người lạ trên tàu cũng không có gì nguy hại, và lập tức làm thế.

“Nếu chúng ta đang ở New York, tôi sẽ nói với anh đó là một kẻ móc túi,” cậu ta nói khi tôi kể xong.

“Ban đầu tôi cũng nghĩ như vậy. Nhưng móc túi sẽ là một lựa chọn nghề nghiệp tồi đối với một gã da trắng ở Tokyo. Cậu cần phải trà trộn.”

“Hay đó là một kẻ cơ hội?”

Tôi lắc đầu. “Không có quá nhiều người trơ tráo và máu lạnh như vậy. Tôi không nghĩ một kẻ như thế tình cờ đứng cạnh Kawamura sáng hôm đó. Tôi nghĩ gã đó là một người quen của Kawamura, có mặt trên tàu để trao đổi một thứ gì đó với y.”

“Theo anh thì tại sao Keisatsucho lại điều tra về một vụ đột nhập đơn giản vào một căn hộ ở Tokyo?” Cậu ta hỏi.

“Tôi không biết,” tôi nói, mặc dù sự tham gia của Tatsu khiến tôi ngạc nhiên. “Có lẽ do địa vị của Kawamura trong chính phủ, cái chết mới rồi của ông ta, thứ gì đó tương tự như thế. Tôi sẽ dựa vào cái giả thuyết ấy.”

Cậu ta nhìn tôi. “Anh đang đề nghị tôi điều tra đấy à?”

Đáng lẽ tôi nên bỏ qua chuyện này. Nhưng tôi đã từng bị lợi dụng. Cảm giác điều đó lại xảy ra lần nữa sẽ khiến tôi mất ngủ. Phải chăng Benny đã thuê thêm một kẻ dự bị trong vụ Kawamura? Tôi cho rằng tôi nên để Harry cung cấp ít manh mối.

“Dù gì thì cậu cũng sẽ làm điều đó, đúng không?” Tôi hỏi.

Cậu ta nháy mắt. “Tôi cho rằng tôi sẽ không thể kiềm chế nổi.”

“Vậy thì hãy tìm hiểu đi. Hãy thông báo cho tôi nếu cậu tìm được thêm điều gì. Và nhớ cảnh giác đấy, thiên tài ạ. Đừng bất cẩn.”

Lời cảnh báo đó là dành cho cả hai chúng tôi.

3

DẶN DÒ HARRY cảnh giác khiến tôi nghĩ về Jimmy Calhoun, bạn thân của tôi hồi học trung học, trước khi cậu ta trở thành Jake Khùng.

Jimmy và tôi cùng gia nhập quân đội khi chúng tôi mới mười bảy tuổi. Tôi nhớ nhà tuyển dụng đã nói với chúng tôi rằng chúng tôi cần có sự cho phép của cha mẹ. “Có nhìn thấy người phụ nữ ngoài kia không?” Ông ta đã hỏi chúng tôi. “Hãy đưa cho bà ta hai mươi đô, hỏi xem bà ta có thể kí thay mẹ các cậu không.” Bà ta đã đồng ý. Sau đó, tôi nhận ra bà ta kiếm sống bằng cách này.

Jimmy và tôi đã gặp nhau, có thể nói như vậy, qua em gái của cậu ta, Deirdre. Cô ấy là một đóa hồng Ireland xinh đẹp có mái tóc đen nhánh, và là một trong số ít người đối xử tử tế với đứa trẻ lạc lõng, vụng về là tôi khi ấy ở Dryden. Một thằng ngớ ngẩn nào đó đã mách với Jimmy rằng tôi thích cô ấy, dĩ nhiên đó là sự thật, và Jimmy quyết định rằng cậu ta không thích một gã mắt một mí tán tỉnh em gái mình. Cậu ta đô con hơn tôi, nhưng tôi đã đánh cậu ta đến mức nằm bẹp gi một chỗ. Sau đó, cậu ta quay sang khâm phục tôi, và trở thành trợ thủ đắc lực của tôi trong những cuộc chiến với bọn đầu gấu ở Dryden, và là người bạn thực sự đầu tiên của tôi. Deirdre và tôi bắt đầu hẹn hò, và đáng thương thay cho bất cứ kẻ nào quấy rầy Jimmy về chuyện đó.

Tôi dặn Deirdre trước khi chúng tôi ra đi rằng tôi sẽ lấy cô ấy khi chúng tôi trở về. Cô ấy nói sẽ chờ tôi. “Anh hãy trông nom Jimmy, nhé?” Cô ấy bảo tôi. “Anh ấy luôn thích chứng tỏ mình.”

Jimmy và tôi đã nói với nhà tuyển dụng rằng chúng tôi muốn ở cùng một đơn vị, và ông ta nói sẽ sắp xếp việc đó. Tôi không biết liệu nhà tuyển dụng có nhúng tay vào không, trên thực tế có lẽ ông ta chỉ

nói đăi bồi thế thôi, nhưng chúng tôi đã được như ý. Jimmy và tôi cùng tập huấn trong Lực lượng Đặc biệt ở Fort Bragg*, sau đó được phân về cùng một đơn vị, trong một chương trình hợp tác chung giữa quân đội và CIA có tên là Nhóm Nghiên cứu và Quan sát, hay SOG. Cái tên Nghiên cứu và Quan sát chỉ là một trò hề, một nỗ lực ngớ ngẩn của chính quyền để tạo cho tổ chức này một vỏ bọc tránh thu hút sự chú ý. Theo cách này, anh có thể đặt tên cho một con chó sục là Ếo Lả.

Nhiệm vụ của SOG là bí mật do thám và phá hoại vào Campuchia và Lào, đôi khi cả miền Bắc Việt Nam. Các đội quân bao gồm các LRRP*, một từ viết tắt để gọi những người chuyên tuần tra do thám sâu trong lòng đối phương. Ba người Mỹ và chín binh sĩ Toán Dân sự Phòng vệ Không chính quy, hay Xít-gi*. Các Xít-gi thường là lính đánh thuê người Khmer được CIA tuyển lựa, đôi khi là người Thượng. Mỗi lần sẽ có ba người đi vào rừng rậm trong một, hai, ba tuần, sống tách biệt với thế giới bên ngoài, không liên lạc gì với MACV, Bộ Chỉ huy Viện trợ Quân sự Mỹ tại Việt Nam.

Chúng tôi là những kẻ tinh nhuệ nhất trong số những kẻ tinh nhuệ, nhỏ và cơ động, len lỏi như những hồn ma lặng lẽ qua khu rừng rậm. Tất cả những bộ phận chuyển động của vũ khí đều được cột lại để giảm âm. Chúng tôi hoạt động về đêm nhiều đến nỗi có thể nhìn được trong bóng tối. Chúng tôi thậm chí không thoa thuốc diệt côn trùng bởi vì Việt Cộng có thể ngửi thấy. Chúng tôi đã nghiêm túc như vậy đó.

Chúng tôi đang hoạt động ở Campuchia lúc Nixon công khai cam kết tôn trọng thái độ trung lập của Campuchia. Nếu các hoạt động của chúng tôi bị lộ, Nixon sẽ phải thừa nhận rằng ông ta đã nói dối không chỉ công chúng, mà còn cả Quốc hội nữa. Vì vậy các hoạt động của chúng tôi không chỉ bí mật, mà còn bị phủ nhận thẳng thừng, từ trên xuống dưới. Với vài nhiệm vụ, chúng tôi phải di chuyển trần truồng,

không được mang theo một món vũ khí hay trang thiết bị nào khác của quân đội Mỹ. Những lần khác chúng tôi thậm chí không nhận được hỗ trợ từ trên không vì sợ rằng phi công sẽ bị bắn hạ và bắt giữ. Khi chúng tôi mất đi một người, gia đình anh ta sẽ nhận được một bức điện tín nói rằng anh ta đã bị giết ở “phía tây Đắk Tô” hoặc “gần biên giới” hay một dòng mơ hồ nào đó tương tự như thế.

Chúng tôi khởi đầu một cách thuận lợi. Trước khi đi, chúng tôi nói về những gì sẽ làm và sẽ không làm. Chúng tôi đã nghe các câu chuyện. Ai cũng biết về vụ Mỹ Lai. Chúng tôi sẽ giữ sự điềm tĩnh, chuyên nghiệp. Hay đúng ra là sự ngây thơ của chúng tôi. Tôi gần như bật cười, khi bây giờ nghĩ về nó.

Jimmy bắt đầu được biết đến với cái tên “Jake Khùng” vì cậu ta đã ngủ giữa trận hỏa lực đầu tiên của chúng tôi. Những tràng đạn lửa lao về phía chúng tôi từ bên kia rừng cây, mọi người ngồi chồm hổm sát mặt đất, bắn trả vào những người mà chúng tôi thậm chí không thể nhìn thấy, và trận chiến diễn ra hàng tiếng đồng hồ bởi vì chúng tôi không thể kêu gọi hỗ trợ từ trên không vì vị trí bất hợp pháp của mình. Jimmy nói “mẹ kiếp” giữa trận chiến và lăn ra đánh một giấc. Mọi người đều bị ấn tượng. Trong lúc họ nói, “Cậu thật điên khùng, anh bạn, cậu thật điên khùng,” thì Jimmy nói, “Ôi dào, tôi biết mọi chuyện sẽ ổn mà.” Vậy là sau đó cậu ta trở thành Jake Khùng*. Ngoài hai chúng tôi, tôi không nghĩ có ai đó biết tên thật của cậu ta.

Jimmy không chỉ hành động điên rồ; ngoại hình của cậu ta cũng dị hợm không kém. Một vụ tai nạn xe máy hồi niên thiếu suýt chút nữa đã khiến cậu ta mất một mắt. Các bác sĩ đã lắp nó trở lại thành công, nhưng không thể làm cho nó cân đối với con mắt lành, vì vậy lúc nào Jimmy cũng như đang nhìn thứ gì đó bên cạnh trong khi cậu ta nói chuyện. “Nhìn được mọi hướng,” cậu ta thường nói, với một nụ cười, khi bắt gặp ai đó đang lén liếc trộm nó.

Jimmy khá hòa đồng ở trường học nhưng trở nên trầm lặng khi sang Việt Nam, cậu ta luyện tập liên miên, nghiêm túc với công việc. Tuy không phải là một kẻ to lớn, nhưng ai cũng e sợ cậu ta. Có lần, một gã quân cảnh dắt theo một con chó béc giê đã cạ khĩa với Jimmy vì thái độ ương ngạnh ở một quán bar. Jimmy không thèm nhìn gã, như thể gã không có mặt ở đó. Thay vào đó, cậu ta trừng trừng nhìn con chó. Có thứ gì đó diễn ra giữa họ, một thứ chỉ có ở loài động vật, thế rồi con chó rên ư ử và lùi lại. Viên quân cảnh kinh hãi và quyết định một cách khôn ngoan là bỏ qua mọi chuyện, và sự kiện này trở thành một phần của cái huyền thoại đang được dệt nên về Jake Khùng, rằng ngay cả những con chó cảnh vệ cũng e sợ cậu ta.

Nhưng khi ở trong rừng rậm thì không ai hơn được cậu ta. Cậu ta giống như một con thú mà anh có thể trò chuyện cùng. Cậu ta khiến mọi người không thoải mái với con mắt nhìn về mọi hướng cùng sự trầm lặng. Nhưng khi tiếng những chiếc trực thăng gài chúng tôi xuống địa điểm trinh sát lùi xa dần, mọi người đều muốn có cậu ta ở đó.

Những kí ức, đổ xô vào tôi như một tiểu đoàn những tử thi bất ngờ sống dậy.

Khử chúng nghĩa là khử chúng. Num Suyn!.*

Chúng ta không có nơi nào là nhà, John ạ. Sau những gì chúng ta đã làm.

Quên chuyện chết tiệt đó đi, tôi tự nhủ, câu điệp khúc an ủi này thật quen thuộc. Những gì đã làm thì cũng đã làm rồi.

Tôi cần thư giãn, và quyết định đến xem một buổi biểu diễn nhạc jazz ở Câu lạc bộ Alfie. Jazz là chốn nương náu của tôi mỗi khi muốn lánh xa thế giới xô bồ từ hồi tôi mười sáu tuổi và nghe đĩa nhạc Bill Evans* đầu tiên, và một chốn nương náu có vẻ là thứ thích hợp với tôi lúc này.

Alfie là thứ được gọi là *raibu hausu*, hay câu lạc bộ nhạc sống - một câu lạc bộ nhỏ chuyên mời các nhóm tam tấu và tứ tấu đến biểu diễn nhạc jazz và phục vụ cho những người mê nhạc jazz của Tokyo. Alfie quả là một câu lạc bộ jazz đích thực: tối tăm, chật chội, với một cái trần thấp và tình cờ lại có độ vang thật tuyệt vời, chỉ đủ chỗ cho khoảng hai mươi lăm người và chuyên mời những nghệ sĩ trẻ đang bắt đầu được chú ý. Nơi này luôn kín chỗ và anh cần đặt chỗ trước, một sự xa xỉ nho nhỏ mà cuộc sống trong bóng tối của tôi không cho phép. Nhưng tôi quen với bà chủ của Alfie, một bà già béo lùn với những ngón tay nhỏ mập mập và dáng đi lạch bạch mà có lẽ đã từng rất nhanh nhẹn. Bà ta đã qua độ tuổi tán tỉnh nhưng vẫn thả lời ong bướm với tôi, và muốn tôi bôn cọt lại. Alfie sẽ chật như nêm, nhưng nếu Mama muốn xếp chỗ cho một người nữa thì điều đó chẳng thành vấn đề.

Đêm đó tôi đi tàu điện ngầm đến khu Roppongi, nơi Alfie tọa lạc, trên đường đi thực hiện một LPT mức trung bình. Như mọi khi, tôi đợi cho đến khi sân ga vắng bóng người mới bước ra. Không ai đi theo tôi, và tôi bước lên những bậc thang để hòa mình vào buổi tối của Roppongi.

Roppongi là một li cocktail pha trộn những thành phần bản địa và ngoại quốc sặc sỡ nhất của Tokyo, với tình dục và tiền bạc tạo nên hương vị chính cho nó. Ở đó đây rầy những nữ tiếp viên phương Tây đến Nhật với ý nghĩ sẽ trở thành người mẫu nhưng lại thấy mình bị mắc kẹt vào một thứ khác, bán những cuộc trò chuyện lả lơi và thường là còn hơn thế cho những khách hàng *sarariman*, sải bước qua lại trên đường trong những bộ cánh cầu kì, kiểu cách và những đôi giày cao gót tôn thêm chiều cao nổi trội, thái độ kiêu kì nhằm mục đích chứng tỏ thành công và địa vị nhưng thường thể hiện một điều gì đó giống với sự phẫn chí hơn; những cô gái người Nhật kiều diễm, làn da nhuộm nâu, mái tóc dài nhuộm sọc buông xõa ngang lưng như đôi cánh gấp lại của một con chim săn mồi đói khát, đang tìm kiếm những

anh bạn trai giàu có, những người sẵn sàng cho họ những bộ đồ Chanel, những cái túi Vuitton và những món đồ khác mà họ thèm muốn để đổi lấy tình dục hoặc chỉ đơn giản là cơ hội được nhìn thấy đi cùng những “chiến lợi phẩm” như thế ở nơi công cộng; những người nước ngoài da đen bán những chất bị pháp luật kiểm soát không biết là thật hay rởm; những phụ nữ lớn tuổi lơ lửng kéo khuỷu tay của khách qua đường, cố gắng nài ép họ chọn một “bạn đồng hành” từ một quyển album; những người bước đi thật nhanh, như thể đang tới một nơi nào đó quan trọng, hoặc đứng lãnh đạm, như thể đang đợi gặp một người nổi tiếng; tất cả đều đói khát và đang kiếm mồi, một thế giới của những con mồi và những kẻ săn mồi tô điểm kĩ càng.

Alfie nằm bên trái nhà ga, nhưng tôi rẽ phải khi lên đến đường, tính toán rằng tôi sẽ đi vòng ra đằng sau nó. Những tay chèo kéo khách của các hộp đêm đã ủa ra ngoài, vẫy vẫy những tờ rơi trước mặt tôi, cố gắng thu hút sự chú ý. Tôi lờ họ và rẽ phải vào đường Gaienhighashi, ngay trước mặt tiệm cà phê Almond, rồi lại rẽ phải vào một con ngõ dẫn tôi đi song song với đường Roppongi và đưa tôi đến đằng sau Alfie. Một chiếc Ferrari màu đỏ gầm gừ phóng qua, một di vật từ những năm bong bóng, khi những kẻ ưa khoe mẽ đua nhau vờ vét những bức tranh nguyên bản thuộc trường phái Ấn tượng có giá hàng triệu đô la mà chẳng hiểu gì về chúng, và những bất động sản xa xôi như Pebble Beach mà họ chỉ mới nghe tên chứ chưa bao giờ nhìn thấy; khi người ta đồn rằng đất đai dưới lòng Tokyo còn có giá trị hơn cả ở Hoa Kỳ đại lục; khi những người giàu mới phát tổ chức ăn mừng ở những quán bar có nữ tiếp viên phục vụ tại Ginza bằng cách gọi hết chai này đến chai nọ loại sâm banh hảo hạng nhất có giá hàng nghìn đô la, để rồi làm hỏng vị của nó bằng những viên đường và uống nó trong những cái li thủy tinh chân cao dát vàng 14 ca-ra.

Tôi tạt vào bên phải đường và đi thang máy lên tầng năm, quét mắt 180 độ lần cuối trước khi cửa thang máy đóng lại.

Đúng như dự đoán, có một đám đông bên ngoài cánh cửa dán đầy những tấm áp phích của câu lạc bộ, vài tấm còn mới, vài tấm đã bạc màu, quảng cáo cho những màn biểu diễn đã xuất hiện ở đây trong những năm qua. Một gã thanh niên mặc bộ com lê cắt kiểu Âu rẽ tiền với mái tóc vuốt ngược đứng ở cửa và kiểm tra xem mọi người đã đặt chỗ chưa. “*Onamae wa?**” Gã hỏi tôi, khi tôi bước qua đoạn đường ngắn ngủi từ thang máy tới chỗ gã. Tôi nói với gã rằng tôi không đặt chỗ trước, và gã có vẻ khó chịu. Để miễn cho gã khỏi phải nhọc công giải thích rằng tôi sẽ không thể xem buổi biểu diễn, tôi nói tôi là một người bạn lâu năm của Mama và cần gặp bà ấy, gã có thể thông báo với bà ấy được không? Gã gật đầu, bước vào trong, và biến mất đằng sau một tấm rèm. Hai giây sau, Mama bước ra. Điều bộ của bà ta đầy vẻ nghiêm chỉnh, rõ ràng đang chuẩn bị đưa ra một lời xin lỗi cực kì lịch sự nhưng kiên quyết, nhưng khi thấy tôi, đôi mắt bà ta tím lại vì cười.

“*Jun-chan!** *Hisashiburi ne!**” Bà ta chào tôi, tay vuốt lại chiếc váy. Jun là tên thân mật mà Mama gọi tôi thay cho Junichi, tên tiếng Nhật của tôi, phiên ra từ John trong tiếng Anh. Tôi cúi đầu chào bà ta theo nghi thức nhưng vẫn đáp lại nụ cười niềm nở của bà ta. Tôi giải thích rằng tôi chỉ tình cờ đến khu này và chưa kịp đặt chỗ trước. Tôi có thể thấy họ đang đông khách và không muốn làm phiền...

“*Tonde mo nai!**” Bà ta ngắt lời tôi. Bà ta đẩy tôi vào trong, lẻ làng chui vào sau quầy bar, với tay lên giá để lấy chai Caol Ila* mà tôi gửi ở đó xuống. Chộp lấy một cái li, bà ta quay lại chỗ tôi đang đứng và ra hiệu cho tôi ngồi xuống một cái bàn trong góc phòng.

Bà ta ngồi với tôi một lúc, rót rượu cho tôi, và hỏi tôi có đi cùng ai không - tôi không hay đến Alfie một mình. Tôi nói với bà ta rằng hôm nay chỉ có mình tôi, và bà ta mỉm cười. “*Un ga yokatta ne!**” bà

ta nói. Gặp Mama khiến tôi thấy dễ chịu. Tôi đã không tới đây mấy tháng rồi, vậy mà bà ta vẫn biết chính xác chai rượu của tôi được cất ở đâu; bà ta quả thực vẫn có những mảnh lối.

Bàn của tôi nằm gần cái sân khấu nhỏ. Căn phòng tối mờ mờ, nhưng trên trần có một ngọn đèn rọi thẳng vào một chiếc dương cầm và khu vực ngay bên phải nó. Không phải một chỗ ngồi tốt để quan sát lối ra vào, nhưng được cái này thì phải mất cái nọ.

“Tôi nhớ bà, Mama ạ,” tôi nói với bà ta bằng tiếng Nhật, cảm thấy thư thái. “Nói tôi nghe tối nay ai biểu diễn đi.”

Bà ta vỗ vỗ lên tay tôi. “Một nghệ sĩ dương cầm trẻ. Kawamura Midori. Cô ấy sẽ là một ngôi sao sáng, cô ấy sẽ biểu diễn ở Blue Note vào cuối tuần này, nhưng anh có thể khoe là anh đã thấy cô ấy ở Alfie trong những ngày đầu.”

Kawamura là một cái tên thông dụng ở Nhật, và tôi không nghĩ gì về sự trùng hợp này. “Tôi nghĩ tôi đã nghe tên cô ấy, nhưng chưa nghe cô ấy chơi bao giờ. Cô ấy như thế nào?”

“Tuyệt vời - cô ấy chơi như một Thelonious Monk* giặn dữ. Và hoàn toàn chuyên nghiệp, không như vài nghệ sĩ trẻ biểu diễn ở đây. Cha cô ấy mới mất được một tuần rưỡi, thật tội nghiệp, nhưng tối nay cô ấy vẫn giữ đúng cam kết.”

Đó là lúc tôi chú ý đến cái tên cô ấy. “Rất tiếc khi nghe được chuyện đó,” tôi chậm rãi nói. “Chuyện gì đã xảy ra vậy?”

“Bị đau tim vào sáng thứ ba, ngay trên chuyến tàu Yamanote. Cô Kawamura đã nói với tôi đó không phải là một điều bất ngờ cho lắm - bố cô ấy vốn bị bệnh tim. Chúng ta phải quý trọng từng khoảnh khắc chúng ta được trao tặng trong cuộc đời này, *ne**? Ồ, cô ấy đến rồi kìa.” Bà ta lại vỗ vỗ lên bàn tay tôi và rời đi.

Tôi quay lại và thấy Midori cùng nhóm tam tấu của cô đang sai bước mau lẹ về phía sân khấu, khuôn mặt không chút biểu cảm. Tôi lắc đầu, cố gắng tiếp nhận chuyện này. Tôi đến Alfie để tránh xa Kawamura và mọi thứ liên quan đến y, thế mà lại gặp “bản sao” của y ở đây. Đáng lẽ tôi nên đứng dậy và rời đi, nhưng điều đó sẽ gây nghi ngờ.

Đồng thời có một chút tò mò, như thể tôi đang lái xe ngang qua hiện trường của một vụ tai nạn mà tôi đã gây ra, không thể ngoảnh đi.

Tôi ngắm nhìn khuôn mặt Midori khi cô ấy ngồi vào vị trí bên chiếc dương cầm. Cô ấy khoảng ba mươi lăm tuổi và có mái tóc dài chấm vai suôn thẳng và đen nhánh đến mức nó có vẻ ánh lên lấp lánh trong ánh đèn rọi từ trên xuống. Cô ấy mặc chiếc áo len chui cổ cộc tay, có màu đen như mái tóc cô, làn da trắng ngần mịn màng ở cổ và hai cánh tay tựa hồ như đang bông bênh, lơ lửng bên cạnh nó. Tôi cố gắng nhìn vào mắt cô ấy nhưng chỉ có thể nhìn thấy lơ mơ trong bóng tối hắt xuống bởi ánh đèn trên đầu. Ngoài đôi mắt được kẻ chì đen, tôi thấy cô ấy hoàn toàn không trang điểm. Đủ tự tin để không phải cất công làm việc đó. Mà cô ấy cũng chẳng cần làm thế. Trông cô ấy thật xinh đẹp và hẳn là cô ấy cũng ý thức được điều này.

Tôi có thể cảm thấy một sự căng thẳng ở khán giả, ai cũng vươn người ra đằng trước. Midori giơ những ngón tay bên trên bàn phím, để chúng lơ lửng ở đó trong một giây. Giọng cô ấy cất lên, khê khàng: “Một, hai, một hai ba bốn,” và rồi bàn tay cô ấy hạ xuống và căn phòng bùng lên sức sống.

Đó là *My man's gone now*, một bản nhạc cũ của Bill Evans, không phải của cô ấy. Tôi thích bản nhạc này và tôi thích cách cô ấy chơi nó. Cô ấy mang lại cho nó một sự sinh động khiến tôi vừa muốn nhìn lại vừa muốn nghe, nhưng tôi thấy mình ngoảnh đi.

Tôi đã mất cha ngay sau khi lên tám. Ông bị một kẻ cánh hữu giết hại trong những cuộc biểu tình trên đường phố làm rung chuyển Tokyo khi chính quyền Kishi phê chuẩn Hiệp ước An ninh Nhật - Mỹ

1960. Hồi còn sống, bố tôi luôn giữ khoảng cách với tôi, và tôi có cảm giác tôi là ngọn nguồn của sự căng thẳng giữa ông và mẹ tôi. Nhưng mãi sau này tôi mới hiểu được điều đó. Còn lúc ấy, tôi chỉ biết khóc ròng hăng đêm như bất kì cậu bé nào trong một thời gian dài sau khi ông qua đời.

Mẹ tôi không giúp tôi cảm thấy dễ chịu hơn sau đó, mặc dù tôi tin rằng bà đã cố hết sức. Bà từng là một luật sư cao cấp của Bộ Ngoại giao Mỹ ở Tokyo hồi vẫn còn bị chiếm đóng, dưới trướng MacArthur, Tư lệnh tối cao của các lực lượng Đồng Minh, chịu trách nhiệm soạn thảo một hiến pháp mới để hướng dẫn nước Nhật thời hậu chiến bước vào Thế kỉ của nước Mỹ*. Bố tôi thuộc ban tham mưu của Thủ tướng Yoshida, chịu trách nhiệm biên dịch tài liệu và đàm phán các điều khoản có lợi cho Nhật Bản.

Chuyện tình của họ, được công khai ngay sau khi hiến pháp mới được kí thành luật vào tháng năm năm 1947, làm cho cả hai phe chướng tai gai mắt, bên nào cũng tin rằng người đại diện của mình hẳn đã nhượng bộ trên gối, một việc không bao giờ có thể xảy ra trên bàn đàm phán. Tương lai của mẹ tôi với Bộ Ngoại giao Mỹ đã thực sự kết thúc, và bà vẫn ở lại Nhật với tư cách vợ của bố tôi.

Ông bà ngoại tôi đã đoạn tuyệt quan hệ với bà vì cuộc hôn nhân dị chủng, dị văn hóa mà bà đã bước vào bất chấp sự cấm cản của họ, vì vậy, để phản ứng với cảnh mồ côi không chính thức ấy, mẹ tôi đã chọn sống ở Nhật Bản, và học tiếng Nhật đến mức thành thạo để nói chuyện với bố con tôi ở nhà. Khi bà mất ông, bà mất đi cả những sợi dây tình cảm ràng buộc bà với cuộc sống mới mà bà đã xây dựng.

Midori có gần gũi với cha cô ấy không? Có lẽ là không. Có lẽ giữa họ đã có những giây phút khó xử, thậm chí là những cuộc cãi cọ, vì thứ mà có thể ông ta cho là một sự lựa chọn nghề nghiệp ngớ ngẩn. Và nếu giữa họ có những trận cãi cọ, những lúc im lặng đầy đau khổ, và những nỗ lực chật vật để hiểu nhau, thì họ đã có cơ hội để hòa giải

chưa? Hay cô ấy bị bỏ lại với quá nhiều điều mà cô ấy mong có thể nói với ông ta?

Mày bị làm sao vậy? Tôi nghĩ. Mày chẳng liên quan gì đến cô ta hay bố cô ta. Cô ta hấp dẫn, điều đó thu hút mày. Được thôi. Nhưng bỏ đó đi.

Tôi nhìn quanh phòng, và tất cả mọi người dường như đang đi theo từng cặp hoặc từng nhóm đông.

Tôi muốn ra ngoài, để tìm một chỗ không gọi nhắc đến kí ức nào cả.

Nhưng đó là nơi nào?

Vậy là tôi nghe nhạc. Tôi cảm thấy những nốt nhạc đang tình nghịch uốn éo chạy trốn khỏi tôi, và tôi tóm chặt lấy chúng để chúng kéo tôi ra khỏi thứ tâm trạng đang dâng lên quanh mình như những luồng nước thải đen ngòm. Tôi tập trung hết sức vào tiếng nhạc, vị của Caol Ila trong họng tôi, giai điệu trong tai tôi, cho đến khi đôi bàn tay Midori dường như nhòa đi, cho đến khi khuôn mặt trông nghiêng của cô ấy chìm lấp trong mái tóc, cho đến khi những cái đầu mà tôi thấy quanh tôi trong cảnh tranh tối tranh sáng và màn khói thuốc mịt mờ cứ say sưa gập gù và lắc lư, và những bàn tay gõ nhịp lên mặt bàn và thành cốc, cho đến khi đôi bàn tay cô ấy lướt đi nhanh hơn rồi ngừng lại, tạo ra một khoảnh khắc im lặng tuyệt đối trước khi nó được lấp đầy bằng một tràng pháo tay vang lên.

Một lát sau Midori và nhóm tam tấu của cô ấy đi đến một cái bàn nhỏ được dành riêng cho họ, và căn phòng nổi lên những tiếng lầm rầm trò chuyện và những tiếng cười rúc rích. Mama gia nhập với họ. Tôi biết tôi không thể lên về mà không chào tạm biệt Mama, nhưng tôi không muốn ghé qua bàn của Midori. Hơn nữa, việc ra về sớm sẽ có vẻ kì cục. Tôi nhận ra mình sẽ phải ở lại.

Thừa nhận đi, tôi nghĩ. Mày muốn nghe tiếp màn biểu diễn thứ hai. Và đó là sự thật. Âm nhạc của Midori đã làm lắng dịu những cảm xúc hỗn loạn trong tôi, như nhạc jazz luôn luôn làm thế. Tôi không

còn khó chịu trước viễn cảnh phải nán lại đây thêm nữa. Tôi sẽ thưởng thức màn biểu diễn thứ hai, lạng lẽ rời đi, và nhớ về nó như một buổi tối lạ lùng bỗng nhiên trở nên tuyệt diệu.

Tốt thôi. Chỉ cần đừng nghĩ gì đến bố cô ta nữa, được chứ?

Từ khước mắt, tôi nhận thấy Mama đang bước về phía mình. Tôi ngẩng lên và mỉm cười khi bà ta ngồi xuống bên cạnh tôi.

“Sao? Anh nghĩ thế nào?” Bà ta hỏi.

Tôi cầm cái chai lên, nó đã vơi đi đáng kể so với lúc tôi mới tới, và rót cho chúng tôi mỗi người một li. “Một Thelonious Monk giận dữ, giống như bà đã nói. Bà đúng đấy, cô ấy sẽ là một ngôi sao sáng.”

Đôi mắt bà ta long lanh. “Anh có muốn gặp cô ấy không?”

“Điều đó thật tuyệt, Mama ạ, nhưng tôi nghĩ tối nay tôi muốn lắng nghe hơn là nói chuyện.”

“Vậy à? Vậy thì cô ấy có thể nói, còn anh có thể lắng nghe. Phụ nữ thích những người đàn ông biết lắng nghe. Họ là những loài chim quý hiếm, *ne?*”

“Tôi không nghĩ cô ấy sẽ thích tôi, Mama ạ.”

Bà ta ngả người về phía tôi. “Cô ấy đã hỏi về anh.”

Chết tiệt. “Bà đã nói gì với cô ấy?”

“Tôi nói rằng nếu tôi trẻ hơn một chút, tôi sẽ không nói gì với cô ấy hết.” Bà ta đưa tay lên che miệng và rung cả người vì cười không thành tiếng. “Nhưng vì tôi già quá rồi, tôi đã nói với cô ấy rằng anh là một kẻ mê nhạc jazz và là một người rất hâm mộ cô ấy, và tối nay anh đến đây chỉ để nghe cô ấy.”

“Bà thật tử tế,” tôi nói, nhận ra rằng tôi đang mất kiểm soát tình huống này, và không biết lấy lại nó bằng cách nào.

Bà ta ngả người vào ghế và cười. “Thế nào? Anh không nghĩ anh nên giới thiệu bản thân mình sao? Cô ấy nói với tôi cô ấy muốn gặp anh.”

“Mama, bà đang lừa tôi. Cô ấy không hề nói như thế.”

“Anh không tin à? Cô ấy đang đợi anh đấy - nhìn xem.” Bà ta quay lại và vẫy tay với Midori, cô ấy nhìn về phía chúng tôi và vẫy tay đáp lại.

“Mama, đừng làm thế,” tôi nói, biết rằng không thể từ chối được nữa.

Bà ta đột ngột ngả người về phía trước, tiếng cười biến mất như mặt trời khuất sau một đám mây. “Đừng làm tôi mất mặt. Đến chào cô ấy đi.”

Quý tha ma bắt. Dù sao thì tôi cũng phải đi giải quyết nỗi buồn.

Tôi đứng dậy và bước tới bàn của Midori. Tôi có cảm giác cô ấy biết tôi đang đến gần, nhưng cô ấy chẳng tỏ vẻ gì cho đến khi tôi đến đứng trước mặt cô ấy. Sau đó cô ấy ngẩng lên, và đôi mắt cô ấy khiến tôi sững sốt. Chúng thật khó đoán định, ngay cả khi đang nhìn thẳng vào tôi, nhưng không dè dặt, cũng không lạnh lùng. Thay vào đó chúng như tỏa ra một luồng nhiệt năng vừa phải, một thứ lan tỏa tới anh nhưng anh không thể chạm vào được.

Tôi biết ngay là Mama đã chơi xỏ tôi. Midori chẳng hề biết tôi là ai.

“Cảm ơn vì âm nhạc của cô,” tôi nói với cô ấy, cố gắng nghĩ ra một điều gì đó khác. “Nó đã cứu tôi thoát khỏi một thứ.”

Tay chơi bass, trông cực kì ngẫu với y phục đen tuyền từ đầu đến chân, bộ râu quai nón dài, và cặp kính kiểu Âu hình chữ nhật, cười phì thành tiếng, và tôi tự hỏi liệu giữa họ có gì với nhau không. Midori nở một nụ cười nhẹ nhàng ám chỉ rằng cô ấy đã từng nghe những lời như thế, và chỉ đơn giản nói, “*Domo arigato**” sự lịch sự trong lời cảm ơn của cô ấy là một hình thức đuối khéo.

“Không,” tôi nói với cô ấy, “tôi nói thật đấy. Âm nhạc của cô thật chân thực, nó là liều thuốc giải hoàn hảo cho những lời nói dối.”

Trong thoáng chốc, tôi tự hỏi mình đang nói cái quái gì vậy.

Tay chơi bass lắc đầu, như thể ghê tởm. “Chúng tôi không chơi nhạc để cứu người. Chúng tôi chơi vì nó làm chúng tôi vui.”

Midori liếc nhìn gã, đôi mắt cô ấy lãnh đạm và biểu lộ sự thất vọng nhẹ nhàng nhất, và tôi biết hai người này đang bước trên những bước nhảy mà họ đã quá quen thuộc, những bước nhảy không bao giờ dẫn tới sự hài lòng của tay chơi bass.

Nhưng dù sao tôi cũng phải chơi lại gã. “Nhưng nhạc jazz cũng giống như tình dục, đúng không?” Tôi nói với gã. “Cần phải có hai người mới thường thức được trọn vẹn.”

Tôi thấy gã trợn trừng mắt trong khi Midori mím môi như thể đang nén cười.

“Chúng tôi rất vui lòng được tiếp tục cứu anh, nếu đó là điều mà chúng tôi đang làm,” cô ấy nói với giọng điệu đều đều như một cái điện tâm đồ thẳng băng.

Tôi bắt lấy ánh mắt cô ấy trong một thoáng, cố gắng đọc nó nhưng không thành công, rồi cáo lui. Tôi lẩn vào nhà vệ sinh bé như cái mắt muỗi của Alfie, mĩa mai nghĩ rằng tôi đã sống sót qua vài trận giao tranh ác liệt nhất ở Đông Nam Á, hay vài cuộc xung đột tồi tệ nhất trên thế giới, thế mà vẫn không tài nào vượt qua được bẫy mai phục của Mama.

Tôi ra khỏi nhà vệ sinh, gật đầu trước nụ cười thỏa mãn của Mama, rồi quay lại chỗ ngồi. Một lát sau, tôi nghe tiếng cửa cựa lạc bộ mở ra và liếc ra đằng sau như thể vô tình để xem ai sẽ bước vào. Đầu tôi tự động quay lại đằng trước chưa đầy một giây sau, theo hướng dẫn của nhiều năm rèn luyện - sự rèn luyện đó cũng ngăn chặn vẻ ngạc nhiên hiện lên trên khuôn mặt tôi.

Đó là người lạ trên tàu. Kẻ mà tôi đã thấy lục lọi người Kawamura.

4

TÔI GIỮ MỘT SỐ vật lạ thường trên chum chìa khóa của mình, bao gồm vài que mở khóa thô sơ mà những người không thông thạo sẽ nhầm tưởng là tấm xia răng và một cái gương nha khoa bị cửa ngăn. Chiếc gương có thể được đưa lên mắt một cách kín đáo, đặc biệt là khi người sử dụng đang chống cằm và nghiêng người về đằng trước.

Với tư thế này, tôi có thể quan sát người lạ tranh cãi với một Mama đang cau có khi màn trình diễn thứ hai bắt đầu. Rõ ràng bà ta đang nói với gã là gã sẽ không thể ở lại, không còn một chỗ ngồi nào cả và căn phòng đã quá đông đúc rồi. Tôi thấy gã thò tay vào trong túi áo khoác và lấy ra một cái ví, sau đó gã mở ví để cho Mama xem một thứ gì đó. Bà ta nhìn chăm chú, sau đó mỉm cười và hào phóng ra hiệu cho gã đi về phía bức tường đằng xa. Người lạ bước theo hướng được chỉ và tìm được một chỗ để đứng.

Gã đã dùng thứ gì để thuyết phục Mama vậy nhỉ? Thẻ từ cơ quan quản lý việc cấp phép kinh doanh rượu của Tokyo? Hay một cái phù hiệu cảnh sát? Tôi quan sát gã suốt màn biểu diễn thứ hai, nhưng gã không có biểu hiện gì, chỉ dựa lưng vào tường với khuôn mặt không biểu lộ cảm xúc.

Khi màn biểu diễn kết thúc, tôi phải đưa ra một quyết định. Một mặt, tôi cho rằng gã tới đây vì Midori, và muốn theo dõi gã để khẳng định điều đó và để xem tôi còn có thể biết được điều gì nữa. Mặt khác, nếu gã có quan hệ với Kawamura, gã có thể đã biết cú truy tìm ấy là do bị kích thích, và nhận ra tôi là kẻ mà gã đã gặp trên tàu, nơi chúng tôi đã trao đổi vài câu ngắn gọn với nhau bên cơ thể ngã sõng soài của Kawamura. Nguy cơ đó nhỏ thôi, nhưng, như Jake Khùng từng nói, lơ

là cảnh giác sẽ phải trả giá đắt. Ai đó có thể biết được ngoại hình hiện tại của tôi, và cái kén ẩn danh mà tôi đã quá cẩn thận tạo dựng sẽ bị chọc thủng.

Hơn nữa, nếu tôi ở lại để theo dõi gã tiếp cận với Midori, tôi sẽ không thể đi theo gã khi gã rời đi. Bởi làm vậy, tôi sẽ phải đi chung với gã trong chiếc thang máy dành cho năm người của Alfie, hoặc hi vọng ra ngoài trước gã bằng cách sử dụng cầu thang bộ, nhưng việc đó có thể không thành công, và gã sẽ nhận ra tôi. Còn nếu gã ra tới đường trước, đến lúc tôi đuổi kịp thì gã đã được những làn sóng khách bộ hành quét qua đường Roppongi mang đi rồi.

Dù không muốn, nhưng tôi sẽ phải rời đi trước. Khi tràng pháo tay dành cho màn biểu diễn thứ hai lắng xuống, tôi nhìn người lạ len về phía sân khấu. Vài khách hàng đứng dậy và bắt đầu đi lại, và tôi hòa vào dòng người tiến về phía cửa ra.

Vẫn quay lưng về phía sân khấu, tôi dừng lại để trả chai Caol Ila còn thừa. Tôi cảm ơn Mama một lần nữa vì đã cho tôi vào dù tôi không đặt chỗ trước.

“Tôi đã thấy anh nói chuyện với cô Kawamura,” bà ta nói. “Chuyện đó có khó khăn lắm không?”

Tôi mỉm cười. “Không đâu, Mama ạ, nó rất tuyệt.”

“Sao anh về sớm thế? Anh đâu có tới đây thường xuyên.”

“Tôi sẽ phải khắc phục điều đó. Nhưng tối nay tôi còn có những kế hoạch khác.”

Bà ta nhún vai, có lẽ thất vọng vì những âm mưu của mình không thành công lắm.

“Mà này,” tôi nói với bà ta, “cái gã *gaijin** đến trong màn biểu diễn thứ hai là ai thế? Tôi đã thấy bà tranh cãi với anh ta.”

“Anh ta là phóng viên,” bà ta nói, lau một cái li. “Anh ta đang viết một bài báo về Midori, vì vậy tôi đã cho phép anh ta ở lại.”

“Một phóng viên à? Tuyệt thật. Của báo nào thế?”

“Một tạp chí phương Tây. Tôi không nhớ tên.”

“Rất tốt cho Midori. Cô ấy thực sự sẽ là một ngôi sao.” Tôi vỗ vỗ lên bàn tay bà ta. “Tạm biệt, Mama. Hẹn gặp lại.”

Tôi đi cầu thang bộ xuống đường, sau đó băng qua đường Roppongi và đợi trong siêu thị Meidi-ya bên kia đường, vờ như đang chăm chú xem xét hàng sâm banh. A, một chai Moët năm 1988 - tuyệt thật, nhưng chẳng rẻ chút nào với cái giá 35.000 yên. Tôi xem xét nhãn chai và quan sát thang máy của Alfie qua cửa sổ.

Theo thói quen, tôi đưa mắt quan sát những địa điểm có thể được dùng làm chỗ cắm chốt nếu anh đang đợi ai đó bước ra từ Alfie. Chẳng hạn như những chiếc ô tô đang đỗ dọc đường, nhưng anh khó mà chiếm được một chỗ ở đó, vì vậy khả năng ấy là rất thấp. Bốt điện thoại công cộng ngay phía dưới Meidi-ya, nơi một gã người Nhật có mái tóc húi cua, mặc áo khoác da màu đen và đeo kính râm loại ôm sát mắt đứng gọi điện thoại từ lúc tôi bước từ cầu thang bộ xuống. Tôi thấy hấn vẫn ở đó, quay mặt về phía cửa của Alfie.

Khoảng mười lăm phút sau thì người lạ bước ra và rẽ phải trên đường Roppongi. Tôi đứng yên một lúc, đợi phản ứng của Gã Gọi Điện Thoại, và y như rằng, hấn gác máy và bắt đầu đi xuôi theo con phố, cùng hướng với người lạ.

Tôi rời Meidi-ya và rẽ trái trên vỉa hè. Gã Gọi Điện Thoại đã băng qua đường về phía người lạ, không thèm đợi cho đến khi tới lối qua đường dành cho khách bộ hành. Các bước theo dõi của gã thật lộ liễu: gác điện thoại ngay khi người lạ xuất hiện, trước đó thì liên tục liếc nhìn về phía cửa ra vào của Alfie, lại còn băng qua đường một cách đột ngột. Hấn cũng đang đi quá gần người lạ, đó là một sai lầm bởi vì điều đó cho phép tôi lén đi theo đằng sau hấn. Trong một giây, tôi tự hỏi hay là hấn cùng phe với người lạ, có thể là một vệ sĩ hay đại loại thế, nhưng hấn không ở đủ gần để làm tốt vai trò đó.

Họ rẽ phải vào đường Gaienhigashi ngay trước tiệm cà phê Almond, Gã Gọi Điện Thoại theo sau người lạ chưa tới mười bước chân. Tôi băng qua đường để đi theo họ, vội vã vì đèn giao thông đã đổi màu.

Thật là ngớ ngẩn, tôi nghĩ. Mà đang can dự vào việc theo dõi của người khác. Nếu chúng không chỉ có một người và đang dùng máy ảnh, mà có thể bị chụp hình.

Tôi cho rằng Benny đang coi thường tôi bằng cách thuê thêm một kẻ dự bị trong vụ Kawamura, và tôi biết mình sẽ chấp nhận sự mạo hiểm này.

Tôi đi theo họ qua vài khối nhà, nhận thấy cả hai đều chẳng tỏ ra quan tâm đến chuyện gì đang diễn ra đằng sau. Ở người lạ chẳng có hành vi phát hiện sự theo dõi nào - không một cú ngoái đầu hay dừng lại, dù ngây thơ nhất, để buộc kẻ theo dõi tự làm lộ mình.

Ở rìa Roppongi náo nhiệt, các đám đông bắt đầu thưa dần, người lạ rẽ vào một trong các cửa hàng Starbucks, thứ đang triệt tiêu các *kissaten** truyền thống. Gã Gọi Điện Thoại, kiên định như ngôi sao Bắc Cực, tìm thấy một booth điện thoại công cộng cách đó vài mét. Tôi băng qua đường và rẽ vào một cửa hàng có tên là Freshness Burger, gọi món ăn nhẹ được dùng làm tên cho cửa hàng và chọn một chỗ ngồi bên cửa sổ. Tôi thấy người lạ gọi một thứ gì đó bên trong tiệm Starbucks rồi ngồi xuống một cái bàn.

Tôi đoán Gã Gọi Điện Thoại chỉ có một mình. Nếu hắn có đồng bọn, hắn sẽ tách ra và đổi vị trí cho đồng bọn vào một lúc nào đó để tránh bị phát hiện. Hơn nữa, lúc đi trên đường tôi liên tục kiểm tra đằng sau nhưng không phát hiện được ai đang đi theo. Nếu hắn có đồng bọn và chúng cũng ngu ngốc như hắn, tôi sẽ dễ dàng nhận ra khi chúng tôi di chuyển.

Tôi ngồi im lặng, nhìn ra ngoài đường, theo dõi người lạ nhâm nhi món đồ uống ở Starbucks và kiểm tra đồng hồ. Gã đang đợi ai đó

tới gặp, hoặc đang giết thời gian trước một cuộc hẹn ở chỗ khác.

Phán đoán đầu tiên của tôi đã đúng. Sau khoảng nửa tiếng đồng hồ, tôi ngạc nhiên khi thấy Midori ở trên đường, đang đi về phía chúng tôi. Vừa đi cô ấy vừa nhìn mặt tiền của các cửa hàng, cuối cùng thấy biển hiệu của Starbucks và bước vào.

Gã Gọi Điện Thoại lấy ra một cái di động, nhấn một phím, và đưa điện thoại lên tai. Quả là một động tác hay ho đối với một kẻ đang đứng trong một bữa tiệc công cộng. Tôi nhận thấy hẳn không cần nhập cả một dãy số, vậy thì số của người mà hẳn đang gọi là một số quay nhanh, và đó là người mà hẳn sẽ gọi thường xuyên.

Người lạ đứng dậy khi thấy Midori tiến đến bàn của gã và cúi chào theo nghi thức. Cái cúi chào đó thật đúng kiểu, và tôi biết đây là một người đã ở Nhật được một thời gian, và đã thích nghi với văn hóa và ngôn ngữ Nhật. Midori đáp lại cái cúi chào của gã nhưng không sâu bằng, dáng điệu cô ấy có vẻ ngần ngại. Tôi cảm nhận rằng họ không quen nhau lắm. Tôi đoán họ mới gặp nhau lần đầu ở Alfie.

Tôi liếc về phía Gã Gọi Điện Thoại và thấy rằng hẳn đã cất di động đi. Hẳn vẫn ở nguyên chỗ cũ.

Người lạ ra hiệu cho Midori ngồi xuống; cô ấy đồng ý, và gã làm theo. Gã chỉ về phía quầy, nhưng Midori lắc đầu. Cô ấy không sẵn sàng thân mật cùng gã này.

Tôi quan sát họ khoảng mười phút. Khi cuộc trò chuyện giữa họ tiến triển, những cử chỉ của người lạ có vẻ khân nài, trong khi tư thế của Midori ngày càng trở nên cứng nhắc. Cuối cùng cô ấy đứng dậy, cúi chào thật nhanh, và bắt đầu bước đi. Người lạ đáp lại cái cúi chào, nhưng sâu hơn nhiều, và có phần lúng túng.

Bây giờ tôi nên đi theo ai? Tôi quyết định chờ phản ứng của Gã Gọi Điện Thoại.

Khi Midori ra khỏi Starbucks và quay về hướng Roppongi, Gã Gọi Điện Thoại nhìn cô ấy đi nhưng vẫn giữ nguyên vị trí. Vì vậy chính người lạ mới là người mà hẳn muốn, hoặc muốn hơn.

Người lạ rời đi ngay sau Midori, quay lại ga Hibiya trên đường Roppongi. Gã Gọi Điện Thoại và tôi theo sau, vẫn giữ vị trí như lúc này. Tôi đứng đợi cùng họ bên đường ray, cách họ chiều dài của cả một toa tàu cho đến khi một con tàu đi về hướng Ebisu tới và tất cả cùng lên tàu. Tôi quay lưng về phía họ, nhìn hình ảnh phản chiếu của họ trên kính cửa, cho đến khi con tàu dừng lại ở Ebisu và tôi thấy họ bước xuống.

Tôi bước xuống sau họ một lát, hi vọng người lạ rời đi, nhưng gã lại đang tiến về phía tôi. Chết tiệt. Tôi bước chậm lại, sau đó dừng bước trước một tấm bản đồ nhà ga, xem xét nó với một góc độ khiến cả hai đều không thể thấy mặt tôi khi họ đi qua.

Trời cũng đã muộn, và chỉ có nửa tá người đang rời nhà ga cùng chúng tôi. Tôi đi sau họ một dãy cầu thang khi chúng tôi rời lòng ga, sau đó để họ đi trước đúng hai mươi mét rồi mới ra khỏi cổng nhà ga để đi theo họ.

Ở rìa Daikanyama, một khu vực ngoại ô thượng lưu của Tokyo, người lạ rẽ vào một tòa chung cư lớn. Tôi nhìn gã nhét một cái chìa khóa vào cửa chính, cánh cửa tự động mở ra và sau đó đóng lại sau lưng gã. Gã Gọi Điện Thoại ghi chép gì đó một cách lộ liễu, rồi tiếp tục đi qua cửa khoảng hai mươi bước chân, rồi hẩn dừng lại, rút di động ra, nhấn một phím, và nói nhanh mấy câu. Sau đó hẩn lấy ra một gói thuốc lá, châm một điếu, và ngồi xuống vỉa hè.

Không, gã này không cùng phe với người lạ, như tôi từng thoáng phân vân. Hẩn đang theo dõi người lạ.

Tôi lẩn vào trong bóng tối phía cuối một bãi đỗ xe thương mại nhỏ và chờ đợi. Mười lăm phút sau, một chiếc mô tô kiểu xe đua màu đỏ tươi ầm ầm phóng tới, ống xả của nó phát ra tiếng gầm rú như tiếng rống cực đại của con quái vật Godzilla. Gã lái xe, mặc quần áo đua xe bằng da cũng màu đỏ và đội mũ bảo hiểm trùm kín đầu, dừng lại trước mặt Gã Gọi Điện Thoại. Gã Gọi Điện Thoại chỉ tay về phía tòa nhà

của người lạ và leo lên yên sau xe máy, rồi chúng lao vút vào bóng đêm.

Chắc hẳn người lạ sống ở đây, nhưng tòa nhà có đến hàng trăm căn hộ và tôi không có cách nào để biết được đâu là căn hộ của gã hay tìm hiểu xem tên gã là gì. Hơn nữa, tòa nhà này sẽ có ít nhất hai lối ra vào, vì vậy chờ đợi sẽ là điều vô ích. Tôi nán lại cho đến khi tiếng xe máy biến mất hẳn mới đứng dậy và kiểm tra địa chỉ. Sau đó tôi quay về hướng ga Ebisu.

5

TỪ EBISU tôi bắt tuyến Hibiya về ga Hibiya, ở đó tôi sẽ chuyển sang tuyến Mita và về nhà. Tuy nhiên, tôi không bao giờ đổi tàu một cách trực tiếp, và tôi ra khỏi nhà ga để thực hiện một LPT trước đã.

Tôi ghé vào cửa hàng âm nhạc Tsutaya và len qua mấy cô bé đua đòi trang phục lồi thoi lếch thếch đang nghe những bản nhạc pop mới nhất của Nhật trên những chiếc tai nghe mà cửa hàng cung cấp, đầu lắc lư theo tiếng nhạc. Đạo bước đến cuối cửa hàng, chốc chốc tôi lại dừng lại nhìn những chiếc CD trên những cái giá đối diện với cửa ra vào, liếc lên phía trên để xem có ai đang đi theo sau tôi không.

Tôi xem lướt qua dãy nhạc cổ điển, rồi chuyển sang dãy nhạc jazz. Theo thói thúc, tôi kiểm tra xem Midori có đĩa CD nào không. Cô ấy có: *Another time*. Trên bìa đĩa là hình ảnh cô ấy đang đứng dưới một ngọn đèn đường ở một nơi có vẻ là một trong những khu vực tồi tàn của Shinjuku, tay khoanh trước ngực, khuôn mặt quay nghiêng trong bóng tối. Tôi không biết công ty thu âm này - nó vẫn còn chưa có tiếng tăm. Cô ấy chưa nổi tiếng, nhưng tôi tin rằng Mama nói đúng, cô ấy sẽ trở thành một ngôi sao.

Tôi định trả nó về vị trí cũ trên giá, rồi lại nghĩ, *Chúa ơi, đó chỉ là âm nhạc. Nếu mà thích, hãy mua nó*. Song, một nhân viên thu ngân có thể nhớ được điều này. Vì vậy tôi lựa thêm một tuyến tập nhạc jazz không lời của một nghệ sĩ khác và vài bản concerto của Bach trên đường đến quầy thanh toán. Chọn một nhân viên thu ngân có vẻ căng thẳng, với một hàng dài khách hàng đang chờ đợi. Thanh toán bằng tiền mặt. Tất cả những gì anh chàng này sẽ nhớ là ai đó đã mua một

vài đĩa CD, có thể là nhạc cổ điển, có thể là nhạc jazz. Nhưng chưa chắc có ai hỏi anh ta điều đó.

Tôi kết thúc LPT và mang những cái đĩa CD về căn hộ ở Sengoku. Sengoku nằm ở mạn đông bắc thành phố, gần những gì còn sót lại của Tokyo cũ, mà dân bản xứ gọi là *Shitamachi*, vùng đất thấp. Đây là một khu vực cổ kính, phần lớn vẫn còn khá nguyên vẹn sau cơn đại địa chấn Kanto năm 1923 và trận bom trong chiến tranh. Nó không có các hoạt động vui chơi giải trí về đêm ngoài các *nomiya** địa phương và không có khu thương mại, do đó nó không có nhiều dân vắng lai. Cư dân ở đây phần lớn là *Edoko*, những người Tokyo chính gốc, sống và làm việc trong những cửa hàng kinh doanh gia đình và những nhà hàng và quán bar nhỏ bé. “Sengoku” có nghĩa là “một nghìn viên đá”. Tôi không biết nguồn gốc của cái tên này, nhưng tôi luôn thích nó.

Đây không phải là nơi tôi lớn lên, nhưng nó gần gũi như bất cứ thứ gì tôi từng có. Sau khi cha tôi mất, mẹ dẫn tôi quay về Mỹ. Trước sự mất mát và những biến động kèm theo đó trong cuộc đời, tôi nghĩ mẹ tôi muốn ở gần cha mẹ, họ có vẻ cũng sốt sắng muốn hòa giải với con mình. Chúng tôi sống ở một thị trấn có tên là Dryden, nằm ở phía bắc New York, nơi mẹ tôi làm trợ giáo tiếng Nhật ở trường Đại học Cornell gần đó và tôi vào học ở một trường công lập.

Dryden là một thị trấn lao động với cư dân chủ yếu là người da trắng, và những nét châu Á cùng thứ tiếng Anh lơ lơ khiến tôi trở thành đối tượng bắt nạt ưa thích của những thằng đầu gấu địa phương. Tôi nhận được những bài học thực tế đầu tiên về chiến tranh du kích từ dân bản xứ ở Dryden: chúng lung sục tôi theo đám đông, và tôi đánh trả khi chúng chỉ có một mình và yếu đuối. Tôi hiểu tâm lí của dân du kích từ trước cả khi đổ bộ lên Đà Nẵng.

Mẹ tôi phiền muộn vì những vết thâm tím và những khớp ngón tay bị trầy xước liên tục của tôi, nhưng bà quá bận rộn với vị trí mới ở

trường đại học và việc hàn gắn quan hệ với cha mẹ nên chẳng can thiệp gì. Phần lớn những năm tháng đó, trong lòng tôi luôn nhung nhớ về nước Nhật.

Vậy là tôi lớn lên trong cảnh nổi bật giữa những người khác, chỉ mãi sau này mới học được nghệ thuật ẩn mình. Trong hoàn cảnh này, Sengoku là một lựa chọn lạ thường với tôi. Tôi chọn vùng đất này trước khi sự ẩn danh trở thành một vấn đề, và vẫn lưu lại đây vì tự biện minh bằng một lí do đơn giản rằng dẫu sao thì sự cũng đã rồi. Đó là nơi mà ai cũng biết tên anh, nghĩ rằng họ biết công việc của anh. Ban đầu điều đó khiến tôi khó chịu, mọi người đều nhận ra tôi, biết rõ tôi sống ở đâu. Tôi đã nghĩ đến việc chuyển về phía tây của thành phố. Phía tây có cảm giác đích xác là Tokyo và chẳng giống Nhật Bản chút nào. Nó sôi động, gấp gáp và hiện đại, bị khuấy động bởi những đám đông hưng phấn vì caffeine, và ở đó mọi người đều thờ ơ với nhau và chẳng ai biết ai. Tôi có thể tới đó, hòa lẫn với họ, biến mất.

Nhưng khu phố cổ có một ma lực đặc biệt, và tôi khó lòng tưởng tượng đến cảnh phải rời xa nó. Tôi thích đi bộ từ ga tàu điện ngầm về căn hộ của tôi vào buổi tối, các cửa hàng trên con phố buôn bán nhỏ được sơn màu xanh và đỏ do đó nó luôn tạo cảm giác hội hè, ngay cả trong những buổi tối mùa đông đến sớm. Có một cặp vợ chồng trung niên, chủ cửa hàng bán đồ rẻ tiền ở góc phố, thường chào tôi “*Okaeri nasai!**” khi gặp tôi buổi tối, thay vì lời chào “*Kon ban wa!**” quen thuộc. Có một bà cụ phốp pháp, vui vẻ, trông coi cửa hàng video với cái biển hiệu màu vàng to đùng ở mặt tiền và các cửa sổ dán áp phích của những bộ phim Hollywood mới ra lò, luôn để ngỏ cửa khi trời lạnh. Bà có đủ mọi thể loại từ phim hoạt hình của Walt Disney đến những bộ phim khiêu dâm táo bạo nhất, và từ trưa đến mười giờ tối, bà ngồi như bức tượng Di Lặc trong cái cửa hàng nhỏ, xem chính những món hàng của mình trên cái tivi bên cạnh máy tính tiền. Và bà Bạch Tuộc, người bán *takoyaki** qua một ô cửa sổ trở ra ngoài đường trong ngôi nhà cổ của mình, có khuôn mặt trở nên giống với những

sinh vật làm nguyên liệu cho loại đồ ăn bà đang bán sau những năm tháng mệt mỏi và chán chường với những công việc nặng nhọc. Mỗi tối bà chậm chạp lê bước quanh cái bếp lò, rưới những loại chất lỏng đặc biệt trong những động tác vô thức, lặp đi lặp lại, và thi thoảng khi tôi đi qua, tôi thấy lũ trẻ vừa chạy qua vừa cười khúc khích, thì thào, “*Takio onna! Ki o tsukete!**” Và còn có ngôi nhà của Yamada, giáo viên dạy dương cầm, ở đó, vào những buổi tối mùa hè, khi bóng tối đến muộn, những nốt nhạc nhẹ nhàng lại chậm chậm vọng ra ngoài đường, hòa lẫn với tiếng dép loẹt quẹt của những người vừa trở về từ *senjo*, nhà tắm công cộng địa phương.

Cuối tuần đó tôi nghe nhạc của Midori rất nhiều. Từ văn phòng về nhà, sau khi đun nước để nấu mì ăn tối, tôi tắt đèn và mở nhạc, nghỉ ngơi thư giãn, thả hồn theo những âm điệu trầm bổng. Lắng nghe tiếng nhạc, nhìn những con phố hẹp yên tĩnh của Sengoku qua khung cửa sổ mở ra ban công, tôi cảm nhận được sự hiện diện của quá khứ nhưng thấy rằng mình vẫn an toàn trước nó.

Những nhịp sống và nghi thức của khu vực này, ban đầu quá tinh tế để người khác có thể hiểu rõ giá trị, đã lặng lẽ ngấm dần vào tôi qua năm tháng. Chúng lớn lên trong tôi, lan truyền sang tôi, trở thành một phần máu thịt của tôi. Không hiểu sao việc bước một bước nhỏ ra khỏi bóng tối có vẻ không phải là cái giá quá cao để trả cho niềm vui ấy. Hơn nữa, sự nổi bật là một bất lợi về phương diện này, nhưng lại là lợi thế ở phương diện khác. Sengoku không có những địa điểm kín đáo để một người lạ có thể ngồi và đợi mục tiêu đến. Và trước khi các ông chủ, bà chủ cất lại những món hàng vào trong cửa hàng của họ vào buổi tối và kéo những cánh cửa cuốn xuống, họ luôn ngồi ở đó, quan sát đường phố. Nếu anh không phải là người ở Sengoku, người ta sẽ để ý, thắc mắc anh đang làm gì ở đây. Nếu anh là người ở khu vực này - chà, anh được chú ý theo một cách khác.

Tôi cho rằng mình có thể sống chung với điều đó.

6

TUẦN TIẾP THEO, tôi hẹn ăn trưa với Harry ở *sobaya** Issan. Tôi sẽ không thể buông bỏ bí ẩn nhỏ này, và tôi biết tôi sẽ cần sự trợ giúp của cậu ta để giải quyết nó.

Issan nằm trong một ngôi nhà gỗ cũ kĩ ở Meguro, cách đường Meguro chừng năm mươi mét và cách ga Meguro năm phút đi bộ. Tuy bề ngoài cực kì khiêm tốn, nhưng nó đem lại cho thực khách vài loại mì *soba** ngon nhất Tokyo. Tôi thích Issan không chỉ vì chất lượng của món mì *soba*, mà còn vì không khí lạ lùng của nó nữa: bên cạnh cửa chính có một cái tủ nhỏ đựng đồ thất lạc, những món đồ trong đó không thay đổi trong cả thập kỉ kể từ khi tôi khám phá ra nơi này. Đôi lúc tôi tự hỏi chủ quán sẽ nói gì nếu có một khách hàng bước tới và thốt lên, “Cuối cùng cũng thấy nó rồi! Cái đống gót bằng đôi môi của tôi - tôi đã tìm nó hàng năm trời nay!”

Một trong những nữ nhân viên phục vụ nhỏ nhắn của nhà hàng dẫn tôi đến một cái bàn thấp trong một căn phòng nhỏ trải chiếu *tatami**, sau đó quỳ gối để đợi tôi gọi món. Tôi chọn loại *umeboshi** đặc biệt của ngày hôm nay để nhâm nhi trong khi chờ Harry.

Cậu ta đến muộn khoảng mười phút, được cô nhân viên phục vụ lúc này dẫn vào. “Tôi đoán anh sẽ không chọn Las Chicas lần nữa đâu nhỉ,” cậu ta nói, nhìn ngó xung quanh, ngắm nghía những bức tường cổ xưa và những tấm biển bạc màu.

“Tôi quyết định đã đến lúc để cậu trải nghiệm thêm những giá trị truyền thống của Nhật,” tôi nói với cậu ta. “Tôi nghĩ cậu đang dành quá nhiều thời gian ở các cửa hàng bán đồ điện tử ở Akihabara. Tại sao cậu không thử một thứ gì đó cổ điển nhỉ? Tôi xin giới thiệu với cậu *yuzukiri*.” *Yuzukiri* là loại mì soba nêm nước cốt của một loại quả thơm ngon thuộc giống cam quýt của Nhật Bản tên là *yuzu*, và là một đặc sản của tiệm Issan.

Cô nhân viên phục vụ quay lại để nhận yêu cầu của chúng tôi: hai đĩa *yuzukiri*. Harry bảo tôi cậu ta vẫn chưa khai quật được điều gì đặc biệt về Kawamura, trừ những chi tiết tiểu sử thông thường.

“Y là kẻ gắn bó cả đời với Đảng Dân chủ Tự do,” Harry giải thích. “Tốt nghiệp Đại học Tokyo năm 1960, chuyên ngành khoa học chính trị, vào thẳng chính phủ cùng những phần tử ưu tú khác.”

“Nước Mỹ có thể học hỏi điều này. Ở đó, chính phủ nhận những kẻ bị các trường đại học thải loại. Như thế gieo mầm bằng những hạt giống nhỏ nhất vậy.”

“Tôi từng làm việc với vài người trong số họ,” Harry nói. “Quay lại vấn đề chính nhé, Kawamura bắt đầu sự nghiệp với việc tiến hành soạn thảo chỉ đạo hành chính cho ngành công nghiệp điện tử tiêu dùng của Nhật Bản ở Bộ Ngoại thương và Công nghiệp. MITI* lúc ấy đang làm việc với những công ty như Panasonic và Sony để nâng cao địa vị của Nhật Bản trong nền kinh tế thế giới, và Kawamura nắm trong tay khá nhiều quyền lực so với một thanh niên mới ngoài đôi mươi. Y dần dần thăng tiến trên chiếc thang quan liêu, thành công nhưng không nổi bật lắm. Được đánh giá cao vì đã xây dựng được chỉ đạo chiến lược cho chất bán dẫn nội địa trong thập niên tám mươi.”

“Bây giờ tất cả những điều đó đều bị nghi ngờ,” tôi lơ đãng nói.

Harry nhún vai. “Y đã nhận được sự tín nhiệm khi có thể. Sau MITI, y được chuyển sang Kensetsusho, Bộ Xây dựng cũ, và ở lại đó

với chức vụ thứ trưởng Đất đai và Cơ sở hạ tầng khi Bộ Xây dựng được hợp nhất với Bộ Giao thông thành Kokudokotsusho.”

Cậu ta ngừng lại và gãi gãi mái tóc bù xù, làm cho nó càng thêm giống tổ quạ. “Nghe này, hầu hết những gì tôi kể với anh chỉ là tiểu sử cơ bản. Tôi cần biết chi tiết hơn về thứ tôi đang phải tìm kiếm, nếu không tôi thậm chí không thể nhận ra khi tôi thấy nó.”

“Harry, đừng quá hà khắc với bản thân cậu. Hãy cứ tiếp tục tìm hiểu vấn đề, được chứ?” Tôi ngừng lại, nhận ra chuyện này sẽ thật nguy hiểm, biết rằng, nếu muốn giải quyết bí ẩn này, tôi sẽ phải chấp nhận mạo hiểm.

Tôi kể với cậu ta những gì tôi đã nhìn thấy ở Alfie và sau đó là chuyện theo dõi người lạ đến căn hộ ở Daikanyama.

Cậu ta lắc đầu. “Sao anh có thể chạm trán con gái của Kawamura như thế được nhỉ? Đúng là không thể tin nổi.”

Tôi nhìn cậu ta chăm chú, không chắc rằng cậu ta tin tôi. “*Seken wa semai yo**” tôi nói.

“Hoặc đó có thể là nghiệp chướng,” cậu ta nói, biểu lộ trên khuôn mặt cậu ta thật khó đoán định.

Chúa ơi, cậu chàng này biết được những gì rồi? “Tôi không biết là cậu tin vào nghiệp chướng cơ đấy, Harry.”

Cậu ta nhún vai. “Anh nghĩ chuyện này có liên quan gì đến vụ đột nhập vào căn hộ của Kawamura không?”

“Có thể. Gã tôi gặp trên tàu hỏa đang tìm kiếm một thứ gì đó trên người Kawamura. Và không tìm thấy nó. Do đó gã đã đột nhập vào căn hộ của Kawamura. Nhưng vẫn không tìm thấy nó. Bây giờ gã nghĩ con gái Kawamura đang giữ nó, tôi đoán là vì cô ấy sẽ giữ đồ đạc của cha cô ấy.”

Nhân viên phục vụ mang tới cho chúng tôi hai đĩa *yuzukiri*. Không gây ra một tiếng động, cô ta quỳ gối trên chiếc chiếu *tatami* đặt

từng đĩa lên bàn, khẽ chỉnh lại vị trí của chúng theo một cái khung nghiêm ngặt nào đó trong đầu, rồi đứng dậy, cúi chào, và rời đi.

Khi chúng tôi ăn xong, Harry lại dựa lưng vào tường và ợ một tiếng thật dài và khẽ. “Ngon quá,” cậu ta thừa nhận.

“Tôi biết.”

“Tôi muốn hỏi anh một câu,” cậu ta nói. “Anh không cần phải trả lời nếu không muốn.”

“Được.”

“Mục đích của anh trong chuyện này là gì? Tại sao anh lại quá chú ý đến nó như thế? Thật chẳng giống anh chút nào cả.

Tôi đã nghĩ tới chuyện nói với cậu ta rằng tôi đang làm việc này cho một khách hàng, nhưng tôi biết cậu ta sẽ không tin.

“Một vài chuyện xảy ra không khớp với những gì khách hàng nói với tôi,” tôi nói. “Điều đó khiến tôi khó chịu.”

“Khó chịu đến mức này cơ à?”

Tôi có thể nhận thấy hôm nay cậu ta khá cứng đầu. “Nó gợi tôi nhớ đến một chuyện đã xảy ra với tôi hồi trước,” tôi đáp, nói với cậu ta sự thật. “Một chuyện mà tôi muốn đảm bảo sẽ không bao giờ xảy ra nữa. Lúc này cậu chỉ cần biết thế thôi.”

Cậu ta giơ hai tay lên trong một thoáng, lòng bàn tay hướng về phía trước trong một cử chỉ van vỉ, rồi ngả người về đằng trước và chống khuỷu tay lên bàn. “Được rồi, cái gã anh đã theo dõi, chúng ta có thể cho rằng gã sống trong tòa chung cư đó. Ở Daikanyama có nhiều người nước ngoài, nhưng tôi không nghĩ có quá một tá người nước ngoài sống trong tòa nhà đó. Vì vậy chúng ta đã có một hướng đi cụ thể.”

“Tốt.”

“Bà chủ câu lạc bộ nói gã tự xưng là một phóng viên à?”

“Đúng vậy, nhưng điều đó chẳng có ý nghĩa gì cả. Tôi nghĩ gã đã cho bà ấy xem một cái thẻ, nhưng nó có thể là giả.”

“Có thể, nhưng đó vẫn là xuất phát điểm. Tôi sẽ cố gắng kiểm tra chéo những người nước ngoài có địa chỉ ở tòa chung cư đó với những tờ khai được lưu giữ ở Nyukan, để xem có người nào trong số họ làm về truyền thông hay không.” Nyukan, hay Nyukokukanrikyoku, là Cục Nhập cư của Nhật Bản, một cơ quan của Bộ Tư pháp.

“Làm đi. Và nhân tiện, cậu có thể kiểm cho tôi địa chỉ nhà cô gái không? Tôi đã thử gọi đến 1-0-4, nhưng nó không nằm trong danh bạ.”

Cậu ta gãi gãi má và nhìn xuống, như thể đang cố giấu một nụ cười.

“Gì thế?” Tôi nói.

Cậu ta ngẩng lên. “Anh thích cô ta.”

“Ồ, Chúa ơi, Harry...”

“Anh nghĩ cô ta sẽ mở lòng với anh, nhưng không ngờ cô ta chẳng thèm đoái hoài. Bây giờ đó là một thử thách. Anh muốn có được cơ hội khác.”

“Harry, cậu đang nằm mơ giữa ban ngày đấy.”

“Cô ta có đẹp không? Chỉ cần tiết lộ cho tôi điều đó thôi cũng được.”

“Tôi sẽ không để cậu thỏa mãn đâu.”

“Vậy là cô ta đẹp. Anh thích cô ta.”

“Cậu đọc *manga* nhiều quá rồi,” tôi nói, nhắc đến những cuốn truyện tranh thường có những cảnh nóng bỏng câu khách rất phổ biến ở Nhật Bản.

“Vâng, thì đúng là vậy mà,” cậu ta nói, và tôi nghĩ, *Chúa ơi, cậu ta thực sự đọc thứ rác rưởi đó. Mình đã làm tổn thương cảm xúc của cậu ta.*

“Thôi nào, Harry, tôi cần sự trợ giúp của cậu để tìm hiểu cận kề việc này. Gã trên tàu hỏa đang mong đợi Kawamura mang theo thứ gì đó, đó là lí do gã lục soát người ông ta. Song gã không tìm thấy nó -

nếu không thì, gã sẽ không phải đến hỏi Midori. Giờ thì hãy cho tôi hay: Hiện nay ai được quyền giữ tất cả đồ đạc của Kawamura, bao gồm quần áo mà ông ta đang mặc và những vật dụng cá nhân mà ông ta mang theo lúc ông ta chết?”

“Ắt hẳn là Midori,” cậu ta khẽ nhún vai thừa nhận.

“Đúng. Cô ấy vẫn là người quan trọng nhất. Hãy kiếm cho tôi thông tin, và chúng ta sẽ xuất phát từ đó.”

Chúng tôi nói chuyện về những vấn đề khác trong khoảng thời gian còn lại của bữa trưa. Tôi không nói với cậu ta về chiếc CD. Cậu ta đã nảy ra quá đủ những kết luận rồi.

7

NGÀY HÔM SAU, tôi nhận được tin nhắn từ Harry, cậu ta sử dụng một mật mã số đã được thống nhất từ trước để nói với tôi rằng cậu ta đã tải một thứ lên Bulfinch mà chúng tôi sử dụng. Tôi cho rằng đó là địa chỉ của Midori, và Harry đã không làm tôi thất vọng.

Cô ấy sống trong một tòa chung cư nhỏ có tên là Harajuku Badento Haitsu - Cao ốc Xanh Harajuku - ngay gần những đường cong duyên dáng của sân vận động Olympic Tokyo 1964 do Tange Kenzo* thiết kế. Harajuku là ranh giới nằm vắt ngang giữa sự tĩnh mịch cùng những rặng thông liễu uy nghiêm của công viên Yoyogi và đèn Minh Trị với sự náo nhiệt của đám thanh thiếu niên phát cuồng vì mua sắm của phố Takeshita cùng những cửa hàng và tiệm cà phê nhỏ thanh lịch của Omotesando.

Harry khẳng định rằng Midori không có chiếc ô tô nào được đăng kí với Cục Quản lí Xe Cơ giới Tokyo, có nghĩa là cô ấy sẽ phụ thuộc vào tàu: một là JR*, mà cô ấy sẽ bắt ở ga Harajuku, hai là một trong các tuyến tàu điện ngầm mà cô ấy sẽ lên ở Meiji-jingumae hoặc Omotesando.

Vấn đề là, nhà ga JR nằm ngược chiều với nhà ga tàu điện ngầm, và khả năng cô ấy chọn một trong hai phương tiện đó là như nhau. Vì không có một vị trí yết hầu nào dẫn đến cả hai nhà ga, nên tôi chẳng có cơ sở nào để chọn lựa. Tôi sẽ phải tìm địa điểm hợp lí nhất để chờ đợi và quan sát rồi dựa vào đó mà quyết định.

Đại lộ Omotesando, nơi các ga tàu điện ngầm tọa lạc, là nơi phù hợp nhất. Được biết đến với cái tên “Champs Elysées* của Tokyo”, mặc dù chủ yếu giữa những người chưa từng đặt chân tới Paris, Omotesando là một đại lộ mua sắm dài với hai hàng du ven đường, mỗi mùa thu, những chiếc lá hẹp của chúng lại tạo nên một vòng vương miện và sau đó là một tấm thảm vàng tuyệt đẹp trong vài ngày. Nhiều quán rượu nhỏ và tiệm cà phê nơi đây được thiết kế theo phong cách Paris để các vị khách có thể ngắm nhìn người đi đường qua lại, và tôi có thể dành một hai tiếng để quan sát đường phố từ vài địa điểm khác nhau mà không thu hút sự chú ý.

Tuy nhiên, nếu thiếu may mắn, tôi sẽ gánh chịu một vài ngày chờ đợi và quan sát cực kỳ nhàm chán. Nhưng Harry có một phát minh có thể cứu nguy cho tôi: một cách để biến chiếc điện thoại thành một cái micro từ một nơi xa xôi.

Trò này chỉ hiệu quả với các điện thoại kỹ thuật số có tính năng loa ngoài, khi đường dây vẫn được kết nối mà không cần phải nhắc ống nghe. Tín hiệu không rõ lắm, nhưng anh vẫn có thể nghe thấy. Tiên liệu trước hành động tiếp theo của tôi, Harry đã thử đường dây của Midori hộ tôi và cho tôi biết rằng chúng tôi đã có thể sẵn sàng hành động.

Vào mười giờ sáng thứ bảy tuần sau, tôi đến tiệm cà phê Aoyama Blue Mountain trên đại lộ Omotesando, mang theo một thiết bị nhỏ dùng để kích hoạt điện thoại của Midori và một cái di động để nghe bất cứ thứ gì mà tôi kết nối tới. Tôi chọn một cái bàn nhỏ hướng ra đường, gọi một tách cà phê espresso từ nữ nhân viên phục vụ trông có vẻ chán chường. Quan sát những đám khách bộ hành thưa thớt của buổi sáng lướt qua, tôi bật công tắc trên thiết bị và nghe một tiếng xì xì khe khẽ trong ống nghe cho tôi biết rằng kết nối đã được thiết lập. Ngoài ra, chỉ có sự im lặng. Chẳng còn việc gì khác để làm ngoài chờ đợi.

Một nhóm thợ xây đã tụ tập lại cách cửa Blue Mountain vài mét, sửa những cái ổ gà trên đường. Bốn công nhân bận rộn trộn sỏi và tính toán lượng nguyên vật liệu thích hợp - công việc này chỉ cần cùng lắm là hai người thôi, nhưng *yakuza*, mafia của Nhật Bản, hoạt động mật thiết với ngành công nghiệp xây dựng và đòi hỏi rằng các công nhân đều phải có việc làm. Chính phủ, hài lòng với cách tạo thêm công ăn việc làm này, cũng đồng lõa. Tình trạng thất nghiệp được giữ ở mức độ xã hội chấp nhận được. Guồng máy cứ thế vận hành.

Là thứ trưởng của Kokudokotsusho, cha của Midori sẽ chịu trách nhiệm về vấn đề xây dựng và phần lớn các dự án công trình công cộng chính trên khắp đất nước Nhật Bản. Ông ta chắc hẳn đã lún sâu vào chuyện này. Không ngạc nhiên gì khi có người muốn ông ta chết sớm.

Hai người đàn ông trung niên mặc com lê đen và đeo cà vạt, trang phục dự tang lễ hiện đại của người Nhật, rời tiệm cà phê, và mùi sỏi nóng thoảng đưa tới bàn của tôi. Thứ mùi này gợi nhắc tôi nhớ đến tuổi thơ Nhật Bản, về những ngày cuối hè khi mẹ dẫn tôi đến trường trong ngày đầu tiên của năm học mới. Vào thời điểm đó trong năm, các con đường luôn có vẻ đang trong quá trình lát lại, và với tôi loại hình xây dựng này vẫn luôn tỏa ra điềm báo về một loạt những trò bắt nạt và tẩy chay mới.

Đôi khi tôi cảm thấy cuộc đời mình như đã bị phân chia thành từng đoạn nhỏ. Đáng lẽ tôi phải gọi chúng là các chương, nhưng chúng bị phân chia quá đột ngột đến mức tổng thể thiếu đi cái tính liên tục mà các chương sẽ đem lại. Đoạn đầu tiên kết thúc khi cha tôi bị giết, một sự kiện làm sụp đổ cái thế giới an toàn và có thể tiên liệu, và thay bằng sự yếu đuối và sợ hãi. Một sự gián đoạn khác là khi tôi nhận được điện tín của quân đội thông báo rằng mẹ tôi đã qua đời, và cho phép tôi về Mỹ để chịu tang. Cùng với sự ra đi của mẹ, tôi đã mất đi một trọng tâm cảm xúc, một sự chi phối tâm lí từ xa cho hành vi của mình, và chỉ còn lại một cảm giác tự do mới mẻ và khủng khiếp đang

ngập tràn. Campuchia là một sự đứt quãng khác nữa, một bước lún sâu hơn vào bóng tối.

Kì lạ thay, thời điểm mẹ dẫn tôi rời Nhật để tới Mỹ không được coi là một mốc ranh giới, kể cả hồi đó lẫn bây giờ. Tôi là kẻ ngoại cuộc ở cả hai nơi, và sự di chuyển này chỉ càng khẳng định tình trạng đó. Những lần lang bạt của tôi sau này cũng vậy. Trong cả một thập kỉ sau đám tang của Jake Khùng, tôi đã lê la khắp nơi trên trái đất như một tên lính đánh thuê, thách thức các thánh thần giết tôi, nhưng cuối cùng vẫn sống sót bởi vì một phần trong tôi đã chết.

Tôi đang chiến đấu bên cạnh những người Li Băng theo đạo Cơ Đốc ở thủ đô Beirut thì CIA tuyển dụng tôi để đào tạo lực lượng du kích Hồi giáo chiến đấu chống lại Liên Xô ở Afghanistan. Tôi là kẻ lí tưởng: kinh nghiệm chiến đấu dồi dào, và một lịch sử làm lính đánh thuê có thể khiến chính phủ dễ dàng phủ nhận mối liên hệ với tôi.

Đối với tôi, lúc nào cũng đang tồn tại một cuộc chiến, và khoảng thời gian trước đó cứ ngỡ như không thực, giống như vừa mơ. Chiến tranh là nền tảng để tôi tiếp cận mọi thứ khác. Chiến tranh là tất cả những gì tôi biết rõ. Anh có biết một câu chuyện ngụ ngôn của đạo Lão không? Một người mơ thấy mình là một con bướm, thế rồi ông ta tỉnh dậy và bắt đầu tự hỏi phải chăng mình là một con bướm đang mơ làm người?

Qua mười một giờ một chút, tôi nghe thấy những chuyển động trong căn hộ của Midori. Tiếng bước chân, sau đó là tiếng nước chảy, có lẽ cô ấy đang tắm. Tôi chợt nhớ ra cô ấy làm việc vào ban đêm; lẽ dĩ nhiên cô ấy sẽ dậy muộn. Sau đó, gần giữa trưa, tôi nghe tiếng cửa bên ngoài đóng lại và tiếng bấm khóa, và tôi biết cuối cùng cô ấy đã lên đường.

Tôi trả tiền cho hai tách espresso mà tôi đã uống và bước ra đại lộ Omotesando, bắt đầu thong thả bước về phía ga JR Harajuku. Tôi muốn đến cầu vượt bộ hành ở Harajuku. Nó sẽ cho tôi một tầm nhìn

bao quát, nhưng cũng sẽ dễ dàng khiến tôi bị lộ, vì vậy tôi sẽ không thể nán lại đó lâu.

Tôi tính toán thời gian thật khéo. Tôi chỉ phải đợi trên cầu vượt khoảng một phút thì thấy cô ấy. Cô ấy đang đi tới từ tòa nhà của mình và rẽ phải vào đại lộ Omotesando. Tôi sẽ dễ dàng theo cô ấy từ chỗ đó.

Tóc cô ấy được buộc theo kiểu đuôi ngựa, đôi mắt đen giấu sau cặp kính râm. Cô ấy đang mặc chiếc quần đen bó sát và cái áo len cổ chữ V màu đen, sai bước tự tin, có chủ đích. Tôi phải thừa nhận rằng trông cô ấy thật đẹp.

Đủ rồi, tôi tự nhủ. Cô ta đẹp hay xấu cũng chẳng liên quan gì đến chuyện này.

Cô ấy đang xách một cái túi mua sắm, nhờ vào màu gỗ thích nổi bật của nó mà tôi nhận ra nó thuộc hãng Mulberry, một hãng sản xuất đồ da của Anh. Họ có một cửa hàng ở Minami Aoyama, và tôi tự hỏi có phải cô ấy đang mang thứ gì đó đi trả không.

Nửa chừng đến đường Aoyama, cô ấy rẽ vào cửa hàng Paul Stuart. Tôi có thể theo cô ấy vào đó, vờ như tình cờ chạm trán cô ấy, nhưng tôi tò mò muốn biết cô ấy còn định đi đâu nữa, và quyết định chờ đợi. Tôi rẽ vào Fouchet Gallery phía đường đối diện, ngắm nghía vài bức tranh ở chỗ tôi có thể nhìn ra ngoài đường trong khoảng hai mươi phút, cho đến khi cô ấy bước ra, tay cầm một cái túi mua sắm của hãng Paul Stuart.

Điểm dừng tiếp theo của cô ấy là Nicole Farhi London. Lần này tôi đợi cô ấy ở Aoyama Flower Market, nằm ở tầng trệt của tòa nhà La Mia. Từ đó, cô ấy tiếp tục rẽ vào một loạt những con phố nhỏ vô danh ở Omotesando, thi thoảng dừng lại để ngó qua một cửa hàng, cho đến khi tới đường Koto thì rẽ phải. Tôi đi theo cô ấy, duy trì vị trí đằng sau và ở phía lề bên kia, cho đến khi thấy cô ấy rẽ vào Le Ciel Bleu.

Tôi bước vào cửa hàng Tokyo J. M. Weston, ngắm nghía những đôi giày làm thủ công trong các tủ kính bày hàng với một góc độ cho

phép tôi quan sát được Le Ciel Bleu. Tôi suy ngẫm. Có vẻ như cô ấy chủ yếu chuộng đồ Âu. Cô ấy tránh những cửa hàng to, kể cả những cửa hàng sang trọng. Và có vẻ sắp đi trọn một vòng quăng đường đưa cô ấy về lại cán hộ của mình. Và cô ấy vẫn đang xách cái túi Mulberry.

Nếu cô ấy thực sự đang trên đường đem trả thứ gì đó, tôi sẽ có cơ hội tới đó trước. Đó là một điều mạo hiểm bởi vì nếu tôi đợi sẵn ở đó mà cô ấy lại đi đường khác thì tôi sẽ mất dấu cô ấy. Nhưng nếu tôi đoán đúng và có mặt ở điểm dừng tiếp theo trước khi cô ấy tới, cuộc gặp gỡ sẽ có vẻ giống với một sự tình cờ hơn là kết quả của một cuộc theo dõi.

Tôi rời cửa hàng Weston và đi thật nhanh ngược lên đường Koto, vừa đi vừa nhìn các tủ kính bày hàng để ngoảnh mặt khỏi vị trí của Midori. Khi đã ra khỏi tầm nhìn của Le Ciel Bleu, tôi băng sang đường và đi vào cửa hàng Mulberry. Tôi dạo bước qua gian hàng dành cho nam giới, nói với bà chủ rằng tôi chỉ xem đồ thôi, và bắt đầu ngắm nghía vài cái va li đang trưng bày.

Năm phút sau, cô ấy bước vào cửa hàng như tôi đã hi vọng, gỡ cặp kính râm và đáp lại lời chào *irasshaimase* của bà chủ với một cái cúi đầu nhẹ nhàng. Giữ cô ấy trong giới hạn tầm nhìn ngoại biên của mình, tôi nhắc một cái va li lên, như thể đang kiểm tra trọng lượng của nó. Từ góc độ này, tôi cảm thấy ánh mắt cô ấy dừng lại ở tôi và nán lại lâu hơn mức một cái liếc mắt không chủ đích quanh cửa hàng cho phép. Tôi kiểm tra cái va li lần cuối, rồi đặt nó xuống giá và ngẩng lên. Cô ấy vẫn đang nhìn tôi, đầu khẽ nghiêng sang bên phải.

Tôi chớp mắt một lần, như thể ngạc nhiên, và tiến đến chỗ cô ấy. “Cô Kawamura,” tôi nói bằng tiếng Nhật. “Quả là một bất ngờ thú vị. Tôi mới gặp cô ở Câu lạc bộ Alfie hôm thứ sáu vừa rồi. Cô là một nghệ sĩ tuyệt vời.”

Cô ấy âm thầm đánh giá tôi một lúc lâu trước khi trả lời, và tôi mừng vì canh bạc của mình đã thắng lợi. Tôi cảm nhận rằng người

phụ nữ thông minh này sẽ hoài nghi những sự tình cờ, và nếu tôi bước sau, cô ấy có thể sẽ ngờ rằng mình đã bị theo dõi.

“Vâng, tôi nhớ,” cuối cùng cô ấy nói. “Anh là người nghĩ rằng nhạc jazz giống như tình dục.” Trước khi tôi có thể nghĩ ra một câu đáp thích hợp, cô ấy tiếp tục, “Anh không cần phải nói như thế, anh biết đấy. Anh có thể cố gắng khoan dung hơn.”

Lần đầu tiên, tôi có cơ hội nhìn thấy thân hình cô ấy. Cô ấy mảnh mai và có tay chân dài, có lẽ được di truyền từ cha cô ấy, người có chiều cao nổi trội khiến tôi dễ dàng theo dõi trên phố Dogenzaka. Đôi vai cô ấy rộng và hòa hợp với cái cổ dài duyên dáng. Khuôn ngực nhỏ, và, tôi khó lòng ngăn mình không để ý, cân đối bên dưới cái áo len. Làn da trên vùng ngực để lộ của cô ấy đẹp tuyệt: mịn màng và trắng ngần, được đóng khung trong thứ màu đen đối lập của cái áo cổ chữ V.

Tôi nhìn vào đôi mắt đen của cô ấy, và cảm thấy thôi thúc đấu khẩu thường lệ đã tiêu tan đâu mất. “Cô nói đúng, tôi nói. “Tôi xin lỗi.”

Cô ấy chớp mắt và lắc đầu. “Anh có thích buổi biểu diễn không?”

“Rất thích. Tôi có đĩa CD của cô, và đã nuôi ý định đi nghe cô và nhóm tam tấu của cô từ lâu rồi. Nhưng tôi phải đi đi lại lại nhiều quá, và mãi đến bây giờ mới có cơ hội đầu tiên.”

“Anh đi những đâu vậy?”

“Chủ yếu là Mỹ và châu Âu. Tôi là một nhà tư vấn,” tôi nói với giọng điệu ám chỉ rằng công việc sẽ là một chủ đề nhàm chán với tôi. “Chẳng hề thú vị như một nghệ sĩ dương cầm chơi nhạc jazz.”

Cô ấy mỉm cười. “Anh nghĩ làm nghệ sĩ dương cầm chơi nhạc jazz là thú vị ư?”

Cô ấy có thói quen lặp lại điều cuối cùng người khác vừa nói như một nhà thẩm vấn, khuyến khích họ chia sẻ thêm. Điều này không có tác dụng với tôi. “Chà, để tôi nói rõ hơn nhé,” tôi nói. “Tôi không nhớ có ai từng gợi ý với tôi rằng công việc tư vấn giống với tình dục cả.”

Cô ấy ngửa đầu ra sau và cười, không thèm làm cái điệu bộ dễ thương không cần thiết của phụ nữ Nhật điển hình là lấy tay che miệng, và một lần nữa tôi sững sốt trước sự tự tin lạ thường của cô ấy.

“Rất hay,” cô ấy nói sau một thoáng ngừng, khoanh tay trước ngực và đôi môi vẫn tủm tỉm.

Tôi mỉm cười đáp lại. “Hôm nay cô có kế hoạch gì vậy? Đi mua sắm một chút à?”

“Một chút. Còn anh?”

“Giống như cô thôi. Đã đến lúc tôi cần mua một cái va li mới. Những nhà tư vấn như bọn tôi phải giữ gìn hình ảnh, cô biết đấy.” Tôi liếc nhìn túi đồ cô ấy đang xách. “Tôi thấy cô có vẻ chuộng đồ của Paul Stuart. Đó sẽ là điểm đến tiếp theo của tôi.”

“Đó là một cửa hàng tốt. Tôi biết nó từ hồi còn ở New York, và đã rất vui khi họ mở một chi nhánh ở Tokyo.”

Tôi khẽ nhướn mày. “Cô từng ở New York một thời gian dài à?”

“Ngắn thôi,” cô ấy nói với nụ cười mỉm mỉm, nhìn thẳng vào mắt tôi.

Chết tiệt, cô ấy thật ghê gớm, tôi nghĩ. Hãy thử thách cô ấy. “Tiếng Anh của cô thế nào?” Tôi hỏi, không dùng tiếng Nhật nữa.

“Đủ dùng,” cô ấy nói, không lờ một nhịp.

“Cô muốn uống một tách *cawfee** không?” Tôi hỏi, vẫn nói tiếng Anh và dùng giọng Brooklyn.

Cô ấy lại mỉm cười. “Giọng anh khá chuẩn đấy.”

“Lời mời của tôi cũng thành thật như vậy.”

“Tôi tưởng anh định đến Paul Stuart.”

“Tôi đã định thế. Nhưng chợt thấy khát quá. Cô biết tiệm cà phê Tsuta không? Nó tuyệt lắm. Và ở ngay gần đây, trên một con phố nhánh của đường Koto thôi.”

Tay cô ấy vẫn khoanh trước ngực. “Tôi không biết.”

“VẬY thì cô phải thử nó. Cà phê bà Koyama pha chế là ngon nhất Tokyo này đấy, và cô có thể vừa uống vừa nghe Bach hoặc Chopin, nhìn ra một khu vườn bí mật tuyệt vời.”

“Một khu vườn bí mật?” Cô ấy hỏi, câu giờ, tôi biết mà. “Bí mật gì vậy?”

Tôi nhìn cô ấy với vẻ nghiêm túc. “Bà Koyama nói rằng nếu tôi tiết lộ với cô, tôi sẽ phải giết cô. Vì vậy tốt hơn là cô nên tự mình đến xem.”

Cô ấy lại cười, bị dồn vào thế bí nhưng có vẻ không bận tâm. “Tôi nghĩ tôi cần biết tên anh trước,” cô ấy nói.

“Fujiwara Junichi,” tôi đáp, cúi đầu một cách máy móc. Fujiwara là họ của cha tôi.

Cô ấy cúi đầu đáp lại. “Hân hạnh được gặp anh, anh Fujiwara.”

“Hãy để tôi giới thiệu cô với Tsuta,” tôi nói, mỉm cười, và chúng tôi khởi hành.

Quãng đường đến Tsuta mất chưa đến năm phút, vừa đi chúng tôi vừa nói chuyện về những thay đổi của thành phố trong những năm qua, về nỗi tiếc nhớ của chúng tôi với ngày xưa, khi đại lộ trước mặt công viên Yoyogi cấm tất cả xe cộ vào các ngày chủ nhật và tổ chức một lễ hội hóa trang sôi động, khi diện mạo của nhạc jazz Nhật mới đang hình thành trong một nghìn quán bar dưới tầng hầm và tiệm cà phê, khi chưa có Tòa thị chính mới bóng bẩy ở Shinjuku và khu vực này vẫn còn tràn ngập những ước mơ, lãng mạn và can đảm. Tôi thích nói chuyện với cô ấy, và biết rằng trong chừng mực nào đó, điều này thật kì lạ, thậm chí có thể gây phiền phức.

Chúng tôi đã gặp may, và một trong hai cái bàn trông ra khu vườn bí mật của Tsuta qua một cửa sổ ngắm cảnh cỡ lớn vẫn đang còn trống và chờ đợi chúng tôi. Nếu chỉ có một mình, tôi thường chọn ngồi ở quầy, thích thú quan sát những thao tác chuẩn bị cà phê đầy thành kính của bà Koyama, nhưng hôm nay tôi muốn một không khí có lợi hơn cho cuộc trò chuyện. Mỗi người chúng tôi gọi một tách cà

phê đen nhỏ đặc trưng của quán, được pha chế từ loại cà phê rang kỹ nguyên chất nhất, và ngồi vuông góc với nhau, để cả hai đều có thể nhìn thấy khu vườn.

“Cô sống ở Tokyo bao lâu rồi?” Tôi hỏi, khi chúng tôi đã yên vị.

“Thật ra tôi cứ đi đi về về ấy mà,” cô ấy nói, chậm rãi khuấy một thìa đường trong tách cà phê đen. “Hồi nhỏ tôi có vài năm sống ở nước ngoài, nhưng chủ yếu lớn lên ở Chiba, thành phố cạnh đây. Hồi niên thiếu tôi thường xuyên đến Tokyo, cố gắng lén vào các câu lạc bộ nhạc sống và nghe jazz. Sau đó tôi sang New York bốn năm, học ở trường Julliard. Và cuối cùng lại trở về Tokyo. Còn anh?”

“Cũng như cô thôi - đi đi về về suốt cả cuộc đời.”

“Và anh học được cách gọi cà phê đúng giọng New York ở đâu vậy?”

Tôi nhấp một ngụm chất lỏng đắng đót trước mặt và cân nhắc câu trả lời. Tôi hiếm khi chia sẻ những chi tiết tiểu sử của mình. Những việc tôi đã làm, và tiếp tục làm, đã nhuộm lên người tôi một vết nhớ, như Jake Khùng từng nói, và, cho dù dấu vết đó là vô hình đối với phần lớn thế giới rộng lớn ngoài kia, nhưng tôi luôn ý thức được sự tồn tại của nó. Sự thân mật không còn là điều quen thuộc với tôi. Đôi khi tôi nhận ra với một chút tiếc nuối rằng có lẽ nó không còn tồn tại nữa.

Tôi không có mối quan hệ tình cảm thực thụ nào ở Nhật từ khi ẩn mình trong bóng tối. Có vài cuộc hẹn hò hời hợt mà tôi đi gặp cho có lệ. Tatsu, và vài người bạn khác mà tôi không còn gặp gỡ nữa, thi thoảng cố gắng giới thiệu tôi với những người phụ nữ mà họ biết. Nhưng những mối quan hệ ấy sẽ đi đến đâu, khi hai chủ đề nói rõ tôi nhất lại là điều cấm kỵ, không thể đề cập tới? Thử tưởng tượng ra cuộc đối thoại này xem: “Tôi từng phục vụ quân đội ở Việt Nam.” “Sao lại thế được?” “Tôi mang trong mình nửa dòng máu Mỹ, cô thấy đấy, một người lai.”

Thi thoảng tôi gặp một vài phụ nữ hành nghề *mizu shobai*, cách Nhật Bản gọi kỹ nữ. Chúng tôi quen nhau đã lâu nên mối quan hệ giữa chúng tôi không còn dựa trên cơ sở “tiền trao cháo múc” nữa, thay thế cho nó là những món quà đắt tiền, và trong chừng mực nào đó chúng tôi thậm chí còn cảm mến nhau. Họ đều cho rằng tôi đã có vợ, một giả định khiến tôi dễ dàng giải thích thói quen cảnh giác của mình. Và giả định đó cũng hợp lý hóa cho tính thất thường, lúc có lúc không của mối quan hệ giữa chúng tôi, và sự kín tiếng của tôi về những chi tiết cá nhân.

Nhưng Midori cũng khá kín tiếng về cô ấy, dù cô ấy vừa mở lòng kể cho tôi nghe một chút về tuổi thơ. Tôi biết rằng nếu tôi không đáp lại, tôi sẽ không biết được gì thêm về cô ấy.

“Tôi lớn lên ở cả hai đất nước,” tôi nói sau một khoảng lặng kéo dài. “Tôi chưa bao giờ sống ở New York, nhưng thi thoảng có đến đó, và biết vài ngữ giọng ở đó.”

Đôi mắt cô ấy mở to. “Anh lớn lên cả ở Nhật và Mỹ ư?”

“Sao lại thế được?”

“Mẹ tôi là người Mỹ.”

Tôi nhận thấy một chút tập trung cao độ trong ánh mắt cô ấy, khi cô ấy lần đầu tìm kiếm những nét Tây phương trên khuôn mặt tôi. Anh vẫn có thể phát hiện ra nó, nếu anh biết anh đang tìm kiếm cái gì.

“Trông anh không... Ý tôi là, tôi nghĩ hẳn là anh giống bố hơn.”

“Điều đó làm vài người khó chịu.”

“Điều gì cơ?”

“Việc tôi có vẻ là người Nhật, nhưng thực sự thì không phải.”

Trong thoáng chốc, tôi nhớ lại lần đầu tiên nghe thấy từ *ainoko*, con lai. Chuyện đó xảy ra ở trường, và tối hôm đó tôi đã hỏi bố tôi về nó. Ông cau mày và chỉ nói, “*Taishita koto nai**.” Nhưng chẳng mấy chốc, tôi đã phải nghe từ đó phát ra từ miệng bọn *ijimekko*, bọn đầu gấu ở trường, khi chúng xúm vào đánh tôi, và tôi đã vỡ nhẽ.

Cô ấy mỉm cười. “Tôi không biết những người khác thế nào. Nhưng với tôi, điểm giao thoa văn hóa là nơi mọi thứ hấp dẫn nhất.”

“Vậy sao?”

“Dĩ nhiên. Nhìn nhạc jazz xem. Bắt nguồn từ người Mỹ da đen, rồi lan tỏa đến Nhật và toàn thế giới.”

“Những người như cô thật hiếm. Người Nhật có tiếng là phân biệt chủng tộc mà.” Tôi nhận ra giọng điệu cay đắng hơn mình định.

“Tôi không biết là đất nước này lại phân biệt chủng tộc đến thế. Nó chỉ bị cô lập quá lâu, và chúng ta luôn e sợ những cái mới lạ.”

Thông thường tôi sẽ thấy bức mình với sự lí tưởng hóa kiểu đó trước cái thực tại hoàn toàn trái ngược, nhưng tôi nhận ra Midori chỉ đang gán cảm nghĩ tốt đẹp của cô ấy cho mọi người xung quanh. Nhìn vào đôi mắt đen nghiêm túc của cô ấy, tôi không nén nổi nụ cười. Cô ấy mỉm cười đáp lại, đôi môi căng mọng hé mở và đôi mắt ánh lên, và tôi phải nhìn đi chỗ khác.

“Sẽ như thế nào khi lớn lên như vậy nhỉ, ở cả hai đất nước, hai nền văn hóa?” Cô ấy hỏi. “Điều đó hẳn phải tuyệt vời lắm.”

“Thật ra cũng khá bình thường,” tôi nói, theo phản xạ.

Cô ấy ngừng lại, tách cà phê đưa nửa chừng đến miệng. “Tôi không hiểu sao một chuyện như thế lại có thể được coi là ‘bình thường’.”

Cẩn thận, John. “Không. Thật ra đó là một điều khó khăn. Tôi đã phải rất vất vả để hòa nhập ở cả hai nơi.”

Tách cà phê tiếp tục được đưa lên, và cô ấy nhấp một ngụm. “Anh sống ở đâu nhiều hơn?”

“Tôi sống ở Nhật đến năm mười tuổi, sau đó chủ yếu sống ở Mỹ. Tôi quay lại đây vào đầu những năm tám mươi.”

“Với cha mẹ?”

Tôi lắc đầu. “Không. Họ đều đi xa rồi.”

Tôi nhấn mạnh từ *đi xa*, và cô ấy gật đầu thông cảm. “Từ lúc anh còn nhỏ?”

“Mới mười mấy tuổi,” tôi nói chung chung, vẫn cố gắng giữ sự mập mờ mỗi khi có thể.

“Thật khủng khiếp, khi mất cả cha lẫn mẹ lúc còn quá nhỏ như vậy. Anh có gần gũi với họ không?”

Gần gũi ư? Mặc dù khuôn mặt tôi mang đậm những nét đặc trưng châu Á của ông, và ông đã kết hôn với một người Mỹ, nhưng tôi tin rằng cha tôi có một sự coi trọng quá mức về vấn đề chủng tộc như một người Nhật điển hình. Việc tôi bị bắt nạt ở trường đã khiến ông vừa tức giận vừa xấu hổ.

“Khá gần gũi, tôi cho rằng vậy. Họ mất lâu rồi mà.”

“Anh có nghĩ đến chuyện quay lại Mỹ không?”

“Có lúc tôi đã nghĩ vậy,” tôi nói, nhớ lại rằng mình đã bị cuốn vào công việc này thế nào đến nỗi bây giờ có vẻ như tôi đã bị gắn với nó vĩnh viễn. “Sau khi quay lại Nhật lúc trưởng thành, trong mười năm đầu, lúc nào tôi cũng tự nhủ rằng tôi sẽ chỉ ở thêm một năm nữa thôi rồi sau đó quay lại. Bây giờ thì tôi thực sự không còn nghĩ như vậy nữa.”

“Anh có cảm thấy Nhật Bản là nhà của mình không?”

Tôi nhớ lại điều Jake Khùng đã nói với tôi, ngay trước khi tôi làm điều cậu ta đề nghị. *Chúng ta không có nơi nào là nhà, John ạ. Sau những gì chúng ta đã làm.*

“Tôi cho rằng nó đã trở thành nhà của tôi,” tôi nói sau một lúc lâu. “Còn cô? Cô có muốn quay lại sống ở Mỹ không?”

Cô ấy đang nhẹ nhàng gõ gõ lên tách cà phê, những ngón tay chuyển động như sóng gợn từ ngón út đến ngón trỏ, và tôi nghĩ, *Cô ấy đang biểu diễn tâm trạng của mình. Bàn tay tôi sẽ làm gì nếu tôi có thể làm việc đó?*

“Tôi thực sự yêu New York,” cô ấy nói sau một thoáng, mỉm cười trước một kí ức nào đó, “và tôi muốn quay lại nơi ấy, dù chỉ trong một thời gian. Quản lí của tôi nghĩ rằng ban nhạc không còn cách thành công bao xa nữa. Chúng tôi sẽ có một buổi biểu diễn ở Vanguard vào tháng mười một; điều đó sẽ thực sự đưa tên tuổi chúng tôi xuất hiện trên bản đồ âm nhạc.”

Village Vanguard, thánh địa của nhạc jazz sống ở Manhattan. “Vanguard ư?” Tôi nói, bị ấn tượng. “Nó đã có lịch sử lâu đời. Coltrane, Miles Davis, Bill Evans, Thelonious Monk, toàn những người nổi tiếng.”

“Đó là một cơ hội lớn,” cô ấy nói, gật đầu.

“Cô có thể dùng nó làm đòn bẩy, biến New York thành bộ phóng cho cô, nếu cô muốn.”

“Chúng tôi sẽ xem thế nào. Đừng quên là tôi đã từng sống ở New York. Đó là một nơi tuyệt vời, có lẽ là nơi thú vị nhất mà tôi từng ở. Nhưng sống ở đó cũng giống như đang bơi dưới mặt nước vậy, anh biết chứ? Ban đầu anh cảm thấy anh có thể bơi như vậy mãi, quan sát mọi thứ từ một góc nhìn mới, nhưng cuối cùng anh cũng phải ngoi lên hít thở không khí. Sau bốn năm, tôi đã trở về nhà.”

Đây chính là cơ hội tốt để bắt đầu. “Hẳn là cha mẹ nuông chiều cô lắm, nên mới sẵn sàng để cô sống ở nước ngoài lâu như vậy.”

Cô ấy mỉm cười gượng gạo. “Mẹ tôi mất hồi tôi còn nhỏ - giống như anh vậy. Cha tôi đã gửi tôi đến Julliard. Ông ấy yêu nhạc jazz và rất hoan hỉ khi tôi muốn trở thành một nghệ sĩ dương cầm chơi nhạc jazz.”

“Mama nói với tôi ông ấy vừa mất,” tôi nói, nghe thấy âm điệu đều đều của những lời nói ấy vang vọng trong tai. “Tôi rất tiếc.” Cô ấy cúi đầu đáp lại lời chia buồn của tôi, và tôi hỏi, “Ông ấy làm nghề gì?”

“Ông ấy là một quan chức.” Đây là một nghề danh giá ở Nhật Bản, và từ *kanryo* trong tiếng Nhật không có những ý nghĩa tiềm ẩn tiêu cực giống như từ tương đương với nó trong tiếng Anh.

“Thuộc bộ nào?”

“Trong phần lớn sự nghiệp, ông ấy thuộc Kenketsusho.” Bộ Xây dựng.

Chúng tôi đang có vài bước tiến triển. Tôi nhận ra sự lợi dụng này đang khiến tôi khó chịu. *Kết thúc trò phỏng vấn này thôi, tôi nghĩ. Rồi biến đi thật lẹ. Cô ấy làm mà bị phân tán tư tưởng; thật là nguy hiểm.*

“Xây dựng hẳn là một lĩnh vực ngọt ngào đối với một người mê nhạc jazz,” tôi nói.

“Thi thoảng nó cũng khiến ông ấy không thoải mái,” cô ấy thừa nhận, và đột nhiên tôi cảm nhận được sự thận trọng của cô ấy. Tư thế cô ấy không thay đổi, vẻ mặt vẫn vậy, nhưng không hiểu sao tôi biết cô ấy đã định nói nhiều hơn nhưng rồi lại thôi. Nếu tôi có động đến một vấn đề nhạy cảm, thì cô ấy cũng không để lộ cho tôi biết. Cô ấy không mong tôi nhận ra điều đó.

Tôi gật đầu, hi vọng nó mang tính an ủi. “Tôi có biết đôi chút về việc không thoải mái trong môi trường của mình. Ít nhất con gái của cha cô không có những vấn đề như thế - biểu diễn ở Alfie là việc rất có ý nghĩa với một nghệ sĩ dương cầm chơi nhạc jazz.”

Tôi cảm thấy sự căng thẳng kéo dài thêm một giây, rồi cô ấy khẽ cười như thể đã quyết định buông bỏ điều gì đó. Tôi không chắc mình đã chạm phải vấn đề gì và sẽ suy nghĩ về nó sau.

“Chà, bốn năm ở New York,” tôi nói. “Quả là một thời gian dài. Cô hẳn phải có một cách nhìn rất khác khi cô quay về.”

“Đúng vậy. Người từ nước ngoài trở về không còn là người đã rời đi ban đầu.”

“Ý cô là gì?”

“Quan điểm của anh thay đổi. Anh không còn coi mọi điều là chuyện đương nhiên như trước đây nữa. Chẳng hạn, ở New York, tôi nhận thấy khi một chiếc tắc xi tạt đầu một chiếc tắc xi khác, người tài xế bị tạt đầu sẽ luôn quát tháo người tài xế kia và làm thế này” - cô ấy

bắt chước một cách hoàn hảo một cử chỉ khiếm nhã của cánh tài xế tắc xi ở New York - “và tôi nhận ra đó là vì người Mỹ cho rằng đối phương cố tình làm thế, nên họ muốn dạy cho người đó một bài học. Nhưng anh biết đấy, ở Nhật, người ta hầu như không bao giờ bực tức trong những tình huống như vậy. Người Nhật coi lỗi lầm của người khác là một việc không chủ định, như thời tiết ấy, tôi nghĩ vậy, chứ không phải như một điều đáng để giận dữ. Tôi đã không nghĩ tới điều đó trước khi sống ở New York.”

“Tôi cũng nhận ra sự khác biệt đó. Tôi thích cách của người Nhật hơn. Đó là một điều đáng ao ước.”

“Nhưng anh là ai? Người Nhật hay người Mỹ? Ý tôi là cách nhìn của anh,” cô ấy vội vã nói thêm, vì sợ xúc phạm đến tôi khi hỏi một câu quá thẳng thừng như vậy.

Tôi nhìn cô ấy, thoáng nghĩ đến cha cô. Tôi nghĩ về những người mà tôi đã và đang làm việc cùng, và tự hỏi cuộc sống của tôi sẽ thay đổi thế nào nếu tôi chưa bao giờ biết họ. “Tôi không rõ nữa,” cuối cùng tôi nói, nhìn đi chỗ khác. “Như cô có vẻ đã nhận thấy lúc ở Alfie, tôi không phải là người độ lượng cho lắm.”

Cô ấy ngừng lại. “Tôi có thể hỏi anh một câu không?”

“Dĩ nhiên,” tôi đáp, không biết điều gì sẽ xảy đến.

“Ý anh là gì, khi anh nói chúng tôi đã “cứu” anh?”

“Đó chỉ là một cách bắt chuyện thôi,” tôi nói. Lời giải thích ấy nghe có vẻ khiếm nhã, và khi nhìn vào mắt cô ấy, tôi lập tức nhận ra đó là một câu đáp sai lầm.

Mày phải bộc lộ với cô ấy một chút, tôi lại nghĩ, không rõ liệu tôi đang thỏa hiệp hay đang biện minh. Tôi thở dài. “Tôi đang nói về những điều tôi đã làm, những điều mà tôi biết - hoặc cứ nghĩ rằng tôi biết - là đúng đắn,” tôi nói, chuyển sang tiếng Anh, nó khiến tôi thấy thoải mái hơn khi trò chuyện về chủ đề này. “Nhưng sau đó hóa ra lại không phải. Thi thoảng những điều đó lại ám ảnh tôi.”

“Ám ảnh anh ư?” Cô ấy hỏi, không hiểu rõ ý tôi.

“*Borei no yo ni.*”

“Tiếng đàn của tôi đã xua những hồn ma đó đi à?”

Tôi gật đầu và mỉm cười, nhưng nụ cười ấy thật buồn. “Đúng vậy. Tôi sẽ phải nghe nó thường xuyên hơn.”

“Bởi vì chúng sẽ quay lại?”

Chúa ơi, John, chấm dứt chuyện này thôi. “Đúng hơn là chúng vẫn luôn ở đó. *Sugita koto wa, sugita koto da.*”

“Anh có những điều hối tiếc ư?”

“Chẳng phải ai cũng vậy sao?”

“Có lẽ. Nhưng những nỗi hối tiếc của anh có giống như của những người khác không?”

“Tôi không biết. Tôi không hay so sánh.”

“Nhưng anh vừa làm vậy đó thôi.”

Tôi cười. “Cô thật ghê gớm” là tất cả những gì tôi có thể nói.

Cô ấy lắc đầu. “Tôi không cố tình như vậy.”

“Tôi nghĩ là có đấy. Nhưng đó lại là một ưu điểm của cô.”

“Còn về câu nói “Tôi chỉ hối tiếc những gì mình chưa làm”?”

Tôi lắc đầu. “Câu nói đó chỉ đúng với người khác. Một người chắc hẳn cả đời chỉ ru rú trong xó nhà.”

Tôi biết hôm nay tôi sẽ không biết được gì thêm về cha cô ấy hay người lạ mà không đưa ra những câu hỏi sẽ tiết lộ mục đích thật của tôi khi hỏi chúng. Đã đến lúc kết thúc cuộc trò chuyện này rồi.

“Cô còn định đi mua gì nữa không?” Tôi hỏi.

“Tôi cũng định mua thêm vài món, nhưng chưa đầy một giờ nữa tôi phải đi gặp một người ở Jinbocho.”

“Một người bạn à?” Tôi hỏi, tò mò theo thói quen nghề nghiệp.

Cô ấy mỉm cười. “Quản lí của tôi.”

Tôi thanh toán và quay lại phố Aoyama. Các đám đông đã thưa dần, không khí lạnh lẽo và âm u. Nhiệt độ đã hạ xuống trong hơn hai tuần qua từ khi tôi xử lí Kawamura. Tôi ngẩng lên và nhìn những đám mây dày đặc.

Tôi đã cảm thấy vui vẻ hơn nhiều so với dự tính - hay đúng hơn là, so với mong muốn. Nhưng cái lạnh cắt đứt sự mơ màng của tôi, khơi dậy những kí ức và những mối nghi ngờ. Tôi liếc nhìn khuôn mặt Midori, ngẫm nghĩ, *Mình đã làm gì đối với cô ấy? Mình đang làm gì?*

“Sao vậy?” Cô ấy hỏi, nhìn vào mắt tôi.

“Không có gì. Tôi chỉ thấy mệt thôi.”

Cô ấy nhìn sang bên phải, rồi lại nhìn tôi. “Như thế anh đang nhìn ai đó vậy.”

Tôi lắc đầu. “Chỉ có chúng ta thôi.”

Chúng tôi bước đi, tiếng bước chân khẽ khua vang. Rồi cô ấy hỏi, “Anh sẽ đến xem tôi biểu diễn nữa chứ?”

“Tôi mong là thế.” Một câu nói xuân ngốc. Nhưng tôi không nhất thiết phải thực hiện lời hứa này.

“Tôi sẽ chơi ở Blue Note vào thứ sáu và thứ bảy.”

Tôi biết,” tôi nói, lại một câu ngớ ngẩn nữa, và cô ấy mỉm cười.

Cô ấy vẫy một chiếc tắc xi. Tôi giữ cửa xe cho cô ấy khi cô ấy bước vào trong, một phần phiền phức trong tôi tự hỏi sẽ ra sao nếu tôi vào cùng cô ấy. Khi chiếc xe lăn bánh, cô ấy hạ kính cửa sổ xuống và nói, “Anh hãy đến một mình nhé.”

8

THỨ SÁU TUẦN SAU, tôi nhận được một tin nhắn khác từ Harry, dặn tôi kiểm tra Bulfinch của chúng tôi.

Cậu ta đã tìm hiểu được rằng người lạ trên tàu hỏa thực sự là một phóng viên: Franklin Bulfinch, trưởng đại diện của tạp chí *Forbes* ở Tokyo. Bulfinch là một trong năm người đàn ông nước ngoài sống trong tòa chung cư Daikanyama mà tôi đã thấy người lạ đi vào; tất cả những gì Harry cần làm là đối chiếu những cái tên cậu ta tìm thấy trong danh bạ địa phương với những hồ sơ chính được lưu trữ ở Cục Nhập cư. Các hồ sơ của Cục Nhập cư lưu trữ thông tin về tất cả những công dân người nước ngoài sinh sống ở Nhật, bao gồm tuổi tác, nơi sinh, địa chỉ, nghề nghiệp, dấu vân tay, và một bức ảnh. Với thông tin này, Harry có thể nhanh chóng xác định rằng những người nước ngoài còn lại đều không khớp với sự mô tả của tôi. Cậu ta cũng đã sốt sắng đánh cắp và tải ảnh của Bulfinch lên để tôi có thể xác nhận rằng chúng tôi đang nói về cùng một người. Và kết quả đúng là vậy.

Harry khuyên tôi vào trang forbes.com, nơi lưu trữ các bài báo của Bulfinch. Tôi kiểm tra trang web đó, và dành vài tiếng đồng hồ để đọc các mô tả của Bulfinch về những liên minh đáng ngờ giữa chính phủ và *yakuza*, về việc đảng Dân chủ Tự do sử dụng sự hăm dọa và hối lộ để điều khiển báo chí như thế nào, về tác động tiêu cực của toàn bộ nạn tham nhũng này với những người dân Nhật Bản bình thường ra sao.

Các bài báo bằng tiếng Anh của Bulfinch không có mấy tác động ở Nhật, và các phương tiện truyền thông đại chúng trong nước rõ ràng chẳng mặn mà gì với những nỗ lực của gã. Tôi cho rằng điều này sẽ

khiến gã bực bội. Mặt khác, có lẽ đó cũng là lí do tôi chưa được giao nhiệm vụ trừ khử gã.

Tôi đoán rằng Kawamura là một trong những nguồn cung cấp tin cho Bulfinch, do đó gã phóng viên mới có mặt trên tàu vào buổi sáng hôm đó và kiểm tra người Kawamura. Tôi cảm thấy có chút ngưỡng mộ khó hiểu với sự gan lì của gã: nguồn cung cấp tin đang bị đau tim ngay trước mặt gã, và tất cả những gì gã làm là lục lọi các túi của người đó để tìm vật người đó định giao cho gã.

Ai đó hẳn đã phát hiện ra mối quan hệ giữa họ, cho rằng việc xóa sổ một trưởng đại diện người nước ngoài là quá liều lĩnh, và quyết định chỉ trừ khử kẻ làm rò rỉ thông tin. Việc này phải có vẻ tự nhiên, nếu không họ chẳng khác nào đem thêm lửa đến cho cái cối xay của Bulfinch. Vì vậy họ đã gọi tôi.

Được rồi. Không có một kẻ dự bị nào cả. Tôi đã hiểu lầm Benny. Tôi có thể bỏ qua chuyện này được rồi.

Tôi nhìn đồng hồ. Chưa tới 5 giờ. Nếu muốn, tôi có thể dễ dàng đến Blue Note lúc 7 giờ, khi suất diễn đầu tiên bắt đầu.

Tôi thích nhạc của cô ấy và tôi thích bầu bạn với cô ấy. Cô ấy hấp dẫn, và, tôi cảm nhận được, cũng bị tôi hấp dẫn. Quả là sự kết hợp tuyệt diệu.

Cứ đi đi, tôi nghĩ. Sẽ thú vị lắm đây. Ai biết chuyện gì sẽ xảy ra sau đó? Có thể là một đêm tuyệt vời. Sức hấp dẫn giữa mày và cô ấy đã quá rõ ràng. Chỉ là người tình một đêm thôi. Được đấy.

Nhưng đó chỉ là những suy nghĩ nhảm nhí. Tôi không dám chắc chuyện gì sẽ xảy ra sau buổi biểu diễn của cô ấy, nhưng Midori không giống như người tình một đêm. Đó chính là lí do tôi muốn gặp cô ấy, và cũng là lí do khiến tôi không thể làm vậy.

Mày bị làm sao vậy? Tôi nghĩ. Mày cần gọi điện cho một trong những người quen của mày. Keiko chẳng hạn, cô ấy thường làm mày vui. Một bữa tối muộn, có thể là ở cái nhà hàng Italy nho nhỏ ở Hibiya đó, chút rượu vang, một cái khách sạn.

Tuy nhiên, lúc này, ý nghĩ về một đêm với Keiko khiến tôi chán nản lạ lùng. Có lẽ nên đi luyện tập thể lực thì tốt hơn. Tôi quyết định tới Kodokan, một trong những nơi tôi tập judo.

Kodokan, hay “Trường học đạo”, được thành lập năm 1882 bởi Kano Jigoro, người sáng lập môn võ judo hiện đại. Sau một thời gian theo học tại nhiều trường kiếm thuật và quyền cước, Kano đã rút ra một hệ thống các kỹ thuật chiến đấu mới dựa trên nguyên tắc tối đa hóa hiệu quả việc áp dụng sức mạnh thể chất và tinh thần. Nói một cách nôm na, judo tương đương với vật phương Tây giống như karate tương đương với đấm bốc vậy. Đó là một hệ thống không bao gồm những cú đấm và đá, mà là quăng quật và vật lộn, nổi bật với một tập hợp những đòn khóa khớp hiểm hóc và những kỹ thuật siết cổ trí mạng, dĩ nhiên tất cả những ngón đòn ấy phải được sử dụng với sự cẩn thận tuyệt đối trong võ đường. *Judo* có nghĩa đen là “phương pháp mềm dẻo” hoặc “phương pháp nhượng bộ”. Tôi tự hỏi Kano sẽ nghĩ gì về cách dịch của tôi.

Ngày nay Kodokan nằm trong một tòa nhà tám tầng không có gì nổi bật và hiện đại không ngờ ở khu Bunkyo, phía tây nam công viên Ueno và chỉ cách chỗ tôi ở vài cây số. Tôi đi tàu điện ngầm đến Kasuga, nhà ga gần nhất, thay quần áo tập trong phòng thay đồ, rồi leo cầu thang đến *daidojo*, phòng tập chính, nơi đội Đại học Tokyo đang ghé thăm. Sau khi tôi quật ngã *uke** đầu tiên một cách dễ dàng và khiến cho cậu ta phải chào thua với một đòn siết cổ, họ đều xếp hàng để được giao đấu với võ sĩ dày dạn kinh nghiệm là tôi. Họ trẻ và dẻo dai nhưng không phải là đối thủ của tuổi già và sự xảo trá; sau khoảng nửa tiếng *randori** liên tục, tôi vẫn luôn là người thắng cuộc, đặc biệt là với các bài tập cơ bản.

Một đôi lần, khi tôi quay lại tư thế *hajime** sau một cú quật ngã đối thủ, tôi nhận thấy một *kurobi** người Nhật đang khởi động ở góc thảm tập. Đai của y bị sờn rách và có màu xám hơn là màu đen, chứng

tỏ rằng y đã đeo nó nhiều năm trời. Thật khó để đoán tuổi của y. Mái tóc y đen và dày dặn, nhưng khuôn mặt có những nếp hằn mang đậm dấu ấn của thời gian và sự từng trải. Những động tác của y vẫn còn rất trẻ trung; y đang xoay chân một cách dễ dàng. Có vài lần tôi cảm nhận được y đang chăm chú quan sát tôi, mặc dù tôi chưa bao giờ bắt gặp y nhìn về phía mình.

Tôi cần nghỉ ngơi và cáo lỗi với những sinh viên đại học đang xếp hàng, họ vẫn đang đợi để thử dũng khí của mình với tôi. Cảm giác hạ được những *judoka** bằng nửa tuổi mình thật là tuyệt, và tôi tự hỏi liệu tôi còn có thể làm vậy bao lâu nữa.

Tôi đi tới mép thảm tập và, vừa duỗi tay duỗi chân, tôi vừa quan sát gã đeo đai sẫm rách. Y đang khởi động bằng đòn *harai-goshi** với một cậu sinh viên có thân hình chắc nịch và để đầu đỉnh. Y vào đòn mạnh đến mức tôi bắt gặp cậu sinh viên nhăn mặt vài lần khi cơ thể họ va nhau.

Y hoàn thành xong bài tập và cảm ơn cậu sinh viên, sau đó bước tới chỗ tôi và cúi đầu. “Anh sẽ đấu một ván *randori* với tôi chứ?” Y hỏi, bằng thứ tiếng Anh có trọng âm nhẹ nhàng.

Tôi ngẩng lên và nhận thấy một cặp mắt mãnh liệt và cái hàm bành bạnh dữ dằn, nụ cười của y cũng không giúp chúng trở nên mềm mại hơn. Tôi đã cảm giác đúng về chuyện y quan sát tôi, cho dù tôi không bắt được quả tang. Y đã nhìn ra những nét Tây phương trên khuôn mặt tôi chẳng? Có lẽ vậy, và y chỉ muốn thử sức với một *gaijin* - mặc dù, theo kinh nghiệm của tôi, đó là một trò chỉ dành cho những *judoka* trẻ tuổi hơn y. Và tiếng Anh của y, hay chí ít là cách phát âm, rất xuất sắc. Điều đó cũng thật kì cục. Những người Nhật háo hức với việc đọ sức với người nước ngoài nhất thường là những người có ít

kinh nghiệm với họ, và tiếng Anh của họ sẽ thường phản ánh sự thiếu tiếp xúc này.

“*Kochira koso onegai shimasu**,” tôi trả lời. Tôi bực mình vì y nói với tôi bằng tiếng Anh, và tôi vẫn nói tiếng Nhật. “*Nihongo wa dekimasu ka?**”

“*Ei, mochiron. Nihonjin desu kara**” y đáp, phẫn nộ.

“*Kore wa shitsuri: shimasita. Watashi mo desu. Desu ga, hatsuon ga amari migoto datta no de...**”

Y cười. “Cách phát âm của anh cũng vậy. Tôi hi vọng judo của anh cũng không thua kém gì.” Nhưng vì tiếp tục nói với tôi bằng tiếng Anh, y đã tránh phải thừa nhận sự thật trong lời khen của y.

Tôi vẫn bực bội, và có phần thận trọng. Tôi nói tiếng Nhật như người bản xứ, tiếng Anh của tôi cũng vậy, nên việc khen ngợi tôi về khả năng sử dụng cả hai thứ tiếng đó vốn đã là một sự xúc phạm. Và tôi muốn biết tại sao y lại cho rằng tôi nói tiếng Anh.

Chúng tôi tìm thấy một chỗ trống trên thảm tập và cúi người chào nhau, sau đó bắt đầu đi vòng quanh, mỗi người đều cố gắng nắm được áo đối thủ ở vị trí thuận lợi. Y cực kì thoải mái và di chuyển thật nhẹ nhàng. Tôi nhử y bằng đòn *deashi-barai*, một đòn quét chân, định bụng dùng tiếp đòn *osoto-gari*, nhưng y đã chặn lại bằng một đòn quét chân khác và vật tôi xuống thảm tập.

Mẹ kiếp, y nhanh thật. Tôi lăn người dậy và chúng tôi lại đứng vào vị trí, lần này đi vòng quanh theo hướng ngược lại. Lỗ mũi y khẽ phập phồng với từng nhịp thở, nhưng đó là dấu hiệu duy nhất cho thấy y đã phải vận nhiều sức.

Tôi dùng tay trái túm chặt tay áo phải của y, những ngón tay bấu sâu vào lớp vải. Một tư thế đẹp cho đòn *ippon seonagi**. Nhưng y đã đề phòng điều đó. Thay vào đó, tôi quét chân thật mạnh để chuẩn bị

cho đòn *sasae-tsurikomi-goshi*, xoay người bên trong sự kìm kẹp của y và gồng người để quật ngã y. Nhưng y đã tiên liệu trước động tác này, xoay hông tránh được trước khi tôi kịp chặn y lại và ngáng đường lùi về của tôi bằng chân phải của y. Tôi bị mất thăng bằng và y quật ngã tôi thật mạnh bằng đòn *tai-otoshi*, hất tôi ngã nhào qua ống chân y và dúi tôi xuống thảm tập.

Y quật ngã tôi thêm hai lần nữa trong năm phút tiếp theo. Cứ như đang chống chọi với một thác nước vậy.

Tôi bắt đầu thấm mệt. Tôi nhìn y và nói, “*Jaa, tsugi o saigo ni shimasho ka?**”

“*Ei, so shimasho**,” y nói, nhún lên nhún xuống trên những đầu ngón chân.

Được lắm, thăng khôn, tôi nghĩ. Tao có một bất ngờ nhỏ cho mày. Để xem mày thích nó thế nào nhé.

Juji-gatame, có nghĩa là “khóa thập tự”, là một đòn khóa khuỷu tay được đặt tên theo góc độ tấn công của nó. Khi thực hiện ngón đòn này theo cách cổ điển, người tấn công sẽ nằm ở vị trí vuông góc với đối thủ, cả hai đều nằm ngửa, tạo nên hình dạng của một cây thập tự. Một sự thay đổi về vị trí - những người cổ điển sẽ gọi là hoán chuyển - được gọi là *juji-gatame bay*, nghĩa là người tấn công thực hiện đòn khóa ngay từ tư thế đứng. Bởi vì nó đòi hỏi sự chú tâm cao độ, và số lần thực hiện thất bại cũng tương đương với số lần thành công, nên biến thể này hiếm khi được thử, và không được biết đến nhiều.

Nếu gã này không quen thuộc với nó, gã sẽ được giới thiệu về nó.

Tôi đi vòng quanh với vẻ phòng thủ, thở hồng hộc, cố gắng tỏ ra mệt mỏi hơn thực tế. Ba lần tôi giữ được cú tóm của y và né tránh quanh người y như thể đang miễn cưỡng giao đấu. Cuối cùng y tức giận và mắc bẫy, vươn bàn tay trái hơi quá sâu để tóm lấy ve áo phải

của tôi. Ngay khi y tóm được ve áo tôi, tôi liền nắm lấy cánh tay y và ngửa đầu về đằng sau, tung hai chân lên như thể tôi là một vận động viên nhảy cầu đang thực hiện một cú nhảy lộn nhào. Đầu tôi hạ xuống giữa hai bàn chân y, sức nặng của cơ thể tôi giật y chúm người xuống, bàn chân phải của tôi ấn chặt vào nách bên trái của y, khiến y mất thăng bằng. Trong một giây chớp nhoáng, trước khi y ngã nhào qua người tôi, tôi thấy sự kinh ngạc tột độ trên khuôn mặt y. Sau đó chúng tôi đều nằm trên thảm và tôi đã khóa được cánh tay y, bẻ ngược nó lại từ chỗ khuỷu tay.

Y giãy giụa và cố gắng thoát ra nhưng không thể. Cánh tay y đã bị duỗi căng tới mức giới hạn của sự cử động tự nhiên. Tôi vận thêm chút lực nữa nhưng y vẫn không chịu đầu hàng. Tôi biết rằng chỉ khoảng hai milimét nữa thôi là khuỷu tay y sẽ bị duỗi căng quá mức. Bốn milimét nữa là cánh tay y sẽ bị gãy.

“*Maita ka**?” tôi nói, cúi đầu về phía trước để nhìn y. Y đang nhăn nhó vì đau đớn nhưng lời đi lời tôi nói.

Thật ngu ngốc khi cố chống lại một đòn khóa tay chắc chắn. Ngay cả trong thi đấu Olympic, *judoka* sẽ chọn đầu hàng thay vì đối mặt với việc bị gãy tay. Chuyện này đang trở nên nguy hiểm.

“*Maita ka*” tôi lặp lại, gay gắt hơn. Nhưng y vẫn chống cự.

Thêm năm giây nữa trôi qua. Tôi sẽ không buông y ra nếu y không chịu đầu hàng, nhưng tôi cũng không muốn làm y gãy tay. Tôi tự hỏi chúng tôi có thể duy trì tư thế này bao lâu nữa.

Cuối cùng y vỗ nhẹ vào chân tôi bằng bàn tay còn lại, cách đầu hàng của *judoka*. Tôi lập tức buông y ra và đẩy người ra xa khỏi y. Y lăn người dậy và rời quỳ gối trong tư thế *seiza** cổ điển, lưng giữ thẳng đứng và giữ cánh tay trái thẳng dơ trước mặt. Y xoa xoa khuỷu tay trong vài giây và nhìn tôi chăm chú.

“*Subarashikatta**” y nói. “Tôi sẽ yêu cầu một trận đấu lại, nhưng tôi không nghĩ hôm nay cánh tay tôi sẽ cho phép điều đó.”

“Anh nên đầu hàng sớm hơn,” tôi nói. “Chẳng ích gì khi cưỡng lại một đòn khóa tay. Tốt hơn là nên giữ cho tay chân mình được nguyên vẹn để phục thù vào một ngày khác.”

Y gật đầu đồng ý. “Tôi cho rằng đó là vì sự kiêu hãnh ngốc nghếch của tôi.”

“Tôi cũng không thích đầu hàng. Nhưng anh đã thắng bốn hiệp đầu tiên. Tôi rất muốn đổi lấy cái thành tích đó của anh.” Y vẫn đang dùng tiếng Anh; còn tôi đang đáp lại bằng tiếng Nhật.

Tôi ngời đối diện y trong tư thế *seiza*, và chúng tôi cúi chào nhau. Khi chúng tôi đứng dậy, y nói, “Cảm ơn anh về bài học này. Tôi chưa bao giờ thấy biến thể đó của *juji-gatame* được thực hiện thành công trong *randori*. Lần sau tôi sẽ biết không được đánh giá thấp sự liêu lĩnh của anh.”

Tôi đã biết điều đó. “Anh tập luyện ở đâu?” Tôi hỏi y. “Tôi chưa thấy anh ở đây bao giờ.”

“Tôi tập trong một câu lạc bộ tư,” y nói. “Có lẽ một lúc nào đó anh có thể tham gia với chúng tôi. Chúng tôi luôn tìm kiếm *judoka* nào có *shibumi*.” *Shibumi* là một khái niệm mỹ học của Nhật Bản. Đó là một loại sức mạnh tinh tế, một sức mạnh có vẻ tự nhiên. Theo một nghĩa hẹp hơn, liên quan đến trí tuệ, nó có thể được gọi là sự khôn ngoan.

“Tôi không chắc tôi là người mà anh đang tìm kiếm. Câu lạc bộ của anh ở đâu?”

“Ở Tokyo,” y nói. “Chắc là anh chưa từng nghe tên nó đâu. Câu lạc bộ của tôi không dành cho người nước ngoài.” Y mau chóng sửa lại lời nói. “Nhưng, dĩ nhiên, anh là người Nhật.”

Có lẽ tôi nên bỏ qua chuyện này mới phải. “Vâng. Nhưng anh lại tiếp cận tôi bằng tiếng Anh.”

Y ngừng lại. “Anh chủ yếu mang những nét đặc trưng của người Nhật, nếu tôi có thể nói vậy. Tôi nghĩ mình đã phát hiện thấy một chút dấu vết Tây phương, và muốn thỏa mãn bản thân. Tôi thường rất nhạy cảm với những vấn đề như thế này. Nếu tôi nhầm, anh chỉ đơn giản sẽ không hiểu tôi, vậy thôi.”

Trình sát bằng hỏa lực, tôi nghĩ. Anh thử bắn vào rặng cây; nếu có người bắn trả, anh sẽ biết là họ ở đó. “Anh có thấy thỏa mãn không?” Tôi hỏi, tỉnh táo kiểm chế sự bực bội.

Trong một thoáng, tôi nghĩ trông y có vẻ khó chịu một cách kì cục. Rồi y nói, “Anh có phiền không nếu tôi nói thẳng?”

“Nãy giờ anh còn chưa nói thẳng sao?”

Y cười. “Anh là người Nhật, nhưng cũng là người Mỹ, đúng không?”

Tôi cẩn thận giữ vẻ mặt bình thản.

“Tuy nhiên, tôi nghĩ anh có thể hiểu tôi. Tôi biết người Mỹ ngưỡng mộ sự thẳng thắn. Đó là một trong những đặc điểm khó chịu của họ, và càng khó chịu hơn nữa khi họ luôn lấy làm tự hào vì điều đó. Và nét tính cách khó chịu ấy hiện đang tiêm nhiễm sang cả tôi! Anh có thấy mối đe dọa của nước Mỹ đối với nước Nhật không?”

Tôi nhìn y, tự hỏi phải chăng y là một kẻ hữu khuynh lập dị. Thi thoảng anh vẫn chạm trán những người như vậy - họ tuyên bố là ghét cay ghét đắng nước Mỹ nhưng không thể cưỡng lại sức mê hoặc của nó. “Người Mỹ đang... gây ra quá nhiều những cuộc đối thoại thẳng thắn ư?” Tôi hỏi.

“Tôi biết anh đang bông đùa, nhưng trong chừng mực nào đó, thì đúng là như vậy. Người Mỹ là những nhà truyền giáo, như những tín đồ Cơ Đốc đến Kyushu để cải đạo chúng tôi năm trăm năm trước. Chỉ có điều, bây giờ họ không chỉ truyền bá đạo Cơ Đốc, mà còn cả Lối sống Mỹ, đó mới thực là thứ tôn giáo thiêng liêng chính thức của nước Mỹ. Sự thẳng thắn chỉ là một khía cạnh tương đối nhỏ của nó.

Tại sao không vui đùa một chút nhỉ? “Anh cảm thấy mình đang bị cải đạo à?”

“Dĩ nhiên. Người Mỹ tin vào hai điều: thứ nhất, bất chấp kinh nghiệm hằng ngày và nhận thức thông thường, họ tin rằng “tất cả mọi người sinh ra đều bình đẳng”; và thứ hai, niềm tin tuyệt đối vào thị trường là cách tốt nhất để ổn định xã hội. Nước Mỹ luôn cần những ý niệm trừu tượng như thế để gắn kết các công dân của nó, những người đến từ những nền văn hóa khác nhau trên thế giới. Và sau đó người Mỹ hướng đến việc chứng minh tính phổ quát của những quan niệm này, và giá trị của chúng, bằng cách biến cải các nền văn hóa khác sang nền văn hóa của họ một cách hung hăng. Trong một bối cảnh tôn giáo, hành vi này sẽ được coi là sự truyền giáo từ nguồn gốc đến hệ quả.”

“Đó là một giả thuyết thú vị,” tôi thừa nhận. “Nhưng thái độ hung hăng với những nền văn hóa khác chưa bao giờ là độc quyền của người Mỹ. Anh giải thích thế nào về lịch sử xâm lược của Nhật Bản ở Triều Tiên và Trung Quốc? Phải chăng đó là những nỗ lực để cứu châu Á khỏi sự chuyên chế của các lực lượng thị trường phương Tây?”

Y cười. “Anh lại đùa nữa rồi, nhưng cách giải thích của anh không quá xa sự thật. Bởi vì các lực lượng thị trường - sự cạnh tranh - là thứ đẩy người Nhật vào các cuộc xâm lược thuộc địa. Các nước phương Tây đã được nhượng cho các tô giới ở Trung Quốc - nước Mỹ đã thể chế hóa hành động cướp bóc ở châu Á với chính sách “Mở cửa”. Chúng tôi còn lựa chọn nào khác ngoài việc nhận phần tô giới của chúng tôi, để Mỹ và các nước phương Tây không thể bao vây và chặn đứng những nguồn cung cấp nguyên liệu thô của chúng tôi?”

“Hãy nói thật với tôi,” tôi nói, cảm thấy hứng thú dù đã cố kìm chế. “Anh có thực sự tin vào toàn bộ điều này? Rằng người Nhật không bao giờ muốn chiến tranh, rằng phương Tây đã gây ra tất cả? Bởi vì người Nhật đã phát động các chiến dịch xâm lược Triều Tiên

đầu tiên ngay từ thời Hideyoshi*, hơn bốn trăm năm trước. Làm thế nào phương Tây gây ra việc đó được?”

Y nhìn thẳng vào mặt tôi và đưa người ra đằng trước, hai ngón tay cái móc vào obi*, những ngón chân kiễng lên. “Anh không hiểu ý tôi. Nhật Bản đi xâm lược trong nửa đầu của thế kỉ này là để phản ứng với sự hiếu chiến của phương Tây. Còn trước đó thì lại có những nguyên nhân khác, ngay cả những nguyên nhân thấp hèn như khao khát quyền lực và lợi nhuận. Chiến tranh là một phần bản chất con người, và người Nhật chúng tôi là con người, *ne*? Nhưng chúng tôi không bao giờ đánh nhau, chúng tôi chắc chắn không bao giờ tạo ra những loại vũ khí hủy diệt hàng loạt, để bắt thế giới tin vào sự đúng đắn của một quan niệm. Chỉ có nước Mỹ mới làm thế.”

Y vươn lại gần hơn. “Chiến tranh luôn đồng hành với thế giới và sẽ luôn như vậy. Nhưng còn những cuộc Thập tự chinh tri thức? Gây chiến trên quy mô toàn cầu, được hậu thuẫn bởi những nền kinh tế công nghiệp hiện đại, với sự đe dọa về một *hỏa hình* hạt nhân cho những kẻ không tin theo? Chỉ có nước Mỹ mới gây ra những thứ đó.”

Chà, điều đó đã khẳng định cho triệu chứng hữu khuynh lập dị. “Tôi đánh giá cao cuộc nói chuyện thẳng thắn của anh với tôi,” tôi nói, khẽ cúi đầu. “*Ii benkyo ni narimashita**.”

Y cúi đầu đáp lễ và bắt đầu lùi lại. “*Kochira koso**” Y cười, một lần nữa lại có vẻ khó chịu. “Có lẽ chúng ta sẽ còn gặp lại.”

Tôi nhìn y rời đi. Sau đó tôi bước tới chỗ một trong những người thường xuyên luyện tập ở đây, một võ sĩ kì cựu tên là Yamaishi, và hỏi xem liệu anh ta đã bao giờ trông thấy cái gã đang đi ra khỏi thảm tập kia chưa. “*Shiranai?*” anh ta nhún vai nói. “*Amari shiranai kao da. Da kedo, sugoku tsuyoku na. Randori, mita yo.**”

Tôi muốn nghỉ ngơi một lát để thân nhiệt hạ bớt trước khi tắm, vì vậy tôi đi xuống một *dojo** trống không trên tầng năm. Tôi không bật đèn lên khi bước vào. Căn phòng này tuyệt nhất khi chỉ được rọi sáng bởi công viên giải trí Korakuen, đang lấp lánh ánh đèn và âm ã sôi động ngay bên cạnh. Tôi cúi đầu trước bức ảnh của Kano Jigoro trên bức tường đối diện, sau đó lăn người theo kiểu *ukemi* đến giữa phòng. Đứng trong bóng tối tĩnh lặng, tôi nhìn sang Korakuen. Đúng lúc đó, tôi có thể nghe tiếng tàu lượn siêu tốc chậm chạp bò lên đỉnh, rồi tạm thời im ắng một lát, và sau đó là tiếng lao vun vút và những tiếng la hét thích thú của các hành khách, tiếng gió rít gào cuốn đi những tiếng thét của họ.

Tôi duỗi tay duỗi chân ở giữa phòng, bộ võ phục *judogi* dính vào da ướt nhẹp. Tôi đến Kodokan vì nó là địa điểm hàng đầu để học judo, nhưng, như chỗ tôi ở tại Sengoku, nơi này đã trở nên có ý nghĩa với tôi hơn nhiều so với lúc ban đầu. Tôi đã được trông thấy nhiều điều ở đây: một cựu chiến binh có mái tóc hoa râm, người đã tập judo hằng ngày trong nửa thập kỉ qua, kiên nhẫn chỉ bảo một đứa trẻ mặc một *gi** quá khổ rằng vị trí thích hợp để móc chân trong đòn *sankakujime* là đứng hơi chéo một chút, chứ không phải là ngay đằng sau, so với đối thủ của mình; một *sandan** trẻ, người đã rời tổ quốc Iran để đến tập luyện ở Kodokan bốn năm trước và hầu như không bỏ một buổi tập nào, luyện đi luyện lại đòn *osoto-gari* chính xác và thuần thục đến mức những động tác của anh ta đã trở nên giống như một sức mạnh thiên nhiên dữ dội, sự chuyển động của thủy triều, có lẽ vậy, hay một vũ công đã hóa thân thành điệu nhảy; một cậu sinh viên lặng lẽ khóc thầm sau khi bị thua trong một trận đấu, đám đông chỉ mãi hò reo chúc mừng kẻ chiến thắng và chẳng đoái hoài những giọt nước mắt đáng quý của cậu ta.

Chiếc tàu lượn siêu tốc đang tạo ra tiếng lách cách quen thuộc, ánh nắng cuối ngày đang tắt dần phía bên trên nó. Đã hơn bảy giờ, quá muộn để đến Blue Note. Như vậy cũng tốt.

9

VÌ KHÔNG CÓ KẾ HOẠCH GÌ đặc biệt vào ngày hôm sau, tôi quyết định ghé qua một hiệu sách cổ mà tôi thích ở Jinbocho, khu vực nổi tiếng vì có số lượng hiệu sách dày đặc, vài hiệu chuyên về sách phương Đông, những hiệu khác lại chuyên về sách phương Tây. Vài ngày trước, chủ hiệu sách đã báo cho tôi qua máy nhắn tin rằng ông ta đã tìm được và đang giữ cho tôi một bộ sách cũ về *shimewaza* - những kĩ thuật siết cổ - mà tôi đang tìm kiếm bấy lâu, để bổ sung vào bộ sưu tập khiêm tốn của tôi về *bugei*, võ thuật.

Tôi bắt tuyến tàu điện ngầm Mita ở ga Sengoku. Thi thoảng tôi dùng tàu điện ngầm, những lúc khác lại chọn đi bằng JR từ Sugamo. Lựa chọn ngẫu nhiên như vậy là cần thiết. Hôm nay bên ngoài nhà ga có một thầy tu mặc y phục của đạo Shinto đang đi quyên tiền. Có vẻ như dạo gần đây những gã này có mặt khắp nơi, không chỉ ở trước mặt quốc hội nữa. Tôi lên chuyển tàu đi về phía Onarimon và xuống ở Jinbocho. Tôi định rời nhà ga bằng lối ra gần hiệu sách Isseido nhất, nhưng vì mãi nghĩ đến Midori và Kawamura nên cuối cùng lại đi nhầm hành lang. Sau một ngã rẽ và nhìn thấy biển hiệu của tuyến Hanzoman, tôi nhận ra sự nhầm lẫn của mình, liền quay lại ngã rẽ vừa này.

Một gã người Nhật béo lùn đang rảo bước trên hành lang, cách tôi khoảng mười mét. Tôi nhìn thẳng vào mắt hắn khi hắn lại gần nhưng hắn chẳng đoái hoài đến tôi, vẫn nhìn thẳng về phía trước. Hắn đang mặc một bộ com lê kẻ sọc và chiếc áo sơ mi kẻ sọc. Chắc là hắn đã nghe ai đó nói rằng hoa văn kẻ sọc giúp người ta trông cao hơn.

Tôi liếc xuống phía dưới và tìm ra nguyên nhân vì sao tôi không nghe thấy tiếng hần đang đi tới: đôi giày đế cao su rẻ tiền. Nhưng hần đang xách một cái cặp ngoại giao màu đen trông có vẻ đắt tiền, một mẫu có nắp, có lẽ thuộc hãng Swaine Adeney. Một doanh nhân biết chọn những cái cặp ngoại giao tốt nhưng lại cho rằng không ai để ý đến đôi giày của hần sao? Có thể lắm. Nhưng đây thực sự không phải là khu vực dành cho các doanh nhân - Kasumigaseki hay Akasaka thì sẽ hợp lí hơn. Tôi biết đôi giày này sẽ mang lại sự thoải mái cho một chuyến đi bộ dài - như việc theo dõi ai đó chẳng hạn.

Ngoài cái cặp ngoại giao, tay hần không cầm một thứ gì nữa, nhưng tôi vẫn cảm thấy căng thẳng khi chúng tôi đi qua nhau. Ở hần toát lên điều gì đó làm tôi khó chịu. Tôi bước chậm lại một chút, ngoảnh nhìn qua vai, ghi nhớ cách hần bước đi. Những khuôn mặt có thể được cải trang một cách dễ dàng, quần áo có thể thay đổi trong phút chốc, nhưng không nhiều người che giấu được dáng đi. Đó chính là thứ tôi hay để ý. Tôi quan sát dáng đi của gã này - sai bước ngắn, cánh tay vung cao một cách cường điệu và có vẻ tự cao tự đại, đầu khẽ lắc lư - cho đến khi hần đi khuất sau ngã rẽ.

Tôi tiếp tục đi về hướng ngược lại, kiểm tra đằng sau trước khi rời nhà ga. Có lẽ chẳng có chuyện gì cả đâu, nhưng tôi sẽ ghi nhớ khuôn mặt và dáng điệu của hần, và để ý sau lưng như mọi lần, để xem hần có xuất hiện lần nữa không.

Cuốn *Những nguyên tắc siết cổ* vẫn còn trong tình trạng tốt, như chủ hiệu sách hứa hẹn, với một cái giá tương xứng, nhưng tôi biết tôi sẽ vô cùng yêu thích tập sách mỏng này. Mặc dù muốn rời đi ngay, nhưng tôi vẫn kiên nhẫn đợi ông ta bọc cuốn sách trong lớp giấy nâu dày cộp và buộc dây một cách cẩn thận, gần như kiểu cách. Ông ta biết đó không phải là một món quà, nhưng đây là cách để ông ta bày tỏ sự cảm kích với khách hàng đã mua nó và tôi sẽ là một kẻ thô lỗ nếu thúc giục ông ta. Cuối cùng, ông ta đưa cái gói cho tôi với đôi tay giơ

thăng ra đằng trước và cúi người thật sâu, và tôi nhận nó với tư thế tương tự, cúi đầu một lần nữa khi tôi rời đi.

Tôi quay lại tuyến tàu điện ngầm Mita. Nếu thực sự lo sợ có kẻ đang theo dõi, tôi sẽ bắt một chiếc tắc xi, nhưng tôi muốn xem liệu tôi có thể trông thấy Gã Xách Cặp Ngoại Giao lần nữa không. Tôi vẫn đứng đợi trên sân ga trong khi hai con tàu đã vào ga và rời đi. Bất cứ kẻ nào cố gắng theo dõi tôi cũng sẽ phải ở lại trên sân ga cùng tôi - một hành động phi lí khiến hẳn phải lộ diện. Nhưng sân ga vắng tanh, và Gã Xách Cặp Ngoại Giao đã hoàn toàn biến mất. Có lẽ chẳng có chuyện gì cả.

Tôi lại nghĩ đến Midori. Đây là đêm thứ hai của cô ấy ở Blue Note, và cô ấy sẽ bắt đầu màn trình diễn đầu tiên trong khoảng một tiếng nữa. Tôi tự hỏi cô ấy sẽ nghĩ gì khi tôi không đến lần thứ hai. Cô ấy cũng là một con người; có lẽ cô ấy sẽ cho rằng tôi không quan tâm đến cô ấy, rằng có lẽ cô ấy đã hơi quá sốt sắng khi mời tôi. Chưa chắc tôi sẽ được gặp lại cô ấy, hoặc giả như chúng tôi có tình cờ chạm trán nhau, việc đó sẽ khiến chúng tôi hơi lúng túng nhưng vẫn có thể tỏ ra lịch sự, hai con người gặp gỡ và bắt đầu một mối quan hệ không hiểu sao lại không tiến triển, rõ ràng chẳng có gì là bất thường cả. Có thể một lúc nào đó cô ấy sẽ hỏi Mama về tôi, nhưng tất cả những gì Mama biết là tôi thi thoảng ghé qua Alfie mà không báo trước.

Tôi tự hỏi sẽ như thế nào nếu chúng tôi gặp nhau trong những hoàn cảnh khác. *Có thể mình và cô ấy sẽ có một mối quan hệ tốt đẹp, tôi lại nghĩ.*

Tôi gần như bật cười trước sự vô lí ấy. Trong cuộc đời tôi làm gì có chỗ trống cho một thứ gì như thế, và tôi biết rõ điều đó.

Lời của Jake Khùng lại hiện lên trong tâm trí tôi: *Chúng ta không có nơi nào là nhà, John ạ. Sau những gì chúng ta đã làm.*

Đó là lời khuyên đúng đắn nhất tôi từng nhận được. *Quên cô ấy đi, tôi nghĩ. Mà biết mà phải làm vậy.*

Máy nhắn tin của tôi rung lên. Tôi tìm một chiếc điện thoại công cộng và bấm số điện thoại hiện lên trên đó.

Đó là Benny. Sau vài câu mật khẩu quen thuộc, hắn nói, “Lại có việc cho anh đây, nếu anh muốn làm.”

“Tại sao anh lại liên lạc với tôi bằng cách này?” Tôi hỏi, nghĩa là tại sao không dùng diễn đàn chuyên đề.

“Vì thời gian rất gấp. Anh có hứng thú không?”

“Tôi chưa bao giờ từ chối công việc.”

“Anh sẽ phải bỏ công một trong ba quy tắc của anh trong vụ này. Nếu nhận lời, anh sẽ được thưởng thêm một khoản.”

“Nói đi. Tôi đang nghe đây.”

“Đối tượng lần này là một phụ nữ. Một nghệ sĩ chơi nhạc jazz.”

Một khoảng im lặng kéo dài.

“Anh còn ở đó không?” Hắn nói.

“Vẫn đang nghe đây.”

“Nếu muốn biết chi tiết, anh biết phải tìm chúng ở đâu rồi đấy.”

“Tên gì?”

“Không nói qua điện thoại được.”

Lại một khoảng lặng khác.

Hắn hăng giọng. “Thôi được. Trùng tên với vụ vừa rồi. Có liên quan đến nhau. Điều đó có quan trọng không?”

“Không hẳn.”

“Anh muốn làm chứ?”

“Có lẽ là không.”

“Anh sẽ nhận được một khoản tiền thưởng đáng kể nếu anh muốn làm.”

“Bao nhiêu?”

“Anh biết phải tìm các chi tiết ở đâu mà.”

“Tôi sẽ xem xét.”

“Tôi cần câu trả lời trong vòng bốn mươi tám tiếng, được chứ? Vụ này cần được lo liệu cẩn thận.”

“Không phải vụ nào cũng thế à,” tôi nói, và gác máy.

Tôi vẫn đứng đó một lát, nhìn xung quanh nhà ga, quan sát mọi người hối hả qua lại.

Gã Benny khốn kiếp đã nói với tôi, “Vụ này cần được lo liệu cẩn thận,” điều đó có nghĩa là một kẻ khác sẽ làm việc này nếu tôi không nhận lời.

Tại sao lại là Midori? Vì sự liên lạc với Bulfinch, gã phóng viên chẳng? Tôi đã thấy gã đến tìm cô ấy ở Alfie, và bị Gã Gọi Điện Thoại theo dõi. Vậy thì dù Gã Gọi Điện Thoại làm việc cho ai, hẳn cũng sẽ cho rằng Midori đã biết được điều gì đó mà cô ấy không nên biết, hoặc có lẽ cha cô ấy đã đưa cho cô ấy thứ gì đó, một thứ mà Bulfinch đang tìm kiếm. Thứ gì đó không đáng để phải liều mạng.

Mày có thể làm được, tôi nghĩ. Nếu mày không làm, người khác sẽ làm. Chí ít mày cũng sẽ làm thật khéo, thật nhanh. Cô ấy sẽ không cảm thấy gì cả.

Nhưng đó chỉ là những lời nói. Tôi muốn mình cảm thấy như thế, nhưng không thể. Thay vào đó tôi lại mong muốn giá mà thế giới của cô ấy đừng bao giờ va chạm với thế giới của tôi.

Một con tàu của tuyến Mita vào ga, hướng về phía Otemachi, điểm trung chuyển đến Omotesando và Blue Note. Một điềm báo, tôi nghĩ, và lên nó.

10

NẾU MUỐN TỒN TẠI LÂU như tôi trong cái thế giới của tôi, anh phải suy nghĩ giống như đối thủ của mình. Tôi học được điều đó từ các băng nhóm săn đuổi tôi hồi tôi còn nhỏ, và trau dồi nó với SOG ở Campuchia. Anh phải tự hỏi rằng: Nếu mình muốn tóm được mình, mình sẽ bắt đầu như thế nào?

Khả năng dự đoán về thời gian và địa điểm chính là nguyên tắc cơ bản. Anh cần biết một người sẽ có mặt ở đâu và vào lúc nào. Anh biết được điều này bằng cách theo dõi, phân tích những lộ trình tới chỗ làm, những thời điểm mà mục tiêu đến và đi, cho đến khi anh xác định được một khuôn mẫu, và những vị trí yết hầu mà mục tiêu gần như chắc chắn luôn phải đi qua vào một thời điểm nào đó. Chọn một địa điểm dễ tấn công nhất trong số chúng, và đó chính là nơi anh sẽ mai phục.

Và nếu đó là điều anh đang làm, anh không nên quên rằng lúc nào cũng có người đang làm điều tương tự với anh. Suy nghĩ như vậy chính là thứ để phân chia các mục tiêu khó nhằn với các mục tiêu dễ dàng.

Nguyên tắc này cũng có tác dụng với việc ngăn chặn tội phạm. Nếu muốn giật nhanh một ít tiền mặt, anh sẽ đợi ở đâu? Gần một cây ATM, có lẽ thế, và có lẽ là vào buổi tối. Anh cũng sẽ phải tìm một địa điểm thích hợp, một nơi có kha khá khách bộ hành qua lại để anh không phải chờ đợi lâu, nhưng cũng không quá đông đến mức cản trở anh ra tay khi anh xác định được một mục tiêu thích hợp. Anh sẽ kiếm một chỗ tối đủ xa chiếc máy để mục tiêu không phát hiện ra anh, nhưng đủ gần để anh có thể xông tới ngay khi giao dịch tiền mặt được

thực hiện. Các đồn cảnh sát gần đó sẽ khiến anh căng thẳng, và có lẽ anh sẽ tìm kiếm một địa điểm tốt hơn. Vân vân. Nêu anh suy nghĩ như vậy, anh sẽ biết chính xác phải nhìn vào chỗ nào để phát hiện một kẻ đang ẩn nấp, và anh sẽ biết đâu là nơi anh dễ gặp nguy hiểm nhất, đâu là nơi anh cần phải đẩy cao cảnh giác.

Với Midori, sự theo dõi sát sao thậm chí là không cần thiết. Kế hoạch làm việc của cô ấy đã được công khai. Có lẽ đó là lí do Bulfinch biết phải tìm cô ấy ở Alfie. Và đó sẽ là cách dễ dàng nhất để người của Benny tìm ra cô ấy.

Từ Otemachi, tôi đi qua bảy trạm dừng trên tuyến tàu điện ngầm Chiyoda để đến Omotesando, rồi xuống tàu và đi cầu thang lên đường. Tôi đi vài bước tới Yahoo Café, một tiệm cà phê có các máy tính kết nối Internet. Tôi đi vào tiệm, trả tiền, và đăng nhập vào một chiếc máy tính. Với đường truyền T1* của tiệm cà phê, chỉ mất vài giây tôi đã truy cập được tài liệu mà Benny tải lên. Nó bao gồm một vài bức ảnh, địa chỉ nhà của Midori, một lịch trình biểu diễn với sự xuất hiện ở Blue Note tối nay, và những ám chỉ rằng công việc phải có vẻ tự nhiên. Họ đưa ra mức thù lao bằng đồng yên tương ứng với khoảng 150.000 đô la - một khoản thù lao đáng kể so với mức thông thường của chúng tôi.

Việc nhắc đến sự xuất hiện của cô ấy ở Blue Note tối nay, bắt đầu từ lúc 7 giờ, là một điềm xấu. Có thể dự đoán, thời gian và địa điểm. Nếu chúng muốn thủ tiêu cô ấy sớm, tối nay gần như là một thời điểm tốt khó mà bỏ qua được. Tuy nhiên, Benny đã nói rằng tôi có bốn mươi tám tiếng để báo lại với hãn, điều đó có nghĩa là cô ấy sẽ được an toàn ít nhất trong chừng ấy giờ đồng hồ.

Nhưng cho dù cô ấy có từng đó thời gian, tôi không biết làm cách nào để có thể kéo dài nó thành một tuổi thọ hợp lí. Cảnh báo cô ấy rằng có kẻ đã thuê người trừ khử cô ấy? Tôi có thể thử cách đó, nhưng cô ấy chẳng có lí do gì để tin tôi. Và cho dù cô ấy có tin chẳng nữa thì

tôi sẽ phải làm gì tiếp theo? Dạy cô ấy cách tự bảo vệ mình ư? Thuyết phục cô ấy tin vào những lợi ích của một cuộc sống ẩn trong bóng tối?

Nực cười. Thực sự thì tôi chỉ có thể làm một điều duy nhất. Dùng bốn mươi tám giờ đó để tìm hiểu xem tại sao người của Benny lại quyết định coi Midori là một cái gai cần nhổ bỏ và loại bỏ những lí do của quan điểm đó.

Tôi có thể đi bộ quãng đường khoảng một cây số để đến Blue Note, nhưng tôi muốn đi xe qua đó trước. Tôi bắt một chiếc tắc xi và bảo tài xế đưa tôi đi xuôi theo đường Koto, sau đó tôi mới tới Blue Note. Hi vọng là tình hình giao thông sẽ làm chậm tốc độ xe để tôi có thể liếc nhìn vài địa điểm nơi tôi sẽ đợi nếu tôi định chờ để theo dõi cô ấy bên ngoài.

Giao thông trì trệ như tôi đã hi vọng, và tôi có một cơ hội tốt để quan sát khu vực này khi chiếc tắc xi chậm chậm bò qua. Thực ra, chờ đợi một cách kín đáo bên ngoài Blue Note không phải là điều dễ dàng. Xung quanh nó chủ yếu là các cửa hàng hiện đã đóng cửa. Nhà hàng Caffee Idee bên kia đường, với cái ban công ngoài trời, sẽ cung cấp một tầm nhìn rõ ràng, nhưng Idee có một cầu thang lộ thiên dài, hẹp khiến việc ra vào mất nhiều thời gian nên nó không thích hợp làm một nơi để chờ đợi.

Mặt khác, anh sẽ không cần phải nán lại lâu. Anh có thể đến trước lúc một màn biểu diễn kết thúc khoảng năm phút. Màn biểu diễn thứ hai chưa bắt đầu, vì vậy nếu ai đó có ý định ghé thăm Midori sau buổi trình diễn tôi nay, hẳn có lẽ còn chưa đến.

Hoặc có thể hẳn đã ở bên trong, với tư cách một khán giả biết thưởng thức âm nhạc.

Tôi cho tắc xi dừng lại trước khi tới đường Omotesando, rồi xuống xe và đi bộ qua bốn khối nhà để quay lại Blue Note. Tôi cẩn thận quan sát những địa điểm đáng ngờ, nhưng không có gì bất thường.

Đã có một hàng người rồng rắn xếp hàng chờ đợi màn biểu diễn thứ hai. Tôi bước tới quầy bán vé, và được thông báo rằng vé xem màn biểu diễn thứ hai đã hết trừ phi tôi đã đặt chỗ trước.

Chết tiệt, tôi không nghĩ đến chuyện đó. Nhưng chắc là Midori đã lường trước, nếu cô ấy thực sự mong muốn tôi đến. “Tôi là bạn của cô Kawamura Midori,” tôi nói. “Fujiwara Junichi...”

“À,” nhân viên bán vé trả lời ngay lập tức. “Cô Kawamura đã dặn tôi có thể anh sẽ đến tối nay. Xin anh đợi ở đây - màn biểu diễn thứ hai sẽ bắt đầu trong mười lăm phút nữa, và chúng tôi muốn đảm bảo rằng anh có một chỗ ngồi tốt.”

Tôi gật đầu và bước tránh sang một bên. Đúng như lời người đó nói, năm phút sau đám đông từ màn biểu diễn đầu tiên bắt đầu lũ lượt kéo ra, và ngay khi họ đã tản đi hết, tôi được dẫn vào trong, đi dọc theo một cái cầu thang rộng và dốc, và được chỉ tới một cái bàn ngay trước sân khấu hiện vẫn còn trống.

Sẽ không ai nhầm lẫn Blue Note với Alfie. Trước hết, Blue Note có một cái trần cao tạo cảm giác rộng rãi hoàn toàn khác biệt với không khí thân mật và sự chật chội gần giống như hang động của Alfie. Ngoài ra, toàn bộ nơi này cũng có cảm giác sang trọng hơn: sàn nhà được trải thảm êm ái, tường ốp ván gỗ trông có vẻ đắt tiền, thậm chí còn có cả mấy chiếc máy vi tính màn hình phẳng trong phòng chờ để những người mắc chứng rối loạn ám ảnh - áp lực kiểm tra email vào lúc giải lao. Và đám đông ở Blue Note cũng khác: thứ nhất, bởi vì anh không thể nhét vừa cả một đám đông vào Alfie, và thứ hai, bởi vì những người ở Alfie tới đó chỉ vì âm nhạc, trong khi, ở Blue Note, người ta tới đó còn vì để được nhìn thấy.

Tôi nhìn quanh phòng khi đám đông khán giả của màn biểu diễn thứ hai ủa vào, nhưng không có gì bất thường khiến tôi phải chú ý.

Nếu mà muốn khử cô ấy, và mà có quyền lựa chọn chỗ ngồi, mà sẽ chọn chỗ nào? Mà sẽ ngồi gần một trong những lối vào của tầng này. Như vậy mà có thể thoát thân dễ dàng, nếu cần, và cả căn

phòng sẽ ở trước mặt mày, vì vậy mày có thể quan sát mọi người từ đằng sau, thay vì ngược lại.

Tôi xoay người và nhìn ra đằng sau như thể đang tìm người quen. Có một gã người Nhật, tầm bốn mươi lăm tuổi, đang ngồi tận phía cuối bên tay trái, gần một trong các lối ra. Những người ngồi cạnh gã đều đang nói chuyện với nhau; gã rõ ràng chỉ có một mình. Gã mặc một bộ com lê nhàu nhĩ, màu xanh nước biển đậm hay xám xám gì đó, vừa với gã như một ý nghĩ nảy ra quá muộn, vẻ mặt gã thờ ơ, quá thờ ơ theo cảm nhận của tôi. Đây là một đám đông bao gồm những kẻ mê nhạc đầy nhiệt tình, ngồi thành từng đôi và bộ ba, háo hức chờ đợi màn trình diễn. Gã Thờ Ơ có vẻ như đang cố giữ vẻ kín đáo. Tôi coi gã như một “ứng viên” nặng kí.

Tôi quay sang hướng bên kia. Cũng chỗ ngồi ấy, cuối cùng bên phải. Ba phụ nữ trẻ trông như nhân viên văn phòng đi chơi buổi tối. Rõ ràng không có vấn đề gì ở đó.

Gã Thờ Ơ có thể quan sát tôi trong buổi biểu diễn, và tôi cần tránh cái sai lầm về sự đơn độc đáng ngờ mà hẳn đã phạm phải. Tôi nói với những người ngồi xung quanh rằng tôi là bạn của Midori và đến đây theo lời mời của cô ấy; họ bắt đầu hỏi han tôi, và chẳng mấy chốc chúng tôi đã tán dóc với nhau như những người bạn lâu năm.

Một nữ nhân viên phục vụ đi qua và tôi gọi một chai Cragganmore mười hai năm tuổi. Những người xung quanh tôi cũng bắt chước. Tôi là một người bạn của Kawamura Midori, vì vậy dù thứ tôi gọi là gì thì nó hẳn cũng rất tuyệt. Họ có lẽ còn không biết thứ họ vừa gọi là scotch, vodka hay một loại bia mới.

Khi Midori và ban nhạc của cô ấy bước dọc theo lối đi sát mép phòng, mọi người bắt đầu vỗ tay. Lại thêm một điều khác biệt với Alfie: Ở đó, khi các nhạc công xuất hiện, căn phòng ngập tràn một sự im lặng thành kính.

Midori ngồi vào chỗ của mình bên chiếc piano. Cô ấy mặc chiếc quần jean màu xanh nhạt và một cái áo cánh nhung đen, cổ trễ và bó

sát, làn da cô ấy trắng lóa bên cạnh nó. Cô ấy cúi đầu về phía trước và chạm tay lên những phím đàn, và khán giả trở nên im lặng, chờ đợi. Cô ấy giữ nguyên tư thế đó một lúc, nhìn chăm chăm vào cây đàn piano, và rồi bắt đầu.

Cô ấy bắt đầu một cách chậm rãi, với phần trình diễn đầy e lệ bản “Brilliant Corners” của Thelonious Monk, nhưng nhìn chung cô ấy chơi mạnh mẽ hơn ở Alfie, với nhiều trường đoạn phiêu linh, phóng túng hơn, những nốt nhạc của cô ấy đôi lúc xung đột với tiếng bass và tiếng trống, nhưng lại đạt tới một sự hòa hợp trong vẻ đối nghịch ấy. Những đoạn riff* đầy giận dữ và được cô ấy kéo dài hơn, và khi cô ấy quay lại với bản nhạc, những nốt nhạc lại trở nên ngọt ngào nhưng anh vẫn có thể cảm nhận được một sự thất vọng ẩn chứa bên dưới.

Màn biểu diễn này diễn ra trong chín mươi phút, và tiếng nhạc cứ luân phiên thay đổi, lúc thì du dương bay bổng như sương khói, lúc lại buồn bã bi thương, rồi bỗng trở nên sôi nổi vui tươi, đánh tan sự u sầu. Midori kết thúc bằng một đoạn riff điên cuồng, náo nhiệt, và khi nó vừa dứt, tiếng vỗ tay vang lên như sấm. Midori đứng dậy để đón nhận sự tán thưởng ấy, đầu khẽ cúi xuống. Tay trống và tay guitar bass cười và lau mồ hôi trên mặt bằng khăn tay, và tiếng vỗ tay cứ kéo dài mãi. Midori đã đưa khán giả đến nơi mà âm nhạc dẫn cô ấy đến, giúp họ cảm nhận được những gì mà cô ấy cảm thấy khi chơi, và những tràng vỗ tay ngập tràn lòng biết ơn thực sự. Khi cuối cùng chúng cũng lắng xuống, Midori và nhóm nhạc rời sân khấu, và mọi người bắt đầu đứng dậy và lục tục di chuyển.

Vài phút sau cô ấy lại xuất hiện và len đến bên cạnh tôi. Khuôn mặt vẫn đỏ bừng sau màn biểu diễn. “Tôi đã nghĩ là tôi thấy anh ở đây,” cô ấy nói, khẽ ngoảnh nhìn tôi qua vai. “Cảm ơn vì anh đã tới.”

“Cảm ơn cô vì đã mời tôi. Họ đã chờ tôi sẵn ở chỗ quầy bán vé.”

Cô ấy mỉm cười. “Nếu tôi không dặn họ, anh sẽ không được vào, và anh không thể nghe rõ tiếng nhạc từ ngoài đường, đúng không?”

“Đúng vậy, chắc chắn là từ chỗ đang ngồi, tôi có thể cảm nhận tiếng đàn của cô tốt hơn,” tôi nói, nhìn xung quanh, như thể đang ngắm nghía sự hoành tráng của Blue Note, nhưng thực ra tôi đang theo dõi Gã Thờ Ơ.

“Anh muốn ăn gì không?” Cô ấy hỏi. “Tôi đang định đi ăn với ban nhạc.”

Tôi do dự. Tôi sẽ không có cơ hội điều tra thông tin từ cô ấy khi có mặt những người khác, và tôi không mặn mà gì với việc mở rộng mạng lưới người quen vốn luôn nhỏ hẹp của tôi.

“Ồ, hôm nay là đêm trọng đại của cô, buổi biểu diễn đầu tiên của cô ở Blue Note,” tôi nói. “Có lẽ cô muốn tự mình tận hưởng nó.”

“Không, không,” cô ấy nói, lại ngoảnh nhìn tôi qua vai. “Tôi muốn anh đi cùng mà. Và anh không muốn gặp những người còn lại trong nhóm nhạc sao? Tối nay họ thật tuyệt, đúng không?”

Mặt khác, tùy thuộc vào sự tiến triển của buổi tối nay, mà có thể có cơ hội nói chuyện riêng với cô ấy sau đó. “Đúng vậy. Khán giả rất thích cô và nhóm nhạc.”

“Chúng tôi đang nghĩ tới Living Bar. Anh có biết nó không?”

Tốt lắm, tôi nghĩ. Living Bar là một địa điểm rất có không khí ở Omotesando, được đặt tên một cách kì cục theo kiểu riêng của người Nhật. Nó ở ngay gần đây, nhưng chúng tôi sẽ phải rẽ ít nhất năm lần để tới được đó, như vậy tôi có thể kiểm tra đặng sau để xem liệu Gã Thờ Ơ có đi theo không.

“Dĩ nhiên là biết chứ. Đó là một chuỗi quán bar, đúng không?”

“Vâng, nhưng quán bar ở Omotesando là thú vị hơn cả. Họ phục vụ rất nhiều món ăn nhẹ hấp dẫn, và quầy bar cũng tuyệt lắm. Những chai rượu mạch nha đơn ở đó đều được tuyển lựa rất kĩ càng. Mama nói anh là một người sành sỏi.

“Mama tâm bực tôi đó thôi,” tôi nói, nghĩ rằng nếu tôi không cẩn thận, Mama sẽ lập cả một tập tài liệu chết tiệt về tôi và bắt đầu phân phát lung tung. “Để tôi trả tiền đồ uống đã.”

Cô ấy mỉm cười. “Chúng đã được thanh toán rồi. Đi thôi nào.”

“Cô đã trả tiền hộ tôi ư?”

“Tôi đã nói với quản lí rằng người ngồi giữa hàng đầu tiên là vị khách đặc biệt của tôi.” Cô ấy chuyển sang nói tiếng Anh “Vì vậy mọi thứ cứ tự nhiên như ở nhà, *ne?*” Cô ấy mỉm cười, hài lòng trước cơ hội được dùng thành ngữ này.

“Vây thì tốt quá,” tôi nói. “Cảm ơn cô.”

“Anh đợi tôi vài phút được không? Tôi cần vào hậu trường làm mấy việc.”

Chui vào hậu trường theo cô ấy là một việc quá khó. Nếu chúng định hành động, chúng sẽ làm bên ngoài. “Được,” tôi nói, đứng dậy và xoay người để lưng tôi quay về phía sân khấu và tôi có thể quan sát căn phòng. Nhưng lúc này có quá nhiều người đang đứng dậy và đi lại, và tôi không thể thấy Gã Thờ Ơ. “Cô muốn tôi đợi ở đâu?”

“Ngay ở đây - năm phút nữa.” Cô ấy quay gót và bước về phía hậu trường.

Mười lăm phút sau, cô ấy bước ra qua một tấm màn phía cuối sân khấu. Cô ấy đã thay một cái áo cổ lọ màu đen, băng lụa hoặc ca sơ mia mềm, và chiếc quần đen. Tóc cô ấy buông xõa xuống vai, ôm gọn khuôn mặt.

“Xin lỗi vì đã để anh phải đợi. Tôi muốn thay đồ - biểu diễn là một công việc vất vả mà.”

“Không sao,” tôi nói, nhìn cô ấy. “Trông cô tuyệt lắm.”

Cô ấy cười. “Đi thôi nào! Nhóm nhạc đã ra ngoài trước rồi. Tôi đang đói ngẫu đây.”

Chúng tôi tiến về phía cửa chính, đi ngang qua mấy fan hâm mộ vẫn còn nán lại để cảm ơn cô ấy. *Nếu mà muốn khử cô ấy và có thể tính toán thời gian thật khéo léo, tôi nghĩ, mà sẽ đợi ở chân cầu thang của Caffee Idee, ở đó mà sẽ quan sát được cả cửa chính và cửa*

phụ. Y như rằng, Gã Thờ Ơ đang ở đó, nhân nha dạo bước với sự hồ hững cố ý.

Bốn mươi tám giờ của Benny là thế này ư, tôi nghĩ. Có lẽ đó chỉ là cách để gã nói rằng “Quyết định ngay đi - lời đề nghị này sẽ hết hiệu lực vào lúc nửa đêm.” Một điều mà gã học được trong một khóa học kinh doanh ở đâu đó.

Tay guitar bass và tay trống đang đợi, và chúng tôi rảo bước tới chỗ họ. “Tomo, Ko, đây là Fujiwara Junichi, quý ông mà tôi đã nhắc đến,” Midori nói, chỉ vào tôi.

“*Hajimemashite?*” tôi nói, cúi người chào. “*Konya no enso wa saiko ni subarashikatta**.”

“Này, tối nay hãy dùng tiếng Anh đi,” Midori nói, chuyển sang tiếng Anh. “Anh Fujiwara, hai anh chàng này đều từng ở New York. Họ có thể gọi một chiếc tắc xi ở Brooklyn đúng điệu như anh vậy.”

“Vậy thì, xin hãy gọi tôi là John,” tôi nói. Tôi giơ tay ra cho anh chàng đánh trống.

“Anh có thể gọi tôi là Tom,” cậu ta nói, vừa bắt tay tôi vừa cúi đầu. Cậu ta có một vẻ cởi mở, gần như bông đùa, và ăn vận giản dị với quần jean, áo sơ mi vải oxford trắng và một cái áo vét blazer màu xanh nước biển. Có nét gì đó chân thành trong cái cách cậu ta kết hợp kiểu chào hỏi của phương Tây và Nhật Bản, và tôi thấy mến cậu ta ngay lập tức.

“Tôi nhớ là đã gặp anh ở Alfie,” tay bass nói, cẩn thận giơ tay ra. Gã ăn mặc có thể đoán trước được với chiếc quần jean, áo cổ lọ và áo vét blazer màu đen, bộ râu quai nón và cặp kính hình chữ nhật càng khiến vẻ ngoài của gã thêm dữ dằn.

“Tôi cũng vẫn nhớ cậu,” tôi nói, bắt tay gã và chú ý truyền vào cái siết tay của mình một chút ấm áp. “Tất cả các bạn đều rất tuyệt vời. Mama đã nói với tôi trước buổi biểu diễn rằng các bạn sẽ trở thành những ngôi sao, và tôi có thể thấy là bà ấy nói đúng.”

Có lẽ gã biết tôi đang nhìn gã, nhưng hẳn là gã vẫn còn có cảm giác lâng lâng sau buổi biểu diễn nên chẳng thèm bận tâm. Hoặc là khi nói tiếng Anh gã lại có một tính cách khác. Dù gì đi nữa, gã cũng trao cho tôi một nụ cười nhẹ bằng nhưng có vẻ chân thật và nói, “Cảm ơn lời khen tặng. Hãy gọi tôi là Ken.”

“Và hãy gọi tôi là Midori,” Midori xen vào. “Giờ thì đi thôi, trước khi tôi chết vì đói!”

Suốt chuyến đi bộ kéo dài mười phút đến *Za Ribingu Baa*, như cách người địa phương gọi nó, chúng tôi tán gẫu về jazz và cách chúng tôi khám phá ra nó. Mặc dù tôi lớn hơn người nhiều tuổi nhất trong số họ cả chục tuổi, nhưng về mặt triết học mà nói chúng tôi đều là những người theo chủ nghĩa thuần túy của trường phái Charlie Parker/Bill Evans/Miles Davis, và có thể dễ dàng trò chuyện cùng nhau.

Cứ chốc chốc tôi lại có cơ hội liếc ra đằng sau ở mỗi ngã rẽ. Vài lần như vậy, tôi phát hiện Gã Thờ Ơ đang đi theo sau. Tôi không nghĩ hẳn sẽ hành động khi Midori đang đi cùng những người này, nếu hẳn có ý định làm hại cô ấy.

Trừ phi chúng liều mạng, dĩ nhiên, trong trường hợp đó chúng sẽ chấp nhận mạo hiểm, thậm chí có thể hành động tùy tiện. Tai tôi tập trung mãnh liệt vào những tiếng động đằng sau khi chúng tôi bước đi.

Living Bar công bố sự tồn tại của nó trong tầng hầm của tòa nhà Scène Akira bằng một tấm biển hiệu giản dị trên cầu thang. Chúng tôi bước xuống và đi qua cửa, được chào đón bởi một anh chàng trẻ tuổi người Nhật để kiểu đầu đinh hợp một và mặc bộ com lê màu xanh hải quân may khéo với ba trong bốn nút áo được cài lại. Midori, giống như thủ lĩnh của nhóm, nói với anh ta rằng chúng tôi muốn một bàn dành cho bốn người; anh ta trả lời “*Kashikomari-mashita**” bằng thứ tiếng Nhật lịch sự nhất và thì thầm vào một cái mic-rô nhỏ bên cạnh máy đếm tiền. Lúc anh ta thắp từng chúng tôi vào trong, một cái bàn

đã được chuẩn bị sẵn và một cô nhân viên phục vụ đang chờ để dẫn chúng tôi tới chỗ ngồi của mình.

Khách không quá đông so với một tối thứ bảy. Vài nhóm phụ nữ trông thật quyến rũ đang ngồi trên những chiếc ghế dựa lưng cao ở những cái bàn đánh véc-ni đen, trang điểm một cách chuyên nghiệp và xức nước hoa Chanel như thể nó được dành riêng cho họ, gò má họ ửng hồng nổi bật trong quầng sáng dịu dịu của bóng đèn tròn rọi xuống từ phía trên đầu, mái tóc ánh lên lấp lánh. Nhưng so với Midori thì họ chẳng là gì.

Tôi muốn ngồi quay mặt ra cửa, nhưng Tom đã nhanh chân hơn và chiếm mất vị trí đó. Tôi đành ngồi quay về phía quầy bar.

Khi chúng tôi gọi đồ uống và đủ những món ăn nhẹ để tạo thành một bữa ăn vừa phải, tôi thấy anh chàng dẫn chúng tôi vào lúc này đang đưa Gã Thờ Ơ đến quầy bar. Hắn ngồi quay lưng về phía chúng tôi, nhưng sau quầy bar có một tấm gương, và tôi biết hắn có thể quan sát cả căn phòng.

Trong khi chờ đợi đồ ăn thức uống, chúng tôi tiếp tục cuộc trò chuyện an toàn, thoải mái về nhạc jazz. Tôi đã vài lần tính đến chuyện khử Gã Thờ Ơ. Hắn là thành viên của một kẻ thù đông hơn tôi về số lượng. Nếu cơ hội loại bớt một kẻ trong số đó xuất hiện, tôi sẽ sẵn sàng nhận lấy. Nếu tôi làm tốt, những người chủ của hắn sẽ không bao giờ biết được về sự nhúng tay của tôi, và việc trừ khử hắn có thể cho tôi thêm thời gian để đưa Midori thoát khỏi chuyện này.

Sau khi ăn hết phần lớn chỗ đồ ăn và chúng tôi, cùng với Gã Thờ Ơ, đang uống đến li rượu thứ hai, thì một người trong số họ hỏi thăm tôi làm nghề gì.

“Tôi là một nhà tư vấn,” tôi bảo họ. “Tôi đưa ra lời khuyên cho các công ty nước ngoài về cách mang hàng hóa và dịch vụ của họ vào thị trường Nhật Bản.”

“Tuyệt thật,” Tom nói. “Những người nước ngoài rất khó làm ăn ở Nhật Bản. Ngay cả bây giờ, sự tự do thông thường cũng chỉ là cái vỏ bề ngoài. Xét trên nhiều phương diện, nó vẫn là nước Nhật trong thời *bakufu** Tokugawa mà thôi, đóng cửa với thế giới bên ngoài.

“Đúng vậy, nhưng điều đó lại có lợi cho công việc của John,” Ken xen vào. “Đúng không, John? Bởi vì, nếu nước Nhật không có quá nhiều những quy định ngớ ngẩn, nếu các bộ chịu trách nhiệm với việc giám sát thực phẩm và hàng hóa nhập khẩu không quá tham nhũng, anh sẽ cần tìm một công việc khác, *ne?*”

“Thôi nào, Ken,” Midori nói. “Chúng tôi đều biết anh là kẻ hoài nghi thế nào. Anh không phải chứng minh điều đó.”

Tôi tự hỏi phải chăng Ken đã quá chén.

“Cô cũng từng như vậy đấy thôi,” gã tiếp tục. Gã quay sang tôi. “Khi Midori trở về từ trường Julliard ở New York, cô ấy là một người có quan điểm cực đoan. Cô ấy muốn thay đổi mọi thứ ở Nhật Bản. Nhưng tôi đoán bây giờ cô ấy không còn như thế nữa.”

“Tôi vẫn muốn thay đổi mọi thứ,” Midori nói, giọng âm áp nhưng kiên quyết. “Chỉ có điều tôi không nghĩ nhiều khẩu hiệu giận dữ sẽ tạo nên điều gì khác biệt. Anh phải kiên nhẫn, anh phải lựa chọn thời cơ để đấu tranh.”

“Gần đây cô lựa chọn được thời cơ nào rồi?” Gã hỏi.

Tom quay sang tôi. “Mong anh hiểu cho, Ken cảm thấy như đã phản lại nguyên tắc của chính mình khi biểu diễn ở những nơi chính thống như Blue Note. Đôi khi anh ấy lại trút giận lên chúng tôi.”

Ken cười. “Chúng ta đều phản lại nguyên tắc của mình.”

Midori đảo mắt. “Thôi nào, Ken, dừng lại được rồi đấy.”

Ken nhìn tôi. “Còn anh, John? Anh nghĩ sao về câu thành ngữ này của Mỹ “Hoặc anh là một phần của giải pháp, hoặc anh là một phần của vấn đề?”

Tôi mỉm cười. “Thực ra còn có một vẻ thứ ba nữa: “Nếu không thì anh là một phần của phong cảnh xung quanh’?”

Ken gật đầu như thể thầm khẳng định điều gì. “Đó là điều tệ nhất.”

Tôi nhún vai. Gã chẳng là gì đối với tôi, và tôi có thể dễ dàng dứt khỏi chủ đề này. “Thật ra, tôi thực sự chưa hề nghĩ về những việc tôi làm theo khía cạnh ấy. Vài người gặp khó khăn trong việc xuất khẩu sang Nhật Bản, tôi giúp đỡ họ, vậy thôi. Nhưng cậu đã nêu ra vài ý kiến hay. Tôi sẽ suy nghĩ về những gì cậu nói.”

Gã muốn tranh cãi và không biết phải làm gì với những câu trả lời dĩ hòa vi quý của tôi, đó là một điều tốt. “Uống thêm li nữa đi,” gã nói.

“Tôi nghĩ tôi đã uống đủ rồi,” Midori nói. “Cũng đã khuya rồi đấy.”

Trong lúc cô ấy nói, tôi nhận thấy Gã Thờ Ơ, người đang cố ý nhìn đi chỗ khác, bấm vào một thiết bị nhỏ cỡ một cái bật lửa dùng một lần mà hắn đang đặt trên đầu gối và chĩa về phía chúng tôi. *Mẹ kiếp*, tôi nghĩ. *Một cái máy ảnh*.

Hắn đang chụp ảnh Midori, và tôi sẽ lọt vào khung hình. Đây là rủi ro mà tôi sẽ gặp phải nếu ở quá gần cô ấy.

Được rồi. Tôi sẽ phải rời đi với ba người bọn họ, rồi kiếm một cái cốc, chẳng hạn như bị quên một thứ gì đó, để quay lại quán bar và tóm gọn hắn khi hắn đang ra ngoài để tiếp tục theo dõi Midori. Tôi sẽ không để hắn giữ cái máy ảnh đó, với hình của tôi được lưu trên phim.

Nhưng Gã Thờ Ơ đã cho tôi một lựa chọn khác. Hắn đứng dậy và bắt đầu đi về phía nhà vệ sinh.

“Tôi cũng về luôn đây,” tôi nói, đứng dậy, cảm thấy tim mình bắt đầu đập mạnh hơn trong lồng ngực. “Nhưng cần vào nhà vệ sinh đã.” Tôi rời khỏi bàn.

Tôi theo sau Gã Thờ Ơ vài mét khi hắn khéo léo di chuyển trên sàn nhà đen bóng. Đầu tôi khẽ cúi xuống, tránh giao tiếp bằng mắt với

những người khách mà chúng tôi đang đi qua, nghe tiếng tim đập thình thịch đều đều trong tai. Hẳn mở cửa nhà vệ sinh và đi vào trong. Trước khi cánh cửa kịp khép lại, tôi mở nó ra và theo hẳn vào.

Hai buồng vệ sinh, hai bồn tiểu. Nhìn bao quát, tôi có thể thấy rằng mấy cánh cửa buồng vệ sinh đều đang mở hé hé. Vậy là chỉ có mỗi hai chúng tôi trong này. Tiếng tim tôi đập mạnh đến nỗi nó có thể ngăn chặn mọi âm thanh khác. Tôi có thể cảm thấy không khí luôn ra luôn vào qua lỗ mũi, máu chảy trong những tĩnh mạch ở cánh tay.

Hẳn quay lại nhìn tôi khi tôi tiến lại gần, có lẽ nhận ra tôi là một trong những người đi cùng Midori, có lẽ được thứ bản năng nào đó còn sót lại nhưng hiện đã trở nên vô ích cảnh báo rằng hẳn đang gặp nguy hiểm. Mắt tôi nhìn xoáy vào phần thân trên của hẳn, không tập trung vào bất cứ bộ phận riêng biệt nào, bao quát toàn bộ cơ thể, vị trí của hông và bàn tay, tiếp nhận thông tin, xử lí nó.

Không dừng lại hay chậm một nhịp, tôi xông tới và chộp bàn tay trái vào cổ họng hẳn, bóp nghẹt khí quản hẳn bằng ngón cái và ngón trỏ. Đầu hẳn cúi về phía trước và hai bàn tay đưa vội lên cổ họng.

Tôi bước ra đằng sau hẳn và thò tay vào túi trước của hẳn. Tôi lấy được máy ảnh từ túi bên trái. Túi kia không có gì.

Hẳn đang cào quặp một cách vô ích vào cái họng bị tổn thương, cảm lạnh ngoài tiếng lách chách phát ra từ lưỡi và răng. Hẳn bắt đầu giậm chân trái xuống sàn nhà và vặn vẹo thân mình trong sự hoảng loạn đang bắt đầu dâng lên, cơ thể cử động theo bản năng nguyên thủy là hít lấy không khí, *không khí*, qua khí quản bị vỡ vào hai lá phổi đang bị chấn động.

Tôi biết phải mất khoảng ba mươi giây hẳn mới ngạt thở. Không có thời gian cho điều đó. Tôi nắm lấy tóc và cầm hẳn theo tư thế của một cú siết cổ khử lính gác và bẻ gãy cổ hẳn với một cú vặn mạnh theo chiều kim đồng hồ.

Hẳn ngã bổ ngửa vào người tôi và tôi lôi hẳn vào một buồng vệ sinh trống, đặt hẳn ngồi trên bồn cầu và điều chỉnh tư thế để cơ thể

hắn không bị đổ. Với cánh cửa đóng, bất cứ ai vào nhà vệ sinh sẽ nhìn thấy chân hắn và chỉ nghĩ căn buồng này đang có người. Nếu may mắn, thi thể hắn sẽ không bị phát hiện cho đến giờ đóng cửa, sau khi chúng tôi đã đi từ lâu.

Tôi nhẹ nhàng đóng cửa bằng hông phải và dùng đầu gối để cài chốt. Sau đó, bám vào mép trên của vách ngăn, tôi đu mình lên và trườn qua căn buồng bên cạnh. Tôi kéo một đoạn giấy vệ sinh dài từ móc treo và dùng nó để chui hai điểm mà tôi đã bám vào. Tôi nhét giấy vệ sinh vào một bên túi quần, hít một hơi thở sâu, và quay lại quầy bar.

“Chúng ta về được chưa?” Tôi hỏi, bước tới bàn, điều hòa nhịp thở.

“Đi thôi,” Midori nói. Ba người họ đứng dậy, và chúng tôi đi về phía nhân viên thu ngân và cửa ra.

Tom đang cầm hóa đơn, nhưng tôi nhẹ nhàng giành lấy nó từ tay cậu ta và khăng khăng đòi trả tiền; đó là đặc quyền của tôi sau niềm vinh hạnh được thưởng thức buổi biểu diễn của họ. Tôi không muốn ai đó dùng thẻ tín dụng và để lại dấu vết về sự có mặt của chúng tôi ở đây tối nay.

Khi tôi đang trả tiền, Tom nói, “tôi sẽ quay lại ngay,” và đi về phía nhà vệ sinh.

“Tôi cũng thế,” Ken tiếp lời, và đi theo cậu ta.

Tôi mừng tượng rằng thi thể Gã Thờ Ơ có thể trượt xuống khỏi bồn cầu khi họ đang ở trong đó. Hoặc cái Định luật Murphy* sẽ chứng minh tính đúng đắn của nó bằng một cách nào khác. Nhưng những ý nghĩ ấy không làm tôi bất an lắm. Tôi chẳng thể làm được gì ngoài việc bình tĩnh và đợi cho đến khi họ quay lại.

“Cô muốn đi bộ về nhà chứ?” Tôi hỏi Midori. Suốt buổi tối cô ấy đã nhắc đến chuyện cô ấy sống ở Harajuku, mặc dù dĩ nhiên tôi đã biết điều đó rồi.

Cô ấy mỉm cười. “Đó là một việc thú vị.”

Ba phút sau, Tom và Ken quay lại. Tôi thấy họ đang cười về một chuyện gì đó khi họ tiến về phía chúng tôi, và biết rằng họ đã không phát hiện ra Gã Thờ Ơ.

Chúng tôi ra ngoài và bước lên những bậc cầu thang để hòa mình vào buổi tối lạnh lẽo của Omotesando.

“Tôi để ô tô ở Blue Note,” Ken nói khi chúng tôi đã ở ngoài đường. Gã nhìn Midori. “Có ai cần đi nhờ không?”

Midori lắc đầu. “Không cần đâu. Cảm ơn.”

“Tôi sẽ đi tàu điện ngầm,” tôi nói với gã. “Nhưng dù sao vẫn cảm ơn cậu.”

“Tôi sẽ đi với anh,” Tom nói, xua đi nỗi căng thẳng nhỏ bé mà tôi có thể cảm thấy đang dâng lên khi Ken có vẻ suy đoán điều gì. “John, rất vui khi gặp anh tối nay. Cảm ơn anh một lần nữa vì đã đến, và vì bữa tối và đồ uống nữa.”

Tôi cúi đầu. “Không có gì. Tôi hi vọng chúng ta sẽ còn có thêm một dịp khác.”

Ken gật đầu. “Chắc chắn rồi,” gã nói, rõ ràng chẳng mấy hào hứng. Tom lùi lại một bước, đó là ám hiệu của cậu ta với Ken, tôi biết, và chúng tôi cùng tạm biệt và chúc nhau ngủ ngon.

Midori và tôi chậm chậm dạo bước về phía đường Omotesando. “Anh ổn chứ?” Cô ấy hỏi khi Tom và Ken đã ra khỏi tầm nghe.

“Tôi thấy vui lắm,” tôi nói. “Họ là những người thú vị.”

“Ken có thể khiến anh khó chịu.”

Tôi nhún vai. “Cậu ta hơi ghen vì cô đã mời một người khác đi cùng, vậy thôi.”

“Anh ta còn trẻ mà. Cảm ơn anh vì tối nay đã cư xử nhẹ nhàng với anh ta.”

“Không có gì.”

“Anh biết đấy, tôi không hay mời những người mà tôi mới gặp đến một buổi biểu diễn, hoặc đi chơi sau đó.”

“Chà, trước đây chúng ta đã từng gặp nhau một lần, vì vậy nguyên tắc của cô vẫn chưa bị phá vỡ.”

Cô ấy cười. “Anh có muốn uống một li rượu mạch nha nữa không?”

Tôi nhìn cô ấy, cố gắng phán đoán cô ấy. “Hẳn rồi,” tôi nói. “Và tôi biết một chỗ mà tôi nghĩ là cô sẽ thích.”

Tôi dẫn cô ấy đến quán Bar Satoh, một tòa nhà hai tầng nhỏ xíu nằm nép mình trong một loạt những con ngõ chằng chịt như mạng nhện trong cái góc bên phải được tạo ra bởi đại lộ Omotesando và đường Meiji. Lộ trình chúng tôi đi cho tôi vài cơ hội để kiểm tra đằng sau, và tôi thấy rằng không có ai đi theo chúng tôi. Gã Thờ Ơ chỉ có một mình.

Chúng tôi đi thang máy lên tầng hai, rồi bước qua một cánh cửa được vây quanh bởi vô vàn những bông dành dành và những loài hoa khác mà vợ ông Satoh chăm sóc với sự sùng kính. Rẽ phải, bước một bước, và chúng tôi lập tức thấy Satoh, ông ta đang đứng cai quản cái quầy bar bằng gỗ anh đào rắn chắc trong ánh đèn mờ, ăn vận hoàn hảo như mọi khi với áo gi-lê và nơ con bướm.

“Ah, *Fujiwara-san*” ông ta nói bằng chất giọng nam trung nhẹ nhàng, cười tươi rói và cúi đầu chào khi nhìn thấy chúng tôi. “*Irasshaimase*”

“Ông Satoh, rất vui khi gặp ông,” tôi nói bằng tiếng Nhật. Nhìn xung quanh, tôi nhận thấy quán bar nhỏ bé này gần như đã chật kín. “Có còn chỗ cho chúng tôi không vậy?”

“*Ei, mochiron*” ông ta trả lời. Vừa xin lỗi bằng thứ tiếng Nhật trình trọng, ông ta vừa dẫn sáu vị khách ở quầy bar ngồi dịch về phía bên phải, chừa ra một ghế trống nữa ở phía cuối và đủ chỗ cho Midori và tôi.

Cảm ơn Satoh và xin lỗi những vị khách khác, chúng tôi len vào chỗ ngồi của mình. Đầu Midori quay ngang ngửa khi cô ấy ngắm nhìn sự bài trí: từng chai, từng chai whiskey thuộc những loại khác nhau - nhiều loại không nổi tiếng và có vẻ lâu đời - không chỉ được trưng sau quầy bar mà còn được bày trên những cái giá và đồ gỗ ở khắp phòng. Bộ sưu tập đa dạng về nền văn hóa Hoa Kỳ như một chiếc xe đạp Schwinn cũ treo lơ lửng trên bức tường hậu, một chiếc điện thoại quay số màu đen kiểu cổ chắc phải nặng gần năm mươi cân, một bức ảnh đóng khung của Tổng thống Kennedy. Như một sự bổ sung cho chính sách chỉ bán rượu whiskey, Satoh không mở loại nhạc nào khác ngoài jazz, và giọng hát của ca sĩ kiêm nhà thơ Kurt Elling được phát ra ầm áp từ dàn âm thanh Marantz đằng sau quầy bar, kèm theo đó là tiếng lẩm rầm trò chuyện và những tiếng cười kìm nén.

“Tôi... yêu nơi này!” Midori thì thầm với tôi bằng tiếng Anh khi chúng tôi ngồi xuống.

“Nó thật tuyệt vời, đúng không?” Tôi nói, hài lòng vì cô ấy đánh giá cao nó. “Satoh từng là một *sarariman* nhưng đã thoát khỏi cuộc sống bon chen ấy. Ông ấy yêu whiskey và nhạc jazz, và đã tiết kiệm từng yên cho đến khi mở được quán bar này mười năm trước. Tôi nghĩ nó là quán bar tốt nhất ở Nhật Bản.”

Satoh đi tới, và tôi giới thiệu Midori. “À, dĩ nhiên rồi!” Ông ta thốt lên bằng tiếng Nhật. Thò tay xuống dưới quầy, ông ta lục lọi một lúc cho đến khi thấy thứ ông ta đang tìm kiếm: một đĩa CD của Midori. Midori phải năn nỉ ông ta đừng mở nó.

“Tối nay ông định giới thiệu cho chúng tôi loại rượu gì?” Tôi hỏi ông ta. Mỗi năm Satoh đến Scotland bốn lần và đã giới thiệu cho tôi những loại rượu mạch nha gần như không có ở bất cứ nơi nào khác trên đất Nhật Bản.

“Anh định uống mấy li?” Ông ta hỏi. Nếu câu trả lời là một vài li, ông ta sẽ mở ra cho chúng tôi một cuộc nếm rượu, bắt đầu với một

loại nhẹ nhàng từ Lowlands* và tiếp đó là hương vị iốt của những loại rượu mạch nha Islay*.

“Tôi nghĩ là chỉ một thôi,” tôi đáp. Tôi liếc nhìn Midori, cô ấy gật đầu.

“Nhẹ? Hay mạnh?”

Tôi lại nhìn Midori, cô ấy nói, “Mạnh.”

Satoh mỉm cười. “Mạnh” rõ ràng là câu trả lời mà ông ta đang mong đợi, và tôi biết ông ta đã nghĩ tới một loại đồ uống đặc biệt. Ông ta quay lại và lấy một chai thủy tinh không nhãn mác từ trước mặt cái gương đằng sau quầy bar, rồi giơ nó ra cho chúng tôi xem. “Đây là một chai Ardbeg bốn mươi năm tuổi,” ông ta giải thích. “Từ bờ biển phía nam đảo Islay. Rất hiếm. Tôi đựng nó trong một cái chai không nhãn mác bởi vì tôi sợ người nào nhận ra có thể sẽ cố đánh cắp nó.”

Ông ta lấy ra hai cái li sạch như lau như li và đặt chúng xuống trước mặt chúng tôi. “Nguyên chất nhé?” Ông ta hỏi, vì không rõ sở thích của Midori.

“Hai*,” cô ấy trả lời, trước cái gật đầu tán thành đầy nhẹ nhõm của Satoh. Ông ta cẩn thận rót thứ chất lỏng màu đồng thiếc vào hai cái li và đóng nút chai lại.

“Điểm đặc biệt của loại rượu này là sự cân bằng của các hương vị - bình thường thì chúng sẽ phá hoặc át nhau,” ông ta bảo chúng tôi, giọng khẽ khàng và hơi nghiêm túc. “Có mùi than bùn, khói, nước hoa, rượu sherry, và muối biển. Phải mất bốn mươi năm loại rượu này mới phát huy hết tiềm năng của nó, giống như con người vậy. Mời hai vị thưởng thức.” Ông ta cúi đầu và đi sang đầu kia của quầy bar.

“Tôi gần như không dám uống,” Midori nói, mỉm cười và giơ cái li lên trước mặt, ngắm nghía ánh đèn biển thứ chất lỏng ấy thành màu hổ phách.

“Satoh luôn giảng giải qua về thứ cô sắp được thưởng thức. Đây là một trong những điều thú vị nhất của nơi này. Ông ấy là người nghiên cứu về rượu mạch nha đơn mà.”

“*Jaa, kanpai**” cô ấy nói, rồi chúng tôi chạm li và uống. Sau đó cô ấy ngừng lại trong một thoáng, rồi nói, “Oa, tuyệt quá. Như một cái vuốt ve âu yếm vậy.”

“Như tiếng đàn của cô.”

Cô ấy cười và quay sang nhìn tôi. “Tôi rất thích cuộc trò chuyện của chúng ta ở Tsuta hôm nọ,” cô ấy nói. “Tôi muốn nghe thêm về những trải nghiệm của anh khi lớn lên ở hai thế giới khác nhau.”

“Tôi không chắc một câu chuyện như thế hấp dẫn cho lắm.”

“Cứ kể cho tôi nghe đi, và tôi sẽ nói cho anh biết liệu nó có thú vị hay không.”

Cô ấy thiên về lắng nghe hơn là kể chuyện, do đó việc thu thập thông tin của tôi trở nên khó khăn hơn. *Để xem chuyện này đi đến đâu, tôi nghĩ.*

“Quê hương đối với tôi là một thị trấn nhỏ ở phía bắc New York. Mẹ tôi dẫn tôi tới đó sau khi cha tôi mất, để bà có thể gần gũi với cha mẹ bà,” tôi nói.

“Sau đó anh có về lại Nhật Bản lần nào không?”

Có. Năm tôi học lớp 11, ông ba nội đã viết thư kể cho tôi nghe về một chương trình trao đổi học sinh trung học mới giữa Mỹ và Nhật, chương trình đó cho phép tôi dành một học kì ở một trường trung học Nhật Bản. Thời điểm đó tôi thực sự rất nhớ nhà và đã đăng kí ngay lập tức. Thế là cuối cùng, tôi đã học một học kì ở Saitama Gakuen.”

“Chỉ một học kì thôi sao? Chắc là mẹ anh mong anh về lắm nhỉ.”

“Một phần trong bà muốn vậy. Tôi nghĩ một phần khác trong bà lại cảm thấy nhẹ nhõm vì có chút thời gian để tập trung cho sự nghiệp của bà. Tôi khá nổi loạn ở độ tuổi đó.” Đây có vẻ là một uyển ngữ

thích hợp cho những trận đánh nhau liên tục và những vấn đề về kỉ luật khác ở trường.

“Học kì đó thế nào?”

Tôi nhún vai. Một vài kí ức về nó không dễ chịu cho lắm. “Cô biết những người hồi hương bị đối xử thế nào mà. Nếu cô là một đứa trẻ người Nhật bình thường có giọng nói đã bị Mỹ hóa vì khoảng thời gian sống ở nước ngoài thì đã là tồi tệ lắm rồi. Nếu mà còn lai Mỹ nữa thì cô gần như là một kẻ quái dị.”

Sự thông cảm sâu sắc trong mắt cô ấy khiến tôi cảm thấy mình đang trở nên tồi tệ hơn cả một kẻ phản bội. “Tôi biết cảm giác ấy,” cô ấy nói. “Và anh đã coi học kì ấy như một chuyến về thăm quê nhà. Chắc là anh cảm thấy lạc lõng lắm.”

Tôi phẩy tay như thể chuyện đó chẳng là gì cả. “Tất cả đã là quá khứ rồi.”

“VẬY, sau khi tốt nghiệp trung học thì sao?”

“Sau trung học là Việt Nam.”

“Anh đã từng ở Việt Nam sao? Trông anh còn trẻ vậy mà.”

Tôi mỉm cười. “Tôi vẫn còn chưa qua tuổi thiếu niên khi gia nhập quân đội, và khi tôi tới đó thì cuộc chiến đã diễn ra được một thời gian rồi.” Tôi ý thức rằng mình đang chia sẻ nhiều thông tin chi tiết về bản thân hơn mức cần thiết. Song tôi chẳng bận tâm.

“Anh ở đó bao lâu?”

Ba năm.

“Tôi tưởng rằng hồi đó lính nghĩa vụ chỉ đi một năm thôi chứ.”

“Đúng. Nhưng tôi không bị gọi nhập ngũ.”

Đôi mắt cô ấy mở to. “Anh tình nguyện à?”

Đã lâu lắm rồi tôi không hề nói gì đến những chuyện này, hoặc thậm chí nghĩ về nó. “Tôi biết bây giờ điều đó có vẻ hơi lạ lùng. Nhưng đúng là tôi đã tình nguyện. Tôi muốn chứng tỏ rằng tôi là người Mỹ với những ai nghi ngờ điều đó chỉ vì đôi mắt tôi, làn da tôi.

Và rồi, khi tôi tới đó, trong một cuộc chiến chống lại những người châu Á, tôi càng phải chứng tỏ điều đó hơn nữa, vì thế tôi đã ở lại. Tôi nhận những nhiệm vụ nguy hiểm. Tôi đã làm một vài chuyện điên rồ.”

Chúng tôi im lặng trong thoáng chốc. Rồi cô ấy nói, “Có phải đó là những điều “ám ảnh” anh như anh đã nói?”

“Một vài trong số chúng,” tôi nói với giọng điềm tĩnh. Nhưng tôi sẽ không kể gì thêm. Cô ấy có những nguyên tắc về việc mời người lạ đến những buổi biểu diễn, nhưng những nguyên tắc của tôi liên quan đến những vấn đề này còn nghiêm khắc hơn nhiều. Chúng tôi đang tới gần những chuyện mà ngay cả tôi cũng không dám nhìn thẳng vào.

Những ngón tay cô ấy đang đặt nhẹ nhàng trên thành li, và không nghĩ ngợi gì, tôi đưa tay ra và nắm lấy tay cô ấy, rồi nâng chúng lên trước mặt tôi. “Tôi chắc chắn là qua bàn tay cô, tôi có thể nhận ra cô chơi piano,” tôi nói. “Ngón tay cô mảnh mai, nhưng trông chúng rất khỏe khoắn.”

Cô ấy lật bàn tay lại, và giờ thì đến lượt cô ấy nắm tay tôi. “Anh có thể nhận ra nhiều điều từ bàn tay của một người,” cô ấy nói. “Ở bàn tay tôi anh thấy piano. Ở bàn tay anh tôi thấy *bushido*. Nhưng là trên các khớp ở đốt ngón tay, không phải những đốt xương trên mu bàn tay... anh tập môn võ gì vậy, judo? Hay aikido?”

Bushido là võ sĩ đạo. Cô ấy đang nói về những vết chai sần trên khớp của đốt thứ nhất và thứ hai ở tất cả các ngón tay tôi, kết quả của nhiều năm túm và vặn những bộ *judogi* bằng vải bông nặng trĩu. Cô ấy đang cầm tay tôi với vẻ nghiêm túc, như thể định soi xét chúng, nhưng trong sự đụng chạm ấy có một nét dịu dàng khiến tôi cảm thấy như có một luồng điện tê rần chạy lan lên hai cánh tay.

Tôi rút tay về, sợ rằng cô ấy có thể nhận ra một điều gì đó khác từ chúng. “Dạo này tôi chỉ tập judo thôi. Ghì, quật, siết... đó là môn võ thuật thiết thực nhất. Và Kokodan là địa điểm tập judo tốt nhất trên thế giới.”

“Tôi biết Kokodan. Tôi từng học aikido ở một *dojo* nhỏ ở Ochanomizu, cách tuyến Chuo một trạm dừng.”

“Một nghệ sĩ dương cầm chơi nhạc jazz như cô thì học aikido để làm gì?”

“Lúc đó tôi còn chưa thực sự nghiêm túc với chuyện chơi piano, bây giờ thì tôi không còn tập aikido nữa bởi vì nó sẽ làm hỏng tay tôi. Tôi học võ vì có lúc tôi bị bắt nạt ở trường - bố tôi từng công tác ở Mỹ một thời gian mà. Tôi đã nói với anh tôi biết cảm giác của một người hồi hương là như thế nào rồi đấy.”

“Môn aikido có giúp ích gì không?”

“Ban đầu thì không. Phải mất một thời gian thì tôi mới khá lên. Nhưng bọn đầu gấu ấy đã cho tôi động lực để tập luyện. Một hôm, có một đứa trong bọn tóm lấy cánh tay tôi, và tôi đã quật ngã nó bằng đòn *san-kyo*. Sau đó, chúng không động đến tôi nữa. Quả là may mắn, vì thật ra tôi chỉ biết dùng mỗi đòn *san-kyo* thôi.”

Tôi nhìn cô ấy, tưởng tượng xem sẽ như thế nào nếu bị quật ngã bằng một đòn *san-kyo* chứa đầy cái quyết tâm hiện đang giúp cô ấy đạt được sự chú ý, có lẽ cả sự nổi tiếng, trong giới nhạc jazz.

Cô ấy nhắc cái li lên bằng những ngón tay của cả hai bàn tay, và tôi nhận thấy một sự tiết kiệm động tác trong hành động đơn giản đó. Nó thật duyên dáng, dễ chịu khi ngắm nhìn.

“Cô biết *sado**,” tôi nói, gần như bật ra suy nghĩ của mình. *Sado* là nghi thức thưởng trà của Nhật Bản. Những nghệ nhân trà đạo cố gắng sử dụng những động tác tao nhã đã được nghi thức hóa trong việc chuẩn bị và phục vụ trà để đạt tới *wabi* và *sabi*: một sự thanh nhã tự nhiên trong suy nghĩ và hành động, một sự tối giản đại diện cho một quan niệm lớn hơn và quan trọng hơn mà sẽ khó hiểu nếu không có nó.

“Tôi học trà đạo từ hồi còn niên thiếu,” cô ấy trả lời, “và ngay cả hồi đó cũng chưa bao giờ làm tốt. Tôi ngạc nhiên vì anh có thể nhìn ra

nó. Có lẽ nếu tôi uống thêm một li nữa, nó sẽ biến mất.”

“Không, tôi sẽ không muốn như thế đâu,” tôi nói, cố gắng ngăn lại cảm giác bị hút vào đôi mắt đen của cô ấy. “Tôi thích *sado*”

Cô ấy mỉm cười. “Anh còn thích gì nữa?”

Cô ấy đang đi tới đâu vậy? “Tôi không biết. Nhiều thứ lắm. Tôi thích xem cô chơi đàn.”

“Anh nói rõ hơn đi.”

Tôi nhấp một ngụm Ardbeg, mùi khói và than bùn len qua lưỡi và họng tôi. “Tôi thích cái cách cô bắt đầu một cách điềm tĩnh, và dần dần phát triển lên cao trào. Tôi thích cái cách ban đầu cô là người chơi nhạc, rồi sau đó, có vẻ như âm nhạc lại đang chơi cô. Cách cô hòa mình với nó. Bởi vì khi tôi cảm thấy điều đó đang xảy ra với cô, thì chính tôi cũng bị chìm đắm trong tiếng đàn. Nó kéo tôi ra khỏi bản thân mình. Tôi có thể nhận ra nó khiến cô cảm thấy đầy sức sống như thế nào, và nó cũng khiến tôi cảm thấy như thế.”

“Còn gì nữa?”

Tôi bật cười. “Còn gì nữa ư? Như thế chưa đủ sao?”

“Chưa đủ, nếu vẫn còn có điều gì đó.”

Tôi xoay đi xoay lại cái li trong tay, ngắm nhìn những ánh đèn phản chiếu bên trong nó.

“Tôi luôn có cảm giác cô đang kiếm tìm một thứ gì đó khi chơi đàn nhưng lại không thể tìm thấy. Vì vậy cô tìm kiếm dữ dội hơn, nhưng nó vẫn trốn tránh cô, và giai điệu bắt đầu trở nên căng thẳng, thế rồi đến một lúc nào đó cô chợt nhận ra cô sẽ không tìm thấy nó, cô thực sự không thể, và sự căng thẳng biến mất và tiếng đàn chuyển sang buồn bã, nhưng đó là một nỗi buồn đẹp, một nỗi buồn lịch duyệt, chấp nhận.”

Một lần nữa tôi lại ý thức được rằng ở cô ấy có điều gì đó khiến tôi cười mở quá nhiều, bộc lộ quá nhiều. Tôi cần kiểm soát điều này.

“Việc anh cảm nhận được điều đó trong tiếng đàn của tôi có ý nghĩa với tôi rất nhiều,” cô ấy nói sau một thoáng im lặng. “Bởi vì đó chính là điều mà tôi đang cố gắng thể hiện. Anh có biết *mono no aware* không?”

“Tôi nghĩ là có. ‘Mối bi cảm với vạn vật’, đúng không?”

“Đó là cách hiểu thông thường. Tôi thích hiểu là ‘nỗi buồn thương với con người’ hơn.”

Tôi ngạc nhiên khi thấy mình bị lay động bởi ý tưởng ấy. “Tôi chưa từng nghĩ như thế,” tôi khẽ nói.

“Tôi nhớ có một lần, hồi đang sống ở Chiba, tôi đã đi dạo vào một đêm mùa đông. Hôm ấy tiết trời ấm áp lạ thường, tôi cởi áo khoác ra và ngồi xuống sân chơi của ngôi trường tôi học hồi còn nhỏ, hoàn toàn chỉ có một mình, và ngắm nhìn những bóng cây in lên nền trời. Tôi ý thức mạnh mẽ rằng rồi một ngày kia, tôi sẽ ra đi, nhưng những cái cây vẫn sẽ ở đây, mặt trăng vẫn sẽ treo lơ lửng bên trên chúng, chiếu rọi xuống cảnh vật bên dưới, và điều đó khiến tôi bật khóc, nhưng là một kiểu khóc dễ chịu, bởi vì tôi biết nó phải như vậy. Tôi phải chấp nhận nó bởi vì mọi thứ đều như thế cả. Mọi thứ đều có kết thúc. Đó là *mono no aware*”

Mọi thứ đều có kết thúc. “Đúng vậy,” tôi nói, nghĩ về bố cô ấy.

Chúng tôi im lặng trong thoáng chốc. Rồi tôi hỏi, “Ken nói cô là người cực đoan là có ý gì vậy?”

Cô ấy nhấp một ngụm Ardbeg trong li của mình. “Anh ta là một người lãng mạn. Tôi không phải là người cực đoan. Chỉ nổi loạn thôi.”

“Nổi loạn thế nào?”

“Thử nhìn xung quanh anh đi, John. Nhật Bản đang trong tình trạng cực kì tồi tệ. LDP, các quan chức chính phủ, họ đang hút đến cạn kiệt từng giọt máu của đất nước này.”

“Đúng là cũng có những vấn đề,” tôi đồng tình.

“Vấn đề ư? Nền kinh tế đang lao dốc, các gia đình không trả nổi thuế nhà đất, không còn niềm tin vào hệ thống ngân hàng, và tất cả những gì chính phủ có thể nghĩ tới để giải quyết vấn đề này là chi tiêu thâm hụt và các công trình công cộng. Và anh biết tại sao không? Vì những khoản chi trả cho ngành công nghiệp xây dựng. Cả đất nước bị bao phủ trong bê tông, không còn chỗ nào để xây dựng, vì vậy các chính trị gia bỏ phiếu tán thành xây dựng các khu văn phòng không ai dùng đến, những cây cầu và những con đường không ai đi, những con sông thì được kè bê tông. Anh biết những “con vật bốn chân” bằng bê tông xấu xí viền quanh bờ biển Nhật Bản và được cho là bảo vệ nó khỏi bị xói mòn chứ? Tất cả các nghiên cứu chỉ ra rằng những vật kì quái đó chỉ đẩy nhanh tốc độ xói mòn; chứ không ngăn chặn nó. Vì vậy chúng ta đang hủy hoại hệ sinh thái để vỗ béo các chính trị gia và làm giàu cho ngành công nghiệp xây dựng. Vậy mà anh chỉ gọi chúng là “những vấn đề” thôi ư?”

“Chà, có lẽ Ken nói đúng,” tôi nói, mỉm cười. “Cô khá cực đoan.”

Cô ấy lắc đầu. “Đó chỉ là hiểu biết thông thường thôi. Nói thật với tôi đi. Thi thoảng anh không cảm thấy như đang bị lừa bởi hiện trạng và tất cả những ai hưởng lợi từ nó sao? Và điều đó không khiến anh tức điên lên ư?”

“Đôi khi tôi cũng cảm thấy như vậy,” tôi nói, một cách thận trọng.

“Chà, tôi thì luôn tức điên lên vì nó. Ý Ken là vậy đấy.”

“Thứ lỗi cho tôi vì nói thế này, nhưng chẳng phải bố cô cũng góp phần vào cái hiện trạng đó sao?”

Cô ấy im lặng một lúc lâu. “Chúng tôi đã bất hòa với nhau.”

“Điều đó hẳn phải khó chịu lắm.”

“Đôi khi. Chúng tôi đã xa lánh nhau trong một thời gian dài.”

Tôi gật đầu. “Vậy cha con cô đã kịp hòa giải chưa?”

Cô ấy khẽ cười, nhưng không phải là một nụ cười vui vẻ. “Bố tôi phát hiện ra mình bị ung thư phổi chỉ vài tháng trước khi mất. Sự chẩn đoán ấy khiến ông đánh giá lại cuộc đời ông, nhưng không đủ để chúng tôi giải quyết mọi vướng mắc.”

Thông tin này khiến tôi bất ngờ. “Ông ấy bị ung thư phổi ư? Nhưng... Mama nói ông ấy bị trụ tim mà.”

“Ông ấy bị bệnh tim, nhưng vẫn hút thuốc liên tục. Tất cả những ông bạn đồng liêu trong chính phủ của ông ấy đều như thế cả, và ông ấy cảm thấy cần phải hòa nhập với họ. Ông ấy là một phần trong cái hệ thống đó, trong chừng mực nào đó, ông ấy đã dâng hiến cả cuộc đời cho nó.”

Tôi nhấp một ngụm thứ chất lỏng có vị khói và nuốt nó xuống. “Ung thư phổi là một cách ra đi khủng khiếp,” tôi nói. “Chí ít, cái chết vì đau tim của ông ấy khiến ông ấy không phải chịu đau đớn.” Lời chia sẻ ấy chân thành đến lạ.

“Đúng vậy, và tôi biết ơn vì điều đó.”

Thứ lỗi cho tôi nếu tôi có vẻ như đang tọc mạch, nhưng ý cô là gì khi cô nói sự chẩn đoán khiến ông ấy đánh giá lại cuộc đời ông ấy?”

Cô ấy đang nhìn qua tôi về một nơi vô định nào đó, đôi mắt lơ đãng. “Cuối cùng, ông ấy đã nhận ra rằng ông ấy đã dành cả đời để là một phần của vấn đề, như cách Ken nói. Ông ấy quyết định muốn trở thành một phần của giải pháp.”

“Ông ấy có thời gian để làm việc đó không?”

“Tôi nghĩ là không. Nhưng ông ấy đã nói với tôi rằng ông ấy muốn làm một điều gì đó, một điều đúng đắn, trước khi chết. Điều quan trọng là ông ấy đã cảm thấy như vậy.”

“Làm sao cô biết ông ấy không có thời gian?”

“Ý anh là gì?” Cô ấy hỏi, đôi mắt quay lại nhìn tôi.

“Bố cô - ông ấy phát hiện mình mắc bệnh, đột nhiên đối mặt với cái chết. Ông ấy muốn làm một điều gì đó để chuộc lỗi cho quá khứ.”

Ông ấy có làm được không? Trong một thời gian ngắn như thế?”

“Tôi không hiểu ý anh lắm,” cô ấy nói, và tôi lập tức biết rằng mình đã lại đụng phải bức tường phòng thủ.

“Tôi đang nghĩ đến những gì chúng ta nói hôm nọ, về sự hối hận. Nếu cô hối hận vì một chuyện gì đó, nhưng cô chỉ có một thời gian ngắn để giải quyết vấn đề, cô sẽ làm gì?”

“Tôi cho rằng mỗi người sẽ có cách giải quyết khác nhau, tùy thuộc vào bản chất của nỗi hối hận.”

Thôi nào, Midori. Hợp tác với tôi đi. “Bố cô sẽ làm gì? Có việc gì có thể đảo ngược lại những điều mà ông ấy hối hận không?”

“Tôi không biết.”

Có biết mà, tôi nghĩ. Một tay phóng viên mà lúc đó ông ấy đang gặp gỡ đã liên lạc với cô. Cô biết, nhưng cô không nói với tôi.

“Ý tôi là, có lẽ ông ấy đang cố gắng làm gì đó để giải quyết vấn đề, cho dù cô không thể thấy được. Có lẽ ông ấy đã nói chuyện với các đồng nghiệp, thổ lộ với họ về sự đổi ý của ông ấy, cố gắng làm cho họ thay đổi theo. Biết đâu đấy?”

Cô ấy im lặng, và tôi nghĩ, *Thế đấy, có lẽ mà chỉ có thể đẩy câu chuyện đến đây thôi, giờ thì chắc chắn cô ấy sẽ nghi ngờ và chẳng thèm hé răng nói một lời nào với mà nữa.*

Nhưng một lát sau, cô ấy nói, “Anh hỏi tôi chuyện này vì chính anh cũng có một nỗi hối hận đúng không?”

Tôi nhìn cô ấy, vừa lo lắng vì sự chính xác trong câu hỏi của cô ấy, đồng thời lại nhẹ nhõm trước tấm bình phong mà nó cung cấp cho tôi. “Tôi không chắc,” tôi nói.

“Sao anh không kể với tôi?”

Tôi cảm thấy như mình vừa bị quật ngã bằng một đòn aikido. “Không được,” tôi nói khẽ.

“Nói chuyện với tôi khó khăn đến thế ư?” Cô ấy hỏi, giọng nhẹ nhàng.

“Không,” tôi nói, cười với đôi mắt đen của cô ấy. “Nói chuyện với cô rất dễ dàng. Đó mới là vấn đề.”

Cô ấy thở dài. “Anh là một người đàn ông kì lạ, John ạ. Anh rõ ràng chẳng thoải mái chút nào khi nói về bản thân mình.”

“Tôi có hứng thú với chuyện của cô hơn.”

“Chuyện của bố tôi chứ.”

“Tôi nghĩ mình sẽ rút ra được một bài học từ đó. Thế thôi.”

“Có vài bài học anh phải tự mình học lấy.”

“Có lẽ cô nói đúng. Nhưng tôi thường cố gắng học chúng từ những người khác mỗi khi có thể. Tôi xin lỗi vì đã ép cô.”

Cô ấy nở nụ cười khẽ khàng. “Không sao. Chẳng qua những chuyện này mới xảy ra chưa lâu.”

“Dĩ nhiên rồi,” tôi nói, nhận ra mình đã đi vào ngõ cụt. Tôi nhìn đồng hồ. “Tôi nên đưa cô về thôi.”

Chuyện này có thể khó khăn. Một mặt, giữa chúng tôi có một sức hút không thể phủ nhận, và việc cô ấy mời tôi lên nhà để uống một li cũng không phải là điều không tưởng. Nếu cô ấy làm vậy, tôi sẽ có cơ hội để chắc chắn rằng căn hộ của cô ấy an toàn, mặc dù tôi sẽ phải cẩn thận khi chúng tôi đã vào trong nhà. Tôi không thể để một chuyện gì ngớ ngẩn xảy ra - một chuyện ngớ ngẩn hơn cả khoảng thời gian tôi đã dành ở bên cô ấy và những điều tôi đã nói.

Mặt khác, nếu cô ấy muốn về nhà một mình, tôi sẽ khó có thể hộ tống cô ấy mà không tạo cảm giác như tôi đang cố gắng tìm cách lên giường với cô ấy. Như thế sẽ thật khó xử. Nhưng tôi không thể bỏ mặc cô ấy một mình. Chúng biết cô ấy sống ở đâu.

Chúng tôi cảm ơn Satoh vì sự hiếu khách của ông ấy và việc giới thiệu đến loại rượu Ardborg quý hiếm. Tôi trả tiền, và chúng tôi đi xuống cầu thang để hòa mình vào khí trời se lạnh của đại lộ Omotesando về đêm. Đường phố vắng lặng như tờ.

“Anh định đi đường nào?” Midori hỏi tôi. “Từ chỗ này, tôi thường đi bộ về.”

“Tôi sẽ đi với cô. Tôi muốn tiễn cô về tận nhà.”

“Anh không phải làm thế đâu.”

Tôi nhìn xuống đất một lát, rồi lại nhìn cô ấy. Tôi muốn vậy mà,” tôi lại nói, nghĩ đến thông điệp của Benny trên diễn đàn.

Cô ấy mỉm cười. “Thôi được.”

Chuyến đi đến tòa nhà của cô ấy mất mười lăm phút. Tôi không phát giác ra ai đằng sau tôi. Cũng chẳng có gì lạ, vì Gã Thờ Ơ đã bị tống tiễn ra khỏi cõi đời này rồi.

Khi chúng tôi tới cửa chính của tòa nhà cô ấy, cô ấy lấy chùm chìa khóa ra và quay sang tôi. “*Jaa...**”

Đã đến lúc nói lời chúc ngủ ngon đầy lịch sự. Nhưng tôi phải nhìn thấy cô ấy đi vào bên trong. “Cô đi một mình lên nhà được chứ?”

Cô ấy nhìn tôi ra vẻ hiểu biết, mặc dù cô ấy thực sự chẳng biết gì cả. “Tôi sống ở đây mà. Tôi chắc chắn là tôi sẽ ổn.”

“Thôi được. Cô có số điện thoại không?” Dĩ nhiên là tôi đã có nó, nhưng tôi phải giả vờ như không biết.

“Không, tôi không có điện thoại.”

Ái chà. Tệ thật. “Ồ, tôi cũng là một kẻ khá lạc hậu. Nếu có chuyện gì xảy ra, hãy gửi cho tôi một tin hiệu khói nhé?”

Cô ấy cười khúc khích. “52756456. Tôi chỉ đang trêu anh thôi.”

“Tốt lắm. Tôi có thể gọi điện cho cô không?” Trong khoảng năm phút nữa, chẳng hạn, để chắc chắn rằng không có ai đang đợi cô trong căn hộ của cô.

“Tôi hi vọng anh sẽ làm vậy.”

Tôi lấy ra một cây bút và viết số điện thoại lên bàn tay.

Cô ấy đang nhìn tôi, nửa cười nửa không. Nụ hôn đang chờ tôi ở đó, nếu tôi muốn.

Tôi quay lưng và bước ngược trở lại lối đi dẫn đến con đường chính.

Cô ấy gọi với theo tôi. “John?”

Tôi ngoảnh lại.

“Tôi nghĩ trong anh có một kẻ cực đoan đang cố gắng thoát ra.”

Vài lời đối đáp lập tức hiện lên trong óc tôi. Thay vào đó, tôi chỉ nói: “Chúc ngủ ngon, Midori.”

Tôi quay người và bước đi, dừng lại ở vỉa hè để nhìn lại. Nhưng cô ấy đã đi vào trong tòa nhà, và hai cánh cửa bằng kính đang đóng lại sau lưng cô ấy.

11

TÔI LẦN VÀO một bãi đỗ xe đối diện với lối vào của tòa nhà. Nán lại bên ngoài chu vi rọi sáng của ánh đèn hắt ra từ bên trong, tôi nhìn cô ấy đợi chiếc thang máy phía bên phải của cô ấy. Từ chỗ đang đứng, tôi có thể nhìn thấy cửa mở ra khi thang máy tới nhưng không thể thấy gì bên trong. Tôi nhìn cô ấy bước vào, và rồi cửa thang máy đóng lại.

Có vẻ như không có ai ẩn núp bên ngoài. Trừ phi chúng đang đợi trong căn hộ của cô ấy hoặc gần đó, nếu không thì tối nay cô ấy sẽ an toàn.

Tôi lấy thiết bị của Harry ra và kích hoạt điện thoại của cô ấy, rồi lắng nghe bằng di động của tôi. Im lặng.

Một phút sau, tôi nghe tiếng khóa lách cách và tiếng cửa mở ra, rồi đóng lại. Những tiếng bước chân nghe không mấy rõ ràng. Rồi thêm nhiều tiếng bước chân nữa, không chỉ của một người. Một tiếng thở gấp đầy kinh ngạc.

Tiếp đến là một giọng đàn ông: “Nghe này. Hãy nghe cho kỹ. Đừng sợ. Chúng tôi xin lỗi vì đã làm cô hoảng hốt. Chúng tôi đang điều tra một vấn đề an ninh quốc gia. Chúng tôi phải hành động thật cẩn trọng. Mong cô hiểu cho.”

Giọng của Midori, không lớn hơn một tiếng thì thầm: “Cho tôi xem... Cho tôi xem giấy tờ.”

“Chúng tôi không có thời gian cho việc đó. Chúng tôi cần hỏi cô vài việc, sau đó chúng tôi sẽ đi ngay.”

“Hãy cho tôi xem một loại giấy tờ nào đó của anh.” Tôi nghe thấy cô ấy nói, giọng đã mạnh mẽ hơn, “nếu không tôi sẽ làm ồn lên.”

Và các bức tường trong tòa nhà này rất mỏng. Người ta có thể đã nghe thấy rồi.”

Trái tim tôi nhảy vọt lên. Cô ấy có bản năng và lòng can đảm.

“Đừng làm ồn,” có tiếng đáp. Sau đó là tiếng dội của một cú tát mạnh.

Chúng đang đánh cô ấy. Tôi sẽ phải hành động.

Tôi nghe tiếng cô ấy thở, hỗn hển. “Các người muốn gì?”

“Bố cô có mang theo một thứ lúc ông ta chết. Bây giờ nó đang nằm trong tay cô. Chúng tôi cần nó.”

“Tôi không biết anh đang nói về cái gì.”

Một cái tát nữa. Chết tiệt.

Tôi không thể vào trong tòa nhà khi không có chìa khóa. Ngay cả khi có người vào hoặc ra đúng lúc đó để tôi có thể lẻn vào trong, tôi cũng sẽ không thể vào được căn hộ để giúp cô ấy. Có lẽ tôi có thể đá tung cánh cửa. Và có lẽ sẽ có bốn gã mang súng đứng cách đó mười feet hạ gục tôi trước khi tôi vào được bên trong.

Tôi tắt thiết bị và dùng di động gọi vào số điện thoại của cô ấy. Điện thoại đổ chuông ba lần, sau đó là tiếng máy trả lời tự động.

Tôi ngắt máy và nhấn phím gọi lại, rồi làm lại lần nữa. Và một lần nữa.

Tôi muốn làm cho chúng căng thẳng, để buộc chúng ngừng lại. Nếu có người cố gắng liên lạc đủ số lần, có lẽ chúng sẽ để cô ấy trả lời điện thoại để xoa tan những mối nghi ngờ tiềm tàng.

Ở lần gọi thứ năm, cô ấy nhắc máy. “*Moshi moshi**? cô ấy nói, giọng ngập ngừng.

“Midori, tôi John đây. Tôi biết cô không thể nói gì cả. Tôi biết trong căn hộ của cô đang có mấy gã đàn ông. Hãy nói với tôi rằng “Chẳng có người đàn ông nào trong căn hộ của cháu cả, bà ạ”.”

Cái gì cơ?

“Hãy nói rằng “Chẳng có người đàn ông nào trong căn hộ của cháu cả, bà ạ.” Nói đi!”

“Chẳng có... Chẳng có người đàn ông nào trong căn hộ của cháu cả, bà ạ.”

“Tốt lắm. Giờ thì hãy nói, “Không, cháu không muốn bà đến lúc này. Chẳng có ai ở đây đâu ạ.”

“Không, cháu không muốn bà đến lúc này. Chẳng có ai ở đây đâu ạ.”

Chúng sẽ nóng lòng muốn ra khỏi căn hộ của cô ấy ngay. “Rất tốt. Cứ tiếp tục tranh cãi với bà của cô như vậy, được không? Đám người đó không phải là cảnh sát; cô biết đấy. Tôi có thể giúp cô, nhưng cô phải lừa được chúng ra khỏi căn hộ của cô đã. Hãy nói với chúng rằng bố cô có mang theo ít giấy tờ lúc ông ấy chết, nhưng chúng đang được cất trong căn hộ của ông ấy. Hãy nói với chúng rằng cô sẽ dẫn chúng tới đó và lấy cho chúng xem. Rằng cô không thể miêu tả chỗ cất giấu; đó là một chỗ ở trên tường và cô sẽ phải chỉ cho chúng. Cô có hiểu không?”

“Bà ơi, bà đang lo lắng quá đấy.”

“Tôi sẽ đợi bên ngoài,” tôi nói, và ngắt máy.

Chúng sẽ đi đường nào? Tôi nghĩ, cố gắng quyết định xem mình có thể mai phục ở đâu. Nhưng đúng lúc đó, một bà cụ xách theo túi rác bước ra từ thang máy, lưng bà còng gập lại vì một tuổi thơ thiếu chất dinh dưỡng và lao động vất vả trên ruộng đồng. Cánh cửa tự động mở ra khi bà lê bước ra ngoài, và tôi lén vào trong tòa nhà.

Tôi biết Midori sống trên tầng ba. Tôi lao vọt lên cầu thang bộ và dừng lại bên ngoài lối vào của tầng cô ấy, lắng nghe. Sau khoảng nửa phút im lặng, tôi nghe tiếng một cánh cửa mở ra ở đâu đó dọc theo hành lang.

Tôi mở cửa hé hé, rồi lấy ra chùm chìa khóa và thò chiếc gương nha khoa qua khe cửa cho đến khi tôi nhìn thấy một cái hành lang dài và hẹp. Một gã người Nhật đang bước ra từ một căn hộ. Hắn nhìn hai

bên trái, phải, rồi gật đầu. Một lát sau Midori bước ra, theo sát cô ấy là một gã người Nhật thứ hai. Gã thứ hai đặt tay trên vai cô ấy, không phải theo kiểu nhẹ nhàng.

Gã đi đầu kiểm tra hai bên hành lang, rồi họ bắt đầu đi về phía tôi. Tôi thu chiếc gương lại. Có một cái bình xịt cứu hỏa CO2 trên tường, và tôi giật lấy nó rồi bước sang bên phải cánh cửa, phía nó được mở ra. Tôi kéo chốt hãm và giơ vòi phun lên ngang mặt.

Hai giây trôi qua, rồi năm giây. Tôi nghe tiếng bước chân họ tới gần, ngay bên ngoài cánh cửa.

Tôi thở gấp bằng miệng, những ngón tay căng thẳng đặt hờ trên cần van.

Trong một giây chớp nhoáng, trong trí tưởng tượng của tôi, tôi thấy cánh cửa bắt đầu mở ra, nhưng thực tế thì không. Họ đã đi qua nó, hướng về phía thang máy.

Chết tiệt. Tôi cứ tưởng chúng sẽ chọn cầu thang bộ. Tôi lại nhẹ nhàng đẩy cánh cửa và thò chiếc gương ra, chỉnh góc độ của nó cho đến khi tôi có thể thấy họ. Chúng đang kẹp chặt cô ấy, gã đằng sau gi một thứ gì đó vào lưng cô ấy. Tôi cho rằng đó là một khẩu súng, nhưng cũng có thể là một con dao.

Nếu bám theo chúng từ đó thì tôi không thể nào làm cho chúng bất ngờ. Tôi sẽ không thể rút ngắn khoảng cách với chúng trước khi chúng nghe thấy tôi lao đến, và nếu chúng có vũ khí, những cơ hội của tôi sẽ nằm trong khoảng từ ít ỏi đến không tồn tại.

Tôi quay lại và phóng như bay xuống cầu thang. Khi xuống đến tầng một, tôi băng ngang qua sảnh, dừng lại đằng sau một cây cột mà họ sẽ phải đi ngang qua khi ra khỏi thang máy. Tôi chống cái bình cứu hỏa vào thắt lưng và nhẹ nhàng thò cái gương qua mép cột.

Nửa phút sau thì họ xuất hiện, dính vào nhau theo một đội hình tùm tùm mà ngay ngày đầu tiên tập huấn trong Lực lượng Đặc biệt anh đã được học là phải tránh làm vậy, bởi vì nó khiến cả đội của anh

dễ bị tổn hại trước một cuộc mai phục hay một quả mìn. Rõ ràng chúng sợ Midori bỏ trốn.

Tôi nhét cái gương và chùm chìa khóa vào túi, lắng nghe tiếng bước chân của họ. Khi họ chỉ còn cách tôi độ vài xentimét, tôi thét lên một tiếng *kiyai* như một chiến binh và nhảy xổ ra, kéo cần gạt và giơ vòi phun lên ngang mặt.

Chẳng có gì xảy ra. Cái bình cứu hỏa phát ra âm thanh như tiếng nấc cục, sau đó tạo ra một tiếng xì xì đáng thất vọng. Nhưng tất cả chỉ có thế.

Tên đi đầu há hốc miệng, và bắt đầu thò tay vào dò dẫm bên trong áo khoác. Cảm giác như đang chuyển động trong một thước phim quay chậm, ngỡ rằng sẽ bị chậm mất một giây, tôi giơ đậy cái bình cứu hỏa lên. Nhìn thấy hấn rút tay ra, lăm lăm một khẩu súng lục. Tôi xông tới và giáng cái bình cứu hỏa vào mặt hấn như thể đang phá cửa bằng một thanh kim loại nặng, dồn hết sức cho cú đánh. Có một tiếng ạch đầy thỏa mãn vang lên và hấn ngã vào Midori và gã đi sau cùng, khẩu súng rơi lách cách xuống sàn nhà.

Gã thứ hai lao đảo lùì lại, tách khỏi người Midori, cánh tay trái quay quay như chong chóng. Tay kia của hấn đang cầm một khẩu súng và cố gắng giữ nó ở trước mặt.

Tôi ném cái bình cứu hỏa như phóng một quả tên lửa, trúng vào chính giữa thân trên của hấn. Hấn ngã xuống và tôi lập tức chồm lên người hấn, tóm lấy khẩu súng và giật nó ra. Trước khi hấn có thể giơ tay lên để tự bảo vệ mình, tôi đã đập báng súng vào mấu chũm của hấn, đặng sau tai. Một tiếng rắc vang lên dữ dội và hấn trở nên mềm nhũn.

Tôi xoay người và giơ khẩu súng lên, nhưng bạn hấn không cử động. Trông mặt hấn như vừa mới đâm sầm vào một cái cột cờ vậy.

Tôi quay về phía Midori đúng lúc thấy một tên tay chân thứ ba bước ra từ thang máy, hấn là hấn đã được phân công túc trực ở vị trí đó từ lúc đầu. Hấn kẹp cổ Midori từ đằng sau bằng tay trái, cố gắng

dùng cô ấy làm lá chắn, trong khi tay phải thò vào túi áo khoác, tìm vũ khí. Nhưng trước khi hắn có thể lôi nó ra, Midori đã xoay ngược chiều kim đồng hồ trong vòng kim kẹp của hắn, tóm lấy cổ tay trái hắn và vặn ngược cánh tay hắn trong một đòn khóa khớp *san-kyo* aikido cổ điển. Phản ứng của hắn tỏ rõ sự dày dặn: hắn ném cơ thể theo hướng đòn khóa để cánh tay khỏi bị gãy, và hạ cánh với một cú *ukemi** nhẹ nhàng. Nhưng trước khi hắn kịp vùng dậy, tôi đã lao tới, tung một cú sút vào đầu hắn, mạnh đến nỗi hất tung cả cơ thể hắn lên khỏi mặt đất.

Midori đang nhìn tôi, đôi mắt mở to, hơi thở hỗn hển, gấp gáp.

“*Daijoubu?*” Tôi hỏi, nắm lấy cánh tay cô ấy. “Cô ổn chứ? Chúng có làm cô bị thương không?”

Cô ấy lắc đầu. “Chúng nói với tôi chúng là cảnh sát, nhưng tôi biết là không phải: chúng không cho tôi xem bất cứ loại giấy tờ chứng minh nào và dù sao đi nữa, tại sao chúng lại đợi sẵn trong căn hộ của tôi chứ? Chúng là ai? Làm sao anh biết chúng ở trong đó?”

Vẫn giữ cánh tay cô ấy, tôi bắt đầu đưa chúng tôi đi qua sảnh về phía cửa kính, mắt quét qua quét lại tìm kiếm những dấu hiệu nguy hiểm bên ngoài.

“Tôi đã thấy chúng ở Blue Note,” tôi nói, thúc giục cô ấy bước nhanh hơn bằng cách siết mạnh cánh tay cô ấy. “Khi tôi nhận ra chúng không đi theo chúng ta lúc về, tôi nghĩ chúng có thể đang đợi sẵn ở căn hộ của cô. Đó là lúc tôi gọi điện.”

“Anh đã thấy chúng ở Blue Note ư? Chúng là ai? Anh là ai?”

“Tôi là kẻ đã vấp phải một thứ rất tồi tệ và muốn bảo vệ cô khỏi nó. Tôi sẽ giải thích sau. Còn bây giờ, tôi phải đưa cô đến một nơi an toàn.”

“An toàn? Với anh?” Cô ấy dừng lại trước cánh cửa kính và ngoảnh đầu nhìn ba gã đàn ông kia, trông chúng như đang đeo những chiếc mặt nạ bằng máu, rồi lại nhìn tôi.

“Tôi sẽ giải thích tất cả với cô, nhưng không phải lúc này. Bây giờ, điều quan trọng duy nhất là cô đang gặp nguy hiểm, và tôi không thể giúp cô nếu cô không tin tôi. Hãy để tôi đưa cô đến một nơi an toàn và kể toàn bộ mọi chuyện cho cô nghe, được không?” Cánh cửa tự động mở ra, một con mắt hồng ngoại được giấu đâu đó đã cảm nhận được sự có mặt của chúng tôi.

“Ở đâu?”

“Một nơi không ai biết để tìm cô, hoặc đợi cô. Một khách sạn, hoặc chỗ nào đó tương tự như thế.”

Tên tay chân bị tôi đá lúc nãy rên rỉ và bắt đầu bò dậy. Tôi bước tới và đá một phát nữa vào mặt hắn, và hắn gục xuống. “Midori, chúng ta không có thời gian để bàn chuyện này ở đây. Cô sẽ phải tin tôi. Làm ơn nghe lời tôi đi.”

Cánh cửa đóng lại.

Tôi muốn lục soát người mấy gã trên sàn để tìm giấy tờ tùy thân hoặc một cách nào đó để nhận biết nhân thân của chúng, nhưng tôi không thể làm thế và đành kéo Midori đi.

“Làm sao tôi biết tôi có thể tin tưởng anh?” Cô ấy nói, nhưng đã bắt đầu di chuyển lại. Cánh cửa mở ra.

“Hãy tin tưởng những bản năng của cô; tôi chỉ có thể nói vậy thôi. Chúng sẽ cho cô biết điều gì là đúng.”

Chúng tôi đi qua cửa, và với tầm nhìn bao quát hơn, tôi có thể thấy một gã người Nhật xấu xí béo lùn đang đứng cách chỗ chúng tôi khoảng năm mét về phía bên trái. Hắn có một cái mũi trông như một khúc cua hình chữ U - hẳn là nó đã bị gãy quá nhiều lần đến nỗi hẳn chẳng thềm bện tam sửa nó nữa. Hắn đang quan sát cảnh tượng trong tiền sảnh, và có vẻ không biết phải làm gì. Một thứ gì đó toát ra từ tư thế của hắn, ngoại hình của hắn, mách bảo tôi rằng hắn không phải một người dân thường. Có lẽ hắn là đồng bọn của ba kẻ đang nằm trên sàn kia.

Tôi đẩy Midori sang bên phải, tránh xa vị trí của gã mũi tẹt ấy. “Làm sao anh biết... làm sao anh biết có người trong căn hộ của tôi?” Cô ấy hỏi. “Làm sao anh biết chuyện gì đang xảy ra?”

“Tôi chỉ biết thôi, được chưa?” Tôi nói, vừa đi vừa quay ngang quay ngược để kiểm tra xem có nguy hiểm nào không. “Midori, nếu tôi là đồng bọn của những kẻ đó, việc gì tôi phải giả vờ như thế này? Chúng đã tóm được cô như chúng muốn. Hãy để tôi giúp cô. Tôi không muốn thấy cô bị tổn thương. Đó là lí do duy nhất khiến tôi có mặt ở đây.

Tôi thấy gã mũi tẹt đi vào bên trong khi chúng tôi rời khỏi hiện trường, chắc là để giúp đỡ mấy tên đồng bọn đang nằm gục một chỗ của hắn.

Nếu chúng định đưa cô ấy đi đâu đó, chúng sẽ có một chiếc xe. Tôi nhìn quanh, nhưng có quá nhiều xe cộ đỗ trong khu vực này nên tôi không thể xác định được xe của chúng.

“Chúng có nói là sẽ đưa cô đi đâu không?” Tôi hỏi. “Chúng là người của ai?”

“Không,” cô ấy nói. “Tôi đã bảo anh rồi, chúng chỉ nói chúng là người của cảnh sát.”

“Được, tôi hiểu rồi.” Xe chúng ở nơi chết tiệt nào nhỉ? Có thể chúng còn có đồng bọn. *Được rồi, đi thôi, cứ tiếp tục bước đi, chúng sẽ phải lộ diện nếu chúng muốn tóm mày.*

Chúng tôi băng ngang qua bãi đỗ xe tối tăm của tòa nhà đối diện, bước vào đại lộ Omotesando, và bắt một chiếc tắc xi. Tôi bảo tài xế đưa chúng tôi đến Cửa hàng bách hóa Seibu ở Shibuya. Tôi kiểm tra những chiếc gương chiếu hậu trong lúc xe lăn bánh. Chỉ có vài chiếc ô tô trên đường, và không chiếc nào tỏ ra là đang cô bám đuôi chúng tôi.

Tôi nghĩ đến một khách sạn tình yêu. Khách sạn tình yêu là một nơi lưu trú của Nhật, sinh ra từ sự thiếu thốn nhà cửa. Với các gia đình, đôi khi là các gia đình nhiều thế hệ, sống chen chúc trong những căn hộ nhỏ, người bố và người mẹ cần tìm đến một chốn riêng tư. Đó

chính là các *rabu hoteru* - những nơi được dành để “nghỉ” hoặc “ở”, với lễ tân nổi tiếng là kín đáo, không yêu cầu thẻ tín dụng khi thuê phòng, và chấp nhận những cái tên giả. Một vài trong số chúng hoàn toàn quá lỗ, với những căn phòng được bài trí theo chủ đề bao gồm bồn tắm kiểu La Mã và những đồ vật trang trí thuộc nền văn hóa Mỹ, trông hết như Trung tâm Disney Epcot bị biến thành nhà thổ.

Ngoài vấn đề thiếu thốn nhà cửa, các khách sạn dạng này mọc lên còn vì việc mời một người lạ về nhà ở Nhật được coi là một hành động thân mật hơn nhiều so với ở Mỹ. Có rất nhiều phụ nữ Nhật sẵn sàng để một người đàn ông xâm nhập cơ thể họ trước khi cho phép anh ta bước chân vào căn hộ của mình, và các khách sạn đương nhiên phục vụ cả nhu cầu này của thị trường nữa.

Dĩ nhiên, những kẻ mà chúng tôi đang đối đầu không hề ngu ngốc. Chúng có thể đoán ra rằng một khách sạn tình yêu sẽ là nơi trú ngụ lí tưởng. Nếu là tôi thì tôi sẽ phán đoán như vậy. Nhưng với khoảng mười nghìn *rabu hoteru* ở Tokyo, chúng sẽ phải mất rất nhiều thời gian mới lần ra dấu vết của chúng tôi.

Chúng tôi xuống tắc xi và đi bộ đến *chome* 2 của Shibuya, một nơi đầy rẫy các khách sạn tình yêu nhỏ. Tôi chọn một cái ngẫu nhiên, và nói với bà lão đứng trong quầy lễ tân rằng chúng tôi muốn một phòng có bồn tắm, để *yasumi* - ở qua đêm, chứ không phải là nghỉ theo giờ. Tôi đặt tiền mặt lên quầy và bà ta thò tay lấy một thứ gì đó ở bên dưới, rồi đưa cho chúng tôi một cái chìa khóa.

Chúng tôi đi thang máy lên tầng năm, và tìm thấy phòng chúng tôi ở cuối một hành lang ngắn. Tôi mở cửa và Midori bước vào trước. Tôi vào theo cô ấy, khóa cửa lại đằng sau. Chúng tôi để giày ở lối vào. Chỉ có một chiếc giường - kê hai chiếc giường trong một khách sạn tình yêu thì chẳng thích hợp chút nào, giống như đặt một cuốn Kinh Thánh ở đó vậy - nhưng trong phòng còn có một chiếc đi văng khá lớn để tôi có thể nằm cuộn mình trên đó.

Midori ngồi lên mép giường và quay mặt về phía tôi. Vậy là chúng ta đến đây rồi, cô ấy nói, giọng đều đều. “Tối nay ba gã đàn ông đã đợi tôi trong căn hộ của tôi. Chúng tuyên bố mình là cảnh sát, nhưng rõ ràng không phải - hoặc, nếu chúng là cảnh sát, chúng đang trong một nhiệm vụ bí mật nào đó. Tôi nghĩ anh cùng phe với chúng, nhưng tôi đã thấy anh làm chúng bị thương nặng thế nào. Anh đã đề nghị tôi đến một nơi an toàn với anh để anh có thể giải thích. Tôi đang nghe đây.”

Tôi gật đầu, cố gắng tìm những từ ngữ thích hợp để bắt đầu. “Cô biết chuyện này liên quan đến bố cô chứ.”

“Mấy gã đó nói ông ấy có một thứ mà chúng muốn.”

“Phải, và chúng nghĩ hiện giờ cô đang giữ nó.”

“Tôi không biết tại sao chúng lại nghĩ như thế.”

Tôi nhìn cô ấy. “Tôi nghĩ là có biết đấy.”

“Cứ việc nghĩ những gì anh muốn.”

“Cô biết điều bất hợp lí ở đây là gì không, Midori? Ba gã đàn ông đợi cô trong căn hộ của cô, chúng giở trò thô bạo với cô, tôi thành linh xuất hiện và đánh chúng thừa sống thiếu chết, tất cả những chi tiết đó đều không thể xảy ra trong một ngày bình thường của cuộc đời một nghệ sĩ dương cầm chơi nhạc jazz, thế mà từ lúc đó tới giờ cô chưa một lần tỏ ý muốn đến báo cảnh sát.”

Cô ấy không trả lời.

“Cô có muốn không? Cô biết là cô có thể làm điều đó mà.”

Cô ấy ngồi đối diện tôi, cánh mũi khẽ phập phồng, những ngón tay gõ nhịp dọc theo mép giường. *Chết tiệt, tôi nghĩ, điều mà cô ấy biết nhưng không nói với mình là gì nhỉ?*

“Hãy kể tôi nghe về cha cô, Midori. Làm ơn. Tôi không thể giúp cô nếu cô không kể gì cả.”

Cô ấy nhảy xuống khỏi giường và nhìn thẳng vào mặt tôi. “Kể cho anh ư?” Cô ấy hét lên. “Không, anh mới là người phải kể cho tôi

mới đúng chứ! Nói cho tôi nghe anh là gã khốn kiếp nào, nếu không tôi thề tôi sẽ đến gặp cảnh sát, và tôi chẳng cần quan tâm chuyện gì xảy ra sau đó!”

Vậy là đã có tiến triển, trong chừng mực nào đó, tôi nghĩ. Cô muốn biết điều gì?”

“Mọi thứ!”

“Được.”

“Bắt đầu từ việc, mấy gã trong căn hộ của tôi là ai?”

“Được.”

“Chúng là ai?”

“Tôi không biết chúng là ai cả.”

“Nhưng anh biết chúng có mặt ở đó?”

Cô ấy sẽ kéo mạnh sợi chỉ bị tuột ấy cho đến khi toàn bộ miếng vải bị tháo gỡ hết. Tôi không biết làm thế nào để tránh được việc đó.

“Đúng.”

“Bằng cách nào?”

“Bởi vì căn hộ của cô bị cài thiết bị nghe trộm.”

“Bởi vì căn hộ của tôi bị cài thiết bị nghe trộm... Anh cùng hội với chúng?”

“Không.”

“Làm ơn đừng đưa ra cho tôi những câu trả lời một từ nữa được không? Nào, căn hộ của tôi bị cài thiết bị nghe trộm, bởi ai, bởi anh à?”

Vậy đấy. “Phải.”

Cô ấy nhìn tôi một lúc lâu, rồi ngồi xuống giường. “Anh làm việc cho ai?” Cô ấy hỏi, giọng đều đều.

“Chuyện đó không quan trọng.”

Một lúc lâu nữa, và giọng điệu đều đều ấy lại cất lên: “Vậy hãy nói tôi nghe anh muốn gì.”

Tôi nhìn cô ấy, muốn cô ấy nhìn vào mắt tôi. “Tôi muốn đảm bảo rằng cô không bị tổn thương.”

Vẻ mặt cô ấy hoàn toàn lãnh đạm. “Và anh sẽ làm điều đó bằng cách...”

“Mấy gã đó đang truy đuổi cô bởi vì chúng nghĩ cô có một thứ có thể làm hại chúng. Tôi không biết đó là thứ gì. Nhưng chỉ cần chúng nghĩ là cô có nó, cô sẽ không được an toàn.”

“Nhưng nếu tôi đưa thứ đó cho anh...”

“Vì không biết thứ đó là gì, nên tôi không biết liệu đưa nó cho tôi thì có ích gì không. Tôi đã nói với cô rồi, tôi không có mặt ở đây vì nó. Tôi chỉ không muốn cô bị tổn thương.”

“Anh có biết tôi nghĩ anh sẽ nói gì không? ‘Hãy đưa nó cho tôi để tôi có thể giúp cô.’ ”

“Tôi hiểu.”

“Tôi không chắc là anh hiểu.”

“Không quan trọng. Hãy kể cho tôi nghe về cha cô.”

Cô ấy im lặng một lúc lâu. Tôi biết cô ấy sắp nói gì, và đúng là thế: “Hóa ra đây là lí do khiến anh hỏi tôi tất cả những câu hỏi lần trước. Anh đã đến Alfie và, Chúa ơi, tất cả những chuyện sau đó... Anh đã lợi dụng tôi ngay từ đầu.”

“Những gì cô nói cũng có phần đúng. Nhưng không hoàn toàn. Giờ thì hãy kể tôi nghe về cha cô đi.”

“Không.”

Tôi cảm thấy một cục tức dâng lên trong cổ. *Bình tĩnh nào, John.* “Gã phóng viên đó cũng đang hỏi cô, phải không? Cái gã Bulfinch ấy? Cô đã nói gì với gã?”

Cô ấy nhìn tôi, cố gắng đoán xem tôi biết được chừng nào. “Tôi không biết anh đang nói gì.”

Tôi nhìn ra cửa và nghĩ, *Đi thôi. Hãy đi đi.*

Nhưng thay vào đó, tôi nói: “Nghe tôi đi, Midori. Tất cả những gì tôi phải làm chỉ là bước ra ngoài qua cánh cửa kia. Cô mới chính là người sẽ không thể ngủ trong căn hộ của mình, sợ phải đến gặp cảnh sát, và không thể quay lại với cuộc sống bình thường. Vì vậy cô nên hợp tác với tôi, nếu không cô sẽ phải tự giải quyết chuyện này một mình.”

Một khoảng thời gian dài, có lẽ cả một phút, trôi qua. Rồi cô ấy nói, “Bulfinch nói cha tôi phải đưa một thứ cho anh ta vào buổi sáng hôm cha tôi chết, nhưng Bulfinch chưa nhận được nó. Anh ta muốn biết liệu tôi có giữ nó hay không, hay liệu tôi có biết nó đang ở đâu không.”

“Nó là cái gì?”

“Một cái đĩa vi tính. Anh ta chỉ tiết lộ như vậy thôi. Anh ta bảo rằng nếu anh ta giải thích nhiều hơn nữa, tôi sẽ gặp nguy hiểm.”

“Gã đã làm hại cô chỉ bằng cách nói chuyện với cô rồi. Gã đã bị theo dõi bên ngoài Alfie.” Tôi ấn những ngón tay lên mắt. “Cô có biết gì về cái đĩa đó không?”

“Không.”

Tôi nhìn cô ấy, cố gắng phán đoán. “Tôi không nghĩ tôi phải nói với cô điều này, những kẻ muốn lấy cái đĩa sẽ không từ một thủ đoạn nào để lấy được nó.”

“Tôi hiểu mà.”

“Được rồi, hãy ráp nối những gì chúng ta đã biết. Tất cả mọi người đều nghĩ cha cô đã nói gì đó với cô, hoặc đưa cho cô thứ gì đó. Ông ấy có làm vậy không? Ông ấy có kể với cô điều gì, hay đưa cho cô vài tài liệu nào đó, chẳng hạn, hay bất cứ thứ gì mà ông ấy nói là quan trọng không?”

“Không. Theo tôi nhớ thì không có gì cả.”

“Cô thử nhớ lại đi. Một cái chìa khóa kết an toàn? Một cái chìa khóa của một ngăn tủ đựng đồ? Ông ấy có nói với cô rằng ông ấy đã

giấu thứ gì đó, hay cất những giấy tờ quan trọng ở đâu đó không? Bất cứ điều gì tương tự như thế?”

“Không,” cô ấy nói, sau một thoáng chốc. “Không có gì hết.”

Có thể cô ấy đang do dự, tôi biết. Cô ấy chắc chắn có lí do để không tin tưởng tôi.

“Nhưng cô biết điều gì đó,” tôi nói. “Nếu không thì, cô đã đến báo cảnh sát.”

Cô ấy khoanh tay trước ngực và nhìn tôi.

“Vì Chúa, Midori, kể cho tôi nghe đi. Hãy để tôi giúp cô.”

“Đó không phải là điều anh đang mong đợi,” cô ấy nói.

“Tôi không mong đợi gì cả. Trừ những mẩu thông tin cô có thể kể cho tôi.”

Lại một sự im lặng kéo dài. rồi cô ấy nói, “Tôi đã kể với anh là bố tôi và tôi đã... xa lánh nhau trong một thời gian dài. Chuyện đó bắt đầu từ hồi tôi bước vào độ tuổi thiếu niên, khi tôi dần dà hiểu được hệ thống chính trị của Nhật Bản, và vị trí của bố tôi trong đó.”

Cô ấy đứng dậy và bắt đầu đi đi lại lại quanh phòng, không nhìn tôi. “Ông ấy là người của Đảng Dân chủ Tự do, từng bước leo lên những nấc thang quyền lực ở Kensetsusho, Bộ Xây dựng cũ. Khi Kensetsusho trở thành Kokudokotsusho, ông ấy được bổ nhiệm làm thứ trưởng Đất đai và Cơ sở hạ tầng - chịu trách nhiệm với các công trình công cộng. Anh có biết ở Nhật Bản điều đó có nghĩa là gì không?”

“Tôi có biết một chút. Chương trình các công trình công cộng chính là kênh chuyển tiền từ các chính trị gia và các công ty xây dựng đến *yakuza*?

“Và *yakuza* cung cấp “sự bảo vệ”, giải quyết bất đồng, và vận động hành lang cho ngành công nghiệp xây dựng. Các công ty xây dựng và *yakuza* giống như cặp song sinh bị chia tách lúc mới chào đời.

Anh có biết rằng các công ty xây dựng ở Nhật Bản được gọi là *gumi* không?”

Gumi có nghĩa là “băng đảng”, hoặc “tổ chức” - cái tên mà các băng nhóm *yakuza* đặt cho chúng. *Gumi* ban đầu là những nhóm người bị buộc phải tha hương vì Thế chiến II, họ làm việc cho một ông trùm băng đảng nào đó, và làm bất cứ công việc bẩn thỉu nào để có thể tồn tại. Cuối cùng những băng đảng này biến thành *yakuza* ngày nay và những công ty xây dựng.

“Tôi biết,” tôi nói.

“Vậy thì anh sẽ biết rằng, sau chiến tranh, có những cuộc chiến giữa các công ty xây dựng lớn đến mức cảnh sát còn không dám can thiệp. Một hệ thống đấu thầu gian lận được thiết lập để ngăn chặn những cuộc chiến này. Hệ thống này vẫn tồn tại. Cha tôi chính là người đã điều hành nó.”

Cô ấy bật cười. “Anh có nhớ sân bay quốc tế Kansai được xây dựng ở Osaka năm 1994 không? Sân bay tốn mười bốn tỉ đô la, và ai cũng muốn hưởng chút lợi lộc từ nó. Anh còn nhớ Takumi Masaru, ông trùm *yakuza* của Yamaguchi Gumi, bị giết vào năm đó chứ? Đó là vì hắn đã không chia sẻ đủ lợi nhuận của việc xây dựng sân bay. Bố tôi đã hạ lệnh khử hắn để xoa dịu những ông trùm băng đảng khác.”

“Chúa ơi, Midori,” tôi khẽ nói. “Cha cô đã kể với cô những chuyện này sao?”

“Khi ông ấy biết mình chẳng còn sống được bao lâu nữa. Ông ấy cần thú tội.”

Tôi đợi cô ấy tiếp tục.

“Những tên *yakuza* xăm mình và đeo kính râm, những kẻ mà anh nhìn thấy trong những khu vực tệ nạn của Shinjuku, chúng chỉ là công cụ cho những người như cha tôi,” cô ấy nói, tiếp tục bước chậm chậm. “Những người đó là một phần của hệ thống. Các chính trị gia bỏ phiếu cho những công trình công cộng vô dụng mà nuôi sống các công ty xây dựng. Các công ty xây dựng cho phép các chính trị gia dùng nhân

viên công ty làm “tình nguyện viên” trong các chiến dịch bầu cử. Các quan chức của Bộ Xây dựng được mời làm “cố vấn” ở các công ty xây dựng sau khi nghỉ hưu - được đưa đón bằng ô tô riêng và hưởng những bổng lộc khác, nhưng chẳng phải làm gì cả. Mỗi năm vào mùa dự thảo ngân sách, các công chức từ Bộ Tài chính và Bộ Xây dựng lại gặp gỡ các chính trị gia trung thành để quyết định xem sẽ chia chác “cái bánh” này như thế nào.”

Cô ấy dừng bước và nhìn tôi. “Anh có biết rằng diện tích đất đai của Nhật Bản chỉ bằng 4% của nước Mỹ và dân số chỉ bằng một nửa, nhưng lại chi nhiều hơn một phần ba cho các công trình công cộng không? Một số người nghĩ rằng trong vòng mười năm trở lại đây, mười nghìn tỉ yên tiền chính phủ đã được trả cho *yakuza* thông qua các công trình công cộng.”

Mười nghìn tỉ ư? Tôi nghĩ. Có lẽ phải đến một trăm tỉ đô la ấy chứ. mấy thằng khốn đó hẳn đã giấu giếm cô rồi.

“Dĩ nhiên là tôi có biết đôi chút,” tôi nói. “Cha cô đang định tố cáo tất cả?”

“Vâng. Khi ông ấy biết về bệnh tình của mình, ông ấy đã gọi điện cho tôi. Đó là lần đầu tiên chúng tôi nói chuyện với nhau sau hơn một năm. Ông ấy nói ông ấy phải kể cho tôi nghe một chuyện quan trọng, và đến căn hộ của tôi. Chúng tôi đã không nói chuyện với nhau trong một thời gian dài, nên tôi nghĩ vấn đề đó hẳn có liên quan đến sức khỏe của ông ấy, đến bệnh tim của ông ấy. Ông ấy trông già xạm hẳn đi khi tôi thấy ông ấy và tôi biết là tôi đã đúng, hoặc gần như đã đúng.

Tôi pha trà cho cả hai chúng tôi, và chúng tôi ngồi đối diện nhau ở cái bàn nhỏ trong bếp. Tôi kể với ông ấy về những bản nhạc mà tôi đang luyện tập, nhưng dĩ nhiên tôi không thể hỏi về công việc của ông ấy, và chúng tôi gần như chẳng có chuyện gì để nói với nhau. Cuối cùng tôi nói, ‘Bố, bố định kể với con chuyện gì?’

‘*Taishita koto jaa nai**,’ ông ấy bảo. Rồi ông ấy nhìn tôi và mỉm cười, đôi mắt trù mẫn nhưng buồn bã, và trong một thoáng giây, ông

ấy nhìn tôi như hồi tôi còn nhỏ. ‘Bố vừa mới phát hiện ra là bố chẳng còn sống được bao lâu nữa,’ ông ấy nói với tôi, ‘chẳng còn bao lâu nữa đâu. Một tháng, hoặc hai tháng thôi. Lâu hơn nếu bố làm hóa trị và dùng thuốc, nhưng bố không muốn. Lạ một điều là khi nghe được tin này, bố không thấy phiền muộn, hay thậm chí ngạc nhiên cho lắm.’ Rồi đôi mắt ông ấy mọng nước, một điều trước đây tôi chưa bao giờ thấy. Ông ấy nói, “Điều khiến bố buồn lòng không phải là sắp mất đi cuộc sống, mà là biết rằng bố đã đánh mất con gái mình.”

Bằng một cử chỉ nhanh gọn, cô ấy giơ bàn tay phải lên và chùi một bên khóe mắt, sau đó chuyển sang bên kia. “Ông ấy đã kể cho tôi nghe tất cả những chuyện mà ông ấy từng dính líu, tất cả những việc mà ông ấy đã làm. Ông ấy nói muốn làm điều gì đó để sửa sai, và đã định làm sớm hơn nhưng lại quá hèn nhát, vì biết rằng mình sẽ bị giết nếu thử làm vậy. Ông ấy cũng nói ông ấy lo cho tôi, những kẻ làm việc cùng ông ấy sẽ không ngần ngại tấn công gia đình của một người nào đó để gửi một thông điệp. Ông ấy bảo rằng ông ấy đang dự tính làm một việc có thể sửa chữa những sai lầm mình đã gây ra, nhưng nếu ông ấy làm vậy thì tôi có thể gặp nguy hiểm.”

“Ông ấy đang định làm gì?”

“Tôi không biết. Nhưng tôi đã nói với ông ấy rằng tôi không thể chấp nhận làm con tin cho một hệ thống tham nhũng, nếu chúng tôi muốn hòa giải, ông ấy sẽ phải hành động mà không cần để ý đến tôi.”

Tôi cân nhắc. “Cô thật dũng cảm.”

Cô ấy nhìn tôi, đã hoàn toàn bình tĩnh trở lại. “Không hẳn thế. Đừng quên, tôi là người cực đoan.”

“Chà, chúng ta biết là ông ấy đang nói chuyện với gã phóng viên đó, Bulfinch, và ông ấy phải giao cho gã một cái đĩa. Chúng ta cần tìm hiểu xem trong cái đĩa có gì.”

“Bằng cách nào?”

“Tôi nghĩ là bằng cách liên lạc trực tiếp với Bulfinch.”

“Và nói gì với anh ta?”

“Điều đó thì tôi vẫn chưa nghĩ ra.”

Chúng tôi im lặng trong một phút, và tôi bắt đầu cảm thấy mệt mỏi.

“Chúng ta đi ngủ thôi,” tôi nói. “Tôi sẽ ngủ trên đi văng, được chứ? Và ngày mai chúng ta có thể nói chuyện tiếp. Khi đó mọi thứ sẽ có vẻ rõ ràng hơn.”

Tôi biết chúng sẽ không thể trở nên mù mờ hơn.

12

SÁNG HÔM SAU TÔI DẬY SỚM và đi thẳng đến ga Shibuya, dặn Midori rằng tôi sẽ gọi điện vào di động cho cô ấy sau khi đã lấy được vài thứ tôi cần. Tôi có vài món đồ cất trong căn hộ ở Sengoku, trong đó có một tấm hộ chiếu giả, thứ tôi sẽ cần nếu tôi phải đột ngột rời khỏi đất nước này. Tôi dặn cô ấy chỉ được ra ngoài khi nào thực sự cần thiết, biết rằng cô ấy sẽ cần mua đồ ăn và thay quần áo, và không được dùng thẻ tín dụng để mua bất cứ thứ gì. Tôi cũng nói với cô ấy rằng, phòng trường hợp có ai đó biết số điện thoại di động của cô ấy, chúng tôi cần nói chuyện thật nhanh gọn, và cô ấy nên giả định rằng có người đang nghe những gì chúng tôi trao đổi.

Tôi bắt Yamanote đến Ikebukuro, một trung tâm thương mại và giải trí đông đúc nơi không ai biết ai ở mạn tây bắc thành phố, xuống tàu và vẫy một chiếc tắc xi bên ngoài nhà ga. Tôi đi tắc xi đến Hakusan, một khu dân cư cách căn hộ của tôi khoảng mười phút đi bộ, xuống xe và gọi vào tài khoản hộp thư thoại gắn với điện thoại trong căn hộ của tôi.

Chiếc điện thoại này có một số tính năng đặc biệt. Tôi có thể gọi đến bất cứ lúc nào từ một địa điểm xa xôi và âm thầm kích hoạt loa ngoài của nó, về cơ bản biến nó thành một thiết bị truyền âm. Nó cũng được kích hoạt bằng âm thanh: nếu trong phòng có tiếng động, chẳng hạn như tiếng người nói, thì tính năng đặc biệt của loa sẽ lặng lẽ được kích hoạt và nó sẽ tự động quay số tài khoản hộp thư thoại mà tôi đáng kí ở Mỹ, sự cạnh tranh giữa các công ty điện thoại ở đó khiến cho giá của những dịch vụ như thế được giữ ở mức hợp lí. Trước khi về nhà,

tôi luôn gọi vào số hộp thư thoại. Nếu ai đó đột nhập vào căn hộ của tôi khi tôi đi vắng, tôi sẽ biết được.

Thật ra, chiếc điện thoại này có lẽ là thứ không cần thiết. Không chỉ vì chưa từng có ai tự tiện xuất hiện trong căn hộ của tôi; mà còn vì không một ai biết tôi thực sự sống ở đâu. Tôi trả tiền thuê một căn hộ sáu chiếu* ở Ochanomizu, nhưng không bao giờ tới đó. Căn hộ ở Sengoku được thuê bằng tên một pháp nhân không liên quan gì tới tôi. Nếu anh làm nghề này, anh nên có thêm một hai nhân thân.

Tôi nhìn xuôi ngược con phố, lắng nghe những tiếng bíp bíp khi cuộc gọi được truyền dẫn xuyên qua lòng Thái Bình Dương. Khi cuộc gọi được kết nối thành công, tôi nhập mật mã của mình.

Mỗi lần làm việc này, ngoại trừ lúc tôi kiểm tra hệ thống một cách định kì, tôi vẫn nghe thấy giọng một phụ nữ máy móc nói, “Bạn không có cuộc gọi nào cả.” Hôm nay tôi cũng đang mong đợi điều tương tự.

Nhưng thay vào đó lời nhắn lại là “Bạn có một cuộc gọi.”

Chó chết. Tôi sửng sốt đến nỗi không thể nhớ được phải ấn phím nào để nghe được tin nhắn thoại, nhưng giọng nói máy móc đã nhắc nhở tôi. Gần như nín thở, tôi nhấn phím 1.

Tôi nghe thấy một giọng đàn ông, nói tiếng Nhật. “Căn hộ nhỏ nhỉ. Khó mà bất ngờ tóm hãn khi hãn bước vào.”

Một giọng đàn ông khác, cũng tiếng Nhật: “Hãy đợi ở đây, bên mép *genkan**. Khi hãn bước vào, ta sẽ dùng bình xịt bột cay.”

Tôi biết giọng nói đó, nhưng phải mất một phút mới xác định được - tôi đã quen nghe nó nói tiếng Anh.

Benny.

“Nếu hãn không muốn nói chuyện thì sao?”

“Hãn sẽ nói.”

Tôi siết chặt điện thoại. *Thằng khốn Benny. Hần lần ra chỗ tôi ở bằng cách nào vậy nhỉ?*

Tin nhắn thoại này được ghi lại khi nào? Phải nhấn phím đặc biệt nào để biết được điều đó đây... Mẹ kiếp, đáng ra tôi phải tập dượt làm việc này thêm vài lần trước khi thực sự cần dùng đến nó. Tôi đã quá tự mãn. Tôi nhấn phím 6. Tin nhắn được phát với tốc độ nhanh hơn. Chết tiệt. Tôi thử phím số 5. Giọng nói máy móc của người phụ nữ thông báo với tôi rằng thông điệp này được thực hiện bởi một số máy ở nước ngoài vào lúc 2 giờ chiều. Đó là giờ California, có nghĩa là chúng vào căn hộ của tôi khoảng 7 giờ sáng nay, tầm một tiếng đồng hồ trước.

Được rồi, kế hoạch thay đổi. Tôi lưu lại tin nhắn, ngắt máy, và gọi điện cho Midori. Tôi nói với cô ấy rằng tôi đã phát hiện ra một điều quan trọng và sẽ kể với cô ấy khi nào tôi quay lại, và cô ấy nên đợi tôi ngay cả khi tôi về muộn. Sau đó tôi quay lại Sugamo, từng khét tiếng là địa điểm tọa lạc của một nhà tù SCAP* dành cho những tội phạm chiến tranh người Nhật, bây giờ thì được biết đến nhiều hơn vì khu đèn đỏ và những khách sạn tình yêu kèm theo.

Tôi chọn cái khách sạn gần Sengoku nhất. Căn phòng họ xếp cho tôi thật ấm thấp. Tôi chẳng bận tâm. Tôi chỉ muốn một cái máy điện thoại bàn, để không phải lo lắng về chuyện di động hết pin, và một nơi để chờ đợi.

Tôi gọi vào điện thoại trong căn hộ của tôi. Nó không đổ chuông, nhưng tôi có thể nghe thấy tín hiệu khi kết nối đã thông. Tôi ngồi và đợi, lắng nghe, nhưng nửa tiếng sau vẫn không có một tiếng động nào ở đó và tôi bắt đầu tự hỏi hay là chúng đã bỏ đi. Rồi tôi nghe tiếng chân ghế trượt trên sàn gỗ, tiếng những bước chân, và rõ ràng tiếng một người đàn ông đi tiểu trong toa lét. Chúng vẫn ở đó.

Tôi ngồi như vậy cả ngày, lắng nghe sự tĩnh lặng. Điều an ủi duy nhất là chúng chắc cũng chán ngán như tôi vậy. Tôi hi vọng chúng cũng đang đói.

Khoảng 6 rưỡi, trong khi tôi đang tập vài động tác căng duỗi của môn judo để giúp cơ thể khỏi bị căng cứng thì nghe thấy tiếng chuông điện thoại reo ở đầu dây bên kia. Nghe như một chiếc di động. Benny trả lời, cầu nhàu vài tiếng, rồi nói, “Tôi có một chuyện cần giải quyết ở Shibakoen - không quá vài tiếng đâu.”

Tôi thấy đồng bọn của hấn trả lời, “Hai,” nhưng tôi thực sự không nghe thêm nữa. Nếu Benny định đến Shibakoen, hấn sẽ bắt tuyến tàu điện ngầm Mita ở phía nam ga Sengoku. Hấn sẽ không lái xe; đi bằng phương tiện công cộng sẽ kín đáo hơn, và dù gì thì ở Sengoku cũng không có chỗ đỗ xe cho khách vắng lai. Từ căn hộ của tôi tới nhà ga, hấn có thể chọn ngẫu nhiên một trong số nửa tá con đường song song và vuông góc nhau - đó cũng là một trong những lí do khiến tôi chọn nơi này lúc đầu. Nhà ga quá đông đúc; tôi không thể chặn hấn ở đó. Hơn nữa, tôi không biết mặt mũi hấn trông như thế nào. Tôi phải tóm được hấn khi hấn đang rời căn hộ, nếu không tôi sẽ mất dấu hấn.

Tôi chạy ào ra khỏi phòng và lao như bay xuống cầu thang. Khi ra đến vỉa hè, tôi băng ngang qua đường Hakusan, rồi rẽ trái vào con đường giao thông chính sẽ dẫn tôi về con phố nhà tôi. Tôi chạy hết tốc lực, men sát những tòa nhà mà tôi chạy ngang qua - nếu tôi tính toán thời gian không chính xác và Benny xuất hiện không đúng lúc, hấn sẽ thấy tôi đang đến. Hấn biết chỗ tôi ở, và tôi không còn dám chắc hấn sẽ không biết mặt tôi nữa.

Khi còn cách phố tôi khoảng mười lăm mét, tôi bước chậm lại, men sát tường rào của một ngôi nhà có sân vườn, điều chỉnh nhịp thở. Ở góc phố, tôi khom thấp người và khẽ thò đầu ra, nhìn về bên phải. Không thấy bóng dáng Benny đâu. Từ lúc tôi gác máy đến giờ vẫn chưa quá bốn phút. Tôi chắc chắn mình không bỏ lỡ hấn.

Ngay trên đầu tôi có một ngọn đèn đường, nhưng tôi phải đợi ở chỗ này. Tôi không biết hấn sẽ rẽ trái hay rẽ phải khi rời tòa nhà, và tôi

cần nhìn thấy hắn khi hắn bước ra. Một khi đã tóm được hắn, tôi có thể lôi hắn vào trong bóng tối.

Nhịp thở của tôi vừa bình thường trở lại thì tôi nghe tiếng cánh cửa ngoài của tòa nhà kêu sầm một tiếng. Tôi mỉm cười. Những người sống ở đây đều biết nó gây ra tiếng động khủng khiếp thế nào và luôn cẩn thận để nó đóng lại từ từ.

Tôi lại khom người xuống và nhòm qua mép tường. Một gã người Nhật béo lùn đang bước nhanh về phía tôi. Chính là gã xách cặp ngoại giao mà tôi đã nhìn thấy ở nhà ga tàu điện ngầm ở Jinbocho. Benny. Đáng lẽ tôi phải biết sớm hơn mới phải.

Tôi đứng thẳng dậy và chờ đợi, nghe tiếng bước chân vang lên to hơn. Khi hắn còn cách tôi chừng một mét, tôi bước ra giao lộ.

Hắn đứng khựng lại, đôi mắt như lồi ra. Vậy là hắn biết mặt tôi, được lắm. Trước khi hắn có thể nói gì, tôi tiến lại gần, tung hai cú đấm móc vào bụng hắn. Hắn gục xuống với một tiếng rên rỉ. Tôi bước ra đằng sau, tóm lấy bàn tay phải của hắn, và vặn cổ tay hắn theo một đòn khống chế. Tôi giật nó thật mạnh và hắn kêu lên ăng ăng.

“Đứng lên, Benny. Nhanh lên, nếu không tao sẽ bẻ gãy tay mày.” Tôi lại giật mạnh một cú nữa để nhấn mạnh cho ý mình. Hắn thở khò khè và lê mình dậy, xuýt xoa rên rỉ.

Tôi đẩy hắn vào một góc, ấn mặt hắn vào tường, và mau chóng lục soát người hắn. Tôi tìm thấy một chiếc di động trong túi áo bành tô của hắn, và cầm lấy nó, nhưng chẳng tìm thêm được thứ gì khác.

Tôi giật cánh tay hắn lần cuối, rồi xoay người hắn lại và đẩy hắn đập mạnh người vào tường. Hắn rên rỉ nhưng vẫn chưa lấy lại đủ hơi để nói được gì. Tôi bấu vào khí quản hắn bằng một tay và tay kia tóm chặt hạ bộ hắn.

“Benny. Nghe cho kĩ đây.” Hắn bắt đầu giãy giụa, và tôi bấu khí quản hắn chặt hơn. Hắn hiểu ý. “Tao muốn biết chuyện gì đang xảy ra. Tao muốn những cái tên, và chúng nên là những cái tên mà tao biết.”

Tôi nới lỏng hai cú siết một chút, và hắt hít vào một hơi thở. “Tôi không thể nói với anh điều này, anh biết mà,” hắt khò khè nói.

Tôi lại siết chặt cổ họng hắt. “Benny, tao sẽ không làm mày đau nếu mày nói với tao những gì tao muốn biết. Nhưng nếu mày không nói, tao phải trừng phạt mày, hiểu không? Nói cho tao nhanh lên, sẽ không ai biết đâu.” Một lần nữa, tôi lại siết cổ họng hắt - lần này, chặn đứng toàn bộ khí oxi vào trong cơ thể hắt trong vài giây. Tôi bảo hắt gật đầu nếu hắt hiểu, và sau một, hai giây không có không khí, hắt đã làm vậy. Tôi đợi thêm một giây nữa, cho đến khi hắt gật đầu liên tục mới nới lỏng cú siết.

“Holtzer, Holtzer,” hắt nói the thé. “Bill Holtzer.”

Tôi nỗ lực hết mức để không tỏ ra ngạc nhiên trước cái tên đó. “Holtzer là ai?”

Hắt nhìn tôi, đôi mắt mở to. “Anh biết ông ta mà! Từ hồi còn ở Việt Nam, ông ta bảo tôi thế.”

“Hắt đang làm gì ở Tokyo?”

“Ông ta là người của CIA. Trưởng chi nhánh Tokyo.”

Trưởng chi nhánh? Không thể tin nổi. Rõ ràng hắt vẫn biết phải hôn những cái mông nào.

“Mày làm gián điệp cho CIA đấy hả, Benny? Mày?”

“Họ trả tiền cho tôi,” hắt nói, thở hồng hộc. “Tôi cần tiền.”

“Tại sao hắt lại truy tìm tao?” Tôi hỏi, nhìn vào mắt hắt. Holtzer và tôi từng xích mích với nhau hồi chúng tôi ở Việt Nam, nhưng cuối cùng hắt đã thắng. Tôi không thấy hắt có lí do gì để vẫn ôm ấp một mối hiềm thù, ngay cả khi tôi vẫn mang trong lòng sự hiềm khích ấy.

“Ông ta nói anh biết phải tìm cái đĩa ở đâu. Tôi được giao nhiệm vụ lấy lại nó.”

“Cái đĩa nào?”

“Tôi không biết. Tôi chỉ biết là nếu rơi vào tay không đúng người, nó sẽ gây bất lợi cho an ninh quốc gia của nước Mỹ”

“Đừng có giở giọng của một tên quan chức ra với tao, Benny. Nói cho tao biết trong cái đĩa có gì.”

“Tôi không biết! Holtzer không nói với tôi. Đó là thông tin mật - anh biết mà, tại sao ông ta lại nói với tôi chứ? Tôi chỉ là một tên nội gián, không ai tiết lộ với tôi những điều như thế.”

“Cái gã cùng mày đột nhập vào trong căn hộ của tao là ai?”

“Gã nào...” hắn bắt đầu nói, nhưng tôi siết chặt khí quản hắn trước khi hắn có thể kết thúc câu. Hắn cố gắng hít thở, cố gắng đẩy tôi ra, nhưng không thể. Sau vài giây, tôi nói lỏng giọng siết.

“Nếu tao phải hỏi lại mày một điều gì đó hai lần, hoặc nếu mày cố gắng nói dối tao một lần nữa, thì Benny ạ, mày sẽ mất mạng. Cái gã ở trong căn hộ của tao là ai?”

“Tôi không biết hắn,” hắn nói, nhắm chặt mắt và nuốt khan. “Hắn là người của Boeicho Boeikyoku. Holtzer chịu trách nhiệm liên lạc. Ông ta bảo tôi đưa hắn đến căn hộ của anh để chúng tôi có thể hỏi anh.”

Boeicho Boeikyoku, hay Vụ Chính sách Phòng vệ, Cơ quan Quốc phòng, là CIA của Nhật Bản.

“Tại sao mày lại theo dõi tao ở Jinbocho?” Tôi hỏi.

“Giám sát anh. Cố gắng tìm ra cái đĩa.”

“Làm thế nào mày tìm ra chỗ tao ở?”

“Holtzer cho tôi địa chỉ.”

“Làm thế nào hắn có được?”

“Tôi không biết. Ông ta chỉ đưa nó cho tôi thôi.”

“Vai trò của mày trong chuyện này là gì?”

“Các câu hỏi. Chỉ hỏi các câu hỏi thôi. Tìm cái đĩa.”

“Mày sẽ làm gì tao sau khi hỏi xong?”

“Chẳng làm gì cả. Họ chỉ muốn cái đĩa.”

Tôi lại siết chặt khí quản hắn. “Nhảm nhí, Benny, ngay cả mày cũng không ngờ ngẩn như thế. Mày biết chuyện gì sẽ xảy ra sau đó,

ngay cả khi mà không có đủ can đảm để tự mình thực hiện.”

Chuyện này đang trở nên rõ ràng. Tôi có thể nhìn thấy nó. Holtzer bảo Benny dẫn gã “Boeikyoku” này đến căn hộ của tôi để “hỏi” tôi. Benny thừa hiểu chuyện gì sẽ xảy ra. Gã quan chức nhỏ bé sợ mất mặt, nhưng hẳn bị mắc kẹt ở giữa. Có lẽ hẳn lập luận rằng đây không hẳn là việc của hẳn. Hơn nữa, gã Boeikyoku sẽ lo liệu phần việc “máu me bản thiêu”; Benny thậm chí sẽ không phải chứng kiến.

Đúng là đồ xảo trá ti tiện hèn nhất. Tôi thành linh siết mạnh hạ bộ hẳn, và hẳn sẽ hét toáng lên nếu cổ họng không bị tôi chẹn cứng. Rồi tôi thả cả hai chỗ đó ra và hẳn ngã phịch xuống đất, ọe khan.

“Được rồi, Benny, mà sẽ phải làm việc này,” tôi nói. “Mày sẽ gọi điện cho gã đồng bọn của mày đang ở trong căn hộ của tao. Tao biết hẳn có di động. Nói với hẳn mày đang gọi điện từ ga tàu điện ngầm. Mày đã nhìn thấy tao, và hẳn cần đến nhà ga gặp mày ngay. Hãy nói theo đúng những lời của tao. Nếu mày nói theo cách của mày hay tao nghe thấy mày nói gì đó không khớp với lời nhắn, tao sẽ giết mày. Làm cho tốt vào, và mày có thể đi.” Dĩ nhiên, luôn có khả năng những gã này dùng một mật mã báo an nào đó khi nói chuyện với nhau, nếu thiếu cái mật mã đó thì chứng tỏ là có rắc rối, nhưng tôi không nghĩ chúng thông minh đến thế. Hơn nữa, tôi không hề nghe thấy Benny nói gì giống như một mật mã báo an khi hẳn nghe điện thoại trong căn hộ của tôi.

Hẳn ngẩng lên nhìn tôi, đôi mắt van nài. “Anh sẽ thả tôi đi chứ?”

“Nếu mày thực hiện việc này chính xác đến từng chi tiết.” Tôi đưa điện thoại của hẳn cho hẳn.

Hẳn làm đúng theo những gì được bảo. Giọng hẳn nghe khá bình tĩnh. Tôi lấy lại điện thoại khi hẳn đã xong việc. Hẳn vẫn đang quỳ gối nhìn tôi. “Tôi có thể đi được chưa?” Hẳn nói.

Rồi hẳn nhìn vào mắt tôi. “Anh đã hứa rồi mà! Anh đã hứa rồi mà!” Hẳn thở hỗn hển. “Tôi van anh, tôi chỉ đang làm theo mệnh lệnh thôi.” Hẳn thực sự nói như vậy.

“Mệnh lệnh cái con khi,” tôi nói, nhìn xuống hắn.

Hắn bắt đầu thở gấp gấp. “Đừng giết tôi! Tôi còn có vợ con!”

Tôi đã xoay hông để lấy đà. “Tao sẽ nhờ người gửi hoa đến cho họ,” tôi thì thầm, và chém mạnh cạnh bàn tay vào gáy hắn. Tôi cảm thấy những đốt sống cổ của hắn vỡ vụn và hắn co giật, rồi ngã sụp xuống đất.

Tôi chẳng thể làm gì khác ngoài việc bỏ mặc hắn ở đó. Căn hộ của tôi đã bị lộ. Dù gì tôi cũng sẽ phải tìm một chỗ ở khác, vì vậy dù thi thể của hắn có mang lại sự tăng cường điều tra ở Sengoku thì cũng chẳng ảnh hưởng gì đến tôi.

Tôi bước qua xác hắn và đi ngược lại vài bước về phía bãi đỗ xe mà tôi đã đi qua lúc nãy. Tôi nghe tiếng cửa tòa nhà của tôi đóng sầm lại.

Mặt trước bãi đỗ xe được chằng dây thừng, và những sợi dây được căng ngang giữa những cái cột điện cao thế cắm trong cát. Tôi vốc một nắm cát ở chân một cái cột điện và quay lại vị trí của mình ở góc tường, nhòm ra ngoài qua mép tường. Không thấy đồng bọn của Benny đâu cả. Khốn kiếp, hắn đã rẽ phải vào con ngõ hẹp nối phố tôi ở với con phố song song với nó, cách căn hộ của tôi khoảng mười lăm mét. Thế mà tôi cứ tưởng hắn sẽ bám theo những con đường chính.

Gay go đây. Bây giờ hắn đã đi trước tôi, và tôi không còn chỗ nào để phục kích hắn. Hơn nữa, tôi thậm chí không biết mặt mũi hắn. Nếu hắn ra được đến con lộ chính bên cạnh nhà ga, tôi sẽ không thể tách hắn khỏi tất cả những người khác. Phải hành động ngay bây giờ.

Tôi chạy hết tốc lực xuôi theo con phố nhà tôi, dừng phắt lại ở con ngõ ấy. Tôi thò đầu qua cạnh tường và thấy một dáng hình đơn độc đang bước đi về đầu đường kia.

Tôi quét mắt trên mặt đất, tìm một món vũ khí. Chẳng có thứ gì đủ tầm để làm một cây gậy. Tệ thật.

Tôi rẽ vào ngõ, đi sau hắn khoảng bảy mét. Hắn đang mặc một cái áo khoác da dài đến thắt lưng và có vóc người bè bè, vạm vỡ.

Ngay từ đằng sau, tôi đã có thể thấy cổ hăn thật đồ sộ. Hăn đang mang theo một thứ gì đó - trông như một cây gậy trúc. Không ổn rồi. Tôi cần sử dụng nắm cát trong tay thật hiệu quả.

Tôi đã rút ngắn khoảng cách xuống còn khoảng ba mét và đang chuẩn bị gọi hăn thì hăn ngoảnh lại. Tôi không hề gây ra một tiếng động nào trước đó, và hầu như không nhìn hăn hay dồn tâm trí vào hăn. Ở con người chúng ta có một phần bản năng động vật còn sót lại từ ngàn xưa, nó có thể giúp anh cảm nhận được khi nào anh đang bị săn đuổi. Tôi đã học được điều đó trong chiến tranh. Nhưng tôi cũng học được một điều nữa là không được phát ra những rung động làm giống lên những hồi chuông cảnh báo của người khác. Gã này có cái ăng ten thật nhạy cảm.

Hăn quay lại và đối mặt với tôi, và tôi có thể thấy vẻ khó hiểu trên gương mặt hăn. Benny nói đã trông thấy tôi ở nhà ga. Thế mà tôi lại đang đến từ một hướng khác. Hăn đang cố làm rõ sự sai lệch này với “máy chủ”.

Tôi nhìn tai hăn, nó sưng phồng lên như súp lơ, hậu quả từ nhiều lần bị đánh trúng. Các *judoka* và *kendoka** người Nhật không thích dùng dụng cụ bảo vệ; các võ sĩ đôi khi coi những cái dái tai sứt sẹo, dấu ấn từ những cú húc đầu trong judo và những nhát kiếm tre trong kiếm đạo, như những huân chương danh dự. Sự nhận thức về những kĩ năng mà hăn có thể có dâng lên trong ý thức tôi.

Tôi cố gắng hết sức để ra vẻ mình chỉ là một người qua đường bình thường đang muốn đi vòng qua hăn, để câu thêm vài giây nữa. Tôi di chuyển sang trái, bước thêm hai bước. Vẻ mặt hăn thể hiện rõ là đã nhận ra tôi. Cây gậy trúc bắt đầu giơ lên từ từ, bàn chân trái của hăn đổ về phía trước để tăng thêm sức mạnh cho cú đánh.

Tôi bất ngờ ném cát vào mặt hăn và nhảy tránh sang một bên. Đầu hăn rút lại nhưng cây gậy vẫn vung tới; trong một giây chớp nhoáng nó vụt xuống. Bất chấp lực của cú đánh, hăn giơ cây gậy lên

ngay lập tức khi nó không đánh trúng mục tiêu, và rồi, với tốc độ nhanh như chớp tương tự, hấn chém ngang cây gậy trong không khí. Tôi nhón chân lùi lại theo đường chéo, ra khỏi đường tấn công. Tôi có thể thấy hấn nhăn mặt, đôi mắt nhắm nghiền. Cát đã bay thẳng vào mặt hấn. Việc hấn kiềm chế không dụi mắt chứng tỏ hấn có rất nhiều kinh nghiệm. Nhưng hấn không thể nhìn thấy gì.

Hấn bước một bước thận trọng về phía trước, cây gậy được đặt trong tư thế cảnh giác. Nước mắt giàn giụa tuôn xuống từ đôi mắt bị thương. Hấn có thể cảm nhận tôi đang ở trước mặt hấn nhưng không biết chính xác là chỗ nào.

Tôi phải đợi cho đến khi hấn đi qua tôi rồi mới hành động. Tôi đã thấy hấn nhanh thế nào với cây gậy trúc.

Hấn giữ nguyên tư thế, lỗ mũi phập phồng như thể đang cố ngửi mùi của tôi. *Chúa ơi, sao hấn có thể kìm chế không dụi mắt được chứ?* Tôi nghĩ. *Chắc hấn hấn đang đau đớn lắm.*

Với một tiếng thét *kiyai* thật lớn, hấn nhảy vọt về đằng trước, chém ngang cây gậy ngang tầm với thắt lưng. Nhưng hấn đã đoán sai; tôi ở xa hơn thế. Rồi, cũng đột ngột như vậy, hấn lùi lại hai bước dài, bàn tay trái buông cây gậy và tuyệt vọng dụi mắt.

Đó chính là điều tôi đang chờ đợi. Tôi lao tới, tung một cú trời giáng vào xương đòn của hấn bằng bàn tay phải. Tôi giáng nó xuống thật mạnh, nhưng vào phút chót hấn nhẹ nhàng né được, và cú đòn trúng vào cơ thang của hấn. Tôi bồi tiếp một cú đánh bằng khuỷu tay trái, cố gắng nhắm vào xương bướm nhưng chỉ trúng vào tai hấn.

Trước khi tôi có thể tung ra một cú đánh khác, hấn luồn cây gậy ra đằng sau tôi và dùng bàn tay còn lại nắm lấy đầu kia của nó. Rồi hấn giật mạnh tôi vào người hấn với một cú ghì chặt, cây gậy chĩa vào lưng tôi. Hấn cong người về đằng sau và tôi bị nhấc bổng lên khỏi mặt đất. Tôi cảm thấy khó thở. Cơ đau bùng lên trong thận.

Tôi nén lại thôi thúc giãy giụa, vì biết rằng tôi không tài nào bì được với sức mạnh của hấn. Thay vào đó, tôi choàng tay quanh cổ hấn

và quặp chân quanh lưng hắn. Cây gậy như sập cửa vào xương sống tôi đến nơi.

Động tác này làm hắn bất ngờ và mất thăng bằng. Hắn lùi lại một bước, buông đầu kia của cây gậy ra và cánh tay trái quay quay như chong chóng. Tôi bắt tréo chân sau lưng hắn và thành linh đổ người về đằng sau, khiến hắn mất đà và nhào về phía trước cùng tôi. Chúng tôi ngã rầm xuống đất. Tôi ở bên dưới hắn và nhận lãnh phần lớn tác động của cú va chạm. Nhưng bây giờ lợi thế đã thuộc về tôi.

Tôi túm chéo hai ve áo khoác của hắn và siết cổ hắn bằng đòn *gyaku-jujime*, một trong những đòn siết cổ đầu tiên mà một *judoka* được học. Hắn phản ứng ngay lập tức, buông cây gậy ra và thọc tay vào mắt tôi. Tôi nghiêng ngửa đầu, cố gắng tránh những ngón tay hắn, dùng chân để khống chế phần thân trên của hắn. Có lúc hắn tóm được tai tôi nhưng tôi giật ra được.

Cú siết này không hoàn hảo. Tôi chặn nghẽn khí quản hắn nhiều hơn là động mạch cảnh, và hắn chống cự trong một lúc lâu, bàn tay cào quặp liều mạng hơn. Nhưng hắn chẳng làm được gì. Tôi vẫn siết hắn thật chặt ngay cả sau khi hắn đã ngừng giãy giụa, rồi nhìn ngang ngửa để xem liệu có ai đang đến không. Không có ai cả.

Khi chắc chắn rằng hắn không phải đang giả chết, tôi nới lỏng tay và hất hắn ra. Chúa ơi, hắn nặng gớm. Tôi trườn ra khỏi người hắn và đứng dậy, lưng kêu lên răng rắc vì bị cây gậy siết chặt lúc nãy, hơi thở hỗn hển, nặng nề.

Từ kinh nghiệm bao năm qua của mình, tôi biết rằng hắn chưa chết. Người ta vẫn thường bị ngất vì những cú siết cổ trong *dojo*; đó không phải một vấn đề nghiêm trọng. Nếu họ bị bất tỉnh sâu, giống như gã này, thì anh cần dựng họ ngồi dậy và vỗ vỗ vào lưng họ, làm một chút hô hấp nhân tạo để giúp họ thở lại.

Gã này sẽ phải tìm ai đó khác để hồi sức cho hắn. Tôi cũng muốn chất vấn hắn, nhưng hắn không phải là Benny.

Tôi ngồi xuống, một tay chống trên mặt đất để giữ thăng bằng, và lục lọi các túi của hắn. Tìm thấy một chiếc điện thoại di động trong túi ngực của áo khoác. Mau chóng kiểm tra các túi khác nữa. Tìm thấy bình xịt bột cay. Ngoài mấy thứ đó ra, tôi chẳng tìm thấy gì nữa.

Tôi đứng dậy, lưng đau nhói từng cơn, và bắt đầu bước về phía căn hộ của tôi. Hai cô bé nữ sinh mặc đồng phục kiểu thủy thủ màu xanh nước biển đi qua đúng lúc tôi bước ra từ trong ngõ và rẽ trái. Miệng chúng há hốc khi thấy tôi, nhưng tôi lờ chúng đi. Tại sao chúng lại nhìn tôi chăm chăm như thế nhỉ? Tôi giơ tay lên, cảm thấy má mình ươn ướt. Chết tiệt, tôi đang chảy máu. Hắn đã cào rách mặt tôi.

Tôi rảo bước về phía tòa nhà nhanh nhất có thể, nhăn nhó khi leo lên hai tầng cầu thang. Tôi vào nhà, thấm ướt một cái khăn trong bồn rửa ở buồng tắm và chùi máu trên mặt. Cái hình ảnh đang chăm chăm nhìn tôi từ trong gương trông thật gớm ghiếc, và phải một lúc lâu nữa nó mới bắt đầu trở nên khác hơn.

Căn hộ quanh tôi có vẻ lạ lùng. Nó đã luôn là một nơi nương náu, một chốn an toàn bí mật. Giờ thì nó đã bị lộ, bởi Holtzer và CIA - hai bóng ma từ cái quá khứ mà tôi tưởng đã vứt bỏ được. Tôi cần biết tại sao chúng lại săn đuổi tôi. Vì công việc? Hay tư thù cá nhân? Với Holtzer, có lẽ là cả hai.

Tôi vơ hết những gì tôi cần và nhét chúng vào một cái túi, rồi đi ra cửa, ngoảnh lại một lần để nhìn ngó xung quanh trước khi rời đi. Mọi thứ trông vẫn y như cũ; không có dấu hiệu nào của những kẻ đã từng mò tới đây. Tôi tự hỏi không biết đến bao giờ tôi mới lại nhìn thấy nơi này một lần nữa.

Ra đến ngoài đường, tôi đi thẳng về hướng Sugamo. Từ đó tôi có thể bắt tuyến Yamanote để quay về Shibuya, trở lại với Midori. Có lẽ những chiếc điện thoại di động sẽ cung cấp cho tôi một vài manh mối.

13

LÚC TÔI VỀ ĐẾN KHÁCH SẠN, chỗ đau trên lưng đã trở nên âm ỉ. Mắt trái tôi sưng vù - hẳn đã chọc ngón tay vào đó - và đầu đau nhức, có lẽ từ lúc hẳn cố gắng giật rách tai tôi.

Tôi nặng nhọc lê bước qua chỗ bà lão ở quầy lễ tân, giơ chìa khóa lên khi tôi đi qua để bà ta biết tôi đã thuê phòng. Bà ta ngẩng lên nhìn và rồi quay lại với tờ báo đang đọc. Tôi cố gắng chỉ để cho bà ta nhìn thấy nửa mặt bên phải của tôi, vì tình trạng của nó ổn hơn nửa bên trái. Nhưng bà ta có vẻ chẳng đoái hoài gì đến khuôn mặt tôi.

Tôi gõ cửa để Midori biết tôi đã về và rồi mở khóa vào phòng.

Cô ấy đang ngồi trên giường, và nhảy bật dậy khi thấy con mắt bị sưng và những vết cào xước trên mặt tôi. “Có chuyện gì vậy?” Cô ấy há hốc miệng, và dù đang đau đớn nhưng sự quan tâm trong giọng nói của cô ấy khiến lòng tôi thấy ấm áp.

“Có kẻ phục kích trong căn hộ của tôi,” tôi nói, khóa cửa lại. Tôi cởi áo khoác và ngồi xoài ra trên đi văng. “Có vẻ như gần đây cả hai ta đều khá nổi tiếng.”

Cô ấy bước tới và quỳ xuống bên cạnh tôi, đưa mắt kiểm tra gương mặt tôi. “Mắt anh bị thương nặng quá. Để tôi lấy cho anh ít đá trong tủ lạnh.”

Tôi nhìn cô ấy bước đi. Cô ấy đang mặc quần jean và cái áo dài tay màu xanh lính thủy mà cô ấy hẳn đã mua khi tôi ra ngoài, và với mái tóc được cột cao, tôi có thể nhìn rõ đường nét của bờ vai và eo lưng cùng đường cong ở hông cô ấy. Điều tiếp theo mà tôi biết là tôi bỗng dưng ham muốn cô ấy dữ dội đến nỗi gần như quên bằng cơn đau ở lưng. Nhưng tôi chẳng thể kiểm soát được. Như bất cứ người

lính nào từng thực sự trải qua nó có thể kể với anh, sự hứng tình quá mức là một phản ứng sau trận đánh. Một giây trước anh còn đang chiến đấu cho cuộc đời anh, và rồi khi nó kết thúc, cơn hứng tình của anh phải lớn bằng kích cỡ của Manhattan. Tôi không biết tại sao lại thế, nhưng điều đó vẫn thường xảy ra.

Cô ấy quay lại với một cái khăn mặt bọc vài viên đá và tôi thay đổi tư thế trên di văng, cảm thấy xấu hổ. Cơn đau như một dòng điện chạy râm ran trên lưng tôi nhưng nó không làm giảm bớt tình trạng khó xử của tôi. Cô ấy lại quỳ xuống và vừa áp viên đá vào mắt tôi, cô ấy vừa vuốt vuốt tóc tôi. Tôi chỉ ao ước giá mà cô ấy đổ hết chỗ đá đó vào lòng tôi.

Cô ấy nhẹ nhàng đẩy tôi dựa người vào lưng ghế và tôi nhắm mắt, ý thức rõ rệt về việc cô ấy ở gần tôi đến thế nào. “Tôi làm anh đau à?” Cô ấy hỏi, bàn tay đang chạm vào người tôi lập tức trở nên ngập ngừng.

“Không, không sao. Gã cào nát mặt tôi đã đánh vào lưng tôi bằng một cây gậy. Nó sẽ ổn thôi.”

Midori áp viên đá vào mắt tôi, bàn tay còn lại ấm áp đặt trên thái dương tôi, trong khi tôi ngồi cứng đờ, không dám cử động và xấu hổ trước phản ứng của mình, và khoảnh khắc này cứ từ từ kéo dài.

Được một lúc thì cô ấy nhắc viên đá ra, và tôi giơ tay để lấy nó, nhưng cô ấy vẫn giữ nó và cuối cùng tay tôi phủ lên tay cô ấy. Mu bàn tay cô ấy áp vào lòng bàn tay tôi thật ấm áp, viên đá lạnh lạnh trên những đầu ngón tay tôi. “Dễ chịu lắm,” tôi bảo cô ấy. Cô ấy không hỏi tôi đang nói đến viên đá hay bàn tay cô ấy. Chính tôi cũng không chắc chắn.

“Anh đi lâu quá,” một lát sau cô ấy nói. “Tôi đã không biết phải làm gì. Tôi định gọi điện cho anh, nhưng rồi bắt đầu nghĩ rằng, có lẽ anh và những gã đàn ông trong căn hộ của tôi đã dàn dựng chuyện này, kẻ đấm người xoa, để làm cho tôi tin tưởng anh.”

“Nếu là tôi thì tôi cũng sẽ nghĩ như vậy. Tôi biết cô cảm thấy thế nào về chuyện này mà.”

“Quả thật, nó bắt đầu có vẻ không thật. Cho đến khi tôi lại nhìn thấy anh.”

Tôi nhìn chiếc khăn lấm tẩm đỏ ở những chỗ được áp vào mặt tôi. “Chỉ có máu mới khiến mọi thứ có vẻ là thật.”

“Đúng vậy. Điều mà tôi cứ trở đi trở lại trong đầu là anh đã đá gã đàn ông đột nhập vào căn hộ của tôi mạnh đến như thế - tôi đã thấy máu bắn ra từ mũi hắn. Nếu không thấy cảnh đó, tôi nghĩ tôi đã bỏ đi lúc anh ra ngoài rồi.”

“May là tôi đã đá vào đầu hắn.”

Cô ấy khẽ cười và lại áp cái khăn vào mặt tôi. “Kể tôi nghe chuyện gì đã xảy ra đi.”

“Cô có gì để ăn không?” Tôi hỏi. “Tôi đói quá.”

Cô ấy với cái túi bên cạnh đi văng và mở nó ra cho tôi. “Tôi đã mua ít *bento**. Chỉ để phòng xa.”

“Đợi tôi vài phút nhé,” tôi nói, và bắt đầu ngấu nghiến những nắm cơm, trứng và rau. Rồi uống một hộp nước quả hỗn hợp để nuốt trôi chúng. Ngon quá.

Khi đã ăn xong, tôi thay đổi tư thế trên chiếc đi văng để có thể nhìn cô ấy rõ hơn. “Có hai tên trong căn hộ của tôi,” tôi nói. “Tôi biết một gã - một kẻ tôi tớ của LDP mà tôi chỉ biết có tên là Benny. Hóa ra hắn cũng có quan hệ với CIA. Điều đó có ý nghĩa gì với cô không? Có liên quan gì tới bố cô không?”

Cô ấy lắc đầu. “Không. Bố tôi chưa bao giờ nói gì đến Benny hay CIA.”

“Được rồi. Gã còn lại là một *kendoka* - hắn có một cây gậy trúc mà hắn dùng làm kiếm. Tôi không biết hắn có liên quan gì tới chuyện

này. Tôi đã lấy được điện thoại của cả hai. Có lẽ nó sẽ cho tôi manh mối về việc hắn là ai.”

Tôi lấy viên đá từ tay cô ấy và vươn người qua đi văng đẽ với cái áo khoác, cảm thấy những cú ngoạm giập dũ của cơn đau trên lưng khi tôi làm vậy. Tôi kéo cái áo khoác lại, thò tay vào túi áo ngực bên trong, và lôi mấy cái điện thoại ra. Cả hai đều là sản phẩm DoCoMo tiêu chuẩn, nhỏ gọn và có kiểu dáng đẹp. “Benny nói với tôi CIA đang truy tìm cái đĩa. Nhưng tôi không biết tại sao chúng lại săn đuổi tôi. Có lẽ chúng nghĩ... có lẽ chúng nghĩ tôi sẽ kể với cô điều gì đó, giúp cô hiểu ra một chuyện gì? Rằng tôi có thể lợi dụng thứ cô có? Phát hiện ra nó là cái gì? Ngăn cản chúng có được thứ chúng muốn?”

Tôi mở điện thoại của tên *kendoka* và nhấn nút gọi lại. Một số điện thoại hiện lên trên màn hình. “Đây là điểm xuất phát. Chúng ta có thể truy ngược các số điện thoại. Cũng có thể có vài số điện thoại đã được cài sẵn. Tôi có một người bạn đáng tin cậy có thể giúp chúng ta với vấn đề này.”

Tôi đứng dậy, nhăn mặt vì cơn đau ở lưng. “Chúng ta cần đổi khách sạn. Không được cư xử khác thường so với những khách hàng đã thỏa mãn khác.”

Cô ấy mỉm cười. “Đúng vậy.”

Chúng tôi đổi tới một khách sạn gần đó có tên là Morocco, có vẻ như nơi này được bài trí theo chủ đề Nghìn lẻ một đêm của Ả rập - những tấm thảm phương Đông, những chiếc ống điếu, những chiếc vòng đeo ở bụng, và những phụ kiện khác của phụ nữ theo đạo Hồi để khách hàng nữ có thể đeo nếu cô ta thích. Đó là bức tranh về sự xa hoa của dân Ả rập du mục, nhưng chỉ có một chiếc giường, và nếu tôi ngủ trên ghế thì chẳng khác nào phải qua đêm trên một cái giá để hành lí.

“Tối nay anh nằm trên giường nhé?” Cô ấy nói, như thể đọc được suy nghĩ của tôi. “Với cái lưng như thế, anh không thể ngủ trên đi văng được.”

“Không, không sao đâu,” tôi bảo cô ấy, cảm thấy bối rối lạ lùng. “Tôi có thể ngủ trên đó mà.”

“Tôi sẽ ngủ trên đi văng,” cô ấy nói, với một nụ cười cứ đọng mãi trên môi.

Cuối cùng tôi chấp nhận lời đề nghị của cô ấy, nhưng giấc ngủ thật chập chờn. Tôi mơ thấy mình đang di chuyển qua khu rừng rậm rạp gần Tchepone ở miền nam nước Lào, bị một tiểu đoàn trinh sát ngược của NVA* truy đuổi. Tôi đã lạc khỏi đội của mình và bị mất phương hướng. Tôi chạy chệch sang một bên và đột ngột quay ngược lại, nhưng không thể cắt đuôi NVA. Họ bao vây tôi, và tôi nghĩ tôi sẽ bị bắt và tra tấn. Bỗng Midori xuất hiện, cố gắng thuyết phục tôi cầm lấy một khẩu súng lục. “Tôi không muốn bị bắt,” cô ấy nói. “Xin hãy giúp tôi. Hãy cầm lấy khẩu súng. Đừng lo cho tôi. Hãy cứu lấy người của tôi.”

Tôi ngồi bật dậy, cơ thể gập lại như một chiếc lò xo. *Bình tĩnh nào, John. Chỉ là một giấc mơ thôi mà.* Tôi thót bụng và thở ra một hơi thật dài qua lỗ mũi, cảm giác như Jake Khùng đang ở ngay trong căn phòng này với tôi.

Khuôn mặt tôi ướt đẫm và tôi tưởng nó lại đang chảy máu, nhưng khi tôi đưa tay lên má và nhìn những ngón tay mình, tôi nhận ra đó là nước mắt. *Cái quái gì thế này?* Tôi nghĩ.

Vầng trăng treo lơ lửng trên bầu trời, rọi ánh sáng vào phòng qua cửa sổ. Midori đang ngồi trên đi văng, đầu gối thu trước ngực. “Ác mộng à?” Cô ấy hỏi.

Tôi quệt ngón cái lên hai bên má. “Cô thức bao lâu rồi?”

Cô ấy nhún vai. “Được một lúc rồi. Anh cứ lẩn lộn và trở mình.”

“Tôi có nói gì không?”

“Không. Anh sợ sẽ nói hớ gì đó trong khi ngủ à?”

Tôi nhìn cô ấy, nửa khuôn mặt cô ấy được ánh trăng rọi sáng, nửa còn lại chìm trong bóng tối. “Phải,” tôi nói.

“Anh mơ thấy gì vậy?” Cô ấy hỏi.

“Tôi không biết,” tôi nói dối. “Chủ yếu chỉ có những hình ảnh.”

Tôi có thể cảm thấy cô ấy đang nhìn tôi. “Anh bảo tôi tin anh,” cô ấy nói, “nhưng anh thậm chí không kể cho tôi nghe về một cơn ác mộng.”

Tôi định trả lời, rồi đột nhiên cảm thấy bực tức với cô ấy. Tôi trườn khỏi giường và đi sang phòng tắm.

Mình không cần những câu hỏi của cô ta, tôi nghĩ. Mình không cần chăm sóc cô ta. Holtzer, gã đặc vụ CIA chết tiệt, biết mình đang ở Tokyo, biết chỗ mình sống. Mình đã có đủ những rắc rối rồi.

Cô ấy là chìa khóa trong chuyện này, tôi biết. Cha cô ấy hẳn đã nói gì đó với cô ấy. Hoặc là cô ấy đang giữ thứ mà kẻ nào đó đột nhập vào căn hộ của ông ta trong ngày tổ chức tang lễ đang tìm kiếm. Tại sao cô ấy không thể nhận ra thứ quái quỷ đó là gì chứ?

Tôi quay lại phòng ngủ và đứng đối diện với cô ấy. “Midori, cô phải cố gắng hơn nữa. Cô phải nhớ lại. Cha cô hẳn đã nói với cô điều gì đó, hoặc đưa cho cô thứ gì đó.”

Tôi nhìn thấy sự ngạc nhiên trên gương mặt cô ấy. “Tôi đã nói với anh rồi, ông ấy không nói hay đưa gì cho tôi cả.”

“Có kẻ đã đột nhập vào căn hộ của ông ấy sau khi ông ấy chết.”

“Tôi biết. Tôi đã được cảnh sát gọi điện thông báo khi chuyện đó xảy ra.”

“Vấn đề là, chúng không thể tìm thấy thứ mà chúng đang tìm kiếm, và chúng nghĩ là cô đang giữ nó.”

“Nghe này, nếu anh muốn xem xét căn hộ của cha tôi, tôi có thể dẫn anh tới đó. Tôi vẫn chưa dọn dẹp nó, và tôi vẫn có chìa khóa.”

Những kẻ đột nhập đã ra về tay trắng, và người bạn cũ của tôi là Tatsu, người đàn ông cẩn thận nhất mà tôi từng biết, cũng đã tới đó với người của Keisatsucho. Tôi biết có đến xem xét một lần nữa thì cũng

chỉ dẫn đến ngõ cụt, và lời gợi ý của cô ấy chỉ càng làm tôi thêm giận dữ.

“Điều đó chẳng ích gì cả. Những kẻ này nghĩ cô đang có thứ gì vậy? Cái đĩa? Thứ gì đó mà nó được giấu bên trong? Một cái chìa khóa? Cô chắc là cô không giữ thứ gì như thế chứ?”

Tôi thấy mặt cô ấy bắt đầu đỏ lên. “Tôi đã nói với anh rồi, tôi không giữ thứ gì cả.”

“Hãy cố nhớ lại đi, được không?”

“Không, tôi không thể,” cô ấy nói, giọng giận dữ. “Làm sao tôi có thể nhớ được một thứ mà mình không giữ chứ?”

“Làm sao cô có thể chắc chắn là cô không giữ nó nếu cô không thể nhớ được?”

“Tại sao anh lại nói thế? Tại sao anh không tin tôi?”

“Bởi vì chẳng còn điều gì khác có lí cả! Và tôi phải nói thực với cô, tôi không thích cảm giác bị người khác tìm giết khi tôi thậm chí không biết nguyên nhân tại sao!”

Cô ấy quăng chân xuống sàn nhà và đứng dậy. “Ồ, chỉ có anh cảm thấy như thế thôi ư! Anh nghĩ tôi thích điều đó à? Tôi chẳng làm gì nên tội cả! Và tôi cũng không biết tại sao những kẻ đó lại làm thế!”

Tôi thở ra chậm chậm, cố gắng kìm chế cơn tức giận. “Đó là vì chúng nghĩ cô có cái đĩa chết tiệt kia. Hoặc cô biết nó ở đâu.”

“Chà, tôi không giữ nó, cũng không biết nó ở đâu! *Oai nikusama! Mattaku kokoroattari ga nai wa yo! Mo nan do mo so itteru ja nai yo!**”

Chúng tôi đứng nhìn nhau chăm chăm ở chân giường, thở mạnh. Rồi cô ấy nói, “Anh chẳng quan tâm quái gì tới tôi cả. Anh chỉ đang tìm kiếm thứ anh muốn, dù nó là cái gì.”

“Không phải thế.”

“Phải! *Mo ii! Dose anata ga doko no dare na no ka sae oshiete kurenain da kara!*” Cô ấy ùng ùng đi về phía cửa và nhặt một cái túi lên, bắt đầu nhét đồ đạc vào trong đó.

“Midori, nghe tôi này.” Tôi bước tới và tóm cái túi. “Nghe tôi này, chết tiệt! Tôi thực sự quan tâm đến cô! Cô không thể nhận thấy điều đó sao?”

Cô ấy kéo cái túi. “Tại sao tôi phải tin những gì anh nói khi anh không tin tôi? Tôi không biết gì cả! Tôi không biết!”

Tôi giăng cái túi khỏi tay cô ấy. “Được rồi, tôi tin cô.”

“Quý tha ma bắt anh đi. Trả cái túi cho tôi. Trả đây!” Cô ấy cố gắng giành lại nó và tôi cho nó ra sau lưng.

Cô ấy nhìn tôi, đôi mắt thoáng ngờ vực, rồi bắt đầu đấm thùm thụp vào ngực tôi. Tôi thả cái túi xuống và choàng tay ôm cô ấy để ngăn lại những cú đấm.

Sau đó, tôi không thể nhớ chính xác chuyện đó xảy ra thế nào. Cô ấy đang đánh tôi và tôi đang cố giữ tay cô ấy. Tôi bắt đầu cảm nhận được cơ thể cô ấy và rồi chúng tôi hôn nhau, có vẻ như cô ấy vẫn đang cố gắng đánh tôi nhưng thực ra chúng tôi đang xé rách quần áo của nhau thì đúng hơn.

Chúng tôi làm tình trên sàn ở chân giường. Cuộc làm tình đầy đam mê, gấp gáp. Đôi lúc có cảm giác như chúng tôi vẫn đang giăng co với nhau. Lưng tôi vẫn đau âm ỉ, nhưng cơn đau gần như ngọt ngào.

Sau đó tôi với tay kéo những chiếc ga giường để phủ lên người chúng tôi. Chúng tôi ngồi tựa lưng vào cạnh giường.

“*Yokatta*,” cô ấy nói, kéo dài âm tiết cuối cùng. “Hơn những gì anh đáng được hưởng.”

Tôi cảm thấy hơi choáng váng. Đã lâu lắm rồi tôi mới có một cuộc yêu như thế. Nó gần như khiến tôi căng thẳng.

“Nhưng anh không tin em,” cô ấy tiếp tục. “Điều đó khiến em đau lòng.”

“Không phải là vấn đề tin hay không, Midori. Mà là...” Tôi nói, rồi ngừng lại. “Anh tin em. Anh xin lỗi vì đã thúc ép em quá đáng.”

“Em đang nói về giấc mơ của anh.”

Tôi ấn những đầu ngón tay lên mắt. “Midori, anh không thể, anh không...” Tôi không biết phải nói gì. “Anh không kể những chuyện như vậy. Nếu em không có mặt ở đó, em không thể hiểu được.”

Cô ấy giơ tay lên và nhẹ nhàng gỡ những đầu ngón tay ra khỏi mắt tôi, rồi đặt chúng vào eo bụng cô ấy mà không hề tỏ ra e dè. Làn da và bầu ngực cô ấy đẹp tuyệt vời trong ánh trăng tàn mạn, những cái bóng đọng lại trong những hõm xương bên trên xương đòn của cô ấy. “Anh cần phải nói ra, em có thể cảm nhận được điều đó,” cô ấy nói. “Em muốn anh kể cho em nghe.”

Tôi nhìn xuống đồng chăn và ga giường lộn xộn, những cái bóng tạo nên những ngọn đồi và những thung lũng âm đạm như một khung cảnh xa xôi kì lạ nào đó trong ánh trăng. “Mẹ anh... bà ấy là người theo đạo Thiên Chúa. Hồi anh còn nhỏ, bà thường dẫn anh đến nhà thờ. Cha anh ghét điều đó. Anh thường đi xưng tội. Anh thường kể cho cha xứ nghe về tất cả những ý nghĩ dâm dăng của anh, những trận đánh nhau mà anh tham gia, những đứa trẻ mà anh căm ghét và muốn đánh chúng. Ban đầu việc đó giống như nhổ răng vậy, nhưng nó lại dễ gây nghiện.

Nhưng đó là trước chiến tranh. Trong chiến tranh, anh đã làm những việc... không thể nào thú tội.”

“Nhưng nếu anh cứ giữ chúng trong lòng như thế này, chúng sẽ ăn mòn anh như thuốc độc vậy. Chúng đang ăn mòn anh.”

Tôi muốn nói với cô ấy. Tôi muốn giải tỏa nó.

Mày bị làm sao vậy? tôi nghĩ. Mày muốn đẩy cô ấy ra xa à?

Phải rồi, có lẽ là vậy. Có lẽ như thế là tốt nhất. Tôi không thể kể cho cô ấy nghe về cha cô ấy, nhưng tôi có thể kể về một điều khủng

khiếp hơn.

Khi tôi nói, giọng tôi khô khốc và đều đều. “Những hành động tàn bạo, Midori ạ. Anh đang nói về những hành động tàn bạo.”

Tôi luôn mở đầu một câu chuyện hay ho như thế đấy. Nhưng cô ấy vẫn ở yên bên tôi. “Em không biết anh đã làm gì,” cô ấy nói, “nhưng em biết chuyện đó đã xảy ra từ rất lâu rồi. Ở một thế giới khác.”

“Đó không phải là vấn đề. Anh không thể làm cho em hiểu được, nếu em không có mặt ở đó.” Tôi lại ấn những đầu ngón tay lên mắt, một phản xạ vô dụng với những hình ảnh đang nhảy nhót trong tâm trí tôi.

“Một phần trong anh yêu thích nó, hào hứng với nó. Hoạt động ở hậu tuyến của NVA không phải là việc mà ai cũng có thể làm được. Một vài người khi nghe tiếng những chiếc trực thăng lù xa dần thì trở nên hoảng loạn, nghẹt thở. Nhưng anh thì không. Anh đã làm hơn hai mươi nhiệm vụ ở cái vùng đất do Việt Cộng kiểm soát đó. Người ta sẽ nói anh đã dùng hết may mắn của mình, nhưng anh chỉ biết tiếp tục, và những nhiệm vụ ngày một điên rồ hơn.

Anh là một trong những 1-0 trẻ nhất - đó là cách gọi người chỉ huy của đội SOG. Anh và các đồng đội rất khăng khít với nhau. Bọn anh có thể chỉ có mười hai người chống lại cả một đơn vị NVA lớn, và anh biết sẽ không một ai trong đội của anh bỏ chạy. Và họ biết anh cũng sẽ không chạy. Em biết điều đó có ý nghĩa thế nào đối với một đứa trẻ bị tẩy chay suốt cả cuộc đời chỉ vì nó là một đứa con lai không?”

Tôi nói nhanh hơn. “Anh không quan tâm em là ai. Nếu em lộ sâu như thế trong bùn và máu, em sẽ không còn sạch sẽ nữa. Vài người nhạy cảm hơn những người khác, nhưng cuối cùng tất cả mọi người đều như hóa điên. Hai người trong nhóm bọn em bị nổ tung thành hai mảnh bởi một quả mìn, chân họ bị xé toạc khỏi cơ thể. Em ôm những gì còn lại của họ trong những khoảnh khắc cuối cùng trong

cuộc đời họ, nói với họ rằng, “Này này, mọi chuyện sẽ ổn thôi, anh sẽ ổn thôi,” họ khóc và em khóc, và rồi họ chết. Em bước đi, vẫn còn vương trên người nội tạng của họ.

Em đặt những cái bẫy mìn cho đối phương - đó là một trong những sở trường của bọn anh, ăn miếng trả miếng - nhưng bọn em chỉ có mười hai người và em không thể thắng cuộc chiến tranh tiêu hao đó cho dù em làm họ đổ máu nhiều hơn họ làm em đổ máu bao nhiêu đi chăng nữa. Em lại mất thêm vài người, và nổi căm giận - cơn thịnh nộ, những cơn thịnh nộ bị đè nén, khiến bắp thịt em căng cứng - cứ ngày một chất chùng. Và rồi một ngày, em đi qua một ngôi làng với quyển năng sinh sát đeo trên vai, quét qua quét lại, hòng súng chĩa về đằng trước. Em đang ở trong một khu vực tự do quân sự công khai, nghĩa là bất cứ ai không thân thiện đều được cho là Việt Cộng và bị đối xử tương xứng như thế. Và tin tức tình báo nói với em rằng ngôi làng này là một cái ổ hoạt động Việt Cộng, họ đang nuôi một nửa quân khu, họ là một mắt xích trong đường dây tuồn vũ khí vào miền nam theo đường mòn Hồ Chí Minh. Những người dân ở đó đang nhìn em với ánh mắt sừng sủa, vài bà già mắng, “Này, Joe, đồ chết tiệt, mày đẩy thằng số 10 ạ,” hay những lời chửi bới tương tự như thế. Ý anh là, em có tin tình báo. Và hai tiếng trước em vừa mất thêm một người bạn nữa vì một cái bẫy mìn. Tin anh đi, ai đó sẽ phải trả giá.”

Tôi hít hai hơi thật sâu. “Hãy bảo anh dừng lại, nếu không anh sẽ tiếp tục.”

Midori im lặng.

“Ngôi làng đó có tên là Cu Lai. Bọn anh lừa tất cả mọi người vào một chỗ, có lẽ khoảng bốn mươi hay năm mươi người gì đó, kể cả phụ nữ và trẻ em. Bọn anh đốt trại nhà họ ngay trước mặt họ. Bọn anh bắn chết tất cả gia súc của họ, tàn sát lợn và bò. Coi đó như hình nhân thế mạng, em biết chứ? Để xả giận. Nhưng như thế vẫn chưa đủ.

Bây giờ bọn anh phải làm gì với những người này? Anh dùng radio, dù bọn anh không được phép làm vậy vì đối phương có thể lập

lưỡi tam giác, họ có thể tìm ra vị trí của bọn anh. Nhưng bọn anh phải làm gì với những người này đây? Bọn anh vừa mới phá hoại ngôi làng của họ rồi.

Gã ở đầu kia radio, đến bây giờ anh vẫn không biết là ai, nói rằng, ‘Khử chúng đi.’ Đây là từ mà hồi đó bọn anh dùng để gọi thay từ ‘giết’ - người này người kia đã bị khử, chúng tôi đã khử được mười Việt Cộng.

Anh im lặng, và gã đó lại nói, ‘Khử chúng đi’. Lúc này thì anh thực sự mất bình tĩnh. Đứng bên bờ vực của một vụ tàn sát đầy kích động là một chuyện. Cơn bốc đồng đó được chấp thuận một cách lạnh lùng từ cấp trên lại là một chuyện khác. Đột nhiên anh thấy sợ, nhận ra bọn anh đã rơi vào một hoàn cảnh gay go đến mức nào. Anh nói, ‘Khử ai?’ Hắn nói, ‘Tất cả bọn chúng. Khử hết.’ Anh nói, ‘Có tới bốn, năm chục người ở đây, cả phụ nữ và trẻ em. Anh có hiểu không?’ Gã đó lại nói, ‘Cứ khử chúng đi.’ ‘Anh có thể cho tôi biết tên và cấp bậc của anh không?’ Anh nói, bởi vì anh sẽ không giết tất cả những người này chỉ vì một giọng nói trên radio bảo anh làm thế. ‘Con trai à,’ giọng nói đó tiếp tục, ‘ta quả quyết với anh rằng nếu ta nói cấp bậc của ta cho anh biết thì anh sẽ sợ vãi cả ra quần mất. Anh đang ở trong một khu vực tự do quân sự công khai. Giờ thì hãy làm theo những gì ta bảo.’

“Anh nói anh sẽ không làm khi chưa xác minh được thẩm quyền của hắn. Rồi thêm hai người nữa, tự xưng là cấp trên của gã này, xen vào radio. Một người nói, ‘Anh vừa nhận một lệnh trực tiếp dưới quyền của Tổng tư lệnh Quân đội Hoa Kỳ. Hãy tuân lệnh nếu không anh sẽ phải gánh chịu hậu quả.’

Vậy là anh quay lại với các đồng đội trong đơn vị để bàn về chuyện này. Họ đang canh giữ dân làng. Anh truyền đạt lại những gì anh vừa được nghe. Hầu hết mọi người đều có cảm giác giống anh: nó làm nguội lạnh cơn giận dữ của họ, khiến họ sợ hãi. Nhưng vài người lại thấy phẫn khích. ‘Không thể tin nổi,’ họ nói. ‘Họ bảo chúng ta khử chúng ư? Chuyện lạ.’ Tuy nhiên, tất cả mọi người đều do dự.

Anh có một người bạn, Jimmy Calhoun, nhưng ai cũng gọi cậu ta là Jake Khùng. Nãy giờ cậu ta vẫn im lặng. Rồi cậu ta đột nhiên nói, ‘Mẹ kiếp. Khử chúng nghĩa là khử chúng.’ Cậu ta bắt đầu hò hét dân làng bằng tiếng Việt. ‘Năm xuống, tất cả năm xuống! *Num suyn!*’ Và những người dân làng lập cập tuân theo. Bọn anh cứ kinh ngạc đứng nhìn, không hiểu cậu ta định làm gì. Jimmy không trì hoãn một giây, cậu ta chỉ lùi lại, đặt khẩu súng trường lên vai, rồi *ka-pop! ka-pop!* Cậu ta bắt đầu bắn họ. Kì quặc làm sao; không ai cố gắng bỏ chạy. Rồi một người khác hét lên ‘Thằng Jake Khùng chết tiệt!’ và cũng đặt súng lên vai. Điều tiếp theo mà anh biết là bọn anh đồng loạt nã đạn vào những người đó, bắn họ như điên dại. Đạn hết, bọn anh lại nạp thêm một băng đạn mới và tiếp tục bắn.”

Giọng tôi vẫn đều đều, đôi mắt nhìn chăm chăm về đằng trước, nhớ lại. “Nếu anh có thể quay ngược thời gian, anh sẽ cố gắng ngăn việc đó lại. Thật vậy. Anh sẽ không tham gia với họ. Và những kí ức đó cứ nhùng nhằng đeo bám anh. Anh đã chạy trốn chúng trong hai mươi lăm năm, nhưng cuối cùng, anh chỉ như đang cố gắng thoát khỏi cái bóng của chính mình.”

Cô ấy không nói gì một lúc lâu, và tôi cho rằng cô ấy đang nghĩ, *Mình đã ngủ với một con quái vật.*

“Giá mà anh không kể với em,” cô ấy nói, khẳng định những nghi ngờ của tôi.

Tôi nhún vai, cảm thấy trống rỗng. “Có lẽ em nên biết thì tốt hơn.”

Cô ấy lắc đầu. “Ý em không phải như vậy. Đó là một câu chuyện đáng buồn. Thật buồn khi nghe những gì anh đã trải qua. Em chưa bao giờ nghĩ chiến tranh lại quá... mang tính cá nhân như thế.”

“Ồ, nó mang tính cá nhân mà. Ở cả hai phía. Có những huân chương đặc biệt dành cho binh lính NVA - binh lính của Quân đội Bắc Việt Nam - nếu họ giết được một người Mỹ.”

Cô ấy lại chạm vào mặt tôi, và tôi thấy một nỗi thông cảm sâu sắc trong mắt cô ấy. “Anh nói đúng. Anh đã trải qua những nỗi kinh hoàng. Em đã không biết gì cả.”

Tôi cầm tay cô ấy và nhẹ nhàng bỏ chúng ra. “Khoan đã, anh còn chưa kể với em phần quan trọng nhất. Cái thông tin rằng ngôi làng đó là một thành lũy của Việt Cộng ư? Hoàn toàn nhầm nhí. Không có hệ thống đường hầm nào, không một kho gạo hay vũ khí.”

“*Sonna, sonna koto**...,” cô ấy nói. “Ý anh là... nhưng, John à, anh cũng không biết gì mà.”

Tôi nhún vai. “Thậm chí không có cả vết bánh xe của kẻ chỉ điểm, đáng lẽ bọn anh phải dành một giây để kiểm tra điều đó trước khi bắt đầu tàn sát mọi người.”

“Nhưng hồi đó anh còn quá trẻ. Anh đã không tỉnh táo vì sợ hãi, giận dữ.”

Tôi có thể cảm thấy cô ấy đang nhìn tôi. Không sao. Sau chừng ấy thời gian, những lời nói đó có vẻ chẳng còn tác dụng với tôi, chúng chỉ là những âm thanh không có nội dung.

“Đó có phải là điều anh muốn nói vào buổi tối đầu tiên chúng ta gặp nhau không?” Cô ấy hỏi. “Về việc anh không phải là một người bao dung?”

Tôi nhớ rằng mình đã nói thế với cô ấy, và cô ấy có vẻ đã định hỏi tôi về điều đó, nhưng rồi lại thôi. “Thật ra, ý anh không phải vậy. Lúc ấy anh đang nghĩ về những người khác, không phải bản thân anh. Nhưng anh cho rằng nó cũng có thể áp dụng cho anh.”

Cô ấy chậm rãi gật đầu, rồi nói, “Em có một người bạn ở Chiba tên là Mika. Hồi em ở New York, cô ấy đã gây ra một tai nạn xe hơi. Cô ấy đâm vào một cô bé đang chơi trên đường. Lúc ấy Mika đang lái xe với tốc độ bốn mươi lăm kilômét trên giờ, giới hạn tốc độ, và cô bé lao thẳng xe đạp ra trước mũi xe cô ấy. Cô ấy chẳng thể làm được gì.

Đó là một điều không may. Nó sẽ xảy ra với bất kì ai đang lái xe ở đó vào đúng thời điểm đó.”

Trong chùng mực nào đó, tôi hiểu cô ấy đang ám chỉ điều gì. Tôi đã biết điều đó từ lâu, ngay cả trước khi họ bắt tôi thực hiện một cuộc kiểm tra tâm lí để xem tôi đang chịu đựng áp lực đặc biệt của SOG ra sao. Tay bác sĩ tâm lí mà họ bắt tôi nói chuyện cùng đã nói một điều tương tự: “Sao anh có thể tự trách mình vì những hoàn cảnh nằm ngoài tầm kiểm soát của anh chứ?”

Tôi còn nhớ cuộc trò chuyện đó. Tôi nhớ mình đã lắng nghe những lời nhảm nhí của hắn, nửa giận dữ, nửa thích thú trước những nỗ lực khuyến khích tôi bộc lộ những suy nghĩ trong lòng. Cuối cùng, tôi chỉ nói với hắn, “Ông đã từng giết ai bao giờ chưa, bác sĩ?” Khi hắn không trả lời, tôi bước ra ngoài. Tôi không biết hắn đánh giá tôi thế nào. Nhưng họ không tổng cổ tôi khỏi SOG. Việc đó là về sau.

“Anh có còn làm việc với những người đó không?” Cô ấy hỏi.

“Vẫn còn liên quan,” tôi đáp.

“Tại sao?” Cô ấy hỏi sau một thoáng. “Tại sao anh vẫn còn găng bó với những thứ đã gây ra cho anh những cơn ác mộng?”

Tôi liếc về phía cửa sổ. Vầng trăng đã nhô lên cao hơn trên bầu trời, ánh sáng của nó từ từ rút khỏi căn phòng. “Điều đó rất khó giải thích,” tôi chậm rãi nói. Tôi nhìn mái tóc cô ấy lấp loáng trong ánh trăng nhàn nhạt, như một thác nước thẳng đứng. Tôi vuốt nó, nắm lấy rồi lại thả nó ra. “Một vài chuyện mà anh đã làm hồi còn ở Việt Nam cứ khiến anh bứt rứt không yên khi anh trở lại Mỹ. Có những điều chỉ thuộc về vùng chiến, nhưng chúng lại muốn bám theo em khi em rời đi. Sau chiến tranh, anh nhận ra anh không thể quay lại với cuộc sống trước đây được nữa. Anh muốn quay lại châu Á, bởi vì châu Á là nơi những bóng ma của anh ít quấy rối nhất, nhưng không chỉ là vấn đề địa lí. Tất cả những việc anh đã làm đều có ý nghĩa trong chiến tranh, chúng được biện hộ bởi chiến tranh, anh không thể sống với chúng bên ngoài nó. Vì vậy anh cần ở lại trong chiến tranh.”

Đôi mắt cô ấy thăm thẳm như những cái hồ chứa bóng tối. “Nhưng anh không thể ở trong chiến tranh mãi mãi, John à.”

Tôi mỉm cười mệt mỏi. “Một con cá mập không thể ngừng bơi, nếu không nó sẽ chết.”

“Anh không phải là cá mập.”

“Anh không biết mình là gì nữa.” Tôi dùng ngón tay day day hai bên thái dương, cố gắng xua đi những hình ảnh, cả trong quá khứ và hiện tại, đang va đụng vào nhau trong đầu tôi. “Anh không biết.”

Chúng tôi im lặng một lúc, và tôi cảm thấy một cơn buồn ngủ dễ chịu đang dâng lên. Tôi sẽ hối hận về toàn bộ chuyện này. Phần trí óc minh mẫn của tôi thấy rõ điều đó. Nhưng có vẻ như ngủ là một việc khẩn cấp hơn nhiều, và dù sao đi nữa những gì đã làm thì cũng đã làm rồi.

Tôi thiếp ngủ, nhưng cơn đau ở lưng khiến giấc ngủ cứ chập chờn, và trong những khoảnh khắc tỉnh táo thoáng qua ấy, tôi đã nghi ngờ tất cả những chuyện đã xảy ra nếu cô ấy không nằm bên cạnh tôi. Rồi tôi lại chìm vào giấc ngủ, vật lộn với những bóng ma thậm chí còn mang tính cá nhân hơn, khủng khiếp hơn, so với những gì tôi có thể kể cho Midori.

PHẦN HAI

Khi thanh kiếm của anh chạm vào thanh kiếm của kẻ thù, anh không bao giờ được phép nao núng, thay vào đó anh phải dốc sức tấn công với toàn bộ sự quyết tâm của cả cơ thể...

— MIYAMOTO MUSASHI, *Ngũ Luân Thư*

14

SÁNG HÔM SAU, tôi đang ngồi quay lưng vào tường ở vị trí thuận lợi ưa thích ở Las Chicas, chờ đợi Franklin Bulfinch xuất hiện.

Đó là một buổi sáng hanh khô và nắng ấm, và giữa những luồng ánh sáng rực rỡ chiếu vào qua những ô cửa sổ và không khí thời thượng mà Las Chicas thường lấy làm tự hào, tôi cảm thấy thoải mái trong cặp kính râm Oakley hàng nhái mà tôi đã mua trên đường.

Midori đã ngồi an toàn trong gian âm nhạc của tòa nhà Xoắn Ốc gần đây trên đường Aoyama, đủ gần để có thể gặp Bulfinch một cách nhanh chóng nếu cần thiết nhưng cũng đủ xa để được an toàn nếu có chuyện không hay xảy ra. Cô ấy đã gọi điện cho Bulfinch chưa đầy một giờ trước để sắp xếp cuộc hẹn này. Có thể gã là một phóng viên chân chính và sẽ đến cuộc hẹn một mình, nhưng tôi thấy chẳng dại gì mà cho gã thời gian để bố trí quân tiếp viện nếu tôi nhầm.

Tôi dễ dàng nhận ra Bulfinch khi gã đến nhà hàng, đó chính là cái gã cao gầy đeo kính không gọng mà tôi đã thấy trên tàu hỏa. Bước chân gã sỏi dãi và dáng điệu tự tin, thẳng đứng, và một lần nữa gã làm tôi ngạc nhiên bởi vẻ quý phái của mình. Gã đang mặc quần jean, đi giày tennis, và khoác chiếc áo vét blazer màu xanh dương. Gã băng qua sân hiên và bước vào trong nhà hàng, dừng lại để nhìn sang bên phải, rồi bên trái, tìm kiếm Midori. Đôi mắt gã lướt qua tôi mà không nhận ra.

Gã thờ thần đi về hướng nhà vệ sinh, có lẽ để kiểm tra khu vực ăn uống dành riêng ở phía trong tòa nhà. Tôi biết gã sẽ quay lại ngay, và dùng thời gian chờ đợi để quan sát đường phố thêm một lúc nữa. Gã đã bị theo dõi ở Alfie, và có thể bây giờ gã cũng đang bị theo dõi.

Đường phố vẫn vắng tanh khi Bulfinch quay trở ra một phút sau đó. Đôi mắt gã lại quét qua khu vực này một lần nữa. Khi chúng hướng về phía tôi, tôi khẽ nói, “Anh Bulfinch.”

Gã nhìn tôi trong một thoáng giây trước khi nói, “Tôi có biết anh không?”

“Tôi là một người bạn của Midori Kawamura. Cô ấy đã đề nghị tôi đến đây thay cô ấy.”

“Cô ấy đâu?”

“Bây giờ cô ấy đang gặp nguy hiểm. Cô ấy cần cẩn trọng trong từng hành động.”

“Cô ấy sẽ đến đây chứ?”

“Còn tùy.”

“Tùy vào cái gì?”

“Vào quyết định của tôi rằng điều đó có an toàn hay không?”

“Anh là ai?”

“Như tôi đã nói, một người bạn, quan tâm đến thứ mà anh đang quan tâm.”

“Đó là?”

Tôi nhìn gã qua cặp kính râm. “Cái đĩa”

Gã ngập ngừng trước khi nói, “Tôi chẳng biết cái đĩa nào cả.

Tốt. “Anh đang đợi cha của Midori giao cho anh một cái đĩa khi ông ấy chết trên tàu Yamanote ba tuần trước. Ông ấy không mang nó theo, vì vậy anh đã đến tìm Midori sau buổi biểu diễn của cô ấy ở Alfie vào thứ sáu tuần sau đó. Anh đã gặp cô ấy ở quán Starbucks trên đường Gaienhigashi, gần tiệm cà phê Almond ở Roppongi. Ở đó anh đã kể với cô ấy về cái đĩa, bởi vì anh hi vọng cô ấy có thể đang giữ nó. Anh sẽ không nói với cô ấy cái đĩa chứa nội dung gì vì anh sợ làm vậy sẽ hại đến cô ấy. Mặc dù sự xuất hiện của anh ở Alfie đã là gây họa cho cô ấy rồi, bởi vì lúc đó anh đang bị theo dõi. Tôi hi vọng tất cả những điều tôi vừa nói đã đủ để xác minh cho sự thành thật của tôi.”

Gã không tỏ vẻ gì là sẽ ngồi xuống. “Anh có thể biết được hầu hết những điều đó mà không cần Midori phải kể cho anh nghe, và khóa lấp những chỗ trống bằng sự phỏng đoán dựa theo kinh nghiệm - đặc biệt là khi anh chính là người đã theo dõi tôi.”

Tôi nhún vai. “Và sau đó tôi giả giọng cô ấy để gọi điện cho anh một giờ trước ư?”

Gã do dự, rồi bước tới và ngồi xuống, lưng dựng thẳng đứng và hai bàn tay đặt trên mặt bàn. “Được rồi. Anh có thể nói với tôi những gì?”

“Tôi đang định hỏi anh câu đó.”

“Nghe này, tôi là một phóng viên. Tôi viết các bài báo. Anh có thông tin cho tôi không?”

“Tôi cần biết cái đĩa có chứa nội dung gì?”

“Anh lại nói về một cái đĩa nào đó.”

“Anh Bulfinch,” tôi nói, thoáng nhìn ra ngoài đường, nó vẫn vắng tanh, “những kẻ muốn cái đĩa đó nghĩ rằng Midori đang giữ nó, và chúng sẵn sàng giết cô ấy để đoạt được nó. Có lẽ việc anh đến gặp cô ấy ở Alfie trong khi đang bị theo dõi đã đẩy cô ấy vào nguy hiểm. Vì vậy đừng có quanh co nữa, được không?”

Gã bỏ kính ra và thở dài. “Giả sử có một cái đĩa như thế tồn tại, tôi không nghĩ việc biết được nội dung của nó sẽ có lợi gì cho Midori.”

“Anh là một phóng viên. Tôi cho rằng anh sẽ muốn công bố những nội dung chứa trong cái đĩa giả định đó?”

“Vâng, anh có thể nghĩ vậy.”

“Và tôi cũng cho rằng có những kẻ muốn ngăn chặn sự công bố đó?”

“Đó cũng là một giả thiết đúng đắn.”

“Vậy đấy. Chính vì sợ sự công bố đó nên những kẻ này mới nhắm vào Midori. Một khi những nội dung chứa trong cái đĩa được

công bố, Midori sẽ không còn là một mối đe dọa nữa, đúng không?”

“Những điều anh nói đều có lí.”

“Vậ thì có vẻ như chúng ta đều muốn một điều. Chúng ta muốn những nội dung chứa trong cái đĩa được công bố.”

Gã đổi tư thế ngồi. “Tôi hiểu ý anh. Nhưng tôi sẽ không thấy thoải mái khi nói về chuyện này trừ phi tôi gặp Midori.”

Tôi cân nhắc trong một thoáng. “Anh có mang theo di động không?”

“Có.”

“Cho tôi xem nào.”

Gã thò tay vào túi áo khoác bên trái và rút ra một cái điện thoại nắp gập nhỏ.

“Tốt lắm,” tôi nói. “Anh hãy cất nó vào túi trở lại.” Khi gã làm vậy, tôi lấy ra một cây bút và một mảnh giấy nhỏ từ túi áo khoác của tôi và bắt đầu viết các chỉ dẫn. Linh cảm mách bảo tôi rằng gã không có máy nghe lén, nhưng linh cảm không phải lúc nào cũng đúng.

“Trừ phi tôi đề nghị anh, tôi không muốn anh đụng đến cái điện thoại đó trong bất cứ trường hợp nào,” tờ giấy của tôi viết. “Chúng ta sẽ rời nhà hàng cùng nhau. Khi chúng ta bước ra ngoài, hãy dừng lại để tôi có thể lục soát vũ khí của anh. Sau đó, hãy đi về phía tôi chỉ. Sẽ có lúc tôi cho anh biết tôi muốn anh đi thẳng, và sẽ có lúc tôi cho anh biết chúng ta đang đi đâu. Nếu bây giờ anh có câu hỏi gì thì hãy viết chúng ra. Nếu không, hãy đưa lại tờ giấy này cho tôi. Bắt đầu từ bây giờ, anh không được nói một lời nào trừ phi tôi lên tiếng trước.”

Tôi đưa tờ giấy cho gã. Một tay gã nhận nó, tay kia vội đeo kính. Khi đọc xong, gã đẩy nó ngang qua bàn cho tôi và gật đầu.

Tôi gập tờ giấy lại và cất nó vào túi áo khoác, rồi đến cái bút. Sau đó tôi đặt một tờ giấy bạc một nghìn yên lên mặt bàn để trả tiền cho tách cà phê mà tôi đã uống và ra hiệu cho gã rời đi.

Chúng tôi đứng dậy và bước ra ngoài. Tôi lục soát người gã và chẳng lấy làm ngạc nhiên khi thấy gã không có vũ khí. Khi chúng tôi đi xuôi theo con phố, tôi cẩn thận để gã đi hơi chéo ở trước mặt, coi gã như một tấm “lá chắn sống” nếu cần. Tôi biết mọi địa điểm tốt trong khu vực này để theo dõi hay mai phục, và đầu tôi ngoảnh đi ngoảnh lại, tìm kiếm một kẻ có vẻ lặc lợng, kẻ có thể đã theo dõi Bulfinch tới nhà hàng và chờ đợi bên ngoài.

Trên đường đi, tôi hô “trái” hoặc “phải” từ đằng sau gã để định hướng, và cuối cùng chúng tôi đã đến tòa nhà Xoăn Ốc. Chúng tôi bước qua cánh cửa kính và đi vào gian âm nhạc, nơi Midori đang đợi.

“Cô Kawamura,” gã nói, cúi đầu chào, khi gã thấy cô ấy. “Cảm ơn vì đã gọi điện cho tôi.”

“Cảm ơn anh vì đã đến gặp tôi,” Midori đáp. “Tôi e rằng tôi đã không hoàn toàn thành thật với anh khi chúng ta gặp nhau uống cà phê. Tôi không phải là không biết gì về những mối quan hệ của cha tôi như tôi đã nói với anh. Nhưng tôi không biết gì về cái đĩa mà anh nhắc đến. Ngoài những điều anh đã kể cho tôi nghe.”

“Vậy thì, tôi không biết tôi có thể làm được gì giúp cô,” gã nói.

“Hãy nói cho chúng tôi biết trong cái đĩa chứa nội dung gì, tôi đáp.

“Tôi không thấy điều đó giúp được gì cho anh.”

“Tôi cũng không thấy nó có thể gây hại gì cho chúng tôi,” tôi trả lời. “Bây giờ chúng ta đều đang mù mờ. Nếu chúng ta hợp tác với nhau, khả năng tìm được cái đĩa của chúng ta sẽ cao hơn là khi chúng ta hoạt động riêng rẽ.”

“Làm ơn, anh Bulfinch,” Midori nói. “Vài ngày trước tôi đã suýt bị sát hại bởi những kẻ đang cố gắng tìm cái đĩa. Tôi cần sự giúp đỡ của anh.”

Bulfinch nhăn mặt và nhìn Midori rồi nhìn tôi, đôi mắt đưa đi đưa lại vài lần. “Thôi được rồi,” một lát sau, gã nói. “Hai tháng trước cha cô đã liên lạc với tôi. Ông ấy nói ông ấy đã đọc chuyên mục của

tôi trên tạp chí *Forbes*. Ông ấy xưng danh và nói muốn giúp tôi. Như một người tố giác điển hình.”

Midori quay sang tôi. “Đó là khoảng thời gian ông ấy được chẩn đoán.”

“Xin lỗi, tôi không hiểu?” Bulfinch hỏi.

“Ung thư phổi. Ông ấy đã phát hiện ra là ông ấy chẳng còn sống được bao lâu nữa,” Midori nói.

Bulfinch gật đầu, tỏ vẻ đã hiểu. “Ra vậy. Tôi không biết điều đó. Tôi rất tiếc.”

Midori khẽ gật đầu, tỏ ý đón nhận lời chia buồn của gã. “Làm ơn nói tiếp đi ạ.”

“Trong tháng tiếp theo, tôi đã có vài cuộc gặp bí mật với cha cô, ông ấy đã kể cho tôi nghe rất nhiều về nạn tham nhũng trong Bộ Xây dựng và vai trò của nó như kẻ môi giới giữa Đảng Dân chủ Tự do và *yakuza*. Những thông tin ấy đã cung cấp cho tôi sự hiểu biết vô giá về bản chất và quy mô của nạn tham nhũng trong xã hội Nhật Bản. Nhưng tôi cần bằng chứng xác thực.”

“Bằng chứng xác thực gì nữa?” Tôi hỏi. “Anh không thể chỉ đăng nó lên báo và nói rằng nó được “một nguồn thâm niên trong Bộ Xây dựng” cung cấp sao?”

“Bình thường thì tôi có thể làm vậy,” Bulfinch đáp. “Nhưng có hai vấn đề. Thứ nhất, vị trí của Kawamura trong Bộ Xây dựng khiến ông ta là người duy nhất được quyền biết và sử dụng thông tin mà ông ta đang cung cấp cho tôi. Nếu đăng thông tin ấy lên báo thì coi như chúng tôi đã tiết lộ rõ ràng người cung cấp tin cho chúng tôi là ai.”

“Còn vấn đề thứ hai?” Midori hỏi.

“Sự tác động,” Bulfinch trả lời. “Chúng tôi đã đăng nửa tá bài báo vạch trần nạn tham nhũng mà Kawamura có liên quan. Báo chí Nhật Bản cương quyết không chịu hưởng ứng. Tại sao? Bởi vì các chính trị gia và quan chức chính phủ thông qua và giải thích các luật có thể đem lại thành công hoặc hủy hoại các tập đoàn nội địa. Và các

tập đoàn này cung cấp hơn một nửa doanh thu quảng cáo cho các phương tiện truyền thông. Vì vậy, chẳng hạn, nếu một tờ báo đăng một bài xúc phạm đến một chính trị gia, ông ta sẽ gọi điện cho các mối quen biết của ông ta ở các tập đoàn có liên quan, những người này sẽ không đăng quảng cáo trên tờ báo đó nữa mà chuyển sang tờ báo đối thủ, và tờ báo làm ông ta phật ý bị phá sản. Cô hiểu chứ?

Nếu cô cho phóng viên điều tra một câu chuyện độc lập với các câu lạc bộ *kisha** được chính phủ bảo trợ, cô sẽ bị ngừng hoạt động. Nếu cô làm theo họ, tiền bạc sẽ tới tấp ùa tới, cả hợp pháp và bất hợp pháp. Không một ai dám mạo hiểm; mọi người coi sự thật như một căn bệnh truyền nhiễm vậy. Chúa ơi, báo chí Nhật là thứ dễ điều khiển nhất trên thế giới.”

“Nhưng với bằng chứng... ?” Tôi hỏi.

“Bằng chứng cụ thể sẽ thay đổi mọi thứ. Các tờ báo sẽ buộc phải đưa tin, nếu không họ sẽ để lộ rằng họ chỉ là những công cụ của chính phủ. Và việc đưa những nhân vật tham nhũng đầu sỏ ra ánh sáng sẽ làm quyền lực của chúng yếu đi và khuyến khích sự can đảm của giới báo chí. Chúng ta có thể khởi động một vòng quay đạo đức sẽ dẫn tới sự thay đổi trong đời sống chính trị của Nhật Bản mà đất nước này chưa từng được thấy kể từ sau cuộc cải cách Minh Trị.”

“Tôi nghĩ có thể anh đang đánh giá quá cao nhiệt tâm của các phương tiện truyền thông đại chúng trong nước,” Midori nói.

Bulfinch lắc đầu. “Không đâu. Tôi biết rõ một vài người trong số họ. Họ là những phóng viên tốt, họ muốn công bố sự thật. Nhưng họ cũng là những người thực tế.”

“Bằng chứng,” tôi nói. “Nó là cái gì?”

Bulfinch nhìn tôi qua mép trên của cặp kính không gọng. “Tôi không biết chính xác. Chỉ biết rằng nó là bằng chứng cụ thể. Không thể chối cãi.”

“Có vẻ như cái đĩa nên được đem đến Keisatsucho, chứ không phải báo giới,” Midori nói, nhắc đến cơ quan điều tra của Tatsu.

“Cha em sẽ không sống nổi thêm một ngày nếu ông ấy giao thông tin đó cho họ,” tôi nói thay Bulfinch.

“Đúng vậy,” Bulfinch nói. “Cha cô không phải là người đầu tiên cố gắng vạch trần vấn nạn tham nhũng. Cô đã từng nghe về Honma Tadayo chưa?”

À, có, ông Honma. Một câu chuyện buồn.

Midori lắc đầu.

“Khi Ngân hàng Tín dụng Nippon bị phá sản năm 1998,” Bulfinch tiếp tục, “ít nhất ba mươi sáu tỉ đô la, và có lẽ còn nhiều hơn thế, trong số khoản cho vay lên đến một trăm ba mươi ba tỉ đô la của nó đã trở thành nợ xấu. Những khoản nợ xấu này có liên quan tới thế giới ngầm, thậm chí là những khoản chi trả bất hợp pháp cho Bắc Triều Tiên. Để giải quyết vụ bê bối này, một hiệp hội giải cứu đã thuê Honma Tadayo, vị cựu giám đốc đáng kính trọng của Ngân hàng Nhật Bản. Ông Honma trở thành chủ tịch của NCB* vào đầu tháng chín và bắt đầu kiểm tra sổ sách của ngân hàng, cố gắng khám phá quy mô đầy đủ các khoản nợ xấu của nó và tìm hiểu từ đâu và tại sao mà chúng lại có quy mô như thế.

Honma làm việc này được hai tuần. Ông ta được phát hiện đã chết trong tư thế treo cổ tại một phòng khách sạn ở Osaka, với những bức thư tuyệt mệnh được gửi cho gia đình, công ty và những người khác tương tự. Thi thể ông ta nhanh chóng được hỏa táng, không khám nghiệm, và cảnh sát Osaka tuyên bố cái chết này là một vụ tự tử mà không thêm mở một cuộc điều tra.

Và Honma không phải là trường hợp cá biệt. Cái chết của ông ta là “vụ tự tử” thứ bảy giữa những người Nhật có chức vụ cao hoặc là đang điều tra các vụ bê bối tài chính, hoặc chuẩn bị đứng ra làm chứng cho những vụ bê bối kể từ năm 1997, khi quy mô của các khoản nợ

xấu ảnh hưởng đến các ngân hàng như Tín dụng Nippon bắt đầu bị đưa ra ánh sáng. Còn có một thành viên quốc hội đang định tiết lộ về các hoạt động gây quỹ phi pháp, một giám đốc khác của Ngân hàng Nhật Bản - người giám sát những tổ chức tài chính nhỏ, một thanh tra viên của Cơ quan Giám sát Tài chính, và trưởng bộ phận phụ trách các tổ chức tài chính vừa và nhỏ ở Bộ Tài chính. Không một trường hợp nào trong bảy trường hợp trên dẫn đến một cuộc điều tra giết người. Các thế lực ở đất nước này không cho phép điều đó.”

Tôi nghĩ về Tatsu và những giả thuyết âm mưu của anh ta, đôi mắt không chớp sau cặp kính râm.

“Có những lời đồn về một đơn vị đặc biệt trong lòng *yakuza*” Bulfinch nói, tháo cặp kính và chùi mắt kính vào áo sơ mi, “các chuyên gia về “những nguyên nhân tự nhiên”, chúng đến phòng khách sạn của các nạn nhân vào ban đêm, ép họ viết thư tuyệt mệnh trước họng súng, tiêm cho họ thuốc an thần, sau đó siết cổ họ để ra vẻ là họ đã treo cổ tự tử.”

“Anh đã tìm thấy bất cứ bằng chứng nào cho những lời đồn đó chưa?” Tôi hỏi.

“Chưa. Nhưng không có lửa thì làm sao có khói.”

Gã giơ cặp kính lên quá đầu và sẫm soi nó, rồi đeo nó trở lại. “Để tôi kể tiếp cho anh nghe. Những vấn đề trong các ngân hàng đã đủ tồi tệ rồi, nhưng Bộ Xây dựng còn khủng khiếp hơn nữa. Xây dựng là lĩnh vực sử dụng lao động lớn nhất Nhật Bản - cứ sáu bàn ăn ở Nhật Bản thì một bàn có cái ăn là do nó mang lại. Ngành công nghiệp này cho đến nay vẫn là nguồn đóng góp lớn nhất cho LDP. Nếu anh muốn đào tận gốc sự tham nhũng của đất nước này, Xây dựng chính là điểm khởi đầu. Cha cô là một người dũng cảm, Midori ạ.”

“Tôi biết,” cô ấy nói.

Liệu cô ấy có còn cho rằng cú truy tìm của ông ấy xuất phát từ nguyên nhân tự nhiên hay không? Tòa nhà đang bắt đầu có cảm giác ấm dần lên.

“Tôi đã kể cho cô những gì tôi biết,” Bulfinch nói. “Giờ thì đến lượt cô.”

Tôi nhìn gã qua cặp kính râm. “Anh có thể nghĩ ra lí do nào đó khiến Kawamura đến gặp anh sáng hôm đó nhưng không mang theo cái đĩa không?”

Bulfinch ngừng lại một lúc trước khi nói “Không”.

“Sáng hôm đó chính là thời điểm để giao cái đĩa à?”

“Vâng. Như tôi đã nói, chúng tôi đã bí mật gặp nhau nhiều lần trước đó. Vì vậy sáng hôm đó chính là thời điểm Kawamura giao cái đĩa cho tôi như đã hứa.”

“Có thể ông ấy không lấy được cái đĩa, không thể tải xuống bất cứ thứ gì mà ông ấy định tải ngày hôm đó, và đó là lí do ông ấy đến tay trắng.”

“Không. Hôm trước ông ấy đã nói với tôi qua điện thoại rằng ông ấy đang giữ nó. Tất cả những gì ông ấy phải làm chỉ là giao nó cho tôi.”

Bỗng một tia chớp nhận thức lóe lên trong đầu tôi. Tôi quay sang Midori. “Midori, cha em sống ở đâu?” Dĩ nhiên tôi đã biết thông tin này, nhưng không thể để cô ấy biết việc đó.

“Shibuya.”

“*Chome* nào?” *Chome* là những khu vực nhỏ hơn trong lòng các quận của Tokyo.

“*Chome* 3.”

“Vậy là ở phía đầu phố Dogenzaka, đúng không? Phía trên nhà ga?”

Tôi quay sang Bulfinch. “Sáng hôm đó Kawamura lên tàu ở đâu?”

“Ga JR Shibuya.”

“Tôi có một linh cảm mà tôi sẽ phải làm theo. Tôi sẽ gọi cho anh nếu có kết quả.”

“Chờ chút...,” gã nói.

“Tôi biết anh sẽ cảm thấy không thoải mái,” tôi nói, “nhưng anh sẽ phải tin tưởng tôi. Tôi nghĩ tôi có thể tìm thấy cái đĩa đó.”

“Bằng cách nào?”

“Như đã nói, tôi có một linh cảm.” Tôi bắt đầu đi ra cửa.

“Chờ đã,” gã lặp lại. “Tôi sẽ đi với anh.”

Tôi lắc đầu. “Tôi làm việc một mình.”

Gã nắm lấy cánh tay tôi và lại lặp lại, “Tôi sẽ đi với anh.”

Tôi nhìn bàn tay gã đang đặt trên cánh tay tôi. Sau một thoáng giây, gã thu tay về.

“Tôi muốn anh bước ra khỏi đây,” tôi bảo gã. “Đi về phía đại lộ Omotesando. Tôi sẽ đưa Midori đến một nơi an toàn và làm theo linh cảm của tôi. Tôi sẽ liên lạc với anh sau.”

Gã nhìn Midori, rõ ràng bối rối.

“Không sao đâu,” cô ấy nói. “Chúng tôi cũng muốn những gì anh muốn.”

“Tôi không nghĩ tôi có nhiều sự lựa chọn,” gã nói, nhìn tôi với ánh mắt trừng trừng ra vẻ căm tức lắm. Nhưng tôi có thể nhìn thấy những gì gã thật sự đang nghĩ.

“Anh Bulfinch,” tôi nói, hạ giọng, “đừng cố gắng đi theo tôi. Tôi sẽ phát hiện ra nếu anh làm vậy. Và sẽ không phản ứng như một người bạn đâu.”

“Vì Chúa, hãy nói cho tôi biết anh đang nghĩ gì. Tôi có thể giúp anh.”

“Nhớ nhé,” tôi nói, chỉ ra đường, “hãy đi về phía đại lộ Omotesando. Tôi sẽ liên lạc với anh sớm.”

“Anh nên như thế,” gã nói. Rồi gã bước lại gần hơn và nhìn vào mắt tôi qua cặp kính râm, và tôi phải ngưỡng mộ sự can đảm của gã. “Anh nên như thế.” Gã gật đầu với Midori và bước qua cánh cửa kính của Tòa nhà Xoắn Ốc để ra ngoài đường.

Midori nhìn tôi và hỏi, “Linh cảm của anh là gì vậy?”

“Anh sẽ nói sau,” tôi nói, quan sát Bulfinch qua lớp kính cửa. “Chúng ta phải đi ngay, trước khi gã có cơ hội quay lại và đi theo một người trong chúng ta. Đi thôi.”

Chúng tôi ra ngoài và lập tức vẫy một chiếc tắc xi đi về phía Shibuya. Tôi có thể thấy Bulfinch vẫn đang đi bộ về hướng ngược lại, khi chúng tôi chui vào xe và được chở đi.

Chúng tôi xuống xe và chia tay ở ga JR Shibuya. Midori quay về khách sạn trong khi tôi đi lên Dogenzaka - nơi Harry và tôi đã theo dõi Kawamura sáng hôm đó, một việc có vẻ như đã xảy ra lâu lắm rồi. Nếu linh cảm của tôi là đúng, Kawamura đã vứt cái đĩa ở đâu đó vào buổi sáng ông ta chết.

Tôi đang nghĩ về Kawamura, về hành động của ông ta sáng hôm đó, về những gì hẳn đã diễn ra trong đầu ông ta.

Hơn bất cứ điều gì khác, ông ta sợ. Ngày hôm nay đã đến; ông ta đang có trong tay cái đĩa sẽ xua hết tất cả lũ chuột cống ra ngoài ánh sáng. Nó đang nằm ngay trong túi ông ta. Nhỏ và nhẹ bằng, dĩ nhiên, nhưng ông ta hoàn toàn cảm nhận được sự hiện diện của nó, ông ta biết vật này sẽ khiến ông ta bị tước nốt vài ngày còn lại trong đời nếu bị bắt gặp với nó. Chưa đầy một giờ nữa, ông ta sẽ gặp Bulfinch và cất được cái gánh nặng chết tiệt này, và cảm ơn Chúa vì điều đó.

Nhờ bấy giờ mình đang bị theo dõi thì sao? Ông ta sẽ nghĩ vậy. Nhờ chúng bắt gặp mình với cái đĩa? Ông ta bắt đầu ngoảnh nhìn qua vai. Dừng lại để đốt một điếu thuốc, quay mặt lại và quét mắt quan sát con phố.

Ai đó đằng sau ông ta có vẻ đáng ngờ. Tại sao lại không chứ? Khi anh bị bao trùm trong nỗi sợ hãi, toàn thế giới biến đổi. Mọi cái cây bỗng có vẻ giống một chiến sĩ NVA đến từng chi tiết - từ bộ đồng phục sẫm màu đến khẩu súng AK. Mỗi người đàn ông mặc com lê trên đường đều trông như một sát thủ của chính phủ, kẻ sẽ thò tay vào túi anh, lấy cái đĩa ra, và mỉm cười khi giơ súng vào trán anh.

Hãy vớt thứ chết tiệt này ở đâu đó, và để cho Bulfinch tự mình đến lấy nó. Bất cứ đâu, bất cứ đâu cũng được... kia rồi, cửa hàng hoa quả Higashimura, được đấy.

Tôi dừng lại bên ngoài cánh cửa nhỏ của cửa hàng và nhìn lên tấm biển hiệu phía bên trên. Đây chính là nơi ông ta đã rẽ vào sáng hôm đó. Nếu nó không nằm ở đây, nó có thể ở bất cứ đâu. Nhưng nếu ông ta đã bỏ lại nó trên đường đến gặp Bulfinch, thì đó phải là nơi này.

Tôi bước vào. Chủ cửa hàng là một người đàn ông thấp bé với đôi mắt của một kẻ thất bại và màu da của một kẻ cả đời hút thuốc lá, ông ta ngẩng lên và chào đón tôi với một câu “*irrashaimase*” mệt mỏi, rồi quay lại với cuốn manga đang đọc dở. Cửa hàng nhỏ và có hình chữ nhật, và chủ cửa hàng có thể quan sát toàn bộ nơi này. Kawamura chỉ có thể giấu cái đĩa ở những nơi mà khách hàng được phép sờ tay vào. Ông ta cũng phải hành động thật nhanh chóng. Trong suy nghĩ của ông ta, dù gì cái đĩa cũng chỉ cần được giấu khoảng một tiếng đồng hồ, vì vậy ông ta không cần phải tìm một chỗ an toàn tuyệt đối.

Có nghĩa là nó có thể đã biến mất, tôi bàng hoàng nhận ra. Nó sẽ không còn ở đây nữa. Nhưng tôi còn biết làm gì hơn. Cứ thử tìm một lần cũng chẳng mất mát gì.

Táo. Tôi đã nhìn thấy một quả táo lăn xuống khỏi toa tàu khi những cánh cửa đóng lại.

Ở góc xa nhất của cửa hàng có một thùng táo Fuji, trông chúng bóng loáng và đẹp mắt khi được bọc một nửa trong những cái lưới xếp. Tôi hình dung ra cảnh Kawamura đang đi tới đó, vừa kiểm tra những quả táo vừa tranh thủ tuồn cái đĩa xuống bên dưới chúng.

Tôi tiến lại gần và quan sát. Cái thùng chỉ đủ sâu để xếp vài lớp táo lên nhau, và tôi có thể tìm ra cái đĩa dễ dàng chỉ bằng cách di chuyển những quả táo, như thể tôi đang cố chọn được quả ngon nhất.

Chẳng có cái đĩa nào cả. Chết tiệt.

Tôi lặp lại động tác đó với những quả lê ở ngay bên cạnh, rồi đến những quả quýt, vẫn chẳng có gì.

Khốn kiếp. Vậy mà tôi cứ chắc mẫm cảm giác của mình là đúng.

Tôi sẽ phải mua một thứ gì đó để hoàn tất trò vờ vĩnh này. Rõ ràng tôi là một người mua hàng sành sỏi, đang tìm kiếm một thứ đặc biệt.

“Ông có thể chọn cho tôi một giỏ hoa quả để làm quà biếu không?” Tôi hỏi chủ cửa hàng. “Có lẽ khoảng sáu quả khác nhau, bao gồm một quả dưa vàng nhỏ.”

“*Kashikomarimashita**” ông ta trả lời với nụ cười uể oải.

Khi ông ta bắt đầu đi quanh cửa hàng, cẩn thận lựa chọn từng loại quả để tập hợp thành một giỏ quà, tôi tiếp tục việc tìm kiếm. Trong khoảng thời gian năm phút khi chủ cửa hàng mãi thực hiện yêu cầu của tôi, tôi có thể kiểm tra mọi vị trí mà Kawamura sẽ tiếp cận sáng hôm đó. Nhưng vô ích.

Chủ cửa hàng sắp xong việc. Ông ta lấy ra một sợi ruy băng có vân gợn sóng màu xanh lá cây và quấn nó hai lần quanh cái hộp mà ông ta đã dùng, và cuối cùng thắt nó lại theo hình nơ bướm đơn giản. Đó thực sự là một món quà đẹp. Có lẽ Midori sẽ thích nó.

Tôi lấy ra ít tiền mặt và đưa cho ông ta. *Mày đang hi vọng gì chứ?* Tôi nghĩ. *Kawamura sẽ không có thời gian để giấu nó thật kĩ. Cho dù ông ta có làm được thì đến giờ phút này hẳn đã có người phát hiện ra nó rồi.*

Hẳn là đã có người phát hiện ra nó.

Ông ta đang đếm tiền lẻ để trả lại tôi với tác phong rề rà giống như lúc ông ta sắp xếp giỏ hoa quả. Đúng là một người cẩn thận. Ngăn nắp.

Tôi đợi ông ta làm xong, rồi nói bằng tiếng Nhật, “Xin lỗi. Tôi biết chuyện này khó có thể xảy ra, nhưng một người bạn của tôi đã bị mất một cái đĩa CD ở đây khoảng hơn một tuần trước và nhờ tôi kiểm tra xem có ai thấy nó không. Khả năng này khó xảy ra đến mức tôi ngại không dám hỏi, nhưng...”

“Un*,” ông ta lẩm bẩm, quỳ xuống đằng sau quỳ thanh toán. Một lát sau ông ta đứng dậy, tay cầm một cái hộp đựng đĩa CD bằng nhựa dẻo. “Tôi đang nghĩ không biết có ai đến nhận nó không.” Ông ta chùi nó bằng tạp dề với vài động tác lờ mờ và đưa nó cho tôi.

“Cảm ơn,” tôi nói, không tỏ ra ngạc nhiên chút nào. “Bạn tôi sẽ vui lắm.”

“Mừng cho ông ấy,” ông ta nói, và đôi mắt ông ta lại như bị phủ một lớp sương mỏng.

15

VÀO SÁNG SỚM, toàn bộ khu Shibuya giống như một gã khổng lồ ngủ vùi sau cơn say. Anh vẫn có thể cảm nhận được sự vui vẻ, những tiếng cười vô tư lự của đêm hôm trước, anh có thể nghe tiếng nó vang vọng trong sự tĩnh mịch lạ thường và những khoảng không gian vắng lặng của những con hẻm ngoằn ngoèo. Những giọng hát karaoke lè nhè của những kẻ say xỉn, những lời chào mời ngọt xớt của những tay bán vé cho các câu lạc bộ, những tiếng thì thầm kín đáo của những cặp tình nhân bước đi tay trong tay, tất cả đều đã tan biến, nhưng không hiểu sao, chỉ trong một vài giờ đồng hồ ngắn ngủi trong sự u tịch của buổi sớm mai, những cái bóng của chúng vẫn còn nán lại, như những bóng ma không chịu tin rằng màn đêm đã tan, rằng chẳng còn bữa tiệc nào để tham dự nữa.

Tôi bước đi, đồng hành với những bóng ma đó, trên một loạt những con ngõ ít nhiều song song với đường Meiji, con đường giao thông huyết mạch nối khu Shibuya với Aoyama. Tôi đã dậy sớm, trườn ra khỏi giường hết sức khẽ khàng để không làm kinh động giấc ngủ của Midori. Nhưng cô ấy cũng đã thức giấc.

Tôi đã mang cái đĩa đến Akihabara, thánh địa Mecca về đồ điện tử của Tokyo, và cố gắng mở nó trên một cái máy vi tính trong một cửa hàng máy tính khổng lồ nơi không ai biết ai. Không ăn thua. Nó đã được mã hóa.

Có nghĩa là tôi cần sự trợ giúp của Harry. Nhận thức ấy khiến tôi chẳng thoải mái chút nào: theo sự mô tả của Bulfinch về những nội dung chứa trong đĩa - rằng nó chứa đựng bằng chứng về một hoặc nhiều tên sát thủ chuyên gây ra những cái chết có vẻ xuất phát từ

những nguyên nhân tự nhiên - tôi biết rằng thứ chứa trong cái đĩa có thể vạch tội tôi.

Tôi gọi điện cho Harry từ một máy điện thoại công cộng ở Nogizaka. Giọng cậu ta có vẻ ngái ngủ và tôi đoán cậu ta vẫn đang say giấc nồng khi tôi gọi tới, nhưng tôi có thể cảm thấy cậu ta trở nên tỉnh táo hẳn khi tôi nhắc tới công trình xây dựng đang diễn ra ở Kokaigijidomae - ám hiệu của chúng tôi về một cuộc gặp khẩn cấp, ngay lập tức. Tôi dùng loại mật mã quen thuộc để nói với cậu ta rằng tôi muốn gặp ở tiệm cà phê Doutor trên dốc Imoarai ở Roppongi. Nó nằm gần căn hộ của cậu ta, vì vậy cậu ta có thể tới đó một cách nhanh chóng.

Cậu ta đã đợi sẵn khi tôi đến hai mươi phút sau đó, ngồi ở một cái bàn phía trong cùng, đọc một tờ báo. Tóc cậu ta bị xẹp xuống một bên đầu và trông cậu ta có vẻ nhợt nhạt. “Xin lỗi vì đã dựng cậu dậy,” tôi nói, ngồi xuống đối diện với cậu ta.

Cậu ta lắc đầu. “Mặt anh bị làm sao thế?”

“Ày, cậu nên nhìn cái gã đã chiến nhau với tôi. Gọi đồ ăn sáng đi.”

“Tôi nghĩ tôi sẽ chỉ uống cà phê thôi.”

“Cậu không muốn ăn trứng hay thứ gì đó à?”

“Không, cà phê là được rồi.”

“Nghe như cậu đã có một đêm nặng nề,” tôi nói, tưởng tượng xem với Harry thì một đêm nặng nề sẽ là như thế nào.

Cậu ta nhìn tôi. “Anh đang làm tôi sợ với những lời trò chuyện mào đầu này đấy. Tôi biết anh sẽ không dùng mật mã trừ phi có chuyện hệ trọng.”

“Nếu không thì cậu sẽ không tha thứ cho tôi vì đã phá giấc ngủ của cậu,” tôi nói.

Chúng tôi gọi cà phê và đồ ăn sáng và tôi kể lại tất cả những chuyện đã xảy ra kể từ lần cuối tôi gặp cậu ta, bắt đầu từ việc tôi gặp

Midori thế nào, rồi đến vụ tấn công bên ngoài căn hộ của cô ấy và sau đó là căn hộ của tôi, cuộc gặp gỡ với Bulfinch, cái đĩa. Tôi không kể với cậu ta về đêm trước. Tôi chỉ kể với cậu ta rằng chúng tôi đang dùng một khách sạn tình yêu làm chốn nương náu.

Nhìn cậu ta ngồi đó, cảm nhận được sự lo lắng của cậu ta, tôi nhận ra tôi tin tưởng cậu ta. Không chỉ vì tôi biết rằng, trên thực tế, cậu ta không thể nào làm hại tôi (đó vốn là lí do quen thuộc để tôi tin tưởng một người nào đó hơn một chút), mà vì cậu ta là kẻ đáng tin. Và bởi vì tôi muốn tin tưởng cậu ta.

“Tôi đang lâm vào một tình thế gay go,” tôi bảo cậu ta. “Tôi cần sự giúp đỡ của cậu. Nhưng... cậu sẽ cần biết một vài căn nguyên khá sâu xa của nó trước đã. Nếu cậu thấy không thoải mái thì chỉ cần nói thẳng ra.”

Cậu ta khẽ đỏ mặt, và tôi biết việc tôi nhờ cậu ta giúp đỡ, và việc tôi cần cậu ta, có ý nghĩa với cậu ta rất nhiều. “Tôi cảm thấy thoải mái mà,” cậu ta nói.

Tôi kể với cậu ta về Holtzer và Benny, và mối liên hệ của chúng với CIA.

“Giá mà anh kể với tôi sớm hơn,” cậu ta nói khi tôi kể xong. “Tôi đã có thể giúp anh nhiều hơn.”

Tôi nhún vai. “Cậu biết càng ít, tôi càng đỡ phải lo lắng về cậu.”

Cậu ta gật đầu. “Một quan điểm đậm chất CIA.”

“Cậu cũng thế còn gì.”

“Không, không. Xin hãy nhớ rằng, tôi làm việc ở Puzzle Palace*. Chỉ có những người làm việc cho CIA mới biến cái thói hoang tưởng của mình thành một niềm tự hào. Dù sao đi nữa, tại sao tôi lại muốn hại anh chứ?”

“Chỉ thận trọng thôi, cậu nhóc ạ,” tôi nói. “Chẳng có ý gì đâu.”

“Lần trước anh đã cứu tôi ở Roppongi, nhớ không? Anh nghĩ tôi sẽ quên chuyện đó ư?”

“Cậu sẽ kinh ngạc trước những gì người ta có thể quên.”

“Tôi thì không như vậy đâu. Dù sao đi nữa, anh không nghĩ rằng tôi tin tưởng anh nhiều thế nào khi để anh chia sẻ thông tin này với tôi, để anh biến tôi thành một điểm yếu tiềm năng à? Tôi biết anh cẩn thận ra sao, và tôi biết anh có khả năng gì.”

“Tôi không chắc tôi hiểu ý cậu,” tôi nói.

Cậu ta nhìn tôi một lúc lâu trước khi trả lời. “Tôi đã giữ những bí mật của anh trong một thời gian dài. Tôi sẽ tiếp tục giữ chúng. Được chứ?”

Đừng bao giờ đánh giá thấp Harry, tôi nghĩ, gật đầu.

“Được chứ?” Cậu ta hỏi lại.

“Được,” tôi nói, không còn cách nào khác. “Nào, trò chuyện mào đầu thế đủ rồi. Giờ thì hãy cùng nhau giải quyết vấn đề. Bắt đầu với Holtzer.”

“Hãy kể thêm cho tôi nghe chuyện anh quen hẳn thế nào?”

“Đợi tôi ăn xong đã.”

“Kinh khủng đến thế kia à?”

Tôi nhún vai. “Tôi biết hẳn hồi ở Việt Nam. Hồi đó hẳn làm việc cho CIA, đến công tác ở SOG, một Nhóm Hoạt động Đặc biệt được thành lập dưới sự hợp tác chung của quân đội và CIA. Hẳn gan dạ, tôi phải công nhận như vậy. Hẳn không sợ đi vào chiến trường, khác hẳn một vài thằng đẽm đậu* khác mà tôi từng làm việc cùng. Tôi thích điều đó ở hẳn khi mới gặp hẳn. Nhưng ngay từ hồi đó hẳn đã tỏ rõ là một kẻ tham vọng. Lần đầu tiên chúng tôi mâu thuẫn với nhau là sau một chiến dịch của ARVN - Quân lực Việt Nam Cộng hòa, quân đội của miền Nam - ở Quân khu Ba. ARVN đã nã súng cối xối xả vào một nơi bị nghi là căn cứ quân sự của Việt Cộng ở Tây Ninh, dựa theo

thông tin tình báo từ một nguồn mà Holtzer đã khai thác. Vì vậy chúng tôi phải đếm các thi thể, như một cách để xác nhận thông tin tình báo.

ARVN đã thực sự san bằng nơi này, và chúng tôi khó mà nhận dạng các thi thể - các mẫu cơ thể vương vãi khắp nơi. Nhưng không có món vũ khí nào. Tôi bảo Holtzer đây không giống như một nơi hoạt động của Việt Cộng. Hăn nói, ‘Anh đang nói cái gì vậy? Đây là Tây Ninh, tất cả những kẻ ở đây đều là Việt Cộng’. Tôi nói, ‘Thôi nào, chẳng có món vũ khí nào cả, nguồn thông tin của anh đang làm lãng phí thời gian của anh. Đã có nhầm lẫn.’ Hăn nói ‘Chẳng có sự nhầm lẫn nào cả, hăn phải có hai tá quân địch bị chết.’ Nhưng hăn đang tính mỗi một mảnh tay chân bị đứt rời là một thi thể riêng biệt.

Về đến căn cứ, hăn viết báo cáo và đề nghị tôi chứng thực nó. Tôi bảo hăn rút. Có một hai viên sĩ quan ở gần đó, ngoài tầm nghe nhưng vẫn nhìn thấy chúng tôi. Cuộc tranh cãi nóng lên, và cuối cùng tôi đã đánh hăn ngất xỉu. Mấy viên sĩ quan đã chứng kiến tất cả, đó cũng chính là những gì Holtzer muốn, mặc dù tôi không nghĩ hăn mong đợi cuộc giải phẫu mũi mà hăn cần sau đó. Thường thì những việc kiểu như thế sẽ không gây nhiều sự chú ý, nhưng vào thời điểm đó việc hợp tác trên chiến trường giữa Lực lượng Đặc biệt và CIA là một vấn đề nhạy cảm, và Holtzer biết làm thế nào để tác động tới bộ máy quan liêu. Hăn làm ra vẻ như tôi sẽ không chứng thực báo cáo của hăn bởi vì tôi có tư thù cá nhân với hăn. Tôi tự hỏi không biết có bao nhiêu chiến dịch S&D* tiếp theo được dựa vào tin tức tình báo từ cái gọi là nguồn thông tin chết tiệt của hăn.”

Tôi nuốt một ngụm cà phê. “Sau đó hăn đã gây ra nhiều rắc rối cho tôi. Hăn là loại người biết phải rót mật vào những cái tai nào, còn tôi không bao giờ giỏi trò đó. Khi tôi trở về từ chiến tranh, tôi luôn cảm thấy có một đám mây đen vây phủ tôi, và tôi luôn biết hăn là kẻ đứng đằng sau nó, cho dù tôi không thể bắt gặp hăn đang giật dây.”

“Anh chưa bao giờ kể cho tôi nghe chuyện gì đã xảy ra ở Mỹ sau chiến tranh,” Harry nói sau một thoáng. “Đó có phải là lí do anh bỏ đi không?”

“Một phần nào.” Sự cộc lốc trong câu trả lời của tôi ám chỉ rằng tôi không muốn nhắc tới nó, và Harry hiểu ngay.

“Còn về Benny?” Cậu ta hỏi.

“Tất cả những gì tôi biết về hắn là hắn có liên quan đến LDP - một gã chạy việc vặt, nhưng là những việc vặt quan trọng. Và có vẻ như hắn còn làm gián điệp hai mang cho CIA.”

Từ *gián điệp hai mang* khiến tôi thấy lợm giọng. Nó vẫn là một trong những cái tên gọi bẩn thỉu nhất mà tôi biết.

Trong sáu năm, các chiến dịch của SOG ở Lào, Campuchia, và miền Bắc Việt Nam đều bị phá hoại bởi một tên gián điệp hai mang. Hết lần này đến lần khác, một đội quân vừa được gài vào thành công đã bị các đơn vị tuần tra của miền Bắc Việt Nam tóm gọn trong vòng vài phút. Một vài chiến dịch là những cái bẫy chết người, với những trung đội SOG bị tiêu diệt hoàn toàn. Nhưng những chiến dịch khác lại thành công, có nghĩa là sự tiếp cận thông tin của tên gián điệp hai mang đó bị giới hạn. Nếu một điều tra viên có thể so sánh ngày tháng và sự tiếp cận thông tin của mọi người, chúng tôi đã có thể nhanh chóng thu hẹp danh sách những kẻ tình nghi.

Nhưng MACV - Bộ Chỉ huy Viện trợ Quân sự Mỹ tại Việt Nam - từ chối điều tra vì sự nhạy cảm của “quan hệ hợp tác” - nghĩa là, họ sợ xúc phạm chính phủ miền Nam Việt Nam nếu gợi ý rằng một công dân miền Nam Việt Nam đang làm việc cho MACV có thể không đáng tin cậy. Tệ hơn, SOG được lệnh tiếp tục chia sẻ dữ liệu với ARVN. Chúng tôi đã cố gắng lách lệnh bằng cách cung cấp những tọa độ cài cắm giả cho các đối tác người Việt, nhưng MACV phát hiện ra và chúng tôi đã phải trả giá đắt.

Năm 1972, một hạ sĩ ARVN phản bội đã bị phát hiện, nhưng đặc vụ cấp thấp đơn độc này không thể là nguồn phá hoại duy nhất trong

bao năm qua. Tên gián điệp hai mang thực thụ không bao giờ bị lộ.

Tôi lấy điện thoại di động của Benny và gã *kendoka* ra khỏi túi áo khoác và đưa chúng cho Harry. “Tôi cần cậu làm hai điều. Kiểm tra các số được gọi. Chúng chắc hẳn được lưu lại trong điện thoại.” Tôi chỉ cho cậu ta cái nào là điện thoại của gã *kendoka*, và cái nào là của Benny. “Hãy xem liệu có số điện thoại nào được cài quay số nhanh không nữa nhé, và thử truy ra chủ nhân của chúng bằng danh bạ tra ngược. Tôi muốn biết những gã này đang nói chuyện với ai, chúng có quan hệ thế nào với nhau và với CIA.”

“Không thành vấn đề,” cậu ta nói. “Tôi sẽ có thông tin cho anh vào cuối ngày.”

“Tốt. Giờ đến điều thứ hai.” Tôi lấy cái đĩa ra và đặt nó lên bàn. “Thứ mà tất cả bọn chúng theo đuổi đang nằm trong cái đĩa này. Bulfinch nói đó là bằng chứng vạch trần sự tham nhũng trong LDP và Bộ Xây dựng và nó có thể hạ bệ chính phủ.”

Cậu ta cầm nó lên và giơ nó về phía ánh sáng.

“Tại sao lại là một cái đĩa?” Cậu ta nói.

“Tôi đang định hỏi cậu câu đó.”

“Không biết nữa. Sẽ dễ dàng hơn nếu đưa những thông tin chứa trong này lên mạng. Có lẽ một chương trình quản lí sao chép đã ngăn chặn việc đó. Tôi sẽ kiểm tra.” Cậu ta bỏ nó vào túi áo khoác.

“Phải chăng đó là cách để chúng biết rằng chúng ta biết ý định của Kawamura?” Tôi hỏi.

“Ý anh là gì?”

“Cách chúng phát hiện ra ông ta đã làm cái đĩa này.”

“Có thể. Có những chương trình quản lí sao chép sẽ thông báo cho anh biết nếu một bản sao được thực hiện.”

“Nó cũng đã được mã hóa. Tôi đã cố mở nó nhưng không được. Tại sao Kawamura lại mã hóa nó?”

“Tôi không nghĩ ông ta là người làm thế. Có lẽ ông ta không có quyền truy cập thông tin. Một người khác đã mã hóa nó, ông ta đã lấy cái đĩa từ người đó.”

Điều đó có lí. Nhưng tôi vẫn không hiểu tại sao Benny lại thuê tôi sát hại Kawamura mấy tuần trước. Chúng hẳn có cách nào đó để biết rằng ông ta đã nói chuyện với Bulfinch. Có lẽ nhờ những thiết bị nghe trộm điện thoại, hay một thứ gì đó tương tự như thế.

“Được rồi,” tôi nói. “Hãy nhắn tin cho tôi khi nào cậu xong việc. Chúng ta sẽ gặp lại nhau ở đây - chỉ cần nhắn một thời điểm thích hợp với cậu là được. Sử dụng mật mã mọi khi nhé.”

Cậu ta gật đầu và đứng dậy để rời đi. “Harry,” tôi nói. “Từ giờ đừng quá chủ quan. Có những kẻ sẽ giết cậu để lấy lại cái đĩa nếu chúng biết cậu có nó đấy.”

Cậu ta gật đầu. “Tôi sẽ thận trọng.”

“Thận trọng thôi chưa đủ. Hãy giống như một kẻ hoang tưởng. Đừng tin bất cứ ai.”

“Hầu như bất cứ ai,” cậu ta nói với một cái mím môi hơi cáu kỉnh mà có thể đã là một nụ cười.

“Không một ai,” tôi nói, nghĩ về Jake Khùng.

Sau khi cậu ta rời đi, tôi gọi điện cho Midori từ một máy điện thoại công cộng. Chúng tôi đã đổi sang một khách sạn mới vào sáng hôm đó. Cô ấy trả lời ngay hồi chuông đầu tiên.

“Anh chỉ gọi để kiểm tra tình hình của em thôi,” tôi bảo cô ấy.

“Bạn anh có thể giúp chúng ta không?” Cô ấy hỏi. Tôi đã dặn cô ấy thận trọng với những gì nói qua điện thoại, và cô ấy đang lựa chọn từ ngữ một cách cẩn thận.

“Bây giờ vẫn chưa nói được điều gì. Cậu ta sẽ cố gắng.”

“Khi nào anh tới?”

“Anh đang tới đây.”

“Giúp em một việc nhé, hãy kiếm cho em thứ gì đó để đọc. Một cuốn tiểu thuyết, vài tờ tạp chí. Đáng ra em nên nghĩ tới chuyện này khi em ra ngoài mua đồ ăn lúc này. Trong phòng chẳng có gì để làm và em đang phát điên lên đây.”

“Anh sẽ dừng lại ở một chỗ nào đó trên đường. Hẹn gặp em một lát nữa nhé.”

Giọng cô ấy đã bớt căng thẳng hơn lúc tôi mới nói với cô ấy rằng tôi đã tìm thấy cái đĩa. Cô ấy muốn biết tôi đã làm thế nào, nhưng tôi chẳng nói gì. Dĩ nhiên là tôi không thể thú thực với cô ấy.

“Anh đã được thuê bởi một người muốn có nó,” cuối cùng tôi nói. “Lúc đó anh không biết nó chứa gì. Anh cũng không biết chúng sẽ làm bất cứ điều gì để cố gắng lấy được nó.”

“Người đó là ai?” Cô ấy khăng khăng.

“Không quan trọng” là câu trả lời của tôi. “Tất cả những gì em cần biết là bây giờ anh đang cố gắng giải quyết chuyện này, được chứ? Nghe này, nếu anh muốn đưa nó cho người đã trả tiền cho anh để tìm ra nó, thì anh đã không ở đây với nó lúc này, và bàn bạc với em về nó. Anh chỉ nói được vậy thôi.”

Vì không biết gì về thế giới của tôi, cô ấy không có lí do gì để nghi ngờ rằng cú trụ tim của Kawamura xuất phát từ một nguyên nhân không phải tự nhiên. Nếu ông ta chết theo một cách khác - một viên đạn, thậm chí một cú ngã từ một tòa nhà cao tầng - thì tôi biết tôi sẽ bị nghi ngờ.

Tôi đi thẳng đến Suidobashi, bắt đầu thực hiện một LPT kỹ lưỡng bằng cách bắt tuyến JR đến Shinjuku. Tôi đổi tàu ở Yoyogi và quan sát xem có ai xuống tàu cùng mình không, rồi đợi trên sân ga sau khi con tàu đã chuyển bánh. Tôi đợi cho hai con tàu khác đi qua rồi mới tiếp tục lên tàu, và sau một trạm dừng tôi xuống ở khu đông của ga Shinjuku, bản sao đông đúc, cũ kỹ hơn của khu tây sạch sẽ và được chính phủ chiếm lĩnh. Tôi vẫn đang đeo kính râm để che con mắt bị sưng, và sắc thái tối sẫm của nó khiến những đám đông nhộn nhịp kia

mang một vẻ ngoài hơi ma quái. Tôi để đám đông cuốn mình đi xuyên qua một trong những trung tâm mua sắm giống như mê cung dưới lòng đất cho đến khi tôi thấy mình đang ở bên ngoài cửa hàng Virgin Megastore, rồi tiếp tục len lỏi đến cửa hàng bách hóa Isetan, cảm giác như một người đang cố gắng lội qua một dòng sông chảy xiết. Tôi quyết định mua cho Midori một chiếc khăn ca sơ mia màu xanh lính thủy ngoại cỡ và một chiếc kính râm với mắt kính ốp sát mà tôi nghĩ sẽ thay đổi hình dạng khuôn mặt cô ấy. Trả tiền cho chúng ở các quầy thanh toán khác nhau để không ai nghĩ người đàn ông đeo kính râm này đang mua đồ ngụy trang cho người phụ nữ của anh ta.

Cuối cùng, tôi dừng lại ở cửa hàng sách Kinokuniya, cách Isetan khoảng năm mươi mét, chìm lẫn trong đám đông quá dày đặc đến nỗi họ khiến cho cả trung tâm mua sắm có vẻ giống như một chốn hoang vắng khi so sánh với nó. Tôi chọn vài cuốn tạp chí và một cuốn tiểu thuyết từ khu sách bán chạy của Nhật và bước tới quầy thanh toán để trả tiền.

Tôi đang đứng đợi trong hàng, quan sát xem ai sẽ xuất hiện chỗ cầu thang bộ và thang cuốn, thì máy nhắn tin rung lên. Tôi thò tay lấy nó ra, ngỡ rằng sẽ thấy một mật mã từ Harry. Thay vào đó, màn hình hiện lên một số điện thoại có tám chữ số với mã vùng Tokyo.

Tôi trả tiền cho mấy cuốn tạp chí cùng cuốn sách và đi cầu thang bộ quay lại tầng một, rồi đi tới một máy điện thoại công cộng trên một con phố nhánh gần đường Shinjuku. Tôi nhét đồng xu một trăm yên vào máy và bấm số, liếc nhìn qua vai trong khi chờ điện thoại kết nối.

Tôi nghe ai đó nhắc máy ở đầu dây bên kia. “John Rain,” một giọng tiếng Anh. Tôi không trả lời ngay, và giọng nói đó lặp lại tên tôi.

“Tôi nghĩ anh nhầm số rồi.”

Một thoáng im lặng. “Tên tôi là Lincoln.”

“Hay đấy.”

“Trưởng chi nhánh muốn gặp anh.”

Khi đó tôi hiểu ra gã gọi điện thoại là người của CIA, và trưởng chi nhánh ở đây là Holtzer. Tôi đợi xem Lincoln có nói thêm gì không, nhưng y không nói gì nữa. “Hắn là anh đang đùa,” tôi nói.

“Không. Đã có một sự hiểu lầm và ông ấy muốn giải thích. Anh có thể đề nghị thời gian và địa điểm.”

“Tôi không nghĩ vậy.”

“Anh cần nghe những gì ông ấy phải nói. Mọi chuyện không như anh nghĩ đâu.”

Tôi liếc về phía Kinokuniya, cân nhắc các rủi ro và những lợi ích có thể có.

“Ông ta sẽ phải gặp tôi ngay bây giờ,” tôi nói.

“Không thể được. Ông ấy đang họp. Sớm nhất là tối nay ông ấy mới rảnh.”

“Tôi không quan tâm cho dù ông ta có đang phải phẫu thuật tim hở đi chẳng nữa. Hãy nói với ông ta điều này, Abe. Nếu ông ta muốn gặp tôi, tôi sẽ đợi ông ta ở Shinjuku trong hai mươi phút nữa. Nếu ông ta đến muộn một phút thôi, tôi sẽ đi ngay.”

Lại một sự im lặng kéo dài. Rồi y hỏi, “Chỗ nào ở Shinjuku?”

“Hãy bảo ông ta bước thẳng từ cửa đông của ga JR Shinjuku tới biển hiệu của Studio Alta. Và nhắc ông ta rằng nếu ông ta mặc thêm một thứ gì khác ngoài một cái quần, một đôi giày và một cái áo phông cộc tay, thì ông ta sẽ không bao giờ gặp được tôi. Rõ chứ?” Tôi muốn làm cho Holtzer khó lòng giấu được một món vũ khí dễ dàng sử dụng, nếu đó là điều hắn định làm.

“Tôi hiểu.”

“Đúng hai mươi phút,” tôi nói, và gác máy.

Có hai khả năng. Một là, Holtzer có thể có điều gì đó chính đáng để nói, nhưng khả năng đó quá mong manh. Hai là, đây chỉ là một nỗ lực để bắt lại tôi hòng kết thúc cái công việc mà chúng đã làm hỏng bên ngoài căn hộ của tôi. Dù thế nào thì đây cũng là một cơ hội để tôi

tìm hiểu thêm. Không phải là tôi mong đợi Holtzer thẳng thắn với tôi, mà là tôi có thể đoán ra sự thật giữa những lời nói dối của hắn.

Tôi phải giả định rằng chúng có máy ảnh. Tôi sẽ bắt hắn di chuyển, nhưng nguy cơ đó sẽ vẫn tồn tại. *Nhưng thế thì đã sao chứ*, tôi nghĩ. *Chúng biết mà sống ở đâu, vậy thì lúc này lũ khốn đó có lẽ đã có cả một quyển album ảnh chết tiệt về mà. Mà không còn được bảo vệ dưới cái vỏ nặc danh nữa.*

Tôi quay trở lại đường Shinjuku và bước tới trước mặt tòa nhà Studio Alta, nơi vài chiếc tắc xi đang đợi khách. Tôi lại gần một tay tài xế còn trẻ có vẻ sẵn sàng nhắm mắt làm ngơ trước một tình huống lạ lùng nếu được trả công hợp lí, và bảo anh ta rằng tôi muốn anh ta đón một vị khách sẽ ra ngoài qua cửa đông trong khoảng mười lăm hoặc hai mươi phút nữa, một *gaijin* mặc áo phông.

“Hãy hỏi xem ông ta có phải là trường đại diện không,” tôi giải thích bằng tiếng Nhật, đưa cho anh ta một tờ mười nghìn yên. “Nếu ông ta trả lời là phải, tôi muốn anh chở ông ta dọc theo đường Shinjuku, rồi rẽ trái vào đường Meiji, sau đó lại rẽ trái một lần nữa vào đường Yasukuni. Hãy đợi tôi ở phía bắc của đường Yasukuni, trước mặt ngân hàng Daiwa. Tôi sẽ có mặt ngay sau khi anh tới.” Tôi lấy ra một tờ mười nghìn yên khác và xé nó làm đôi. Tôi đưa một nửa cho anh ta, bảo anh ta rằng anh ta sẽ có được nửa còn lại khi anh ta đón tôi. Anh ta gật đầu đồng ý.

“Anh có danh thiếp không?” Tôi hỏi anh ta.

“*Hai*,” anh ta trả lời, và lập tức lấy ra một tấm danh thiếp từ túi áo sơ mi.

Tôi cầm lấy tấm danh thiếp và cảm ơn anh ta, rồi bước vòng ra phía sau tòa nhà Studio Alta và đi cầu thang bộ lên tầng năm. Từ đó tôi có thể nhìn rõ cửa đông. Tôi kiểm tra đồng hồ: còn mười bốn phút nữa. Tôi viết một địa chỉ ở Ikebukuro lên mặt sau tấm danh thiếp và nhét nó vào túi áo ngực.

Holtzer đến sớm một phút. Tôi quan sát hẩn bước ra từ cửa đông, rồi bước chậm chậm về phía biển hiệu của Studio Alta. Ngay cả ở một khoảng cách xa như thế này, tôi vẫn có thể nhận ra đôi môi dày thịt ấy, cái mũi gồ lên ấy. Trong một thoáng giây tự mãn, tôi nhớ đã từng đâm vỡ nó. Tóc hẩn vẫn còn tốt, mặc dù bây giờ nó có màu xám thép chứ không còn là màu vàng xỉn như tôi từng biết. Qua dáng đi và thân hình hẩn, tôi có thể nhận ra hẩn vẫn đang chăm chỉ tập thể dục. Trông hẩn có vẻ lạnh trong chiếc áo cộc tay. Tội thật.

Tôi thấy tài xế tắc xi tiếp cận hẩn và nói gì đó. Holtzer gật đầu, rồi đi theo anh ta đến chỗ chiếc tắc xi, vừa đi vừa liếc hai bên trái phải. Hẩn nhìn bao quát chiếc tắc xi một cách ngờ vực trước khi chui vào xe, và rồi họ khởi hành dọc theo đường Shinjuku.

Tôi đã không cho người của Holtzer thời gian để chuẩn bị một chiếc xe hay phương tiện giám sát lưu động nào khác trong khu vực này, vì vậy bất cứ kẻ nào đang cố gắng bám theo hẩn sẽ phải cuống cuồng hành động, chẳng hạn như vội vã bắt một chiếc tắc xi. Tôi quan sát trong bốn phút, nhưng không có hành động nào bất thường. Mọi chuyện thế là tạm ổn.

Tôi quay lại cầu thang, chạy ba bậc một xuống tầng trệt. Rồi băng qua đường Yasukuni để tới Ngân hàng Daiwa, vừa kịp lúc chiếc tắc xi dừng lại. Tôi bước vòng sang phía ghế hành khách, quan sát hai bàn tay Holtzer khi tôi lại gần. Cánh cửa tự động mở ra, và Holtzer nghiêng người về phía tôi.

“John...,” hẩn cất giọng trấn an.

“Tay, Holtzer,” tôi nói, ngắt lời hẩn. “Cho tao xem tay mày. Giờ tay lên.” Tôi thực sự không nghĩ hẩn sẽ cố gắng bắn tôi, nhưng tôi cũng sẽ không cho hẩn cơ hội đó.

“Tôi cũng nên đề nghị anh làm thế.”

“Làm đi.” Hẩn do dự, rồi ngả người về vị trí cũ và giơ hai tay lên. “Giờ thì đan các ngón tay vào nhau và đặt tay sau gáy. Sau đó quay người lại và nhìn ra cửa sổ phía tài xế.”

“Ồ, thôi nào, Rain...,” hắn nói.

“Làm đi. Nếu không tao sẽ đi.” Hắn trừng trừng nhìn tôi trong một giây và rồi ngoan ngoãn tuân theo.

Tôi chui vào bên cạnh hắn và đưa cho tài xế tấm danh thiếp có ghi địa chỉ ở Ikebukuro, bảo anh ta chờ chúng tôi tới đó. Anh ta đưa chúng tôi tới đâu cũng không quan trọng. Chẳng qua tôi chỉ không muốn nói ra miệng bất cứ điều gì. Rồi tôi dùng tay trái siết chặt những ngón tay đang đan vào nhau của Holtzer trong khi vỗ vỗ người hắn từ trên xuống dưới để tìm vũ khí bằng bàn tay phải. Một phút sau, tôi rời hắn ra, hài lòng vì hắn không mang theo một món vũ khí nào cả. Nhưng đó mới chỉ là một nửa nỗi lo lắng của tôi.

“Tôi hi vọng bây giờ anh đã hài lòng,” hắn nói. “Anh có thể nói cho tôi biết chúng ta đang đi đâu không?”

Tôi đã biết trước hắn có thể hỏi câu này. “Mày đang đeo máy nghe trộm phải không, Holtzer?” Tôi nói, nhìn vào mắt hắn. Hắn không trả lời. *Nó ở đâu nhỉ?* Tôi nghĩ. Tôi đã không sờ thấy gì dưới áo hắn.

“Cởi thắt lưng ra,” tôi bảo hắn.

“Quý tha ma bắt, Rain. Anh đang đi quá xa đấy.”

“Cởi ra, Holtzer. Tao không giỡn chơi với mày. Tao đang lưỡng lự có nên bẻ gãy cổ mày ngay ở đây để giải quyết tất cả những vấn đề của tao hay không đấy.”

“Cứ việc.”

“*Sayonara**, quân khốn kiếp.” Tôi nghiêng người về phía tài xế. “*Tomatte kudasai**”

“Được rồi, được rồi, anh thảng rồi,” hắn nói, giơ tay lên như thế đầu hàng. “Có một thiết bị truyền âm trong thắt lưng. Đó chỉ là một sự phòng xa thôi. Sau tai nạn không may của Benny.”

Hắn đang bảo tôi đừng lo lắng, vì Benny chẳng là cái thá gì chẳng? “*Iya, sumimasen**” tôi nói với tài xế. “*Itte kudasai**.”

“Rất vui khi biết mày vẫn coi trọng người của mày như vậy,” tôi nói với Holtzer. “Đưa tao cái thắt lưng.”

“Benny không phải là người của tôi,” hắn nói, lắc đầu trước sự chậm hiểu rõ ràng của tôi. “Hắn đang lừa dối chúng tôi giống như hắn đã cố lừa dối anh vậy.” Hắn cởi thắt lưng và đưa nó cho tôi. Tôi giơ nó lên. Y như rằng, có một cái micro nhỏ xíu bên dưới móc khóa.

“Pin đâu?” Tôi hỏi.

“Khóa thắt lưng chính là pin. Nickel hydride.”

Tôi gật đầu, cảm thấy bị ấn tượng. “Giỏi lắm.” Tôi hạ kính cửa sổ xuống và ném cái thắt lưng ra ngoài đường.

Hắn nhào tới chụp lấy nó, nhưng chậm mất một giây. “Chết tiệt, Rain, anh không cần phải làm thế. Anh chỉ cần vô hiệu hóa nó là được mà.”

“Cho tao xem giày của mày.”

“Không đời nào, nếu anh cũng định ném chúng ra ngoài cửa sổ.”

“Tao sẽ làm vậy nếu chúng được gài thiết bị nghe lén. Cởi ra.” Hắn đưa chúng cho tôi. Chúng là giày Loafer màu đen - da mềm và đế cao su. Không có chỗ để gắn micro. Lòng giày ấm và ẩm vì mồ hôi, nghĩa là hắn đã đi chúng được một thời gian, và có những vết lõm do các ngón chân in hẳn. Rõ ràng không phải là một thứ được chế tạo trong phòng thí nghiệm để dành cho một dịp đặc biệt. Tôi trả chúng lại cho hắn.

“Được chưa?” Hắn hỏi.

“Hãy nói những gì mày cần nói đi,” tôi bảo hắn. “Tao không có nhiều thời gian đâu.”

Hắn thở dài. “Việc xảy ra bên ngoài căn hộ của anh là một sự nhầm lẫn. Đáng lẽ nó không bao giờ nên xảy ra, và tôi muốn đích thân

xin lỗi.”

Thật kinh tởm khi hắn có thể tỏ ra thành thật như thế. “Tao đang nghe đây.”

“Tôi đang làm một việc nguy hiểm, Rain ạ,” hắn nói nhỏ. “Điều tôi sắp nói với anh là tuyệt mật...”

“Nó nên như vậy. Nếu tất cả những gì mà phải nói với tao là điều mà tao có thể đọc được trên báo, thì mà đang làm lãng phí thời gian của tao đấy.”

Hắn cau mày. “Trong năm năm qua, chúng tôi đã chiêu dụ một người để làm nội gián trong chính phủ Nhật. Một kẻ làm việc trong nội bộ, có quyền tiếp cận mọi thông tin. Một kẻ biết được tất cả các thi thể được chôn ở đâu - và tôi không chỉ nói theo nghĩa bóng đâu đấy.”

Nếu hắn đang hi vọng một phản ứng từ tôi, thì hắn không thấy được thứ đó, và hắn tiếp tục. “Theo thời gian, chúng tôi thu thập được ngày càng nhiều thông tin từ gã này, nhưng không bao giờ vượt quá những thông tin cơ bản. Không bao giờ có bất cứ thứ gì mà chúng tôi có thể dùng làm lực tác động. Anh hiểu tôi nói gì chứ?”

Tôi gật đầu. “Lực tác động” ở đây có nghĩa là sự đe dọa.

“Giống như một cô nữ sinh Công giáo vậy, anh biết chứ? Cô ta liên tục từ chối, anh phải tìm một cách khác, bởi vì, hê hê, anh biết cô ta cũng muốn điều đó.” Hắn nhe răng cười, cặp môi dày thệt trông thật gớm ghiếc. “Chà, chúng tôi vẫn kiên trì thuyết phục hắn, mỗi lần lại tiến thêm được một bước. Cuối cùng, sáu tháng trước, bản chất những lời từ chối của hắn bắt đầu thay đổi. Thay vì “Không, tôi sẽ không làm điều đó đâu,” chúng tôi bắt đầu nghe thấy những lời như, “Không, chuyện đó quá nguy hiểm, tôi sẽ gặp nguy hiểm.” Anh biết đấy, những lời từ chối đầy tính thực tế.”

Tôi biết. Những người bán hàng giỏi, những nhà đàm phán giỏi và những nhân viên tình báo giỏi đều thích những lời từ chối mang tính thực tế. Chúng là dấu hiệu cho một sự thay đổi từ “liệu có được không?” thành “bằng cách nào?”, từ nguyên tắc đến giá cả.

“Mất thêm năm tháng nữa chúng tôi mới thuyết phục được hẳn. Chúng tôi sẽ trả cho hẳn một khoản tiền mặt đủ lớn để hẳn sẽ không bao giờ phải lo lắng nữa, ngoài ra hẳn còn được nhận thêm một khoản lương hàng năm. Giấy tờ giả, chỗ ở tại một xứ sở nhiệt đới nơi hẳn sẽ đến ăn náu - tương đương với chương trình bảo vệ nhân chứng của CIA vậy, nhưng sang hơn thế.

Đổi lại, hẳn sẽ trao cho chúng tôi “món hàng” về Đảng Dân chủ Tự do - những vụ hối lộ, mua chuộc, mối quan hệ với *yakuza*, những vụ giết người diệt khẩu. Đó chính là những bằng chứng cụ thể: những cuộc nói chuyện điện thoại bị thu lén, các bức ảnh, những cuộc trò chuyện được ghi âm lại, loại chứng cứ sẽ được dùng trước tòa án.”

“Mày định làm gì với tất cả những thứ đó?”

“Anh nghĩ chúng tôi định làm cái quái gì với nó? Với loại thông tin đó, chính phủ Mỹ sẽ làm chủ LDP. Chúng tôi sẽ khống chế được từng chính trị gia Nhật Bản. Nghĩ xem chúng tôi có còn bị quấy rầy về chuyện các căn cứ quân sự ở Okinawa hay Atsugi nữa không? Nghĩ xem chúng tôi có còn gặp bất cứ khó khăn gì trong việc xuất khẩu gạo hoặc chất bán dẫn hoặc ô tô sang Nhật bao nhiêu cũng được như chúng tôi muốn không? LDP chính là quyền lực ở đây, và chúng tôi sẽ là quyền lực đằng sau quyền lực. Nhật Bản sẽ là tên nô lệ tình dục ưa thích của Chú Sam trong quãng thời gian còn lại của thế kỉ này.”

“Tao hiểu được qua giọng điệu mày rằng Chú Sam đã thất tình,” tôi nói.

Nụ cười của hẳn giống như một điệu nhếch mép. “Không phải là thất tình. Chỉ tạm thời trì hoãn thôi. Chúng tôi vẫn sẽ có được thứ chúng tôi muốn.”

“Mối quan hệ giữa mày với Benny là gì?”

“Benny tội nghiệp. Hẳn là một nguồn tin tuyệt vời về những mặt nhơ nhớp của LDP. Hẳn biết tất cả những kẻ dơ bẩn trong đó, nhưng lại không có quyền truy cập thông tin, anh biết đấy? Tay nội gián mới là người nắm được mọi chứng cứ.”

“Nhưng mày đã cử hấn đến căn hộ của tao.”

“Phải, chúng tôi đã cử hấn đến. Một mình, để hỏi anh.”

“Làm sao mày biết chuyện gì đã xảy ra với hấn?”

“Thôi nào, Rain, cỗ hấn bị gãy làm đôi ngay bên ngoài căn hộ của anh. Còn ai khác làm việc đó chứ, một trong những người hàng xóm của anh hiện đang sống dựa vào tiền lương hưu à? Hơn nữa, chúng tôi đã cài thiết bị nghe lén trên người hấn. Theo quy trình hoạt động chuẩn. Vì vậy chúng tôi đã nghe thấy tất cả, kể cả việc thăng đầu đất đó đổ tội cho tôi.”

“Còn gã kia?”

“Chúng tôi không biết gì về gã, ngoài việc gã bị phát hiện là đã chết cách chỗ cảnh sát Tokyo tìm thấy thi thể của Benny một trăm mét.”

“Benny nói với tao hấn là người của *Boeicho Boeikyoku*. Rằng mày chịu trách nhiệm liên lạc.”

“Đúng là tôi có quan hệ với *Boeikyoku*, nhưng hấn hoàn toàn láo toét về việc tôi biết đồng bọn của hấn. Dù sao đi nữa, anh có thể chắc chắn là chúng tôi đã kiểm tra, và đồng bọn của Benny không phải là người của Tình báo Nhật. Khi Benny dẫn gã đó đến căn hộ của anh, hấn đang làm một nhiệm vụ riêng, do ai khác trả tiền. Anh biết anh không thể tin tưởng những tên gián điệp hai mang như thế mà, Rain. Còn nhớ những rắc rối mà chúng ta gặp phải với đối tác ARVN của chúng ta ở Việt Nam không?”

Tôi ngẩng lên nhìn vào gương chiếu hậu và thấy tài xế đang nhìn chúng tôi, khuôn mặt tỏ vẻ nghi ngờ. Khả năng anh ta hiểu được cuộc trò chuyện bằng tiếng Anh của chúng tôi là bằng 0, nhưng tôi có thể nhận ra anh ta đã cảm nhận được một điều gì đó không ổn, và điều đó đang làm anh ta lo lắng.

“Chúng nhận tiền của anh, chúng sẽ nhận tiền từ bất kì ai khác,” hấn tiếp tục. “Anh biết không, tôi sẽ chẳng thương tiếc gì Benny đâu.”

Anh nhận tiền từ cả hai phía, ai đó phát hiện ra, anh phải gánh chịu hậu quả, thế thôi.”

Hoặc chí ít mày nên như thế. “Đúng vậy,” tôi nói.

“Nhưng hãy để tôi kể nốt chuyện về gã nội gián đã. Ba tuần trước, hãn đang trên đường đi giao thông tin cho chúng tôi, vốn được tải vào một cái đĩa, hãn thực sự đang mang theo món hàng quý giá chết tiệt đó, và - anh có thể tin nổi không? Hãn bị truy tìm trên tàu Yamanote và chết. Chúng tôi đã cử người đến bệnh viện, nhưng cái đĩa đã biến mất.”

“Sao mày có thể chắc chắn rằng hãn đang mang theo cái đĩa khi hãn chết?”

“Ồ, chúng tôi chắc chắn như vậy, Rain ạ, chúng tôi có cách riêng của chúng tôi, anh biết điều đó mà. Tuy nhiên, tôi không thể tiết lộ điều gì về các nguồn thông tin và các phương pháp. Nhưng chuyện cái đĩa bị mất không phải là điều thú vị nhất. Anh có muốn nghe điều thú vị nhất hay không?”

“Tao đang nóng lòng muốn nghe đây.”

“Được,” hãn nói, ghé lại gần tôi hơn và lại nở nụ cười méo mó. “Điều thú vị nhất là đó không phải một cú truy tìm thật sự... ai đó đã thủ tiêu hãn, một người biết cách làm cho việc đó trông giống như một nguyên nhân tự nhiên.”

“Tao không nghĩ vậy, Holtzer. Nghe thật khó tin.”

“Khó tin quá đi chứ, phải không? Đặc biệt là vì có quá ít người làm được việc đó trên toàn thế giới, huống hồ là ở cái đất Nhật Bản này. Quỷ tha ma bắt, người duy nhất mà tôi biết là anh.”

“Mày muốn gặp tao vì chuyện này phải không?” Tôi nói. “Để ám chỉ rằng tao có dính líu đến cái chuyện nhảm nhí này?”

“Thôi nào, Rain. Loanh quanh thế đủ rồi. Tôi thừa biết anh có dính líu đến những chuyện gì.”

“Tao không hiểu mày nói gì.”

“Không à? Vậy thì tôi có tin mới cho anh đây. Phân nửa những việc anh đã làm trong hơn mười năm qua là làm cho chúng tôi.”

Cái quái gì thế?

Hắn ghé lại gần hơn và thì thầm những cái tên của những chính trị gia lỗi lạc, chủ ngân hàng và quan chức đã sớm lìa đời vì những nguyên nhân tự nhiên. Đó đều là những nạn nhân của tôi.

“Mày có thể đọc được những cái tên đó trên báo,” tôi nói, nhưng tôi biết hắn còn biết nhiều hơn thế.

Hắn nói ra những đặc điểm cụ thể của diễn đàn chuyên đề mà tôi đã dùng với Benny, những số tài khoản ngân hàng ở Thụy Sĩ có liên quan.

Chết tiệt, tôi nghĩ, cảm thấy lợm giọng. Hóa ra mày chỉ là một thằng ngốc bị những kẻ này lợi dụng. Chuyện đó không bao giờ chấm dứt. Chết tiệt.

“Tôi biết đây là một cú sốc với anh, Rain ạ,” hắn nói, ngả người về lại vị trí cũ. “Bao năm qua anh tưởng anh đang làm việc tự do, nhưng thực tế CIA đã trả tiền cho anh. Nhưng hãy lạc quan một chút, được chứ? Anh đã làm rất tốt công việc của mình! Chúa ơi, anh là một nhà ảo thuật đại tài, làm cho những kẻ đó biến mất không để lại chút dấu vết, không một dấu hiệu nào chứng tỏ rằng những cái chết ấy là do sắp đặt. Phải chi tôi được biết cách anh thực hiện việc đó. Tôi thật sự mong ước như vậy đấy.”

Tôi nhìn hắn, đôi mắt thất thần. “Có lẽ tao sẽ có cơ hội biểu diễn cho mày thấy vào một lúc nào đó.”

“Cứ mơ đi, anh bạn của tôi. Giờ thì nghe này, chúng tôi đã xem báo cáo khám nghiệm tử thi. Kawamura phải đeo một thiết bị điều chỉnh nhịp tim, cái máy đó không hiểu sao đột ngột tắt ngúm. Nhân viên điều tra những cái chết bất thường kết luận rằng nó đã bị lỗi. Nhưng anh biết không? Chúng tôi đã làm một nghiên cứu nhỏ và phát hiện ra rằng một cái lỗi như thế là gần như không thể có được. Ai đó

đã tắt thiết bị điều hòa nhịp tim đó, Rain ạ. Và đó chính là sở trường của anh. Tôi muốn biết ai đã thuê anh.”

“Thật là vớ vẩn,” tôi nói.

“Cái gì vớ vẩn?”

“Tại sao phải nhọc công như thế chỉ để lấy cái đĩa chứ?”

Đôi mắt hăn nheo lại. “Tôi đang hi vọng anh có thể nói với tôi điều đó.”

“Tao không thể. Tao chỉ có thể nói với mày rằng nếu tao muốn cái đĩa đó, tao có thể nghĩ ra nhiều cách dễ dàng hơn để lấy nó.”

“Có lẽ quyền quyết định không phụ thuộc vào anh,” hăn nói. “Có lẽ kẻ thuê anh trong vụ này đã bảo anh lấy nó. Tôi biết anh không có thói quen hỏi nhiều câu hỏi về những nhiệm vụ được giao.”

“Và tao có bao giờ có thói quen làm một tay chạy việc vặt không? ‘Lấy lại’ những món đồ được yêu cầu ư?”

Hăn khoanh tay lại và nhìn tôi. “Theo tôi biết thì không.”

“Vậy thì có vẻ như mày đang ‘lột vỏ nhảm cây’ rồi đấy.”

“Anh đã khử hăn, Rain. Anh là người cuối cùng ở bên hăn. Anh phải hiểu rằng, chuyện đó có vẻ không ổn tí nào.”

“Thế thì tao phải chịu tai tiếng thôi.”

Hăn vắn vế cằm trong khi vẫn nhìn tôi chăm chăm. “Anh biết rằng CIA là ít đáng ngại nhất trong số những kẻ đang cố lấy lại cái đĩa mà.”

“Những kẻ nào?”

“Anh nghĩ là ai hả? Những kẻ có liên quan đến cái đĩa chứ sao. Các chính trị gia, *yakuza*, thế lực đứng đằng sau cơ cấu quyền lực của Nhật Bản.”

Tôi cân nhắc trong một thoáng, rồi nói, “Mày đã tìm ra tao bằng cách nào? Tại sao mày biết tao đang ở Nhật?”

Hăn lắc đầu. “Xin lỗi, đó lại là chuyện liên quan đến các nguồn thông tin và các phương pháp, tôi không thể bàn đến chúng ở đây.”

Nhưng nghe này.” Hãn lại ngả người về đằng trước. “Mời anh đến chỗ chúng tôi, và chúng ta có thể nói chuyện về bất cứ điều gì anh muốn.”

Đó quả là một lời tuyên bố lạc lõng đến mức tôi nghĩ rằng mình đã nghe nhầm. “Mày bảo tao đến chỗ bọn mày á?”

“Đúng vậy. Nếu anh nhìn lại tình hình của anh bây giờ, anh sẽ thấy rằng anh cần sự giúp đỡ của chúng tôi.”

“Tao không biết mày lại nhân đạo như thế đấy, Holtzer ạ.”

“Đừng nói nhảm nữa, Rain. Chúng tôi không làm việc này vì nhân đạo. Chúng tôi muốn sự hợp tác của anh. Dù có cái đĩa hay không thì việc từng theo dõi Kawamura có lẽ cũng giúp anh có được chút thông tin để giúp chúng tôi tìm ra nó. Đổi lại, chúng tôi sẽ giúp anh. Đơn giản thế thôi.”

Nhưng tôi thừa biết mấy gã này, và tôi quá hiểu Holtzer. Với chúng thì chẳng có gì là đơn giản cả - và chuyện gì càng có vẻ đơn giản, thì khả năng chúng sắp giở trò hãm hại anh lại càng cao.

“Đúng là tao đang lâm vào một tình cảnh chẳng dễ chịu gì,” tôi nói. “Chẳng việc gì phải chối bỏ điều đó. Có lẽ tao cần tin tưởng ai đó. Nhưng sẽ không phải là mày.”

“Nghe này, nếu anh vẫn còn cay cú tôi vì chuyện tù hồi chiến tranh, thì anh quả là nực cười đấy. Chuyện đó đã qua lâu lắm rồi. Đây là một thời kì khác, một nơi chốn khác.”

“Nhưng con người thì vẫn vậy.”

Hãn xua tay như thể đang cố gắng xua tan một thứ mùi gớm ghiếc. “Anh nghĩ gì về tôi không quan trọng, Rain ạ. Bởi vì chuyện này không phải là về chúng ta. Tình cảnh hiện nay mới là thứ cốt yếu, và tình cảnh hiện nay là thế này: Cảnh sát muốn anh. LDP muốn anh. *Yakuza* muốn anh. Và họ sẽ tìm ra anh bởi vì vỏ bọc của anh đã bị lộ rồi. Giờ thì hãy để chúng tôi giúp anh.”

Phải làm gì bây giờ. Khử hãn ngay tại đây? Chúng biết chỗ tôi ở, nghĩa là từ giờ tôi rất dễ gặp nguy hiểm, và trừ khử trưởng đại diện của chúng có thể dẫn tới sự báo thù.

Chiếc xe đi sau chúng tôi rẽ phải. Tôi liếc ra đằng sau và thấy chiếc xe đang đi theo nó, một chiếc sedan màu đen với ba hay bốn người Nhật bên trong, giảm tốc độ thay vì lấn tới chiếm khoảng trống vừa được tạo ra. Không phải một chiến lược hiệu quả khi lái xe ở Tokyo.

Gần tới giao lộ tiếp theo thì tôi bảo tài xế rẽ trái. Anh ta chỉ kịp phanh và quặt xe. Chiếc sedan cũng rẽ theo chúng tôi.

Tôi bảo với tài xế rằng tôi đã nhầm, và anh ta nên quay lại đường Meiji. Anh ta nhìn lại tôi, bực tức thấy rõ, tự hỏi tôi đang giờ cái trò quái quỷ gì ra thế này.

Chiếc sedan vẫn bám theo chúng tôi ở các ngã rẽ.

Khốn kiếp.

“Mày mang người theo à, Holtzer? Tao nghĩ tao đã bảo mày đến một mình cơ mà.”

“Họ ở đây để đưa anh tới chỗ chúng tôi. Để bảo vệ anh.”

“Được, chúng có thể đi theo chúng ta tới đại sứ quán,” tôi nói, đột nhiên lo sợ và cố gắng nghĩ ra một cách thoát thân.

“Tôi sẽ không để một chiếc tắc xi chở cả hai chúng ta vào đại sứ quán cùng nhau đâu. Việc tôi gặp anh đã là vi phạm an ninh rồi. Họ sẽ đưa anh vào. Như thế an toàn hơn.”

Chúng đã đi theo hãn bằng cách nào vậy? Ngay cả khi hãn đeo một thiết bị truyền âm trong một cái lỗ nào đó trên cơ thể, chúng cũng không thể xác định chính xác vị trí của hãn khi chiếc xe đang di chuyển như thế này.

Rồi tôi chợt hiểu ra. Chúng đã chơi tôi một vô thật ngoạn mục. Chúng thừa biết tôi sẽ yêu cầu một cuộc gặp mặt ngay lập tức từ lúc “Lincoln” gọi điện. Dù không biết là ở đâu, nhưng chúng đã cho người chuẩn bị sẵn phương tiện và sẵn sàng di chuyển ngay khi chúng biết được điểm hẹn. Chúng có hai mươi phút để tới Shinjuku, và chúng có thể ở đủ gần để phản ứng với những gì chúng nghe thấy qua thiết bị nghe lén mà tôi không thấy chúng. Holtzer chắc hẳn đã nói cho chúng

biết tên của hãng tắc xi, mô tả chiếc xe, đọc biển số xe, và cập nhật về lộ trình của nó cho đến khi tôi chui vào xe. Tới lúc đó thì chúng đã vào vị trí sẵn sàng rồi. Thế mà suốt lúc đó tôi lại lấy làm tự hào vì tài phản ứng nhanh nhạy và kiểm soát được tình huống của mình, và lơ là cảnh giác sau khi vượt được cái thiết bị nghe lén.

Tôi hi vọng mình sẽ giữ được mạng sống để rút ra được kinh nghiệm từ bài học này. “Chúng là ai?” Tôi hỏi.

“Những người mà chúng ta có thể tin tưởng. Làm việc cho đại sứ quán.”

Đèn giao thông ở cầu vượt sông Kanda chuyển sang màu đỏ. Chiếc tắc xi bắt đầu chạy chậm lại.

Tôi ngoảnh sang phải, rồi sang trái, tìm một cách thoát thân.

Chiếc sedan bò lại gần hơn, đỗ lại cách chúng tôi chừng chiều dài một chiếc xe.

Holtzer nhìn tôi, cố gắng phán đoán xem tôi đang định làm gì. Trong một thoáng, mắt chúng tôi giao nhau. Rồi hắn thình lình lao vào tôi.

“Vì lợi ích của anh!” Hắn hét lên, cố gắng ôm ngang lưng tôi. Tôi thấy cửa sau của chiếc sedan mở ra, hai gã người Nhật lực lưỡng đeo kính râm bước ra từ hai bên.

Tôi cố gắng đẩy Holtzer ra, nhưng bàn tay hắn đã đan vào nhau sau lưng tôi. Tài xế ngoảnh lại và bắt đầu hét lên gì đó. Tôi thực sự không nghe rõ.

Hai gã người Nhật đã đóng cửa xe chúng và đang thận trọng lại gần chiếc tắc xi. *Chết tiệt.*

Tôi choàng cánh tay phải quanh cổ Holtzer, dúm đầu hắn áp sát vào ngực tôi, và luồn bàn tay trái vào giữa người tôi và cổ hắn, khớp ngón cái tìm kiếm động mạch cảnh của hắn. “*Aum da! Aum Shinrikyo da!**” Tôi hét lên với tài xế. “*Sarin!**” Aum là giáo phái đã thả khí độc vào tàu điện ngầm Tokyo năm 1995, và những kí ức về vụ tấn công bằng khí sarin đó có thể vẫn gây ra kinh hoàng.

Holtzer hét lên gì đó trên ngực tôi. Tôi chúí người về đằng trước, dùng lồng ngực và chân như một cái kìm bóp vỏ quả hồ đào. Tôi cảm thấy hãn lả dần đi.

*“Ez? Nan da tte?*_”* Tài xế hỏi, đôi mắt anh ta mở to.

Một trong hai gã người Nhật gõ lên cửa sổ bên phía hành khách. *“Aitsu! Aum da! Sarin da! Boku no tomodachi... ishiki ga nai! Ike! Kuruma o dase!*_”* Tạo cho giọng nói một vẻ khiếp sợ không phải là chuyện khó khăn với tôi.

Anh ta có thể nghĩ đây chỉ là chuyện nhảm nhí hoặc tôi đang bị điên, nhưng sarin không phải là thứ có thể coi thường. Anh ta gài số và bẻ lái thật mạnh sang bên phải, quay ngược 180 độ trên đường Meiji khiến lớp xe rít lên kin kít và cản trở luồng xe đang tiến tới. Tôi thấy mấy gã người Nhật vội vã quay lại xe chúng.

*“Isolde! Isolde! Byoin ni tanomu!*_”*

Ở giao lộ giữa đường Meiji và Waseda, tài xế phóng hết tốc lực qua cái đèn giao thông vừa chuyển sang màu đỏ, quặt trái về hướng Trung tâm Y tế Quốc gia. Trọng lực đẩy bật Holtzer ra khỏi người tôi. Luồng xe cộ trên đường Waseda khép lại đằng sau chúng tôi một giây sau đó, và tôi biết chiếc sedan sẽ bị kẹt lại trong một phút, có lẽ còn nhiều hơn thế.

Nhà ga Tozai Waseda đang ở ngay trước mặt. Đã đến lúc tẩu thoát. Tôi bảo tài xế tắt xe vào lề đường. Holtzer đang đổ gục vào cửa xe bên phía tài xế, bất tỉnh nhưng vẫn còn thở. Tôi muốn lao tới siết cổ hãn lần nữa - để loại bớt một kẻ địch. Nhưng không còn thời gian.

Tài xế phản đối, nói rằng chúng tôi phải đưa bạn tôi tới một bệnh viện, rằng chúng tôi cần gọi cảnh sát, nhưng tôi khẳng định bắt anh

ta dừng lại. Anh ta làm theo và tôi lấy ra nửa còn lại của tờ mười nghìn yên mà tôi nợ anh ta, rồi ném thêm cho anh ta một tờ nữa.

Tôi túm lấy gói đồ tôi đã mua cho Midori, nhảy ra khỏi tắc xi, và lao như bay trên những bậc thang dẫn xuống ga tàu điện ngầm. Nếu phải đợi tàu, tôi sẽ dùng một lối ra khác và đi bộ, nhưng tôi đến vừa kịp lúc - chiếc tàu tuyến Tozai vừa mới vào ga. Tôi lên tàu đi đến ga Nihonbashi, đổi sang tuyến Ginza, rồi đổi sang tuyến Yamanote ở Shinbashi. Tôi thực hiện một LPT thật cẩn thận trên đường đi, và lúc đi qua những cái cửa xoay ở ga Shibuya, tôi biết tôi đã tạm thời an toàn trong thời điểm này. Nhưng chúng đã xua tôi ra ngoài ánh sáng, và thời điểm này sẽ không kéo dài lâu.

16

MỘT TIẾNG SAU, tôi nhận được tin nhắn của Harry, và chúng tôi gặp nhau ở tiệm cà phê Doutor như lần hẹn trước. Cậu ta đang đợi sẵn ở đó khi tôi tới.

“Nói xem cậu đã có được gì rồi nào,” tôi nói.

“Chà, thật kì lạ.”

“Hãy giải thích sự ‘kì lạ’ đó xem.”

“Ờ, trước tiên là, cái đĩa này được cài một chương trình bảo vệ quản lí sao chép khá tân tiến.”

“Cậu có thể bẻ nó không?”

“Đó không phải là điều tôi đang nói đến. Quản lí sao chép khác với mã hóa. Cái đĩa này không thể được sao chép, không thể được gửi bằng phương tiện điện tử, không thể được đưa lên mạng.”

“Ý cậu là cậu chỉ có thể sao chép được một bản từ bản gốc?”

“Một bản hay nhiều bản, tôi không dám chắc, nhưng vấn đề là anh không thể sao chép từ những bản sao. Trong gia đình của chúng sẽ không có đĩa cháu nào cả.”

“Và không có cách nào để gửi nội dung của cái đĩa qua Internet, tải lên một Bulfinch, bất cứ điều gì tương tự như thế?”

“Không. Nếu anh cố gắng làm vậy, dữ liệu sẽ bị sửa đổi. Anh sẽ không thể đọc được nó.”

“Chà, điều đó giải thích cho một vài chuyện,” tôi nói.

“Chẳng hạn như?”

“Chẳng hạn như tại sao chúng lại dùng những cái đĩa. Tại sao chúng quá nôn nóng muốn lấy lại cái đĩa này. Chúng biết nó không

được sao chép hay tải lên mạng, vì vậy chúng biết mỗi nguy hại vẫn được giới hạn trong cái đĩa này mà thôi.”

“Đúng vậy.”

“Giờ thì nói tôi nghe xem. Tại sao kẻ nấp giữ dữ liệu được chép lên cái đĩa lại cho phép tạo ra một bản sao? Không tạo ra một bản sao nào thì có phải tốt hơn không? Chẳng phải như thế sẽ an toàn hơn ư?”

“Có lẽ sẽ an toàn hơn, nhưng cũng mạo hiểm hơn. Nếu có chuyện gì đó xảy ra với bản gốc, tất cả các dữ liệu của anh sẽ biến mất. Anh sẽ muốn một thứ dự phòng.”

Tôi cân nhắc. “Còn gì nữa không?”

“Chà, như anh biết đấy, nó đã được mã hóa.”

“Ừ.”

“Sự mã hóa này thật kì lạ.”

“Cậu cứ nói thế này giờ.”

“Anh đã từng nghe về thuật toán “thu gọn dàn” chưa?”

“Tôi nghĩ là chưa.”

“Đó là một loại mã. Người viết mật mã mã hóa một thông điệp theo một khuôn mẫu, khuôn mẫu này giống như những bông hoa trong một mẫu hoa văn đối xứng của giấy dán tường vậy. Nhưng hoa văn trên giấy dán tường là loại đơn giản - chỉ là một hình ảnh hai chiều. Một loại mã phức tạp hơn dùng một khuôn mẫu lặp lại chính nó ở nhiều tầng lớp chi tiết khác nhau, theo nhiều chiều toán học. Để bẻ mã, anh phải tìm được cách cơ bản nhất mà cái dàn này lặp lại chính nó - khuôn mẫu gốc, nếu nói theo một cách khác.”

“Tôi hình dung được rồi. Cậu có thể bẻ nó không?”

“Tôi không chắc. Tôi từng làm việc với thuật toán “thu gọn dàn” ở Fort Meade, nhưng cái này thật kì lạ.”

“Harry, nếu cậu nói thế một lần nữa...”

“Xin lỗi, xin lỗi. Nó kì lạ vì cái dàn này có vẻ là một mẫu nhạc, không phải một mẫu vật lí thông thường.”

“Giờ thì tôi không hiểu cậu đang nói gì.”

“Nó được phủ một lớp trông như những nốt nhạc - thật ra, ổ đĩa quang của tôi nhận nó như một cái đĩa nhạc, không phải đĩa dữ liệu. Khuôn mẫu này thật kì quái, nhưng rất đối xứng.”

“Cậu có thể bẻ nó không?”

“Tôi đã cố thử, nhưng đến giờ vẫn chưa gặp may. Thú thực với anh, John ạ, thứ này nằm ngoài chuyên môn của tôi.”

“Năm ngoài chuyên môn của cậu ư? Bao năm làm việc cho NSA như vậy, thì thứ gì có thể nằm ngoài chuyên môn của cậu được chứ?”

Cậu ta đỏ mặt. “Không phải chuyện mật mã. Mà là âm nhạc. Tôi cần một nhạc công để hướng dẫn tôi.”

“Một nhạc công,” tôi nói.

“Vâng, một nhạc công. Anh biết đấy, một người biết đọc nhạc, tốt nhất là một người biết viết nhạc.”

Tôi không nói gì.

“Tôi thực sự cần sự giúp đỡ của cô ấy trong chuyện này,” cậu ta nói.

“Để tôi suy nghĩ đã,” tôi bảo cậu ta, cảm thấy không thoải mái.

“Còn về mấy cái điện thoại? Có gì trong đó không?”

Cậu ta mỉm cười. “Tôi đang hi vọng anh sẽ hỏi. Anh đã bao giờ nghe tới Shinnento chưa?”

“Không chắc lắm,” tôi nói, cố gắng nhớ ra cái tên đó. “Thứ gì đó liên quan đến năm mới à?”

“*Shinnen*, với nghĩa là “niềm tin” hay “sức thuyết phục”, không phải là “năm mới”,” cậu ta nói, dùng ngón tay vẽ lên không trung chữ *kanji** của từ đó để phân biệt cặp từ đồng âm ấy, thứ vốn phổ biến trong ngôn ngữ này. “Đó là một đảng chính trị. Cuộc gọi cuối cùng mà tên *kendoka* thực hiện là tới tổng hành dinh của họ ở Shibakoen, và số điện thoại đó được cài đặt quay số nhanh vào bộ nhớ của cả hai cái điện thoại.” Cậu ta mỉm cười, rõ ràng thích thú trước điều cậu ta sắp

nói tiếp. “Và trong trường hợp điều đó vẫn là chưa đủ để chứng minh rằng họ có liên quan đến nhau, Đảng Niềm Tin còn đang thanh toán hóa đơn điện thoại cho gã *kendoka*”

“Harry, cậu lúc nào cũng làm cho người khác phải kinh ngạc. Kể nữa đi.”

“Vâng. Đảng Niềm Tin được thành lập năm 1978 bởi một người có tên là Yamaoto Toshi, hiện y vẫn đang đứng đầu đảng này. Yamaoto sinh năm 1949. Y là con trai duy nhất trong một gia đình lỗi lạc dòng dõi samurai. Cha y là một sĩ quan trong Quân đội Hoàng gia, chuyên về mảng thông tin liên lạc, sau chiến tranh ông ta đã thành lập một công ty chuyên sản xuất các thiết bị liên lạc di động. Ông ta khởi nghiệp kinh doanh bởi lợi dụng những mối quan hệ của gia đình với những tàn dư của *zaibatsu*, và rồi trở nên giàu có trong chiến tranh Triều Tiên, khi quân đội Mỹ mua các thiết bị của công ty ông ta.”

Zaibatsu là những tập đoàn công nghiệp trước chiến tranh, được điều hành bởi các gia tộc quyền thế nhất của Nhật Bản. Sau chiến tranh, MacArthur đã đốn hạ cái cây này, nhưng ông ta không thể đánh bật được gốc rễ của nó.

“Ban đầu Yamaoto theo học ngành nghệ thuật - hồi niên thiếu y đã dành vài năm ở châu Âu để học piano cổ điển, tôi nghĩ là do sự kiên quyết của mẹ y. Hình như y cũng có chút năng khiếu bẩm sinh. Nhưng cha y đã lôi y ra khỏi chuyện đó khi Yamaoto tròn hai mươi tuổi, và gửi y đến Mỹ để hoàn thành việc học như sự mở đầu cho việc kế tục nghiệp kinh doanh gia đình. Yamaoto có bằng thạc sĩ kinh doanh của trường Harvard, và đang điều hành các hoạt động ở Mỹ của công ty thì ông già y chết. Thế là Yamaoto trở về Nhật, bán công ty, rồi dùng số tiền đó để thành lập Đảng Niềm Tin và chạy đua vào quốc hội.”

“Học piano. Có liên quan gì đến cách mã hóa cái đĩa không?”

“Tôi không biết chắc. Có thể lắm.”

“Xin lỗi. Cậu kể tiếp đi.”

“Rõ ràng vị trí cũ của người cha trong Quân đội Hoàng gia và dòng dõi samurai lâu đời đã ảnh hưởng đến quan điểm chính trị của con trai. Đảng Niềm Tin là một cái bệ phóng cho những tư tưởng hữu khuynh của Yamaoto. Y trúng cử một ghế ở tỉnh Nagano vào năm 1985, nhưng nhanh chóng đánh mất vị trí đó trong cuộc bầu cử tiếp theo.”

“Cũng phải thôi, ở Nhật cậu không trúng cử nhờ những tư tưởng của cậu,” tôi nói. “Mua chuộc cử tri mới là điều quan trọng.”

“Đó chính là điều mà Yamaoto đã học được từ thất bại của mình. Sau khi trúng cử, y đã dành toàn bộ thời gian và vốn liếng chính trị để tranh cãi cho việc bãi bỏ điều 9 của hiến pháp để Nhật Bản có thể xây dựng quân đội cho riêng mình, đá đít Mỹ ra khỏi Nhật Bản, dạy đạo Shinto trong trường học - những quan điểm thông thường. Nhưng sau thất bại, y lại chạy đua một lần nữa - lần này tập trung vào những con đường và những cây cầu mà y sẽ xây dựng cho các cử tri, tiền trợ giá gạo và những loại thuế mà y sẽ đánh. Y đã lột xác thành một chính trị gia hoàn toàn khác. vấn đề chủ nghĩa dân tộc tạm thời bị gạt qua một bên. Y lấy lại vị trí của mình vào năm 1987, và giữ vững nó từ bấy tới giờ.”

“Nhưng Đảng Niềm Tin chẳng hề có tiếng tăm gì cả. Tôi thậm chí còn chưa bao giờ đọc được chuyện LDP liên minh với họ. Bên ngoài tỉnh Nagano, tôi nghi ngờ việc có ai đó từng nghe về họ.”

“Nhưng Yamaoto có một vài lợi thế. Một là, Đảng Niềm Tin có nguồn tài chính dồi dào. Nhờ số tài sản mà cha y để lại cho y. Hai là, y biết cách mua chuộc cử tri của mình. Nagano có một số quận nông nghiệp, và Yamaoto luôn duy trì tiền trợ giá gạo và là người phản đối mạnh mẽ bất cứ sự nới lỏng nào của chính sách từ chối nhập khẩu gạo của nước ngoài vào Nhật Bản. Và ba là, y nhận được nhiều sự ủng hộ trong cộng đồng Shinto*.”

“Shinto,” tôi nói, suy ngẫm. Shinto là một tôn giáo thờ phụng thiên nhiên, nó đã được những người theo chủ nghĩa dân tộc của Nhật Bản biến thành một hệ tư tưởng của người Nhật từ trước chiến tranh. Không như Thiên Chúa giáo và Phật giáo, Shinto chỉ thuộc về Nhật Bản và không được theo ở bất cứ nơi nào khác. Trong mỗi liên hệ này có điều gì đó khiến tôi băn khoăn, một điều đáng ra tôi phải biết rõ. Rồi tôi chợt nhận ra.

“Đó chính là cách chúng tìm ra chỗ tôi ở,” tôi nói. “Thảo nào mà tôi cứ thấy các thầy tu xin của bố thí bên ngoài các nhà ga dọc tuyến Mita. Chúng đã phủ lên tôi sự theo dõi tinh tảo, lần ra nơi ở của tôi từng bước một. Chết tiệt, sao tôi lại không để ý đến điều đó chứ? Hôm nọ tôi còn suýt cho một kẻ trong số chúng một trăm yên cơ đấy.”

Đôi mắt cậu ta đờm vẻ lo lắng. “Sao chúng biết cần tập trung vào tuyến Mita?”

“Có lẽ chúng cũng không biết chắc. Nhưng với một chút may mắn, một chút trùng hợp, một chút tài liệu mà Holtzer cung cấp cho chúng, thậm chí có lẽ cả những bức ảnh thời đi lính của tôi, chúng có thể làm được việc đó. Nếu chúng xác định được tôi thường tới tập luyện ở Kodokan, chúng sẽ cho rằng tôi sống không quá xa nơi đó. Và chỉ có ba tuyến tàu có các điểm dừng nằm gần tòa nhà ấy, vì vậy tất cả những gì chúng phải làm là rải đủ số quân ở đủ các địa điểm vào đủ mọi lúc. Khốn kiếp, chúng thực sự đã tóm được tôi.”

Tôi phải có lời khen dành cho chúng; chúng đã làm rất khéo. Theo dõi tinh tảo là một việc gần như không thể phát hiện. Không như theo dõi lưu động, anh không thể khiến cho kẻ đang theo dõi làm một việc gì đó bất thường để buộc hẳn lộ diện. Giống như việc phòng thủ theo khu vực trong bóng rổ vậy: cho dù cầu thủ cầm bóng chạy tới đâu, ở khu vực tiếp theo luôn có một người mới ngăn cản anh ta. Nếu anh có thể cắt đặt đủ số người vào các vị trí để làm được việc đó, nó sẽ mang lại hiệu quả không ngờ.

“Xuất phát điểm cho mối liên hệ với Shinto là gì vậy?” Tôi hỏi.

“Shinto là một tổ chức lớn, với các thầy tu trông nom các đền thờ ở cấp quốc gia, địa phương, thậm chí là khu vực. Kết quả là, các đền thờ thu về rất nhiều tiền quyên góp và có tài chính dồi dào - vì vậy họ có khả năng bảo trợ cho các chính trị gia mà họ ủng hộ. Và Yamaoto muốn Shinto có một vai trò lớn hơn nữa ở Nhật Bản, điều đó đồng nghĩa với việc tăng thêm quyền lực cho các thầy tu.”

“Vậy ra các đền thờ đóng góp một phần cho ngân quỹ của y?”

“Vâng, nhưng còn hơn thế kia. Shinto là một phần trong cương lĩnh của Đảng Niềm Tin. Đảng này muốn nó được giảng dạy trong trường học; nó muốn hình thành một liên minh ngăn ngừa tội ác giữa cảnh sát và các đền thờ địa phương. Anh đừng quên, Shinto nằm ở vị trí trung tâm của chủ nghĩa dân tộc Nhật Bản trước chiến tranh. Nó thuộc về một mình Nhật Bản, và có thể dễ dàng bị bẻ cong - đã bị bẻ cong - để khuyến khích văn hóa bài ngoại của *Yamato Gokoro*, linh hồn Nhật Bản. Và ngày nay nó đang nổi lên ở Nhật Bản, mặc dù không nhiều người nhận ra nó bên ngoài đất nước này.”

“Cậu nói tổng hành dinh của họ ở Shibakoen,” tôi nói.

“Đúng vậy.”

“Được rồi. Trong khi cậu đang bẻ mật mã đó, tôi sẽ cần một thiết bị theo dõi - hồng ngoại và laser. Và video. Cả một thiết bị truyền âm nữa, trong trường hợp tôi có thể vào trong. Tôi muốn nghe lén những người bạn của chúng ta ở Đảng Niềm Tin.”

“Tại sao?”

“Tôi cần thêm thông tin. Cái đĩa này là của ai? Những ai đang cố lấy lại nó? Tại sao? Không có thông tin đó, tôi không thể làm gì nhiều để bảo vệ chính mình hay Midori.”

“Anh cần tới khá gần tòa nhà để sử dụng thiết bị đó, đừng nghĩ đến chuyện gài một thiết bị truyền âm. Nguy hiểm lắm. Tại sao anh không chờ tôi bẻ xong mật mã? Có lẽ mọi thứ anh cần biết đã nằm sẵn trong đó.”

Tôi không có thời gian. Cậu có thể mất đến một tuần để bẻ mã, hoặc có khi cậu không thể làm được. Trong thời gian chờ đợi, tôi phải đương đầu với CIA, *yakuza*, và một đội quân các tu sĩ Shinto. Chúng biết tôi sống ở đâu, và tôi đã bị xua ra ngoài ánh sáng. Thời gian đang chạy đua với tôi - tôi phải kết thúc chuyện này sớm.”

“Vậy sao anh không biến khỏi đất nước này? ít nhất cho đến khi tôi xong việc với cái mật mã. Thứ gì giữ chân anh vậy?”

“Trước hết, tôi phải chăm sóc Midori, và cô ấy không thể rời đi. Tôi không thích cái ý nghĩ cô ấy ra nước ngoài bằng hộ chiếu thật, và tôi nghi ngờ việc cô ấy đã có sẵn giấy tờ giả.”

Cậu ta gật đầu như thể đã hiểu, rồi nhìn tôi thật kĩ. “Giữa hai người có chuyện gì đúng không?”

Tôi không trả lời.

“Tôi biết mà,” cậu ta nói, đỏ mặt.

“Đáng ra tôi nên biết là không thể giấu cậu điều gì.”

Cậu ta lắc đầu. “Đó là lí do anh không muốn để cô ấy giúp tôi?”

“Tâm can tôi dễ dàng bị nhìn thấu đến thế sao?”

“Không thường xuyên lắm.”

“Được, tôi sẽ đề nghị cô ấy,” tôi nói, không còn cách nào khác.

“Tôi cần sự giúp đỡ của cô ấy.”

“Tôi biết. Đừng lo. Thật ra tôi cũng không hi vọng cậu giải mã được một thứ phức tạp như cái đĩa này nếu không có trợ giúp.”

Trong nửa giây, miệng cậu ta bắt đầu há ra đầy phẫn nộ. Rồi cậu ta nhìn thấy nụ cười của tôi.

“Mắc lỡm rồi nhé,” tôi nói với cậu ta.

HARRY THUÊ cho tôi một chiếc xe tải nhỏ từ một địa điểm ở Roppongi, sử dụng giấy tờ giả chỉ để phòng xa, trong khi tôi đợi ở căn hộ của cậu ta để giảm thiểu việc lộ diện. Căn hộ của cậu ta là một chốn kì lạ, nhồi nhét hàng đồng thiết bị điện tử khó hiểu, nhưng không có món đồ nào làm cho cuộc sống của cậu ta tiện nghi hơn. Cậu ta kể với tôi từ vài năm trước rằng cậu ta đã đọc được ở đâu đó chuyện cảnh sát bắt được vài người trồng cần sa trong nhà chỉ bằng cách giám sát các hóa đơn tiền điện của họ - có vẻ như loại thiết bị trồng cây trong nước đó tốn nhiều điện năng hơn mức bình thường - và bây giờ Harry nghĩ chữ kí điện tử của cậu ta có thể dẫn cảnh sát đến chỗ cậu ta. Vì vậy cậu ta không dùng bất cứ thiết bị điện nào không hoàn toàn cần thiết: mà trong thế giới riêng của Harry, chúng bao gồm tủ lạnh, máy sưởi hay điều hòa nhiệt độ.

Khi cậu ta về, chúng tôi chất đồ nghề vào phía cuối xe. Đó là một thiết bị tinh vi. Laser đọc các rung động trên cửa sổ gây ra bởi cuộc trò chuyện bên trong, rồi truyền dữ liệu thu nhận được vào một chiếc máy tính, sau đó máy tính sẽ phân tích các khuôn mẫu đó thành lời nói. Và hồng ngoại có thể đọc được những nhiệt độ khác nhau dù chỉ một chút trên lớp kính - loại được gây ra bởi thân nhiệt của người trong một căn phòng mát mẻ.

Sau khi làm xong, tôi đi đỗ chiếc xe tải và quay trở lại Shibuya, dĩ nhiên là thực hiện một LPT chắc chắn trên đường đi.

Tôi tới khách sạn lúc hơn một giờ. Tôi đã mua mấy cái sandwich từ một quầy hàng mà tôi thấy trên một con phố vô danh tách ra từ Dogenzaka, rồi Midori và tôi ngồi trên sàn ăn chúng trong khi tôi kể

cho cô ấy nghe những chuyện đã xảy ra. Tôi đưa cô ấy gói đồ mà tôi đã mua, dặn rằng cô ấy nên đeo khăn và kính râm khi ra ngoài. Tôi cho cô ấy địa chỉ của Harry, bảo cô ấy chuẩn bị và tới đó gặp tôi trong hai tiếng nữa.

Khi tôi tới nhà Harry, cậu ta đang chạy cái đĩa của Kawamura. Nửa tiếng sau, chuông cửa reo; Harry bước tới hệ thống điện thoại gọi cửa, nhấn một nút, và nói, “*Hai.*”

“*Watashi desu**” là câu trả lời. Tôi gật đầu, đứng dậy để kiểm tra cửa sổ, và Harry nhấn nút để mở cổng chính. Rồi cậu ta bước ra cửa, mở nó, và nhòm ra ngoài. Anh nên nhìn xem người nào đang đến trước khi họ tới được chỗ anh, trong lúc anh vẫn có thời gian để phản ứng.

Một phút sau cậu ta mở rộng cửa và ra hiệu cho Midori bước vào.

Tôi nói với cô ấy bằng tiếng Nhật, “Đây là Harry, người bạn mà anh đã kể với em. Cậu ta hơi nhút nhát trước mặt người lạ bởi vì cậu ta suốt ngày kè kè bên những chiếc máy tính. Hãy tỏ ra thân thiện với cậu ta và một lát sau cậu ta sẽ cởi mở với em.”

“*Hajimemashite**?” Midori nói, quay sang Harry và cúi đầu chào.

“Rất vui được gặp chị,” Harry đáp bằng tiếng Nhật. Cậu ta đang hấp háy mắt liên tục, và tôi có thể nhận ra cậu ta đang căng thẳng. “Làm ơn đừng nghe lời bạn tôi. Chính phủ đã thí nghiệm các loại thuốc trên người anh ấy trong chiến tranh, vì vậy anh ấy đã mắc chứng lão suy sớm.”

Harry? Tôi nghĩ, ngạc nhiên trước sự nhanh nhẩu bất chợt của cậu ta.

Midori làm bộ ngây thơ và nói, “Tình trạng đó là do thuốc gây ra à?”

Cô ấy đang hùa theo lời bông đùa của cậu ta, tôi vui mừng khi nhận thấy điều đó. Harry nhìn tôi với nụ cười rạng rỡ, có lẽ vì cảm

thấy rằng cuối cùng cậu ta cũng đã thắng được tôi, và có lẽ còn tìm thấy thêm một đồng minh.

“Được rồi, tôi có thể thấy hai người sẽ hợp nhau lắm đây,” tôi nói, ngắt lời họ trước khi Harry dùng sự can đảm mới có được của cậu ta để đẩy câu chuyện tới thứ có Chúa mới biết là cái gì. “Chúng ta không có nhiều thời gian. Kế hoạch là thế này.” Tôi giải thích với Midori những gì tôi đang định làm.

“Em không thích như vậy,” cô ấy cất tiếng, khi tôi đã nói xong. “Chúng có thể thấy anh. Nguy hiểm lắm.”

“Sẽ không ai thấy anh đâu.”

“Anh nên cho Harry và em chút thời gian với cái mật mã bằng âm nhạc này.”

“Anh đã nói chuyện này với Harry rồi. Hai người cứ làm việc của mình; anh sẽ làm việc của anh. Như vậy sẽ hiệu quả hơn. Anh sẽ ổn thôi.”

...

TÔI LÁI XE đến tổng hành dinh của Đảng Niềm Tin ở Shibakoen, nằm ở phía nam của khu chính phủ ở Kasumigaseki. Đảng Niềm Tin chiếm một phần tầng hai của một tòa nhà trên đường Hibiya, đòi diện công viên Shiba. Tôi sẽ dùng laser để xác định địa điểm của những cuộc trò chuyện trong các văn phòng của họ, và rồi, căn cứ vào phân tích của Harry về những gì chúng tôi thu được, tôi có thể đoán được căn phòng hay những căn phòng nào sẽ là địa điểm tốt nhất để cài một thiết bị truyền âm. Nó cũng sẽ cho tôi biết khi nào các văn phòng không còn ai, có lẽ là sau khi trời tối, và đó sẽ là lúc tôi lên vào để đặt thiết bị nghe lén. Máy quay video có thể giúp chúng tôi nhận ra bất cứ người nào khác có liên quan đến CIA và Đảng Niềm Tin, và cho chúng tôi chút manh mối về bản chất của mối liên hệ giữa hai bên.

Tôi đỗ xe phía bên kia tòa nhà. Địa điểm này nằm trong khu vực cấm đỗ xe, nhưng nó có vị trí quá tốt đến mức tôi sẵn sàng chấp nhận

ngụy cơ nhận một tấm vé phạt từ một nữ nhân viên chán chường làm công tác đưa giấy phạt đỗ xe sai quy định.

Vừa mới sắp xếp xong thiết bị và chĩa nó về phía các cửa sổ thích hợp thì tôi nghe thấy một tiếng gõ trên cửa sổ phía hành khách của chiếc xe. Tôi ngẩng lên và thấy một viên cảnh sát mặc sắc phục. Y đang gõ lên cửa kính bằng cây gậy tuần tiểu ban đêm.

Ôi, *chết tiệt*. Tôi làm một cử chỉ hòa giải, như thể tôi sẽ lái xe đi ngay, nhưng y lắc đầu và nói, “*Dete yo**”

Thiết bị đang chĩa ra qua cửa sổ sau bên phía tài xế, và từ chỗ viên cảnh sát thì không thể trông thấy nó được. Tôi sẽ phải mạo hiểm. Tôi trườn sang phía hành khách và mở cửa, rồi bước xuống vỉa hè.

Có ba gã đàn ông đang đợi bên phía bị che khuất của xe tải, tôi không thể thấy chúng cho đến khi đã ra ngoài. Chúng đều lăm lăm trong tay những khẩu Beretta 92 giống nhau, đeo kính râm và mặc áo khoác to sụ - lớp ngụy trang nhẹ nhàng để thay đổi hình dạng khuôn mặt và vóc dáng. Tôi hiểu như thế có nghĩa là chúng sẽ bắn tôi nếu tôi chống cự, vì nếu có nhân chứng nào đó trông thấy cảnh này thì họ cũng không thể nhận dạng được chúng. Chúng đều có những cái tai của một *kendoka* điển hình. Tôi nhận ra gã đứng gần tôi nhất chính là kẻ đã có mặt bên ngoài căn hộ của Midori - gã có cái mũi tẹt gí đã vào trong tòa nhà sau khi tôi phục kích thành công mấy kẻ suýt bắt cóc cô ấy. Một tên trong bọn cảm ơn viên cảnh sát, y quay lưng và bước đi.

Chúng ra hiệu cho tôi băng qua đường, và tôi chẳng thể làm gì ngoài việc tuân lệnh. Chí ít tôi sẽ được vào trong tòa nhà. Tôi có một cái tai nghe trong túi, cũng như một cái thiết bị truyền âm có mặt sau phủ một lớp keo dính của Harry. Nếu có cơ hội, tôi sẽ lén gài thiết bị truyền âm vào một vị trí thích hợp.

Chúng đưa tôi vào qua cửa chính, tay vẫn nhét trong túi áo choàng. Chúng tôi leo cầu thang lên tầng hai, ba người bọn chúng bao vây chặt tôi trên đường đi lên, không chừa lại một khoảng trống nào

để tôi có thể làm gì. Khi chúng tôi lên đến chiếu nghỉ trên đỉnh cầu thang, Gã Mũi Tẹt xô tôi vào tường, gi súng vào cổ tôi. Một tên đồng bọn của hắn vỗ vỗ người tôi. Hắn đang lục soát vũ khí và không để ý cái thiết bị truyền âm nhỏ xíu trong túi tôi.

Khi hắn đã xong việc, Gã Mũi Tẹt lùi lại một bước và bất ngờ lên gối vào hạ bộ tôi. Tôi gập người xuống và hắn đá vào bụng tôi, rồi đá thêm hai cú nữa vào mạng sườn. Tôi ngã quy xuống, hít liền mấy hơi, cơn đau nhói lên khắp lồng ngực. Tôi đang cố giơ tay lên để ngăn một cú đánh khác thì một tên trong bọn bước vào chặn giữa Gã Mũi Tẹt và tôi, rồi nói “*Iya, sono kurai ni shite oke**.” Tôi thầm nghĩ không biết có phải chúng đang giở trò vừa đấm vừa xoa với tôi hay không.

Chúng tôi giữ nguyên tư thế trong một vài phút, đồng bọn của Gã Mũi Tẹt ngăn cản hắn trong khi tôi cố gắng hít thở. Khi tôi có thể đứng dậy, chúng dẫn tôi đi dọc một hành lang ngăn với hai bên là những cánh cửa đóng im ỉm. Chúng tôi dừng lại bên ngoài cánh cửa cuối cùng bên phải. Gã Mũi Tẹt gõ cửa, và một giọng nói trả lời, “*Dozo**.”

Chúng đưa tôi vào một căn phòng rộng rãi theo tiêu chuẩn của người Nhật, được bài trí theo phong cách tối giản truyền thống. Trong phòng có nhiều đồ gỗ sáng màu, trên giá bày đầy những loại đồ gốm trông có vẻ đắt tiền. Các bức tường được trang trí bằng *hanga*, tranh khắc gỗ. Có lẽ là những bức nguyên bản. Trong góc phòng có một cái đi văng nhỏ bọc da và những cái ghế bành, được xếp quanh một cái bàn kính thấp sạch không tì vết. Diện mạo tổng thể của căn phòng là sạch sẽ và sang trọng, tôi đoán đó chính là ấn tượng mà những người này muốn tạo ra. Có lẽ họ giấu Gã Mũi Tẹt và đồng bọn mỗi khi có khách.

Có một cái bàn làm việc bằng gỗ ở phía bên kia căn phòng. Mất một giây tôi mới nhận ra kẻ đang ngồi sau nó. Lần trước khi tôi gặp

hắn, hắn không mặc com lê.

Đó chính là gã *judoka* mà tôi gặp ở Kodokan. Kẻ đã giao đấu với tôi trong một *randori*.

“Chào anh, John Rain,” hắn nói, với một nụ cười mỉm. “*Hisashiburi desu ne**.”

Tôi đáp lại cái nhìn của hắn. “Chào anh, Yamaoto.”

Hắn đứng dậy và đi vòng ra trước mặt bàn với những động tác uyển chuyển, mạnh mẽ mà tôi đã thấy lần đầu ở Kodokan. “Cảm ơn anh vì hôm nay đã đến,” hắn nói. “Tôi đang đợi anh.”

Điều đó đã quá rõ ràng. “Tôi xin lỗi vì đã không gọi điện trước,” tôi nói với hắn.

“Không, không, không sao. Tôi sẽ không bao giờ mong đợi điều đó. Nhưng tôi đã tiên liệu trước rằng anh sẽ tìm một cách để chủ động tới gặp tôi - suy cho cùng, khi là một *judoka* anh thoải mái hơn khi ở thể tấn công, chỉ sử dụng sự phòng thủ làm đòn nhử.”

Hắn gật đầu với người của hắn, bảo chúng đợi bên ngoài bằng tiếng Nhật. Tôi nhìn chúng lặng lẽ nối đuôi nhau ra ngoài, Gã Mũi Tẹt trờ trờ nhìn thẳng vào mắt tôi khi hắn khép lại cánh cửa.

“Tôi đã làm gì xúc phạm gã xấu xí đó sao?” Tôi hỏi, xoa xoa cạnh sườn. “Tôi có cảm giác hắn không ưa tôi.”

“Hắn ra tay với anh à? Tôi đã dặn hắn không được làm thế, nhưng hắn chẳng mấy khi kiềm chế được cái tính nóng nảy. Ishikawa, người mà anh đã giết bên ngoài căn hộ của anh, là bạn của hắn.”

“Rất tiếc khi nghe được điều đó.”

Hắn lắc đầu như thể đó hoàn toàn chỉ là một sự hiểu lầm. “*Dozo, suwatte kudasai**,”? hắn nói. “Anh ngồi đi. Anh muốn uống gì không?”

“Không, cảm ơn. Tôi không khát. Và tôi thấy thoải mái hơn nhiều khi đứng như thế này.”

Hắn gật đầu. “Tôi biết anh đang nghĩ gì, anh Rain ạ. Đừng quên là tôi đã thấy anh nhanh nhẹn thế nào. Đó là lí do có tới ba người đàn ông được trang bị vũ khí đang túc trực bên ngoài cửa - phòng khi anh xoay sở qua mặt được tôi.” Hắn mỉm cười, nụ cười tự tin tột bậc, và khi nhớ lại mọi chuyện ở Kodokan, tôi biết sự tự tin của hắn là hợp lí. “Đó sẽ là một cuộc giao đấu thú vị, nhưng bây giờ không phải lúc. Nào, sao anh không ngồi xuống cho thoải mái nhỉ, và chúng ta có thể nghĩ ra một cách để giải quyết vấn đề chung của chúng ta.”

“Vấn đề chung?”

“Phải, đây là một vấn đề chung. Anh có thứ tôi muốn, hoặc biết nó ở đâu. Một khi tôi có nó, anh sẽ không còn là một chướng ngại nữa, và chúng ta có thể sống “đĩ hòa vi quý”. Nhưng nếu tôi không có nó, tình hình sẽ trở nên khó khăn hơn nhiều.”

Tôi im lặng, đợi xem hắn có nói gì thêm không. Sau một thoáng, hắn nói, “Tôi thực sự muốn nói chuyện với anh. *Dozo kakete kudasai**.”

Tôi gật đầu và bước tới một cái ghế đối diện với chiếc đi văng, vừa đi vừa cho tay vào túi quần, giả bộ cam chịu. Tôi bật thiết bị truyền âm. Dù chuyện này có kết cuộc thế nào, chí ít Harry cũng nghe được mọi thứ. Tôi ngồi xuống và đợi.

“Cảm ơn,” hắn nói, ngồi đối diện với tôi trên chiếc đi văng. “Giờ thì cho tôi biết, làm thế nào anh tìm ra tôi?”

Tôi nhún vai. “Người của anh, Ishikawa, đã đột nhập vào căn hộ của tôi và cố gắng giết tôi. Tôi đã lấy được điện thoại di động của hắn và nhờ nó mà tôi biết được là hắn đã liên lạc với anh. Phần còn lại chỉ là chủ động tới đây, như anh nói đấy - cách phòng thủ tốt nhất chính là ra một đòn tấn công tốt.

“Ishikawa không đến căn hộ của anh để giết anh. Hắn tới đó để hỏi anh.”

“Nếu cái việc hãn làm với tôi là cách ‘hỏi’ của hãn,” tôi nói, “thì đáng lẽ anh nên gửi hãn đến gặp Dale Carnegie*.”

“Dù sao đi nữa. Mục tiêu của chúng tôi không phải là anh - mà là cái đĩa.”

“Cái đĩa?”

“Làm ơn đừng xúc phạm sự hiểu biết của tôi. Anh đang bảo vệ Kawamura Midori.”

Điều đó khiến tôi ngạc nhiên. Nhưng rồi tôi nhận ra - những kẻ đờ cô ấy ở căn hộ của cô ấy. Chúng hãn là người của Yamaoto. Chúng đã tập trung vào cô ấy, vì nghĩ rằng nếu cô ấy giữ đồ đạc của cha cô ấy, thì cô ấy có thể có cái đĩa, và rồi tôi can dự vào việc này. Chỉ sau khi tôi phục kích chúng và Midori lặn mất tăm, chúng mới bắt đầu nhắm vào tôi.

“Cô ấy có liên quan gì đến chuyện này?”

“Tôi biết bố cô ta đang mang theo cái đĩa khi ông ta chết. Do đó có khả năng bây giờ cô ta đang giữ nó. Và cô ta đang lẩn trốn.”

“Dĩ nhiên cô ấy phải lẩn trốn. Cô ấy cũng nhận được một bữa tiệc chào đón ở căn hộ của cô ấy giống như tôi vậy. Cô ấy biết bản thân đang gặp nguy hiểm nhưng không hiểu tại sao.”

“Thường thường thì một người rơi vào tình cảnh như cô ta sẽ đến trình báo cảnh sát. Nhưng cô ta đã không làm vậy.”

“Tôi không nghĩ vậy. Chính tôi cũng không tin cảnh sát.”

“Cô ta đâu?”

“Tôi không biết. Cô ấy đã bỏ đi sau cuộc phục kích ở căn hộ của cô ấy. Cô ấy tưởng tôi là đồng bọn với người của anh.”

“Thật không? Cô ta vẫn chưa xuất hiện trở lại.”

“Có lẽ cô ấy đang ở với bạn bè - ở vùng quê hay nơi nào đó đại loại thế. Tôi thấy cô ấy có vẻ khá sợ hãi.”

“Tôi hiểu,” hắn nói, hai bàn tay chụm lại theo hình cái tháp. “Anh Rain này, anh phải hiểu rằng cái đĩa có chứa những thông tin sẽ gây bất lợi cho Nhật Bản, và có ích cho những kẻ thù của cô ta, nếu chúng bị tiết lộ. Những kẻ thù này cũng đang tìm kiếm cái đĩa.”

Tôi nghĩ tới Holtzer, và cái mong muốn biến chính phủ Nhật Bản thành một “tên nô lệ tình dục”, cái cách nói mà chỉ mình Holtzer mới có thể nghĩ ra.

Có một điều tôi không hiểu. “Tại sao anh lại tiếp xúc với tôi ở Kodokan?” Tôi hỏi.

“Sự tò mò,” hắn nói, dáng điệu trầm mặc. “Tôi muôn biết điều gì sẽ dồn ép được một người đàn ông với lai lịch như anh. Nếu lúc đó tôi biết anh sẽ sớm liên quan đến vấn đề này, dĩ nhiên tôi sẽ tránh tiếp xúc.”

“Anh nói ‘lai lịch’ là ý gì?”

“Một người đàn ông của hai đất nước và hai nền văn hóa đối lập.”

“Tôi nghĩ có một điều mà tôi không hiểu. Ngoài việc tôi tình cờ xuất hiện cùng lúc với người của anh ở căn hộ của Midori, tôi không biết là chúng ta quen nhau.”

“À, dĩ nhiên. Anh sẽ không biết, nhưng thi thoảng tôi có thuê những dịch vụ của anh.”

Vậy là qua Benny. Chúa ơi, gã khốn nạn ti tiện đó thật là “lang chạ”. Có lẽ hắn đã bán lại những dịch vụ của tôi với một cái giá cao hơn. *Nhưng từ giờ thì thôi nhé.*

“Vậy anh thấy đấy, cho đến gần đây, những lợi ích của anh và của tôi vẫn luôn hòa hợp với nhau. Nếu chúng ta có thể giải quyết vấn đề này, chúng ta có thể quay lại *tình trạng trước đây?*”

Hắn muốn cái đĩa đó khủng khiếp. Tôi hi vọng những thuật toán của Harry sẽ mau chóng có kết quả.

“Như tôi đã nói, vấn đề là tôi không biết cái đĩa ở đâu, hoặc thậm chí cũng chẳng biết nó là cái gì,” tôi nói với hắn. “Nếu có nó, tôi sẽ đưa nó cho anh. Nhưng tôi không giữ nó.”

Hắn cau mày. “Tôi rất tiếc khi nghe được điều đó. Và con gái của Kawamura, cô ta cũng không biết, đúng không?”

“Làm sao tôi biết được?”

Hắn gật đầu vẻ nghiêm nghị. “Đó chính là vấn đề. Anh biết đấy, trước khi tôi có được thứ tôi đang tìm kiếm, con gái của Kawamura sẽ là một cái gai cần nhổ bỏ. Cô ta sẽ an toàn hơn nhiều nếu vật đó được trả lại cho tôi.”

Vào lúc đó, tôi thực sự tin rằng lời hắn nói là thật. Nếu hắn lấy lại được cái đĩa, Midori sẽ không còn là một cái gai trong mắt chúng nữa.

Nhưng còn có những kẻ khác cũng đang săn lùng nó, và chúng sẽ không có cách nào biết được rằng Midori không còn giữ nó. Với lại, việc đưa cái đĩa đến cho hắn là điều bất khả thi. Yamaoto sẽ không bao giờ để tôi rời đi chỉ với một lời hứa sẽ mang cái đĩa quay lại, còn tôi sẽ không đời nào chỉ chỗ tìm Midori và Harry cho hắn. Hơn nữa, không có gì đảm bảo rằng hắn sẽ không tiếp tục diệt trừ hậu họa kể cả sau khi cái đĩa đã được trả lại.

“Dù sao đi nữa, tôi không nghĩ cô ấy có thứ anh đang tìm kiếm,” tôi nói. “Hơn nữa, tại sao Kawamura lại đưa cho cô ấy một thứ gì đó chứ? Ông ta biết nó sẽ đẩy cô ấy vào tình thế nguy hiểm, phải không?”

“Ông ta có thể vô tình đưa nó cho con gái. Hơn nữa, như tôi đã nói, việc cô ta không đến trình báo cảnh sát đã nói lên tất cả.”

Tôi không nói gì, đợi hắn tiếp tục.

“Giờn chơi thế đủ rồi,” cuối cùng hắn nói. Hắn đứng dậy và bước tới một cái giá treo áo khoác, lấy một chiếc áo vét khỏi móc treo. “Tôi có một cuộc hẹn ở chỗ khác và không có thời gian để cố gắng thuyết phục anh nữa. Hãy nói cho tôi biết tôi có thể tìm được cái đĩa, hoặc Kawamura Midori, ở đâu.”

“Tôi đã nói với anh là tôi không biết.”

“Thật không may, chỉ có một cách duy nhất để xác định điều đó. Tôi nghĩ anh biết nó là gì.”

Không ai trong chúng tôi nói gì thêm trong đúng một phút. Tôi nghe tiếng hắt thở hắt ra, như thể đã nín thở này giờ. “Anh Rain, anh đang ở trong một tình thế khó khăn, và tôi thông cảm với anh. Nhưng anh phải hiểu rằng tôi phải có được thứ tôi muốn. Nếu anh nói với tôi ngay bây giờ, như một người bạn, thì tôi có thể tin tưởng anh. Anh sẽ được tự do rời đi. Nhưng nếu người của tôi moi được thông tin từ anh bằng những phương cách khác, có lẽ tôi không thể thả anh đi. Thực ra, có thể lúc đó anh không còn đủ sức để rời khỏi đây được. Anh hiểu chứ? Nếu tôi không có cái đĩa, tôi buộc phải làm điều tiếp theo mà tôi cho là tốt nhất: loại bỏ một cách có hệ thống mọi nguy cơ liên quan đến nó. Vậy thì anh thấy đấy, sẽ tốt hơn nhiều nếu anh nói cho tôi ngay bây giờ.”

Tôi khoanh tay trước ngực và nhìn hắt chăm chú. vể mặt tôi bình thản, nhưng trong đầu tôi đang hiện lên hình ảnh sơ đồ hành lang, cầu thang, cố gắng tìm một đường thoát thân.

Hắn là hắn đang hi vọng tôi sẽ mở miệng - hắn đợi một lúc lâu. Cuối cùng hắn gọi người của hắn vào. Cửa mở ra, và tôi bị bao vây và lôi dậy. Hắn quát tháo ra lệnh cho chúng bằng tiếng Nhật. Tìm hiểu xem cái đĩa ở đâu. Và Midori. Bằng bất cứ giá nào.

Chúng lôi tôi ra khỏi phòng. Đằng sau tôi, Yamaoto đang nói, “Tôi rất thất vọng.” Tôi gần như không nghe thấy lời hắn. Tôi đang quá mải miết với việc tìm ra một cách thoát thân.

18

CHÚNG DẪN TÔI quay trở ra hành lang. Tôi để ý lối ra vào khi chúng tôi băng ngang qua cánh cửa đôi bằng kính, qua khe hở nhỏ giữa chúng tôi có thể thấy rõ ràng nó đã được khóa lại. Lúc đi vào tôi nhớ là cửa mở ra phía ngoài. Nếu tôi đá vào chính giữa chúng, khi đang đà chạy, cái khóa có thể bị bung ra. Nếu nó không suy suyển, và tôi có thời gian để lùi lại và thử lại lần nữa, tôi có thể cố gắng lao mình qua lớp kính, hi vọng sẽ không bị thương quá nặng. Đó quả là một hạ sách, nhưng còn hơn là bị Gã Mũi Tẹt và mấy tên đồng bọn điểu trai tra tấn đến chết.

Chúng xô tôi đi khá thô bạo trước mặt chúng dọc theo hành lang, và tôi cố gắng tỏ ra sợ hãi và bất lực để chúng thêm phần tự tin. Tôi muốn chúng cảm thấy chúng đang khống chế được tôi, tin rằng tôi bị khiếp vía bởi vóc dáng và số lượng của chúng. Như vậy tôi có thể có chút cơ hội làm chúng bị bất ngờ. Ngoài ra, tôi chỉ có một lợi thế, như SOG luôn có so với miền Bắc Việt Nam, ngay cả khi chúng tôi đang hoạt động trong lãnh địa của họ: Dù chuyện gì sắp xảy ra, động lực để trốn thoát của tôi luôn cao hơn động lực giữ tôi lại.

Chúng dẫn tôi tới một căn phòng nằm ở tận cùng của hành lang. Nó nhỏ xíu, chỉ khoảng ba mét vuông. Cánh cửa chính nằm ở cuối phòng, mở vào phía trong, về bên trái, chính giữa cửa có một ô kính mờ. Bên phải là một cái bàn nhỏ hình chữ nhật với hai cái ghế hai bên. Chúng ấn tôi vào một cái ghế, lưng quay về phía cửa. Tôi đặt tay lên đầu gối, dưới gầm bàn.

Gã Mũi Tẹt biến mất trong vài phút. Khi quay lại, hắn mang theo một cái dùi cui lớn bằng gỗ. Hắn ngồi xuống bên kia bàn, đối diện tôi.

Tôi nghe thấy hai gã còn lại chiếm hai vị trí đằng sau tôi, mỗi gã một bên.

Giữa lưng của Gã Mũi Tẹt và bức tường có khoảng trống khoảng một mét. Tốt lắm.

Chúng không khóa cửa. Tại sao chúng phải bận tâm tới chuyện đó chứ? Chúng có ba người, và là những thằng khốn đờ con. Đây là địa bàn của chúng. Chúng biết chúng đang kiểm soát được tình hình.

Tôi nâng cái bàn lên một chút bằng đầu gối, thử trọng lượng của nó. Dẫu có kích cỡ nhỏ bé nhưng nó khá nặng. Tim tôi đang đập thình thịch trong tai tôi, cổ tôi.

Gã Mũi Tẹt bắt đầu nói gì đó. Tôi không nghe xem hắn nói gì. Ngay khi những lời nói được thốt ra, tôi đã đứng bật dậy, hất cái bàn về phía hắn. Lực của nó xô hắn ngã vào tường. Tôi cảm thấy cánh tay tôi tê rần.

Hai gã còn lại nhảy bổ tới. Tôi vung chân đá gã bên phải. Cú đá trúng thẳng vào bụng hắn, mạnh đến nỗi chân hắn vẫn còn theo đà khua về phía trước. Hắn ngã ngửa và rồi tên còn lại chồm tới tôi.

Hắn vồ lấy tôi từ đằng sau và cố thử đòn *hadaka jime*, một kỹ thuật siết cổ, nhưng tôi rụt cổ lại và căng tay hắn khép ngang miệng tôi. Tuy nhiên, cú siết của hắn mạnh đến nỗi có cảm giác như hàm tôi sắp long ra. Tôi mở miệng và căng tay hắn chèn vào giữa hai hàm răng tôi. Trước khi hắn có thể giật ra, tôi cắn thật mạnh. Tôi cảm thấy răng tôi cắm ngập vào cơ bắp hắn và nghe hắn rú lên đau đớn.

Cú siết của hắn bị nới lỏng và tôi xoay người bên trong nó, tung những cú đấm móc vào bụng hắn. Hắn buông tay ra để bảo vệ cơ thể và tôi dùng cườm tay đập ngược thật mạnh lên từ dưới mũi hắn. Hắn không ngã, nhưng bị choáng váng. Tôi gạt hắn sang bên phải và quáng quàng lao ra cửa.

Gã bị tôi đá lúc nãy tóm lấy chân tôi từ dưới sàn nhà nhưng tôi giẫy ra được. Tôi chộp lấy năm đấm cửa và xoay nó, giật mở cánh cửa. Nó va mạnh vào tường, lớp kính mờ vỡ tan.

Tôi nhào ra ngoài hành lang, luống cuống chạy và suýt vấp ngã như một gã đàn ông đang lao xuống một ngọn đồi dốc với tốc độ không kiểm soát được. Chỉ mất một giây tôi đã tới cửa chính. Lấy hết sức bình sinh, tôi đạp chúng thật mạnh, và chúng bật mở. Tôi nhào ra ngoài hành lang, guồng chân chạy, và đâm bổ tới cầu thang. Khi ra đến cửa ngoài, tôi giật mạnh nó ra và lao xuống cầu thang bốn bậc một, vừa chạy vừa bám vào tay vịn để giữ thăng bằng. Ngay khi vừa xuống khỏi cầu thang, tôi nghe tiếng cửa mở đánh rầm. Chúng đang đuổi theo tôi - không phải sự khởi đầu thuận lợi mà tôi đã hi vọng.

Tôi phải ra khỏi đó trước khi quân tiếp viện đổ xô tới. Ga tàu điện ngầm Shibakoen nằm ở bên kia đường Hibiya. Tôi lao qua đường, cố gắng luồn lách giữa luồng xe cộ, tiếng lốp xe rít lên ken két khi tôi nhảy đến trước mặt những chiếc ô tô.

Từng đám đông khách bộ hành dày đặc đang túa ra ở đỉnh các bậc thang dẫn xuống nhà ga - hẳn là một con tàu vừa vào bến. Tôi liếc lại đằng sau khi đến lối vào và thấy hai tên tay chân của Yamaoto đang chạy hết tốc lực sau tôi.

Tôi có thể nghe tiếng chuông của một con tàu khác đang vào ga. Có lẽ tôi có thể lên kịp nó. Tôi không nghi ngờ gì chuyện chúng sẽ bắt tôi ngay bây giờ nếu chúng có thể. Trong đám đông hỗn độn này, sẽ không ai biết những cú bắn xuất phát từ đâu. Tôi điên cuồng len lỏi qua mọi người, luồn lách qua ba bà già chậm chạp đang chặn cầu thang, và rẽ trái ở chân cầu thang. Có một quầy hàng giảm giá trước mặt mấy quầy bán vé và khi lắt léo chạy qua nó, tôi tóm lấy một lon cà phê cỡ bằng lòng bàn tay. Một trăm chín mươi gram. Những cái mép kim loại sắc lẹm.

Tôi xô người qua những cái cửa xoay và vào sân ga. Đã quá muộn - những cánh cửa đã đóng lại, và con tàu đang bắt đầu chuyển bánh.

Sân ga đông nghịt, nhưng có một lối đi quang đãng dọc theo thân tàu. Tôi luồn lách tới đó, liếc ra sau và thấy một tên tay sai của

Yamaoto băng qua cửa xoay và lao qua đám đông vào khoảng trống bên cạnh con tàu.

Tôi ngoảnh lại và áng chừng khoảng cách. Cỡ năm mét, đang rút ngắn lại với tốc độ chóng mặt.

Tôi ném cái lon như thể đang thực hiện một cú ném bóng nhanh, nhắm vào chính giữa thân trên của hắn. Nó bay hơi cao và trúng vào xương ức của hắn với một tiếng “uych” mà tôi có thể nghe thấy ngay cả qua âm thanh huyên náo của đám đông. Hắn ngã rầm xuống đất. Nhưng đồng bọn của hắn đang ở ngay sau hắn, tay lăm lăm khẩu súng.

Tôi quay ngoắt lại. Con tàu đang tăng tốc.

Tôi cúi đầu xuống và chạy hết tốc lực theo sau nó, hơi thở dồn dập. Tôi nghe thấy một tiếng súng nổ. Rồi một tiếng súng nữa.

Hai mét. Một.

Tôi đã tới đủ gần để vươn tay ra và chạm vào thanh kim loại thẳng đứng ở góc đuôi tàu, nhưng tôi không thể lại gần hơn nữa. Trong một thoáng, tốc độ của tôi hoàn toàn ngang bằng với tốc độ của con tàu. Rồi nó bắt đầu thoát đi.

Tôi cất lên một tiếng hét hoang dại và nhảy xổ về phía trước, những ngón tay vươn ra tóm lấy thanh kim loại. Trong một giây tôi tự nghĩ mình sẽ tụt trượt và cảm thấy mình đang rơi xuống - rồi bàn tay tôi tóm chặt thanh kim loại lạnh lẽo.

Cơ thể tôi đổ về đằng trước và đầu gối va vào đuôi tàu. Bàn chân tôi đu đưa bên trên đường ray. Những ngón tay chực tuột khỏi thanh kim loại. Tôi ngước lên, nhìn thấy một cậu nhóc mặc đồng phục học sinh đang nhìn tôi chăm chăm qua cửa sổ hậu, miệng há hốc. rồi con tàu chui vào đường hầm và tôi tuột tay.

Tôi vịn người theo bản năng, đưa cánh tay trái xuống dưới cơ thể để tôi có thể lặn người theo lực tác động. Tuy nhiên, vì va xuống đường ray quá mạnh nên tôi thực sự nảy lên thay vì lặn tròn. Toàn thân bên trái tê dại như bị điện giật, kể đó là một cảm giác như thể

đang bay. Một giây lát sau tôi cảm thấy một tiếng *uych!* khe khẽ và đột ngột ngừng lại.

Tôi đang nằm ngửa, nhìn lên trần của đường hầm. Tôi nằm đó một lát, cảm giác như không còn tí hơi thở nào, ngọ nguậy ngón chân, uốn cong những ngón tay. Tất cả có vẻ vẫn hoạt động.

Năm giây trôi qua, rồi năm giây nữa. Tôi hít vào vài hơi khó nhọc.

Cái quái gì thế này, tôi nghĩ. Mình đã rơi xuống cái quái gì thế này?

Tôi làu bàu và ngồi dậy. Tôi đang nằm trên một đống cát lớn bên trái đường ray. Bên cạnh nó là hai công nhân xây dựng người Nhật đội mũ bảo hộ lao động, họ đang nhìn tôi, miệng há hốc.

Cạnh đống cát là cái sàn bê tông mà hai công nhân này đang sửa. Họ đang dùng cát để trộn với xi măng. Tôi nhận ra nếu tôi buông tay khỏi con tàu dù chỉ chậm nửa giây thôi, tôi sẽ rơi xuống mặt bê tông thay vì một đống cát mềm.

Tôi trườn ra mặt đất, đứng dậy, và bắt đầu phúi phúi khắp người. Hình dáng cơ thể tôi in trên nền cát như trong một bộ phim hoạt hình cường điệu quá mức.

Hai công nhân xây dựng không thay đổi tư thế. Họ vẫn đang nhìn tôi, miệng há hốc, và tôi nhận ra họ đang khá sốc trước những gì họ vừa trông thấy.

“Ah, *sumimasen**” tôi cất tiếng, không biết phải nói gì khác. “*Etto, otearae wa arimasu ka*?*”

Họ vẫn đứng sững, và tôi nhận ra câu hỏi của tôi càng làm họ thêm lúng túng. Cũng tốt. Tôi thấy rằng tôi mới chỉ đi vào đường hầm vài mét và bắt đầu bước ra.

Tôi suy ngẫm về chuyện vừa xảy ra. Người của Yamaoto chắc hẳn đã thấy tôi bám vào đuôi tàu và chui vào trong đường hầm, nhưng không thấy tôi rơi xuống, và con tàu đang di chuyển với tốc độ quá

nhanh đến mức chúng sẽ không nghĩ rằng tôi sẽ cố tình buông tay. Vì vậy chúng đang cho rằng, trong ba phút nữa, tôi sẽ được đưa tới ga Mita, điểm cuối của cuộc hành trình. Chắc hẳn chúng đã lao vội ra ngoài nhà ga để tới Mita chặn đứng tôi.

Tôi có một ý tưởng điên rồ.

Tôi thò tay vào trong túi và lấy ra cái tai nghe mà tôi đã nhét vào đó trước khi Gã Mũi Tẹt và đồng bọn bắt gặp tôi trong xe tải, rồi nhét nó vào tai. Tôi lần tìm cái thiết bị truyền âm có lớp keo dính ở mặt sau. Vẫn còn ở đó. Nhưng nó có còn truyền được âm thanh không?

“Harry? Cậu có nghe thấy tôi nói gì không? Nói chuyện với tôi đi,” tôi nói.

Đáp lại tôi chỉ là sự im lặng dài dằng dặc, và đúng lúc tôi đang bắt đầu thử lại lần nữa thì trong tai nghe vang lên tiếng nói.

“John! Chuyện quái quỷ gì đang xảy ra thế? Anh đang ở đâu?”

Thật tuyệt khi lại nghe thấy giọng cậu ta. “Bình tĩnh nào, tôi vẫn ổn. Nhưng tôi cần sự trợ giúp của cậu.”

“Chuyện gì đang xảy ra vậy? Tôi đã nghe thấy hết tất cả. Anh đang ở ga tàu à? Anh không sao chứ?”

Tôi lê mình lên sân ga. Vài người nhìn tôi chăm chăm nhưng tôi lờ họ đi, bước qua họ như thể việc tôi vừa chui ra khỏi một đường hầm tàu điện ngầm tăm tối ở Tokyo với cơ thể bẩn thỉu và bầm tím là một điều hoàn toàn tự nhiên. “Tôi đã khá hơn, nhưng chúng ta có thể nói về chuyện đó sau. Thiết bị kia vẫn còn hoạt động chứ?”

“Vâng, tôi vẫn đang nhận được dữ liệu về tất cả các cán phòng trong tòa nhà đó.”

“Được, đó chính là điều tôi cần biết. Trong tòa nhà còn ai không?”

“Theo hồng ngoại thì chỉ còn một gã. Tất cả những kẻ khác đã rời đi ngay sau anh.”

“Cả Yamaoto?”

“Vâng.”

“Gã còn lại đang ở đâu?”

“Căn phòng cuối cùng bên phải nếu anh đứng đối diện với tòa nhà - nơi ba gã lúc này đã đưa anh tới. Hẳn vẫn ở đó từ lúc anh ra ngoài.”

Đó là Gã Mũi Tẹt hoặc một trong hai tên đồng bọn của hắn - hẳn là hắn không còn đủ sức để đuổi theo tôi. Biết được điều đó mới dễ chịu làm sao.

“Được rồi, tình hình là thế này. Chúng đều nghĩ tôi đang bám đuôi một chiếc tàu điện ngầm đến Mita, và sẽ kéo nhau đến đó trong khoảng bốn phút nữa. Chúng sẽ mất thêm khoảng năm phút để phát hiện ra tôi không ở đó và chúng đã mất dấu tôi, và năm phút khác nữa để quay lại tòa nhà của Đảng Niềm Tin. Vì vậy tôi có mười bốn phút để quay lại đó và cài máy nghe lén.”

“Cái gì? Anh không biết chúng đang ở đâu mà. Nhỡ đâu không phải tất cả bọn chúng đều đến Mita thì sao? Chúng có thể quay lại trong khi anh vẫn đang ở đó!”

“Tôi trông cậy vào cậu, hãy báo cho tôi biết nếu điều đó xảy ra. Máy quay video vẫn đang truyền hình ảnh về cho cậu từ xe tải, đúng không?”

“Vâng, nó vẫn đang truyền.”

“Nghe này, tôi gần đến tòa nhà đó rồi - vẫn an toàn chứ?”

“Vẫn an toàn, nhưng chuyện này thật điên rồ.”

“Tôi sẽ không bao giờ có được cơ hội tốt hơn. Chúng đều đang ra ngoài, không có thứ gì bị khóa cửa, và khi chúng trở lại, chúng ta sẽ có thể nghe thấy mọi điều chúng nói. Tôi vào đây.”

“Được, tôi nhìn thấy anh rồi. Làm nhanh đi.”

Tôi không cần lời khuyên đó. Tôi đi qua cửa cầu thang và rẽ phải, rồi đi xuôi theo hành lang đến cửa chính. Đúng như mong đợi, chúng đã vội vã rời đi và cánh cửa vẫn đang mở rộng.

Văn phòng của Yamaoto cách đó ba cánh cửa về phía bên phải. Tôi sẽ vào và ra trong chớp mắt.

Cửa đóng. Tôi chạm vào năm đấm cửa, cố gắng xoay nó.

“Ồ, mẹ kiếp,” tôi lẩm bẫm.

“Có chuyện gì vậy?”

“Nó bị khóa.”

“Quên nó đi - hãy đặt thiết bị nghe lén ở chỗ khác.”

“Không được - đây là nơi chúng ta cần nghe trộm.” Tôi sẫm soi ổ khóa, và thấy rằng nó chỉ là một cái ổ khóa năm lẫy bình thường. Không phải vấn đề gì lớn lắm. “Chờ một phút. Tôi nghĩ tôi có thể vào được.”

“John, ra khỏi đó đi. Chúng có thể về bất cứ lúc nào.”

Tôi không trả lời. Tôi lấy chùm chìa khóa của tôi ra và gỡ một trong những cái que mở khóa tự chế và chiếc gương nha khoa. Cái tay cầm dài và mảnh của chiếc gương được dùng làm một cái chìa vạn ứng biến. Tôi luồn cái tay cầm vào trong ổ khóa và nhẹ nhàng xoay nó theo chiều kim đồng hồ. Khi trục khóa không nhúc nhích dễ dàng được nữa, tôi luồn que mở khóa vào và bắt đầu thao tác với cái lẫy thứ năm.

“Đừng cố cạy khóa! Anh chẳng giỏi việc đó chút nào! Hãy cài thiết bị nghe lén ở đâu đó và ra ngoài đi!”

“Tôi không giỏi việc này ư? Chẳng phải tôi đã dạy cậu làm thế này sao?”

“Vâng, thế nên tôi mới biết là anh không giỏi.” Cậu ta ngừng lại. Có lẽ biết rằng có ngăn cản cũng vô ích nên cậu ta để tôi tập trung.

Tôi cam thay cái lẫy thứ năm kêu “tích” một tiếng, rồi trượt mất nó. Chết tiệt. Tôi xoay chiếc gương nha khoa thêm một chút nữa, siết chặt trục xoay vào những cái lẫy hơn. “Harry? Tôi nhớ giọng nói của cậu...” Một cái lẫy khác lại bị trượt.

“Đừng nói chuyện với tôi. Tập trung vào.”

“Tôi đang tập trung đây, nhưng khó quá...” tôi cảm thấy cái lẫy thứ năm kêu “tích” một tiếng và được giữ lại. Ba cái tiếp theo được xử lí dễ dàng. Chỉ còn một cái nữa.

Cái lẫy cuối cùng bị hỏng. Tôi không hề cảm thấy tiếng kêu. Tôi lắc lắc que mở khóa, nhưng không ăn thua.

“Nào, cứng, cứng ở đâu?” tôi thì thào. Tôi nín thở và xóc xóc nhẹ que mở khóa.

Tôi không hề cảm thấy tiếng kêu của cái lẫy khi được đẩy vào khớp. Nhưng năm dầm cửa đột nhiên xoay mở. Nó xoay sang phải và tôi bước vào trong.

Văn phòng vẫn giống như lúc tôi rời đi. Ngay cả đèn điện vẫn còn bật. Tôi quỳ xuống bên cạnh chiếc đi văng bằng da và sờ soạng mặt dưới của nó. Nó được bao phủ bởi một loại vải. Các mép có vẻ được nẹp lại bằng gỗ. Rất thích hợp để gắn thiết bị nghe trộm.

Tôi bóc miếng giấy phủ lớp keo dính khỏi thiết bị truyền âm và ấn nó vào vị trí. Bất cứ ai nói chuyện trong căn phòng này đều sẽ được truyền tới chỗ chúng tôi to và rõ ràng.

Giọng Harry vang lên trong tai tôi: “John à, hai tên trong bọn vừa quay lại. Chúng đang tới lối đi bộ. Ra ngoài ngay. Dùng lối đi phụ ấy - nó nằm ở bên trái tòa nhà nếu anh đứng đối diện nó.”

“Chết tiệt, tôi vừa mới gắn thiết bị truyền âm mất rồi. Tôi sẽ không thể trả lời cậu một khi rời khỏi căn phòng này. Có gì thì cậu cứ nói với tôi nhé.”

“Chúng vừa dừng lại ở cuối lối đi bộ dẫn đến cửa chính. Có lẽ chúng đang đợi những kẻ còn lại. Hãy đi tới cửa phụ và nán lại đó cho đến khi nào tôi bảo rằng anh đã an toàn.”

“Được rồi. Tôi đi đây.” Tôi bấm chốt cửa từ bên trong, rồi lúi ra ngoài và đóng nó lại. Quay người và bắt đầu đi về hướng hành lang ngoài.

Gã Mũi Tẹt đang đi dọc hành lang. Áo hắn bê bết máu. Cái bàn hắn đã đập trúng vào mặt hắn và lại làm gãy mũi hắn. Và làm cho

ngoại hình của hắn càng thêm xấu xí. Những tiếng gầm gừ khản đặc như của một con thú đang thoát ra từ trong lồng ngực hắn.

Hắn đang đứng chặn giữa tôi và cánh cửa. Chẳng còn lối nào khác ngoài việc vượt qua hắn.

Lại là Harry, chậm một giây. “Có một gã ở ngay trước mặt anh! Và những tên còn lại đang tiến tới lối đi bộ!”

Gã Mũi Tẹt hạ thấp đầu xuống, cổ và vai chạm lại với nhau, trông như một con bò tót đang chuẩn bị tấn công.

Tất cả những gì hắn muốn là tóm lấy tôi. Hắn định lao vào tôi thật mạnh, điên cuồng vì giận dữ, không nghĩ ngợi gì cả.

Hắn xông tới chỗ tôi, mau chóng rút ngắn khoảng cách. Khi hắn giơ tay tóm lấy cổ tôi, tôi túm lấy cái áo sơ mi ướt đầm của hắn và ngã người xuống sàn theo một biến thể của đòn tomo-nage, bàn chân phải của tôi đập vào hạ bộ hắn và hất hắn qua người tôi. Hắn ngã ngửa xuống đất với một tiếng huých lan khắp sàn nhà. Tận dụng đà của cú ném đó, tôi lăn người dậy, bước hai bước dài tới chỗ hắn, lấy hết sức nhảy lên như một con ngựa chưa thuần hóa hắn đang tức giận, và giậm mạnh xuống ngực hắn bằng cả hai chân. Tôi cảm thấy xương hắn gãy nát bên trong cơ thể và toàn bộ không khí bị lùa ra khỏi cơ thể hắn. Hắn phát ra tiếng kêu như một quả bóng đang xì hơi trong một vũng nước và tôi biết hắn đã tiêu đời.

Tôi lao đảo đi về phía hành lang ngoài, rồi dừng lại. Nếu chúng tìm thấy hắn trong tình trạng này ở giữa lối đi, chúng sẽ biết tôi đã quay lại đây, có lẽ còn đoán ra lí do vì sao. Chúng có thể tìm kiếm thiết bị nghe lén. Tôi phải đưa hắn quay lại căn phòng ở đầu kia của hành lang, như vậy hắn sẽ có vẻ như đã bị chết bởi cú va đập bất ngờ của cái bàn.

Hai chân hắn đang chĩa về phía bên phải. Tôi ngồi xổm xuống giữa chúng, quay lưng lại với hắn, túm lấy đầu gối hắn và đứng dậy. Hắn nặng hơn tôi tưởng. Tôi chúi người về đằng trước và lôi hắn đi,

cảm giác mình như một con ngựa đang kéo một cỗ xe có bánh hình vuông. Lưng tôi nhói lên từng đợt.

Giọng Harry lại vang lên trong tai tôi: “Anh đang làm gì vậy? Chúng đang vào qua cửa chính rồi. Có lẽ anh có mười hai giây để ra khỏi hành lang ngoài.”

Tôi ném phịch hẳn xuống căn phòng ở cuối hành lang và chạy như bay ra hành lang ngoài, phóng hết tốc lực về phía cửa phụ.

Vừa tới cửa cầu thang phụ thì tôi nghe tiếng cánh cửa ở đầu kia hành lang ngoài mở ra. Tôi giật mở cánh cửa và lao qua nó, rồi kéo cửa đóng lại nhưng ngừng tay trước khi nó đóng hẳn.

Tôi ngồi xồm trên chiếu nghỉ, nén lại cái nhu cầu bức thiết là phải thở lấy hơi, giữ cánh cửa mở he hé và quan sát khi ba tên tay chân của Yamaoto bước vào hành lang ngoài. Một tên đang cúi gập người - đó chính là gã bị tôi ném lon cà phê trúng người. Chúng bước vào các văn phòng của Đảng Niềm Tin và ra khỏi tầm nhìn của tôi.

Ngay lập tức, tôi nghe thấy tiếng Harry: “Chúng vào trong văn phòng rồi. Phía trước tòa nhà không có ai. Hãy ra ngoài cửa phụ ngay và băng ngang qua công viên theo hướng đông, tiến về phía đường Sakurada.”

Tôi bước xuống cầu thang một cách khẽ khàng nhưng mau chóng. Thò đầu ra ngoài cửa phụ ở dưới chân cầu thang, nhìn cả hai phía. Không có ai. Tôi lê bước dọc theo một con ngõ nối đường Hibiya với đường Chuo và băng ngang qua công viên. Ánh mặt trời lan tỏa trên mặt tôi mới dễ chịu làm sao.

PHẦN BA

Bây giờ... họ quyết tâm quay lại vùng đất của mình; bởi vì năm tháng có vẻ trống rỗng khi chúng ta dành quá nhiều thời gian trên một bờ biển nước ngoài. Nhưng... nếu chúng ta quay lại, chúng ta phát hiện ra rằng bầu không khí bản xứ đã không còn tiếp thêm sinh lực cho chúng ta, và cuộc sống đã đời tính thực tại của nó đến chỗ mà ở đó chúng ta tự cho rằng mình chỉ là những kẻ tạm trú.

Do vậy, giữa hai đất nước, chúng ta chẳng có gì cả...

— NATHANIEL HAWTHORNE, *The Marble Faun*

19

“ANH LÀ một thằng điên muốn đùa giỡn với sinh mạng của mình, và tôi sẽ không bao giờ làm việc với anh nữa,” Harry nói với tôi khi tôi tới căn hộ của cậu ta.

“Tôi cũng sẽ không bao giờ làm việc với chính mình nữa,” tôi nói. “Cậu đã nhận được gì từ thiết bị truyền âm chưa?”

“Rồi, tất cả những gì diễn ra trong lúc anh ở đó và một cuộc họp ngắn vừa kết thúc. Nó được lưu lại trên ổ cứng ấy.”

“Chúng có nói gì về gã mà tôi đã chạm trán trên đường ra ngoài không?”

“Ý anh là gì?”

“Tôi đã có một cuộc đụng độ nho nhỏ với một tên tay chân của Yamaoto ngay sau khi tôi gài thiết bị truyền âm. Hẳn là chúng cho rằng việc đó xảy ra từ trước rồi, nếu không cậu sẽ nghe thấy chúng nói gì đó.”

“Ồ, việc đó à. Vâng, chúng nghĩ việc đó xảy ra lúc anh chạy trốn khỏi phòng hỏi cung. Chúng không biết là anh đã quay lại. Anh biết đấy, gã đó đã chết.”

“Ừ, trông hẳn không được ổn lắm lúc tôi rời đi.”

Cậu ta đang nhìn tôi chăm chú, nhưng tôi không thể đoán được suy nghĩ trong đôi mắt cậu ta. “Chuyện đó xảy ra quá nhanh. Anh có thể làm một việc như thế, với tốc độ nhanh như thế, chỉ với hai bàn tay không sao?”

Tôi nhìn cậu ta, khuôn mặt không biểu lộ cảm xúc. “Không, tôi cần cả hai bàn chân nữa chứ. Midori đâu?”

“Cô ấy đang đi kiểm một cái bàn phím piano điện tử. Chúng tôi sẽ thử đàn lại mật mã của cái đĩa cho máy tính - đó là cách duy nhất để tìm ra những khuôn mẫu của nó.”

Tôi cau mày. “Cô ấy không nên ra ngoài nếu chúng ta có thể tránh được.”

“Chúng ta không thể tránh được. Phải có người giám sát laser và hồng ngoại và cứu nguy cho anh, mà cô ấy lại chẳng quen dùng cái thiết bị này. Thế nên chúng tôi không có nhiều sự lựa chọn.”

“Tôi hiểu ý cậu.”

“Cô ấy biết mình phải cẩn thận. Cô ấy đang nguy trang một chút. Tôi không nghĩ sẽ có rắc rối gì xảy ra đâu.”

“Được rồi. Giờ thì hãy nghe xem thiết bị truyền âm có gì cho chúng ta nào.”

“Chờ chút - đừng nói với tôi là anh đã bỏ lại cái xe tải đấy nhé.”

“Cậu nghĩ gì vậy, cậu nghĩ tôi sẽ quay lại lấy nó sao? Tôi điên, nhưng chưa điên đến mức đó đâu.”

Về mặt cậu ta như một đứa trẻ vừa được thông báo rằng con chó của mình đã chết. “Anh có biết thiết bị đó tốn bao nhiêu tiền không?”

Tôi nén lại một nụ cười và vỗ vỗ lên vai cậu ta. “Cậu biết tôi có khả năng đền nó cho cậu mà,” tôi nói, và đó là sự thật. Tôi ngồi xuống trước một màn hình máy tính và nhắc lên một cặp tai nghe. “Mở đi,” tôi nói.

Sau vài cái nhấp chuột, tôi nghe tiếng Yamaoto quát mắng người của hãn bằng tiếng Nhật. Hãn là chúng đã gọi điện cho hãn để thông báo tin xấu khi tôi bỏ trốn. “Một gã đàn ông! Một gã đàn ông không có vũ khí! Thế mà các người để hãn trốn thoát! Một lũ ngu ngốc bất tài vô dụng!”

Tôi không biết hãn đang nói với ai hay với bao nhiêu người bởi vì chúng đang im lặng chịu đựng tràng chửi rủa của hãn. Sau đó là một sự im lặng kéo dài, có lẽ hãn đang tự trấn tĩnh, và rồi hãn nói,

“Không sao. Có thể hẳn không biết cái đĩa ở đâu, và cho dù hẳn có biết chẳng nữa, ta không tin các người có thể moi được thông tin từ hẳn. Hẳn rõ ràng cứng đầu cứng cổ hơn các người nhiều.”

Sau một khoảng lặng dài đằng đằng khác, ai đó cất tiếng: “Bây giờ ngài muốn chúng tôi làm gì, thưa *toushu**?”

“Làm điều chúng ta thực sự cần,” Yamaoto nói, giọng hơi khàn khàn sau trận quát mắng vừa nãy. “Tập trung vào cô gái đó. Cô ta vẫn là mục tiêu chính đầy hứa hẹn của chúng ta.”

“Nhưng bây giờ cô ta đang ẩn mình trong bóng tối,” giọng nói lúc này tiếp lời.

“Đúng, nhưng cô ta không quen với cuộc sống ấy,” Yamaoto đáp. “Cô ta đột ngột lẫn trốn, vậy nên có lẽ cô ta còn nhiều công việc dang dở trong cuộc sống hằng ngày. Chẳng mấy chốc cô ta sẽ phải quay lại với công việc đó thôi. Hãy cắt cử người đến tất cả những địa điểm quan trọng thiết yếu trong cuộc đời cô ta - nơi ở, chỗ làm việc, những người quen, gia đình. Hãy hợp tác với Holtzer về chuyện này khi cần. Hẳn có các phương tiện kỹ thuật.

Holtzer? Hợp tác với hẳn?

“Còn gã kia?”

Sau một hồi lâu ngập ngừng, Yamaoto nói, “Gã đó lại là chuyện khác. Hẳn sống trong bóng tối như cá sống trong nước. Trừ phi chúng ta cực kì may mắn, nếu không thì ta cho rằng các người sẽ chẳng bao giờ tìm được hẳn đâu.”

Tôi có thể hình dung ra những cái đầu đồng loạt cúi xuống xấu hổ theo kiểu Nhật Bản. Một lát sau, một tên trong bọn lên tiếng: “Chúng ta có thể bắt gặp hẳn đi cùng cô gái.

“Phải, có thể lắm. Hẳn rõ ràng đang bảo vệ cô ta. Chúng ta biết hẳn đã cứu cô ta từ tay người của Ishikura bên ngoài căn hộ của cô ta. Và phản ứng của hẳn với những câu hỏi của ta về chỗ ở của cô ta mang đầy vẻ phòng thủ. Có lẽ hẳn có tình cảm với cô ta.” Tôi nghe

hắn cười khùng khục. “Một xuất phát điểm kì lạ cho một mối tình lãng mạn.”

Ishikura? Tôi nghĩ.

“Dù sao đi nữa, việc để Rain chạy thoát không phải là một tai họa,” Yamaoto tiếp tục. “Cô gái kia mới là mối đe dọa nguy hiểm hơn nhiều: cô ta là người mà Ishikura Tatsuhiko đang tìm kiếm, và khả năng hắn tìm thấy cô ta cũng ngang bằng với chúng ta vậy - có lẽ còn cao hơn, căn cứ vào việc hắn đã đến căn hộ của cô ta trước cả chúng ta. Và nếu tìm thấy cái đĩa, Ishikura sẽ biết phải làm gì với nó.”

Tatsu? *Tatsu cũng đang tìm kiếm cái đĩa chết tiệt đó? Những gã đàn ông ở căn hộ của cô ấy là người của anh ta?*

“Không còn cơ hội nào,” Yamaoto tiếp tục. “thì sẽ không còn mầm họa nào. Khi cô ta xuất hiện, hãy trừ khử cô ta ngay lập tức.”

“*Hai,*” vài giọng nói đồng thanh đáp.

“Không may là, nếu không lấy lại được cái đĩa hoặc chưa có bằng chứng rằng nó đã bị hủy, thì trừ khử cô ta cũng không còn giúp chúng ta an toàn tuyệt đối được nữa. Đã đến lúc phải thủ tiêu cả Ishikura Tatsuhiko rồi.”

“Nhưng, thưa *toushu,*” một giọng nói lên tiếng, “Ishikura là một trưởng bộ phận của Keisatsucho. Thủ tiêu hắn mà không gây ra rắc rối chẳng phải là việc dễ dàng gì. Hơn nữa...”

“Phải, hơn nữa, cái chết của Ishikura sẽ biến hắn thành một kẻ tử vì đạo trong chùng mực nào đó, bởi lẽ nó sẽ cung cấp bằng chứng bổ sung hoàn hảo cho tất cả các giả thuyết âm mưu của hắn. Nhưng chúng ta không có sự lựa chọn. Thà cung cấp bằng chứng về những giả thuyết đó còn hơn là bị phơi bày những gì chứa trong cái đĩa, vốn cũng là một bằng chứng. Hãy cố gắng hết sức để làm cho cái chết của Ishikura có vẻ tự nhiên. Trở trêu thay, đúng lúc chúng ta cần nhất, thì người giỏi nhất trong nghệ thuật đó lại không thể làm việc cho chúng ta. Vậy nên, hãy cố mà lấy cảm hứng từ hắn. Giải tán.”

Vậy đấy. Tôi gỡ tai nghe và nhìn Harry. “Nó vẫn đang hoạt động chứ?”

“Cho đến khi hết pin - khoảng ba tuần. Tôi sẽ giám sát nó.”

Tôi gật đầu, nhận ra rằng Harry gần như chắc chắn sẽ nghe thấy những chuyện lặt tấy tôi từ căn phòng đó. Quý tha ma bắt, những lời bình luận của Yamaoto đã đủ để buộc tội tôi rồi nếu anh thông minh và có bối cảnh: việc nhắc đến “xuất phát điểm kì lạ” về sự gán bó của tôi với Midori, và sự trớ trêu của việc mất đi sự phục vụ của người “giỏi nhất” trong chuyện giết người bằng những nguyên nhân tự nhiên.

“Tôi không nghĩ Midori nên nghe cuộn băng đó,” tôi nói. Cô ấy đã biết đủ rồi. Tôi không muốn... làm cô ấy tổn thương thêm nữa.”

Harry gật đầu và nói, “Tôi hiểu.”

Đột nhiên, tôi biết rằng cậu ta đã biết.

“Quả là tốt khi tôi có thể tin tưởng cậu,” tôi nói. “Cảm ơn cậu.”

Cậu ta lắc đầu. “*Kochira koso**,” cậu ta nói.

Chuông cửa reo. Harry nhấn nút hệ thống điện thoại gọi cửa, và Midori nói, “Tôi đây.”

Harry nhấn nút mở cổng, và chúng tôi vào vị trí của mình, lần này với tôi ở cửa và Harry ở cửa sổ. Một phút sau tôi thấy Midori đi trên hành lang với một cái hộp các tông hình chữ nhật kẹp trong tay. Cô ấy nhoẻn cười khi thấy tôi và vội vã chạy tới, bước vào trong *genkan* rồi ôm chầm lấy tôi.

“Mỗi lần gặp anh là em lại thấy anh thâm hơn,” cô ấy nói, lùi lại sau một thoáng và đặt cái hộp xuống sàn. Đúng vậy: mặt tôi vẫn lấm lem đất cát từ cú ngã xuống đường ray tàu điện ngầm, và tôi biết trông tôi chẳng còn chút sức lực.

“Cảm giác của anh cũng tệ hơn nữa,” tôi nói, nhưng mỉm cười để cô ấy biết rằng cô ấy khiến tôi cảm thấy dễ chịu.

“Chuyện gì đã xảy ra vậy?”

“Lát nữa anh sẽ kể lại chi tiết với em. Việc cần làm trước nhất là, Harry nói với anh em sẽ đọc tấu piano.”

“Đúng vậy,” cô ấy nói, với tay xuống và bóc lớp băng dính khỏi cái hộp. Cô ấy mở một đầu của nó và lôi ra một cái bàn phím điện tử. “Cái này được không?” Cô ấy hỏi, đưa nó cho Harry.

Harry cầm lấy nó và kiểm tra giắc cắm. “Tôi nghĩ tôi có một thiết bị tiếp hợp ở đâu đó. Chờ tôi một chút.” Cậu ta bước tới bàn làm việc, mở cái ngăn kéo chứa đầy những thiết bị điện, và thử vài thiết bị khác nhau trước khi tìm thấy một cái vừa ý. Cậu ta đặt bàn phím xuống mặt bàn, cắm nó vào máy tính, và đưa hình ảnh được quét lại của các nốt nhạc lên màn hình.

“Vấn đề là tôi không biết chơi nhạc còn Midori không biết dùng máy tính. Tôi nghĩ biện pháp nhanh chóng nhất là cho máy tính áp các mẫu âm thanh vào hình ảnh của các nốt nhạc trên màn hình. Một khi có đủ dữ liệu, máy tính sẽ hiểu các nốt nhạc là các tọa độ trong một dàn, rồi phân tích sự lặp đi lặp lại của dữ liệu cho đến khi nó phát hiện được cách cơ bản nhất mà khuôn mẫu này lặp lại chính nó. Sau đó nó sẽ áp khuôn mẫu này vào bộ tiếng Nhật tiêu chuẩn qua một thuật toán bẻ mã mà tôi đã tạo ra, và chúng ta sẽ đọc được nó.”

“Phải đấy,” tôi nói. “Đó chính là điều tôi đang nghĩ tới.”

Harry nhìn tôi với ánh mắt ám chỉ “anh-hoàn-toàn- chỉ-là-một-người-rùng” vốn là thương hiệu của cậu ta, rồi nói, “Midori, chị hãy thử chơi bảng tổng phổ trên màn hình để xem máy tính có thể làm gì với dữ liệu này.”

Midori ngồi xuống bàn và giơ những ngón tay bên trên bàn phím. “Khoan đã,” Harry nói. “Chị phải chơi thật hoàn hảo. Nếu chị thêm vào hay bớt đi một nốt, hay đánh chệch một nốt thôi, chị sẽ tạo nên một khuôn mẫu mới, và máy tính sẽ bị nhầm lẫn. Chị phải đánh theo chính xác những gì hiện lên trên màn hình. Chị có làm được không?”

“Tôi có thể làm được nếu đây là một bản nhạc bình thường. Nhưng bản nhạc này thật kì lạ. Tôi cần chơi thử vài lần trước đã. Cậu có thể ngắt kết nối giữa bàn phím của đàn với máy tính không?”

“Được.” Cậu ta rê và nhấp chuột. “Chị thử đi. Hãy nói với tôi khi nào chị sẵn sàng.”

Midori nhìn vào màn hình một lúc, đầu giữ thẳng và bất động, những ngón tay nhẹ nhàng chuyển động như sóng gợn trong không trung, suy ngẫm về những âm thanh mà cô ấy có thể nghe thấy trong đầu. Rồi cô ấy nhẹ nhàng đặt tay lên bàn phím, và lần đầu tiên chúng tôi nghe thấy giai điệu kì quái của cái thông tin đã khiến Kawamura bỏ mạng cất lên.

Tôi lắng nghe một cách khó chịu trong khi Midori chơi. Sau một vài phút, cô ấy nói với Harry, “Được rồi, tôi đã sẵn sàng. Cậu kết nối lại đi.”

Harry điều khiển con chuột. “Xong rồi. Chị hãy đàn cho máy tính nghe đi.”

Một lần nữa, những ngón tay Midori lại lướt trên các phím đàn, và căn phòng ngập tràn khúc nhạc cầu siêu kì lạ này. Khi đã chơi hết bảng tổng phổ, cô ấy ngừng lại và nhìn Harry, lông mày nhướng lên nghi vấn.

“Nó đã có dữ liệu,” cậu ta nói. “Hãy xem nó có thể làm gì với dữ liệu này.”

Chúng tôi dõi lên màn hình, chờ đợi kết quả, không ai nói một câu gì.

Sau khoảng nửa phút, một chuỗi nốt nhạc quái gở, kì lạ phát ra từ loa máy tính, bản sao không hoàn hảo của những gì tôi đã nghe Midori chơi lúc này.

“Nó đang phân tích các âm thanh,” Harry nói. “Nó đang cố tìm ra khuôn mẫu cơ bản nhất.”

Chúng tôi lặng lẽ đợi trong vài phút. Cuối cùng Harry nói, “Tôi chẳng thấy tiến triển gì cả. Có thể máy tính của tôi không có năng lực

tính toán.”

“VẬY Ở Đâu MỚI CÓ?” Midori hỏi.

Harry nhún vai. “Tôi có thể thử xâm nhập vào Livermore để truy cập siêu máy tính của họ. Tuy nhiên an ninh của họ bây giờ đã tốt hơn rồi - việc xâm nhập có thể mất chút thời gian.”

“MỘT CHIẾC SIÊU MÁY TÍNH SẼ LÀM ĐƯỢC VIỆC NÀY CHỨ?” tôi hỏi.

“CÓ THỂ,” cậu ta nói. “THẬT RA, CHỈ CẦN MỘT NĂNG LỰC XỬ LÝ VỪA PHẢI LÀ ĐỦ. CHỈ LÀ VẤN ĐỀ NHANH HAY CHẬM THÔI - NĂNG LỰC XỬ LÝ CÀNG CAO, THÌ MÁY TÍNH GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ CÀNG NHANH.”

“VẬY MỘT CHIẾC SIÊU MÁY TÍNH SẼ ĐẨY NHANH TỐC ĐỘ CỦA MỌI THỨ,” Midori nói, “NHƯNG CHÚNG TA KHÔNG BIẾT LÀ NHANH HƠN ĐƯỢC BAO NHIÊU.”

Cậu ta gật đầu. “ĐÚNG VẬY.”

Có một khoảnh khắc im lặng đầy chán nản. Rồi Harry nói, “Thử suy nghĩ một lát xem. Chúng ta có cần thiết phải giải mã thứ này không?”

Tôi biết cậu ta muốn nói gì: giống như cái ý nghĩ hấp dẫn đã nảy ra trong đầu tôi lúc ở tổng hành dinh của Đảng Niềm Tin khi Yamaoto hỏi về cái đĩa.

“Ý CẬU LÀ GÌ?” Midori hỏi.

“Ồ, MỤC ĐÍCH CỦA CHÚNG TA LÀ GÌ? CÁI ĐĨA NÀY GIỐNG NHƯ THUỐC NỔ VẬY; CHÚNG TA CHỈ MUỐN LÀM CHO NÓ AN TOÀN. CHỦ NHÂN CỦA NÓ BIẾT RẰNG NÓ KHÔNG THỂ ĐƯỢC SAO CHÉP HAY ĐƯỢC GỬI ĐI QUUA CÁC PHƯƠNG TIỆN ĐIỆN TỬ. VẬY THÌ TRƯỚC HẾT, CHÚNG TA CÓ THỂ LÀM CHO NÓ AN TOÀN BẰNG CÁCH TRẢ NÓ LẠI CHO HỌ.”

“KHÔNG!” Midori nói, đứng dậy từ trước mặt màn hình máy tính và quay mặt về phía Harry. “CHA TÔI ĐÃ MẠO HIỂM TÍNH MẠNG VÌ THỨ NẪM TRONG CÁI ĐĨA ĐÓ. NÓ SẼ ĐƯỢC ĐƯA ĐẾN NƠI MÀ ÔNG ẤY MUỐN NÓ ĐẾN!”

Harry giơ tay lên như thể đầu hàng. “Vâng, vâng, tôi chỉ đang cố gắng suy nghĩ theo một chiều hướng khác thôi. Cũng vì muốn giúp đỡ chị.”

“Đó là một ý nghĩ hợp logic, Harry ạ,” tôi nói, “nhưng Midori nói đúng. Không chỉ vì cha cô ấy đã mạo hiểm tính mạng để lấy cái đĩa. Chúng ta biết rằng có rất nhiều kẻ đang tìm kiếm nó - không chỉ Yamaoto, mà còn CIA, Keisatsucho. Có lẽ còn nhiều hơn thế. Cho dù chúng ta trả nó lại cho một người trong số họ, nhưng chúng ta sẽ không thoát khỏi rắc rối với những kẻ khác.”

“Tôi hiểu ý anh,” Harry thừa nhận.

“Nhưng tôi thích cách cậu so sánh nó với thuốc nổ. Cậu làm cho thuốc nổ an toàn bằng cách nào?”

“Anh cho nó nổ ở một chỗ an toàn,” Midori nói, vẫn nhìn Harry.

“Chính xác,” tôi nói.

“Bulfinch,” Midori nói. “Bulfinch công bố nó, đó chính là điều khiến nó an toàn. Và đó cũng là điều mà cha em muốn.”

“Chúng ta định đưa nó cho anh ta trong khi không biết chắc chắn thứ gì chứa trong đó sao?” Harry hỏi.

“Chúng ta biết khá rõ,” tôi nói. “Dựa theo những gì Bulfinch đã nói với chúng ta, được chứng thực bởi Holtzer. Tôi không thấy còn lựa chọn nào khác.”

Cậu ta cau mày. “Chúng ta thậm chí không biết anh ta có nguồn để giải mã nó không.”

Tôi nén cười trước chút dấu hiệu tức tối trong giọng nói của cậu ta mà tôi phát hiện được: một ai đó sắp mang đồ chơi của cậu ta đi, có thể giải quyết vấn đề công nghệ học búa này mà không cần cậu ta.

“Chúng ta có thể tin rằng *Forbes* sẽ nhờ cậu được những nguồn thích hợp. Chúng ta biết họ muốn những thông tin trong cái đĩa nhiều thế nào mà.”

“Tôi vẫn muốn có thêm một cơ hội để giải mã nó.”

“Tôi cũng vậy. Nhưng chúng ta không biết việc đó sẽ mất bao lâu. Trong khi đó, những thế lực khác đang bủa vây chúng ta và chúng ta sẽ không thể tiếp tục trốn tránh chúng lâu hơn nữa. Bulfinch càng sớm công bố thứ chết tiệt này bao nhiêu, chúng ta sẽ càng dễ thở bấy nhiêu.”

Midori, không chần chừ, nói luôn, “Em sẽ gọi điện cho anh ta.”

20

TÔI HẸN Bulfinch gặp tôi ở Akasaka Mitsuke, một trong những quận giải trí của thành phố, chỉ đứng sau Ginza về số lượng các quán bar có nữ tiếp viên phục vụ. Khu vực này bị chia cắt ngang dọc bởi vô số ngõ hẻm, vài con ngõ hẹp đến nỗi người ta chỉ có thể đi qua nó bằng cách lách nghiêng người, tất cả bọn chúng cung cấp vô vàn lối tiếp cận và trốn thoát.

Trời đang mưa và lạnh khi tôi kết thúc một LPT và ra khỏi ga tàu điện ngầm Akasaka Mitsuke trước mặt cửa hàng bách hóa Belle Vie. Bên kia đường, mang màu hồng kì dị giữa màn mưa và bầu trời xám xịt, là hình dáng đồ sộ như một chiếc tàu chiến của khách sạn Akasaka Tokyu. Tôi dừng lại để mở cái ô màu đen mà tôi đang mang theo, rồi rẽ phải vào đường Sotobori. Sau một lần rẽ phải nữa vào một con ngõ bên cạnh Citibank địa phương, tôi bước lên nền gạch đỏ lỗ chỗ của Esplanade Akasaka.

Tôi đến sớm hơn một tiếng và quyết định ăn một bữa trưa nhanh chóng ở tiệm mì ramen Tenkaichi trên Esplanade. Tenkaichi, “Đệ nhất thiên hạ”, là một chuỗi nhà hàng, nhưng tiệm mì ở Esplanade lại có điểm độc đáo riêng. Chủ tiệm chấp nhận tiền nước ngoài, và những tờ tiền giấy và đồng xu của hàng tá nước được dính lên các bức tường gỗ màu nâu của nhà hàng. Họ còn mở một buổi nhạc jazz bất tận, thi thoảng xen kẽ vài bản nhạc pop nhẹ nhàng của Mỹ. Và những cái ghế chân cao bọc nệm, vài cái được kê khuất trong góc, mang lại một tầm nhìn tuyệt đẹp ra con đường trước mặt nhà hàng.

Tôi gọi món *chukadon* - cơm rau Trung Hoa - và vừa ăn vừa quan sát đường phố qua cửa sổ. Hai *sarariman* nghỉ trưa muộn cũng

đang ăn một mình trong im lặng.

Tôi đã dặn Bulfinch rằng, vào lúc 2 giờ, gã nên bắt đầu đi ngược chiều kim đồng hồ vòng quanh khối nhà 19-3 Akasaka Mitsuke ở *chome* 3. Có đến hơn một tá ngõ hẻm dẫn tới khối nhà đó, mỗi con ngõ lại có nhiều góc ngách, vì vậy gã sẽ không biết tôi đang đợi ở đâu cho đến khi tôi tự xuất hiện trước mặt gã. Nếu gã đến sớm thì cũng không thành vấn đề. Gã sẽ phải liên tục đi vòng quanh khối nhà trong mưa. Gã không biết tôi sẽ ở đâu.

Tôi ăn xong lúc 1 giờ 50 phút, trả tiền và rời đi. Giữ tán ô thật thấp trên đầu, tôi băng qua Esplanade để tới đường Misuji, rồi rẽ vào một con ngõ đối diện nhà hàng Buon Appetito trên khối nhà 19-3 và đợi dưới mái hiên của một mái nhà lượn sóng gỉ sét. Vào giờ này và trong thời tiết này, khu vực này thật yên tĩnh. Tôi đợi và ngắm nhìn những giọt nước buồn bã rơi theo một nhịp chậm chậm từ mái nhà gỉ sét xuống nắp những cái thùng rác bằng nhựa dẻo sứt càng gãy gọng bên dưới.

Khoảng mười phút sau, tôi nghe tiếng những bước chân trên nền gạch ướt đẫm sau, và một thoáng sau đó Bulfinch xuất hiện. Gã mặc một cái áo choàng màu ô liu và khom người bên dưới một cái ô lớn màu đen. Từ chỗ tôi đứng, gã không thể thấy tôi, và tôi đợi cho đến khi gã đi qua rồi mới cất tiếng.

“Bulfinch. Đẳng này,” tôi khẽ nói.

“Chết tiệt!” Gã nói, quay lại nhìn tôi. “Đừng làm thế. Anh làm tôi sợ đấy.”

“Anh đi một mình à?”

“Đương nhiên. Anh có mang cái đĩa theo không?”

Tôi bước ra khỏi mái che và quan sát hai đầu con ngõ. Chẳng có gì bất thường. “Nó ở gần đây. Hãy nói cho tôi biết anh định làm gì với nó.”

“Anh biết tôi định làm gì mà. Tôi là một phóng viên. Tôi sẽ viết một loạt bài báo với những thông tin chứa trong cái đĩa làm bằng

chứng.”

“Chuyện đó sẽ mất bao lâu?”

“Bao lâu ư? Quý thần ơi, các bài báo đã được viết sẵn. Tất cả những gì tôi cần là bằng chứng.”

Tôi cân nhắc. “Để tôi nói cho anh hay đôi điều về cái đĩa,” tôi nói, và giải thích về sự mã hóa.

“Không sao,” gã nói khi tôi đã giải thích xong. “*Forbes* có quan hệ với Lawrence Livermore*. Họ sẽ giúp chúng tôi. Ngay khi nó được bẻ mã, chúng tôi sẽ công bố thông tin chứa trong nó.”

“Anh biết là ngày nào chiếc đĩa chưa được công bố thì ngày đó tính mạng của Midori vẫn bị đe dọa chứ.”

“Đó có phải là lí do anh đưa nó cho tôi không? Những kẻ muốn nó sẽ trả tiền cho anh để lấy lại nó. Khá nhiều tiền, anh biết đấy.”

“Tôi muốn anh hiểu một điều,” tôi nói. “Nếu anh không thể công bố nội dung chứa trong cái đĩa, sự thất bại của anh có thể khiến Midori mất mạng. Nếu chuyện đó xảy ra, tôi sẽ tìm anh, và giết anh.”

“Tôi tin anh.”

Tôi nhìn gã thêm một lúc nữa, rồi thò tay vào trong túi áo ngực và lấy cái đĩa ra. Tôi đưa nó cho gã và quay trở lại nhà ga.

Tôi thực hiện một LPT tới Shinbashi, vừa đi vừa nghĩ về Tatsu. Tôi biết, trước khi những nội dung của cái đĩa được công bố, không chỉ Midori gặp nguy hiểm; mà còn cả Tatsu nữa. Và mặc dù Tatsu không phải là một mục tiêu dễ xử lí, nhưng anh ta cũng không phải là người mình đồng da sắt. Đã lâu lắm rồi tôi không gặp anh ta, nhưng chúng tôi đã từng giúp đỡ nhau. Chí ít thì, tôi nợ anh ta một lời cảnh báo.

Tôi gọi điện đến Keisatsucho từ một máy điện thoại công cộng ở ga Shinbashi. “Anh có biết tôi là ai không?” Tôi hỏi bằng tiếng Anh sau khi họ chuyển máy cho anh ta.

Đầu dây bên kia im lặng một lúc lâu. “*Ei, hisashiburi desu ne**.” Rồi anh ta chuyển sang tiếng Anh - một tín hiệu tốt, bởi vì như thế có nghĩa là anh ta không muốn những người xung quanh hiểu được. “Cậu có biết là Keisatsucho đã phát hiện hai thi thể ở Sengoku không? Một trong hai người đang mang theo một cây gậy trúc. Nó có dấu vân tay của cậu. Đôi lúc tôi vẫn thường tự hỏi liệu cậu có còn ở Tokyo không?”

Chết tiệt, tôi nghĩ, hẳn là mình đã chạm vào cây gậy trúc vào một lúc nào đó mà không nhận ra. Các dấu vân tay của tôi được lưu lại trong hồ sơ từ hồi tôi quay lại Nhật Bản sau chiến tranh - trên danh nghĩa, tôi là một người nước ngoài, và tất cả những người nước ngoài ở Nhật đều bị lấy dấu vân tay.

“Chúng tôi đã cố gắng tìm cậu,” anh ta tiếp tục, “nhưng dường như cậu đã biến mất. Vì vậy tôi nghĩ tôi hiểu tại sao hôm nay cậu lại gọi điện cho tôi, nhưng tôi chẳng thể làm được gì cho cậu đâu. Điều tốt nhất cậu có thể làm bây giờ là đến Keisatsucho. Nếu cậu tới đây, cậu biết là tôi sẽ làm tất cả những gì có thể để giúp cậu. Càng chạy trốn, cậu sẽ càng chứng tỏ là mình có tội đấy.”

“Đó là lí do tôi gọi điện cho anh, Tatsu. Tôi có một thông tin muốn chuyển cho anh.”

“Để đổi lấy cái gì?”

“Để anh làm một điều gì đó về nó. Nghe tôi nói này, Tatsu. Tôi làm việc này không phải vì tôi. Nếu anh hành động dựa trên thông tin mà tôi có được, tôi sẽ nộp mình ngay sau đó. Tôi sẽ không còn gì để sợ cả.”

“Ở đâu và khi nào?” Anh ta hỏi.

“Chỉ có mình chúng ta trên đường dây này thôi chứ?” Tôi hỏi.

“Ý cậu là đường dây này có thể bị nghe trộm à?” Anh ta hỏi, và tôi nhận ra sự mỉa mai cố ý quen thuộc trong giọng điệu anh ta. Anh ta

đang bảo tôi hãy cứ coi như đang có người nghe lén cuộc trò chuyện của chúng tôi.

“Được, tốt lắm,” tôi nói. “Sảnh khách sạn Okura, thứ bảy tới, chính Ngọ.” Gặp gỡ ở một địa điểm như Okura thì quả là kì cục, và Tatsu sẽ biết rằng tôi không bao giờ thật sự có ý định hẹn gặp anh ta ở một nơi như thế.

“A, chỗ đó được đấy,” anh ta đáp, ám chỉ rằng anh ta đã hiểu. Vậy tôi sẽ gặp cậu ở đó.

“Anh biết không, Tatsu, chuyện này nghe có vẻ điên rồ, nhưng thi thoảng tôi lại nhớ khoảng thời gian chúng ta ở Việt Nam. Tôi nhớ những chỉ thị hàng tuần vô dụng mà chúng ta thường phải tới nghe... anh còn nhớ không?”

Gã CIA chỉ huy lực lượng đặc biệt đã sắp xếp những buổi chỉ thị vào một giờ cố định là 16:30, để sau đó gã có nhiều thời gian săn mồi ở các quán bar quanh Sài Gòn. Tatsu đã nghĩ rằng gã đúng là một thằng hề, và không ngần ngại chỉ ra điều đó một cách công khai.

“Có, tôi vẫn nhớ,” anh ta nói.

“Không hiểu sao bây giờ tôi lại nhớ chúng đến thế,” tôi nói, chuẩn bị đưa ra ngày cụ thể. “Giá mà ngày mai tôi được dự một buổi như thế nhỉ. Lạ lắm phải không? Đến độ tuổi này tôi bỗng trở nên hoài cổ.”

“Đó là chuyện bình thường thôi.”

“Ừ. Lâu lắm rồi nhỉ. Tôi rất tiếc vì chúng ta đã mất liên lạc với nhau như thế. Tokyo đã thay đổi quá nhiều so với hồi tôi mới tới đây. Hồi đó chúng ta có vài kỉ niệm khá vui, đúng không? Tôi từng rất thích cái quán mà chúng ta hay lui tới, chỗ mà bà chủ thường rót rượu cho khách vào những cái cốc bằng gốm mà bà ta tự làm ấy. Anh còn nhớ không? Có lẽ nó không còn tồn tại nữa.”

Chỗ đó là ở Ebisu. “Nó đã biến mất rồi,” anh ta nói, ám chỉ rằng anh ta đã hiểu.

“Chà, *shoganai*, *ne**? Đó là một chỗ tuyệt vời. Đôi lúc tôi vẫn nghĩ về nó.”

“Cậu thực sự nên đến gặp tôi. Nếu cậu đến, tôi hứa sẽ làm tất cả những gì có thể để giúp cậu.”

“Tôi sẽ suy nghĩ về điều đó. Cảm ơn vì lời khuyên của anh.” Tôi gác máy, tay vẫn đặt trên ống nghe, cầu trời cho anh ta hiểu thông điệp đã được mã hóa của tôi. Tôi không biết mình sẽ làm gì nếu anh ta không hiểu được.

21

CHỖ TÔI NHẮC ĐẾN ở Ebisu là một *izakaya* truyền thống của Nhật mà Tatsu đã giới thiệu cho tôi khi tôi đến Nhật Bản sau chiến tranh. *Izakaya* là những quán bar nhỏ nằm trong những tòa nhà cổ bằng gỗ, thường được cai quản bởi một người đàn ông hay một người phụ nữ không rõ tuổi hoặc một cặp vợ chồng, họ sống ngay bên trên quán và chỉ treo một cái đèn lồng đỏ bên ngoài cửa để công bố sự tồn tại của quán. Cung cấp chốn giải tỏa cho những người muốn tạm lánh khỏi một ông chủ khắt khe hay một cuộc hôn nhân nhạt nhẽo, hay sự hỗn độn của những chuyến tàu điện ngầm và tiếng ồn của đường phố, *izakaya* phục vụ bia và rượu sake đến tận khuya, một chuỗi bất tận các khách hàng chiếm và rời khỏi những chỗ ngồi ở quầy bar, luôn được thay thế bởi một người đàn ông một mỗi khác đi vào từ ngoài trời giá lạnh.

Tatsu và tôi từng rất hay lui tới cái *izakaya* ở Ebisu, nhưng tôi đã ngừng đến đó kể từ khi chúng tôi cắt đứt liên lạc. Tôi cứ định ghé qua và thăm hỏi bà chủ, nhưng tháng này qua tháng nọ, năm này qua năm khác, tôi vẫn chưa làm được việc đó. Và bây giờ, theo lời Tatsu nói, nó không còn tồn tại nữa. Có lẽ nó đã bị phá dỡ. Không còn chỗ cho một nơi chốn nhỏ bé như thế ở Tokyo hiện đại, náo nhiệt.

Nhưng tôi vẫn còn nhớ vị trí của nó, và đó là nơi tôi sẽ đợi Tatsu.

Tôi đến Ebisu sớm để cho mình cơ hội nhìn ngắm xung quanh. Mọi thứ đã thực sự thay đổi. Rất nhiều những tòa nhà gỗ đã biến mất. Có một trung tâm mua sắm mới nằm gần nhà ga - chỗ trước đây từng là đồng lúa. Nó khiến tôi hơi khó xác định phương hướng.

Từ nhà ga, tôi đi về phía đông. Hôm đó trời ẩm ướt, gió cuốn theo sương mù trên bầu trời u ám.

Tôi tìm thấy vị trí của *izakaya* trước kia. Tòa nhà lụp xụp nhưng ẩm cúng đã biến mất, thay thế cho nó là một cửa hàng tiện lợi trông có vẻ vô trùng. Tôi chậm rãi bước qua nó. Nó vắng tanh, người duy nhất có mặt ở đó là một nhân viên bán hàng trông có vẻ chán chường đang đọc một cuốn tạp chí bên dưới những ngọn đèn huỳnh quang của cửa hàng. Không có dấu hiệu gì của Tatsu, nhưng tôi đã đến sớm gần một tiếng.

Tôi sẽ không quay lại đây, nếu có một lựa chọn khác, khi tôi biết cái tiệm đó không còn nữa. Quý thần ơi, toàn bộ khu vực này đã biến đổi hoàn toàn. Điều này gợi nhắc tôi nhớ đến lần cuối tôi về Mỹ, khoảng năm năm trước. Tôi đã quay lại Dryden, nơi gần giống như quê hương của tôi. Đã gần hai mươi năm tôi chưa quay lại đó, và một phần trong tôi muốn kết nối lại, với một thứ gì đó.

Chuyến đi về phía bắc từ thành phố New York ấy kéo dài bốn tiếng. Tôi tới đó, và thứ duy nhất vẫn còn y nguyên là sơ đồ quy hoạch của những con đường. Tôi lái xe trên con phố chính, và thay vì những gì tôi nhớ, tôi lại trông thấy một quán Mc-Donald's, một cửa hàng Benetton, một cửa hàng Kinko's Copies, một cửa hàng sandwich Subway, tất cả đều là những tòa nhà mới sáng sủa. Chỉ có một vài chỗ là tôi còn nhận ra. Chúng giống như những phế tích của một nền văn minh đã mất nhô lên qua khu rừng rậm rạp, um tùm.

Tôi tiếp tục bước, ngạc nhiên trước việc những kí ức từng dễ chịu luôn có vẻ trở nên đau đớn bởi một thuật giả kim mà tôi có thể không bao giờ hiểu được.

Tôi rẽ vào một con phố nhánh. Một công viên nhỏ bị lèn giữa hai tòa nhà không có gì nổi bật. Hai bà mẹ trẻ đứng tán gẫu bên một cái ghế băng, với những chiếc xe đẩy để trước mặt. Có lẽ họ đang nói chuyện về những sự kiện xảy ra trong khu mình ở, về việc lũ trẻ sẽ chóng tới tuổi đi học đến mức nào.

Tôi vòng ra sau trung tâm mua sắm mới, rồi đi xuyên qua nó để quay trở lại, bước dọc theo một lối đi bộ ngoài trời rộng rãi sáng lấp lánh với crôm và kính. Đó là một tòa nhà đẹp, tôi phải công nhận như vậy. Một vài cô cậu học sinh trung học đi qua tôi, cười đùa. Trông chúng thật thoải mái, như thể chúng thuộc về nơi này.

Tôi thấy một người mặc cái áo choàng xám cũ kĩ đang tiến về phía tôi từ đầu kia trung tâm mua sắm, và mặc dù không thể nhìn rõ mặt, nhưng tôi vẫn nhận ra dáng đi ấy, điệu bộ ấy. Đó là Tatsu, đang rít vào một chút hơi ấm từ điều thuốc lá, ngoài ra anh ta có vẻ chẳng để ý gì đến thời tiết ẩm ướt này.

Anh ta nhìn thấy tôi và vẫy tay, quăng điều thuốc đi. Khi anh ta đến gần hơn, tôi nhận thấy những nếp nhăn trên khuôn mặt anh ta đã hằn sâu hơn so với những gì tôi còn nhớ, một sự mệt mỏi đang phần nào dần dần hiện lên trên bề mặt.

“*Honto ni, shibaraku buri da na**” tôi nói, cúi đầu chào anh ta. Anh ta giơ tay ra, và tôi bắt tay anh ta.

Anh ta nhìn tôi chăm chú, rõ ràng cũng đã nhận thấy những nếp nhăn tương tự trên gương mặt tôi, và có lẽ còn hơn thế. Đây là lần đầu tiên Tatsu gặp tôi từ sau khi tôi phẫu thuật thẩm mỹ. Chắc hẳn anh ta đang thắc mắc làm thế nào mà tuổi tác lại có thể che giấu những nét Tây phương trên gương mặt tôi. Tôi tự hỏi liệu anh ta có nghi ngờ một lí do nào khác ngoài dòng chảy thời gian đằng sau sự thay đổi ngoại hình của tôi không.

“Rain à, *ittai*, lần này cậu đã làm gì vậy?” anh ta hỏi, vẫn nhìn tôi. “Cậu có biết tôi sẽ gặp rắc rối thế nào nếu có người phát hiện ra tôi đã gặp cậu mà không bắt cậu không? Cậu đang là đối tượng bị tình nghi trong một vụ giết người kếp. Trong đó một nạn nhân có quan hệ rất rộng trong LDP. Tôi đang phải chịu áp lực rất lớn khi giải quyết vụ này, cậu biết đấy.”

“Tatsu, anh thậm chí không nói là anh rất vui khi gặp tôi sao? Tôi cũng có cảm xúc mà.”

Anh ta nở nụ cười buồn. “Cậu biết là tôi rất vui khi gặp cậu. Nhưng tôi muốn chúng ta gặp lại nhau trong những hoàn cảnh khác hơn.”

“Các cô con gái của anh thế nào rồi?”

Nụ cười của anh ta trở nên tươi hơn, và anh ta gật đầu đầy tự hào. “Rất ổn. Một bác sĩ. Một luật sư. May mắn là chúng được thừa hưởng trí thông minh của mẹ chúng, *ne?*”

“Chúng đã lập gia đình chưa?”

“Đứa lớn đã đính hôn.”

“Chúc mừng nhé. Có vẻ như anh sắp được làm ông ngoại rồi.”

“Không nhanh thế đâu,” anh ta nói, nụ cười biến mất, và tôi nghĩ *Mình sẽ chẳng thích làm cái kẻ bị Tatsu bắt gặp đang phỉnh phờ một trong hai cô con gái của anh ta đâu.*

Chúng tôi lại băng ngược lại trung tâm mua sắm, đi ngang qua bản mô phỏng hoàn hảo của một tòa lâu đài kiểu Pháp trông có vẻ như nhà trong môi trường hiện tại.

Sau những lời thăm hỏi xã giao, tôi đi vào điểm chính. “Yamaoto Toshi, người đứng đầu Đảng Niềm Tin, đã hạ lệnh trừ khử anh,” tôi bảo anh ta.

Anh ta dừng bước và nhìn tôi. “Làm sao cậu biết?”

“Xin lỗi, xin đừng hỏi về lí do tại sao.”

Anh ta gật đầu. “Nguồn tin của cậu hẳn là đáng tin cậy, nếu không cậu sẽ không nói với tôi.”

“Phải.”

Chúng tôi lại tiếp tục bước. “Cậu biết đấy, Rain à, có rất nhiều kẻ muốn thấy tôi chết. Đôi khi tôi tự hỏi chẳng hiểu sao tôi vẫn giữ được cái mạng của mình trong chừng ấy thời gian.”

“Có lẽ anh có một thiên thần hộ mệnh.”

Anh ta cười. “Tôi mong rằng vậy. Thật ra, câu trả lời đơn giản hơn nhiều. Cái chết của tôi sẽ làm tăng thêm uy tín cho tôi. Còn khi tôi sống, tôi có thể bị coi là một thằng ngốc, một kẻ săn đuổi những bóng ma.”

“Tôi e rằng tình hình đã thay đổi.”

Anh ta lại dừng bước và nhìn tôi chăm chú. “Tôi không biết là cậu lại giao du với Yamaoto đấy.”

“Tôi không giao du với hắn.”

Anh ta gật đầu, và tôi biết anh ta đang thêm mẩu dữ liệu này vào hồ sơ của anh ta về tên sát thủ bí ẩn.

Anh ta lại tiếp tục bước. “Cậu đang nói. ‘Tình hình đã thay đổi’ ”

“Có một cái đĩa. Theo tôi hiểu thì nó chứa thông tin liên quan đến nhiều chính trị gia khác nhau trong một vụ tham nhũng lớn. Yamaoto đang cố lấy lại nó.”

Anh ta biết điều gì đó về cái đĩa - Suy cho cùng, tôi đã nghe Yamaoto nói qua thiết bị truyền âm rằng Tatsu đã cử người đến căn hộ của Midori - nhưng anh ta không nói gì.

“Anh biết gì về chuyện này không, Tatsu?” Tôi hỏi.

Anh ta nhún vai. “Tôi là cảnh sát. Chuyện gì tôi cũng biết một chút.”

“Yamaoto nghĩ anh biết rất nhiều. Hắn biết anh đang truy tìm cái đĩa. Hắn đang gặp khó khăn trong việc lấy lại nó, vì vậy hắn đang cố giết người diệt khẩu.”

“Tại sao hắn lại gặp khó khăn trong việc lấy lại cái đĩa?”

“Hắn không biết nó ở đâu.”

“Còn cậu?”

“Tôi không giữ nó.”

“Tôi không hỏi cậu điều đó.”

“Tatsu, tôi đến đây không phải vì cái đĩa. Tôi đến đây vì tôi biết anh đang gặp nguy hiểm. Tôi muốn cảnh báo anh.”

“Nhưng cái đĩa bị mất là lí do khiến tôi gặp nguy hiểm, đúng không?” Anh ta nói, làm bộ ngây thơ, bối rối, vẻ mặt đó sẽ lừa được khối người không biết rõ anh ta. “Tìm thấy cái đĩa; loại bỏ được mỗi nguy hiểm.”

“Bỏ cái thói giả bộ *inakamono** đó đi,” tôi nói, cho anh ta biết là tôi thừa hiểu anh ta không phải một tên thộn. “Tôi sẽ tiết lộ với anh một chút. Người giữ cái đĩa đang chuẩn bị công bố nội dung chứa trong nó. Điều đó sẽ loại bỏ được mỗi nguy hiểm, như cách anh nói.”

Anh ta sững lại và tóm lấy cánh tay tôi. “*Masaka**, đừng nói với tôi là cậu đã đưa cái đĩa chết tiệt đó cho Bulfinch đấy nhé.”

Những hồi chuông cảnh báo bắt đầu rung lên trong đầu tôi.

“Tại sao anh lại hỏi thế?”

“Bởi vì ngày hôm qua Franklin Bulfinch đã bị giết ở Akasaka Mitsuke, bên ngoài khách sạn Akasaka Tokyu.”

“Mẹ kiếp!” Tôi nói, trong một thoáng không kiềm chế nổi bản thân.

“*Komatta*,” anh ta lại chửi thề. “Cậu đã đưa nó cho anh ta, phải không?”

“Phải.”

“Chết tiệt! Anh ta có mang nó theo khi bị giết không?”

Bên ngoài Akasaka Tokyu - cách chỗ tôi đưa nó cho gã một trăm mét. “Chuyện xảy ra khi nào?” Tôi hỏi.

“Đầu giờ chiều. Tầm hai giờ. Anh ta có mang nó theo không?”

“Gần như chắc chắn,” tôi nói với Tatsu.

Vai anh ta thông xuống, và tôi biết anh ta không giả vờ.

“Chết tiệt, Tatsu. Sao anh biết về cái đĩa?”

Anh ta im lặng một lát trước khi trả lời. “Bởi vì Kawamura có bốn phận phải đưa cái đĩa cho tôi.”

Tôi nhướng mày ngạc nhiên.

“Đúng vậy đấy,” anh ta tiếp tục, “tôi đã vận động Kawamura trong một thời gian. Tôi đã tích cực khuyến khích ông ta cung cấp thông tin hiện đang chứa trong cái đĩa cho tôi. Cuối cùng thì, có vẻ như ai cũng tin tưởng một phóng viên hơn là một cảnh sát. Kawamura đã quyết định đưa cái đĩa cho Bulfinch thay vì tôi.”

“Làm sao anh biết?”

“Kawamura đã gọi điện cho tôi vào buổi sáng ông ta chết.”

“Ông ta đã nói gì?”

Anh ta nhìn tôi, khuôn mặt không biểu lộ chút cảm xúc. “‘Biến đi. Tôi sẽ đưa cái đĩa cho truyền thông phương Tây.’ Thật sự thì, đó là lỗi của tôi. Vì quá nóng lòng, tôi đã gây ra quá nhiều áp lực cho ông ta. Tôi chắc chắn điều đó khiến cho ông ta cảm thấy khó chịu.”

“Làm sao anh biết đó là Bulfinch?”

“Nếu cậu muốn đưa loại thông tin này cho ai đó thuộc về ‘truyền thông phương Tây’, cậu sẽ đến tìm ai? Bulfinch nổi tiếng vì những bài báo viết về nạn tham nhũng. Nhưng cho đến sáng nay, khi tôi biết anh ta đã bị giết, tôi mới dám chắc chắn. Và đến giờ này thì tôi mới dám chắc chắn một trăm phần trăm.”

“Vậy đây là lí do khiến anh truy đuổi Midori.”

“Dĩ nhiên.” Tatsu có thói quen nói từ “dĩ nhiên” một cách ráo hoảnh như thể nhấn mạnh sự thiếu nhanh nhạy của người nghe. “Kawamura chết gần như ngay sau khi ông ta gọi điện cho tôi, điều đó có nghĩa là ông ta chưa thể giao cái đĩa cho ‘truyền thông phương Tây’ như đã định. Con gái ông ta giữ đồ đạc của ông ta. Cô ấy là một mục tiêu hợp lí.”

“Đó là lí do anh đang điều tra vụ đột nhập vào căn hộ của cha cô ấy.”

Anh ta nhìn tôi với ánh mắt không đồng tình. “Người của tôi đã thực hiện vụ đột nhập đó. Chúng tôi đang tìm cái đĩa.”

“Hai cơ hội để tìm kiếm nó - vụ đột nhập, và sau đó là cuộc điều tra,” tôi nói, ngưỡng mộ năng lực của anh ta. “Thật là tiện lợi.”

“Không tiện lợi lắm đâu. Chúng tôi đã không thể tìm thấy nó. Đó là lí do chúng tôi chuyển sự chú ý sang con gái ông ta.”

“Anh và tất cả những kẻ khác.”

“Cậu biết đấy, Rain,” anh ta nói, “tôi đã cử người theo dõi cô ta ở Omotesando. Anh ta đã gặp phải một tai nạn hi hữu nhất trong nhà vệ sinh của một quán bar địa phương. Cổ anh ta đã bị gãy.”

Chúa ơi, đó là người của Tatsu. Vậy thì có lẽ Benny đã nghiêm túc về chuyện cho tôi bốn mươi tám giờ để nhận nhiệm vụ trừ khử Midori. Tuy nhiên chuyện đó chẳng còn quan trọng nữa. “Đúng là hi hữu thật,” tôi nói.

“Đêm đó tôi cũng đã cử người đợi sẵn ở căn hộ của cô ta. Mặc dù được trang bị vũ khí, song họ vẫn bị phục kích và đánh bại bởi một người đàn ông duy nhất.”

“Quả là đáng xấu hổ,” tôi nói, chờ đợi anh ta tiếp tục.

Anh ta lấy ra một điều thuốc, nhìn nó một lát, rồi đặt nó vào miệng và châm lửa. “Trên lí thuyết,” anh ta nói, phả ra một bùm khói màu xám. “Mọi chuyện đã kết thúc. Giờ thì CIA đã có cái đĩa.”

“Tại sao anh lại nói thế? Yamaoto thì sao?”

“Tôi có những biện pháp để biết rằng Yamaoto vẫn đang tìm kiếm cái đĩa. Chỉ còn một nhân vật khác trong vở kịch này, bên cạnh tôi. Nhân vật đó chắc hẳn đã lấy cái đĩa từ tay Bulfinch.”

“Nếu anh đang nói đến Holtzer, thì hẳn đang cộng tác với Yamaoto.”

Anh ta nở nụ cười buồn. “Holtzer không cộng tác với Yamaoto, hẳn là nô lệ của Yamaoto. Và, như hầu hết các nô lệ, hẳn đang tìm cách bỏ trốn.”

“Tôi không hiểu ý anh.”

“Yamaoto điều khiển Holtzer qua sự hăm dọa, như cách hăn điều khiển tất cả các con rối khác. Nhưng Holtzer đang chơi trò nước đôi. Hăn định dùng cái đĩa để hạ bệ Yamaoto, để cắt đứt những sợi dây điều khiển rối của Yamaoto.”

“Vậy nên Holtzer không nói với Yamaoto rằng CIA đã có cái đĩa. Anh ta nhún vai. “Như tôi đã nói, Yamaoto vẫn đang tìm kiếm nó.”

“Tatsu,” tôi khẽ nói, “cái đĩa chứa nội dung gì vậy?”

Anh ta rít một hơi thuốc với vẻ mệt mỏi, rồi phả khói lên trời. “Những đoạn băng video quay cảnh ngoại tình, băng ghi âm những vụ ăn hối lộ và lót tay, các số tài khoản bí mật, hồ sơ về những vụ giao dịch bất động sản bất hợp pháp và rửa tiền.”

“Liên quan đến Yamaoto?”

Anh ta nhìn tôi như thể đang tự hỏi tại sao tôi lại có thể quá chậm hiểu như thế. “Rain à, cậu là một tay lính giỏi, nhưng sẽ là một cảnh sát rất tồi. Nó liên quan đến tất cả mọi người trừ Yamaoto.”

Tôi im lặng trong một thoáng để cố gắng chắp ghép các dữ liệu. “Yamaoto sử dụng thông tin này làm vật hăm dọa?”

“Dĩ nhiên,” anh ta đáp với giọng ráo hoảnh. “Cậu nghĩ tại sao chúng ta liên tiếp có những chính phủ thất bại chứ? Mười một thủ tướng trong mười một năm qua? Mỗi người trong số họ hoặc là tôi tớ cho LDP hoặc là một nhà cải tổ ngay lập tức được thu nạp và xoa dịu. Chính là vì Yamaoto, kẻ thao túng từ trong bóng tối.”

“Nhưng hăn thậm chí không phải là người của LDP.”

“Hăn không muốn. Cái cách hăn đang làm hiện nay có hiệu quả hơn nhiều. Khi một chính trị gia làm hăn phật ý, thông tin buộc tội gã đó sẽ bị rò rỉ, truyền thông được chỉ đạo thổi phồng nó lên, và chính trị gia ấy lập tức bị thất thế. Vụ tai tiếng này chỉ làm ô uế thanh danh của LDP, còn Đảng Niềm tin thì không hề hấn gì.”

“Hăn kiếm được thông tin đó bằng cách nào?”

“Một hệ thống rộng rãi những thiết bị nghe trộm điện thoại, máy quay video, và những kẻ tòng phạm. Mỗi lần hãn bẫy được một người mới, nạn nhân lại trở thành đồng lõa và trợ giúp hãn mở rộng mạng lưới đe dọa của hãn.”

“Tại sao họ lại giúp hãn?”

“Cây gậy và củ cà rốt*. Dĩ nhiên Yamaoto có trong tay một đội ngũ những cô gái đủ xinh đẹp để khiến cho ngay cả những chính trị gia đã có gia đình chung thủy nhất cũng tạm thời đánh mất lí trí. Chẳng hạn như hãn cho người quay trộm cảnh một thành viên của Quốc hội đang ân ái với một trong những người phụ nữ đó. Sau đó chính trị gia này sẽ được cho xem cuốn băng và được nhắn nhủ rằng nó sẽ được giữ bí mật để đổi lấy lá phiếu của ông ta về những phương sách nào đó, điển hình là việc tác động đến việc chi tiền cho các công trình công cộng, và sự hợp tác của ông ta trong việc giảng dạy các đồng nghiệp. Nếu chính trị gia này có lương tâm, ông ta sẽ không muốn bỏ phiếu ủng hộ những công trình công cộng quái đản ấy, nhưng giờ đây nỗi lo sợ bị lộ thông tin gây tai tiếng còn quan trọng hơn nhiều so với lương tâm. Còn về chuyện giảng dạy các đồng nghiệp, ông ta có tâm lí thế này: nếu biến những người khác thành những kẻ bần thủ giống ông ta, ông ta sẽ thấy mình bớt nhơ nhớp hơn. Và bởi vì các cuộc bầu cử ở Nhật Bản được quyết định không phải dựa vào số lá phiếu của một chính trị gia mà bởi hầu bao của ông ta, nên Yamaoto cung cấp cho ông ta một quỹ đen khổng lồ để ông ta có thể sử dụng cho chiến dịch tranh cử sắp tới. Yamaoto rất hào phóng: khi một chính trị gia là thành viên trong mạng lưới của hãn, hãn sẽ có trách nhiệm đảm bảo rằng người đó sẽ được trúng cử lần nữa, để thúc đẩy sự nghiệp của chính trị gia đó. Sức ảnh hưởng của Yamaoto lớn đến mức, nếu cậu không nằm trong mạng lưới của hãn, cậu sẽ không thể làm được gì và dù sao đi nữa, cậu cũng sẽ bị đánh bại trong cuộc bầu cử tiếp theo vì ít tiền hơn một trong các con rối của hãn.”

“Nếu hẳn có quyền lực như thế, tại sao tôi chưa bao giờ nghe đến tên hẳn?”

“Yamaoto không tiết lộ nguồn gây áp lực. Các nạn nhân của hẳn chỉ biết rằng họ bị đe dọa, nhưng không biết là do ai. Hầu hết bọn họ tin rằng đây là trò của một phe cánh nào đó trong LDP. Và tại sao lại không chứ? Mỗi lần Yamaoto quyết định gây ra một vụ bê bối, LDP lại trở thành tâm điểm chú ý của đất nước. Thật trớ trêu, đúng không? Yamaoto xoay sở mọi chuyện để ngay cả LDP cũng tin rằng LDP chính là quyền lực. Nhưng đằng sau quyền lực ấy hóa ra lại có một quyền lực khác.”

Tôi nghĩ về những bản báo cáo mà tôi đã theo dõi, về các giả thuyết âm mưu của Tatsu. “Nhưng chính anh cũng đang tập trung vào vấn nạn tham nhũng trong LDP mà, Tatsu.”

Đôi mắt anh ta nheo lại. “Làm sao cậu biết?”

Tôi cười. “Chỉ vì chúng ta đã mất liên lạc không có nghĩa là tôi không còn quan tâm đến anh.”

Anh ta lại rít một hơi thuốc nữa. “Phải, tôi tập trung vào nạn tham nhũng trong LDP,” anh ta nói, khói thuốc phun ra qua lỗ mũi. “Yamaoto thích thú với điều này. Hẳn tin rằng nó phục vụ cho mục đích của hẳn. Và quả thực là vậy, nếu bất cứ bản báo cáo nào của tôi được nhìn nhận một cách nghiêm túc. Nhưng chỉ một mình Yamaoto quyết định được khi nào thì một vụ tham nhũng bị khởi tố.” Miệng anh ta mím lại cay đắng khi anh ta nói những lời ấy.

Tôi không nén nổi nụ cười - anh ta vẫn là tay cáo già mà tôi biết hồi còn ở Việt Nam. “Nhưng anh đã giả vờ là không biết gì. Mục tiêu thực sự của anh là Yamaoto.”

Anh ta nhún vai.

“Bây giờ thì tôi đã hiểu vì sao anh lại muốn có cái đĩa đó,” tôi nói.

“Cậu biết tôi có tham gia vụ này phải không Rain. Tại sao cậu không liên lạc với tôi?”

“Tôi có lý do để không làm vậy.”

“Đó là?”

“Midori,” tôi nói. “Nếu tôi đưa cái đĩa cho anh, Yamaoto sẽ vẫn nghĩ là nó đang bị mất, và hẳn sẽ tiếp tục săn lùng Midori. Sự công bố là cách duy nhất để giúp cô ấy an toàn.”

“Đây là lý do duy nhất khiến cậu ngần ngại liên lạc với tôi sao?”

Tôi nhìn anh ta, thận trọng. “Tôi không thể nghĩ ra lý do nào khác. Còn anh?”

Câu trả lời duy nhất của anh ta là nụ cười buồn.

Chúng tôi bước đi trong im lặng một lúc, rồi tôi hỏi, “Yamaoto chiêu dụ Holtzer bằng cách nào?”

“Bằng cách cho Holtzer thứ mà người đàn ông nào cũng muốn.”

“Đó là?”

“Quyền lực, dĩ nhiên. Cậu nghĩ bằng cách nào mà Holtzer leo lên vị trí trưởng chi nhánh Tokyo nhanh đến vậy?”

“Yamaoto cung cấp thông tin cho hẳn?”

“Dĩ nhiên. Theo tôi hiểu thì Holtzer đã thành công đáng kể trong việc phát triển nội gián ở Nhật. Và với tư cách trưởng chi nhánh ở Tokyo, hẳn có trách nhiệm nộp các tin tức tình báo quan trọng - đặc biệt là những thông tin liên quan đến nạn tham nhũng của chính phủ Nhật Bản, về việc đó thì Yamaoto đương nhiên là một chuyên gia.”

“Chúa ơi, Tatsu, chất lượng thông tin của anh gần như đáng sợ.”

“Điều đáng sợ là thông tin này luôn vô dụng với tôi.”

“Holtzer biết rằng hẳn đang bị chơi xỏ ư?”

Anh ta nhún vai. “Ban đầu, hẳn nghĩ là hẳn đang chiêu dụ được Yamaoto. Khi hẳn nhận ra sự thật là điều hoàn toàn ngược lại, hẳn sẽ làm gì? Nói với CIA rằng những tên nội gián mà hẳn đã khai thác hóa ra lại đang lừa hẳn, những bản báo cáo đều là bịa đặt? Như thế thì sự nghiệp của hẳn sẽ tiêu tụt. Sự lựa chọn còn lại hấp dẫn hơn nhiều: làm việc cho Yamaoto, người tiếp tục cung cấp “những tin tình báo”

khiến Holtzer trở thành một ngôi sao. Còn Yamaoto có một tên gián điệp hai mang trong CIA.”

Holtzer, một kẻ hai mang, tôi nghĩ, cảm thấy kinh tởm. Đáng ra mình phải biết từ lâu mới phải.

“Holtzer nói với tôi rằng CIA đang chiêu dụ Kawamura, rằng Kawamura đang trên đường đi giao cái đĩa cho CIA khi ông ta chết.”

Anh ta nhún vai. “Kawamura đã lừa tôi. Có thể ông ta đã lừa cả CIA. Không thể nói chắc được, và cũng không cần thiết.”

“Còn về Bulfinch,” tôi hỏi. “Làm thế nào Holtzer tóm được anh ta?”

“Dĩ nhiên là bằng cách theo dõi anh ta cho đến khi cậu đưa cho anh ta cái đĩa. Bulfinch là một mục tiêu dễ xơi, Rain ạ.” Tôi nghe thấy một dấu hiệu chỉ trích nhẹ nhàng trong giọng điệu anh ta - trách tôi rằng tôi thật là ngớ ngẩn khi đưa cái đĩa cho một dân thường.

Chúng tôi lại lặng lẽ bước trong một vài phút. Rồi anh ta nói, “Rain này. Cậu đã làm gì ở Nhật trong thời gian qua vậy? Kể từ lần cuối chúng ta gặp nhau.”

Với Tatsu, không nên nhầm lẫn cho rằng những điều anh ta nói chỉ là một lời hỏi thăm xã giao. Một tiếng chuông cảnh báo nhỏ rung lên đầu đó trong ý thức của tôi.

“Chẳng có gì mới mẻ,” tôi nói. “Vẫn là công việc tư vấn như trước kia.”

“Việc đó là thế nào nhỉ?”

“Anh biết đấy. Giúp một vài công ty của Mỹ tìm cách nhập các sản phẩm của họ vào Nhật Bản. Giải quyết các thủ tục rườm rà, tìm các đối tác thích hợp, những việc kiểu đó.”

“Nghe có vẻ thú vị nhỉ. Các sản phẩm loại gì thế?”

Tatsu nên biết rằng vài câu hỏi đơn giản như vậy sẽ không lật tẩy được câu chuyện làm bình phong của tôi. Công việc tư vấn, các khách

hàng, tất cả đều có thực, dù họ không phải là những doanh nghiệp được lọt vào top 500 của tạp chí *Fortune*.

“Tại sao anh không ghé thăm trang web của tôi nhỉ?”

Tôi đề nghị. “Có một mục giới thiệu về các khách hàng của tôi trên đó.”

Anh ta xua tay như thể nói “đừng ngớ ngẩn thế”. “Ý tôi là, cậu vẫn đang làm gì ở Nhật Bản? Tại sao cậu vẫn còn ở đây?”

“Điều đó thì có gì quan trọng hả Tatsu?”

“Tôi không hiểu. Tôi muốn biết.”

Tôi có thể nói gì với anh ta đây? *Tôi cần ở trong chiến tranh. Một con cá mập không thể ngừng bơi, nếu không nó sẽ chết.*

Nhưng còn hơn thế, tôi phải thừa nhận với chính mình như vậy. Đôi khi tôi ghét phải sống ở đây. Ngay cả sau hai mươi lăm năm, tôi vẫn là một kẻ ngoài cuộc, và tôi căm ghét điều đó. Không chỉ vì nghề của tôi buộc tôi phải sống một cuộc đời trong bóng tối. Mà còn vì, bất chấp ngoại hình và ngôn ngữ của một người bản địa, rốt cuộc trong tôi vẫn là một nửa *gaijin*. Một giáo viên tàn nhẫn từng nói với tôi hồi tôi còn nhỏ, “Em nhận được gì khi em trộn nước sạch với nước bẩn? Dĩ nhiên là nước bẩn.” Phải mất thêm vài năm bị coi thường và hắt hủi tôi mới nhận ra ý cô ấy là gì: tôi đã bị nhuộm một vết nhơ khôn tẩy mà bóng tối có thể che giấu nhưng không bao giờ gột rửa được.

“Cậu đã ở đây hơn hai thập kỉ,” Tatsu nhẹ nhàng nói. “Có lẽ đã đến lúc cậu nên về nhà.”

Anh ta biết, tôi nghĩ. Hay anh ta sắp biết. “Đó là nơi nào?” Tôi hỏi.

Anh ta chậm rãi nói. “Có một nguy cơ là, nếu cậu ở lại, chúng ta có thể nhận ra rằng chúng ta có những lợi ích đối lập nhau.”

“Vậy thì đừng nhận ra điều đó.”

Tôi lại thấy nụ cười buồn bã của anh ta. “Chúng ta có thể cố gắng làm vậy.”

Chúng tôi lại bước tiếp, bầu trời ủ ê phía trên đầu.

Một ý nghĩ chợt nảy ra trong đầu tôi. Tôi dừng bước và nhìn anh ta. “Chuyện này có thể chưa kết thúc,” tôi nói.

“Ý cậu là gì?”

“Cái đĩa. Có lẽ chúng ta vẫn có thể lấy lại nó.”

“Bằng cách nào?”

“Nó không thể được sao chép hay gửi đi qua các phương tiện điện tử. Và nó được mã hóa. Holtzer sẽ cần nhờ chuyên gia để giải mã nó. Hoặc là hẳn phải đem cái đĩa đến chỗ các chuyên gia, hoặc là các chuyên gia sẽ phải đến chỗ hẳn.”

Anh ta chỉ sửng lại một giây rồi lấy di động ra. Anh ta bấm một số, đưa điện thoại lên tai, và đợi.

“Tôi cần một lịch trình đến thăm Nhật Bản của nhân sự chính phủ Mỹ,” anh ta nói bằng thứ tiếng Nhật cộc lốc vào trong điện thoại. “Đặc biệt là bất cứ ai tuyên bố rằng mình đến từ NSA hay CIA. Trong tuần tới, đặc biệt là vài ngày tới. Ngay lập tức. Được, tôi sẽ đợi.”

Chính phủ Mỹ và chính phủ Nhật công khai các đặc vụ cấp cao với nhau như một phần của hiệp ước an ninh và sự hợp tác tình báo chung giữa họ. Đó là một việc hú họa, nhưng cũng đáng để thử.

Và tôi biết Holtzer. Hẳn là một kẻ háo danh. Hẳn sẽ coi cái đĩa như một chiến tích tình báo lẫy lừng của thế kỉ. Hẳn chắc chắn sẽ tự mình giao nộp nó để đảm bảo rằng hẳn sẽ được tặng thêm vài phần uy tín.

Chúng tôi lặng lẽ đợi vài phút, rồi Tatsu nói, “Rồi. Rồi. Rồi. Hiểu rồi. Đợi một phút nhé.”

Anh ta áp điện thoại vào ngực và nói, “Chuyên gia mật mã phần mềm của NSA, đã được công khai với chính phủ Nhật. Và Giám đốc Vụ Đông Á của CIA. Cả hai từ Washington đến đây tối nay ở Narita. Tôi không tin đây là một sự trùng hợp. Chắc hẳn Holtzer đã gọi họ tới ngay khi hẳn lấy được cái đĩa.”

“Họ sẽ tới đâu? Đại sứ quán à?”

“Chờ chút.” Anh ta lại đưa điện thoại lên tai. “Hãy tìm hiểu xem liệu họ có yêu cầu một đội hộ tống ngoại giao không, và nếu có thì họ sẽ đi đâu. Tôi sẽ đợi.”

Anh ta lại áp điện thoại vào ngực. “Keisatsucho nhận được rất nhiều yêu cầu hộ tống từ nhân sự chính phủ Mỹ,” anh ta nói. “Người của chính phủ không có ngân sách để trả tiền cho dịch vụ xe con, vì vậy họ dùng chúng tôi với cái cớ là hộ tống ngoại giao. Đây có thể là lần đầu tiên tôi không thấy phiền phức với thói quen này.”

Anh ta lại đưa điện thoại lên tai, và chúng tôi chờ đợi. Sau một vài phút, anh ta nói, “Tốt. Tốt. Chờ chút.” Điện thoại lại được áp vào ngực. “Căn cứ quân sự hải quân Mỹ Yokosuka. Sáng thứ năm, đi thẳng từ khách sạn Narita Airport Hilton.”

“Vậy là chúng ta tóm được hãn rồi.”

Vẻ mặt anh ta đầy nghiêm nghị. “Chính xác thì bằng cách nào?”

“Quý thần ơi, chặn xe của Holtzer lại, lấy cái đĩa, tuyên bố hãn ta *không được nước sở tại chấp thuận?*

“Dựa trên bằng cớ gì? Các công tố viên sẽ muốn biết điều đó.”

“Chết tiệt, tôi không biết. Nói với họ đó là một nguồn tin nặc danh.”

“Cậu không hiểu vấn đề rồi. Những gì cậu kê với tôi không phải là bằng chứng. Đó là tin đồn.”

“Chúa ơi, Tatsu,” tôi nói, bực tức, “anh biến thành một kẻ quan liêu chết tiệt như thế từ bao giờ vậy?”

“Đây không phải là chuyện quan liêu hay không,” anh ta gay gắt nói, và tôi ước gì mình đừng có nổi cáu. “Mà là chuyện sử dụng những công cụ thích hợp để thực hiện một công việc. Những gì cậu đang gợi ý đều sẽ vô dụng.”

Tôi đỏ mặt. Không hiểu sao, Tatsu luôn có khả năng khiến tôi cảm thấy mình như là một gã *gaijin* đàn độn, ì ạch. “Chà, nếu chúng ta

không thể làm theo cách thông thường, vậy anh có đề xuất gì để thay thế không?”

“Tôi có thể lấy cái đĩa và bảo vệ Midori. Nhưng sẽ cần cậu tham gia.”

“Ý anh là gì?”

“Tôi sẽ sắp xếp để chặn xe Holtzer bên ngoài căn cứ quân sự hải quân, có lẽ với cái cớ cần kiểm tra gầm xe để tìm kiếm những thiết bị gây nổ.” Anh ta nhìn tôi với vẻ lạnh nhạt. “Có lẽ chúng tôi cần một cuộc gọi nặc danh để cảnh báo chúng tôi về một âm mưu như thế.”

“Đúng vậy,” tôi nói.

Anh ta nhún vai và đọc một số điện thoại, tôi viết lên bàn tay mình, đảo ngược bốn số cuối cùng và trừ đi mỗi số 2 đơn vị. Khi tôi viết xong, anh ta nói, “Dĩ nhiên một viên sĩ quan sẽ phải đề nghị tài xế hạ cửa sổ xuống để giải thích.”

Tôi gật đầu, hiểu được kế hoạch của anh ta. “Đây là số máy nhắn tin của tôi,” tôi nói, và đưa nó cho anh ta. “Hãy dùng nó để liên lạc với tôi khi anh có được thông tin về các động thái của Holtzer. Nhắn vào đó một số điện thoại, rồi thêm vào 555, và tôi sẽ biết đó là anh. Tôi sẽ cần một món đồ nghề nữa - một quả lựu đạn gây choáng.” Lựu đạn gây choáng là thứ có công dụng đúng như tên gọi của chúng: không văng ra mảnh đạn nào, chỉ phát ra một tiếng động lớn và một ánh sáng chớp lóa, do đó chúng tạm thời làm đối phương bị mất phương hướng, thay vì giết người và sát thương. Các đơn vị chống khủng bố sử dụng chúng để làm choáng váng những kẻ đang ở trong một căn phòng trước khi đá tung cánh cửa và bắn những kẻ xấu.

Tôi không phải nói với anh ta tôi dùng lựu đạn gây choáng để làm gì. “Tôi đưa nó cho cậu bằng cách nào?” Anh ta hỏi.

“Đài phun nước ở công viên Hibiya,” tôi thuận miệng trả lời. “Hãy thả nó xuống bên phía đối diện với đường Hibiya. Ngay sát mép, như thế này.” Tôi vẽ một sơ đồ lên bàn tay để đảm bảo là anh ta hiểu.

“Hãy nhắn tin cho tôi khi anh xong việc, để nó không phải ở trong tình trạng không an toàn quá lâu.”

“Được.”

“Một điều nữa,” tôi nói.

“Là điều gì?”

“Hãy dặn trước người của anh. Tôi không muốn ai đó bắn nhầm vào tôi.”

“Tôi sẽ cố hết sức.”

“Hãy làm tốt hơn thế. Nếu không thì cái mông tôi sẽ bị lãnh đủ.”

“Cái mông của cả hai chúng ta,” anh ta nói, giọng đều đều. “Nếu cậu thất bại, tôi có thể quả quyết với cậu rằng sẽ có một cuộc điều tra xem ai đã hạ lệnh dừng xe, và vì cớ gì. Trong trường hợp đó, nếu may mắn, tôi sẽ chỉ phải nghỉ hưu sớm. Nếu không, tôi sẽ bị vào tù.”

Anh ta có lí, mặc dù tôi không nghĩ anh ta sẽ chấp nhận đổi sự rủi ro của anh ta để lấy sự rủi ro của tôi. Nhưng đó chẳng phải chuyện đáng để tranh cãi.

“Anh chỉ cần chặn chiếc xe lại,” tôi bảo anh ta. “Tôi sẽ lo liệu phần còn lại.”

Anh ta gật đầu, rồi cúi chào với một sự trang trọng đáng lo ngại.

“Chúc cậu may mắn, Rain,” anh ta nói, và bước đi trong bóng tối đang đổ ập xuống.

22

TÔI YÊU TOKYO về đêm. Đó là vì những ánh đèn, tôi nghĩ vậy: hơn cả kiến trúc, thậm chí hơn cả những âm thanh và mùi vị của nó, những ánh đèn là thứ tạo nên sinh khí cho linh hồn của thành phố về đêm. Có thứ ánh sáng rực rỡ: những con đường tràn ngập ánh đèn neon, với sự nhấp nháy điên loạn của những tiệm trò chơi pachinko*, hay những con đường nơi những ô cửa sổ của các cửa hàng và những ánh đèn pha của một nghìn chiếc xe đang băng qua rọi lên vỉa hè sáng trưng như thể được chiếu sáng bởi những ngọn đèn halogen của một trận bóng chày diễn ra vào buổi tối. Và có thứ ánh sáng lờ mờ: những con ngõ chỉ được thắp sáng bởi ánh đèn huỳnh quang của một cỗ máy bán hàng tự động đơn độc đang dựa vào bức tường gạch bong tróc như một ông lão đã từ bỏ mọi thứ và chỉ muốn nghỉ ngơi, hay những con phố chỉ được chiếu rọi bởi quầng sáng màu vàng của những ngọn đèn đường đứng cách xa nhau đến nỗi một người đi ngang qua và cái bóng của anh ta có vẻ biến mất trong những khoảng không gian lờ mờ giữa chúng.

Tôi bước trên những con phố nhánh mờ tối của Ebisu sau khi chia tay Tatsu, hướng về phía khách sạn Imperial ở Hibiya, nơi tôi sẽ trú ngụ cho đến khi chuyện này kết thúc. Bất chấp sự gan dạ gần như liều mạng, việc tôi sắp làm sẽ được xếp ngang hàng với bất cứ nhiệm vụ nào mà tôi đã đảm nhận thời còn ở trong đội SOG, hoặc những cuộc chiến thời làm lính đánh thuê sau đó. Tôi tự hỏi liệu cái cúi chào của Tatsu có phải là một loại văn bia hay không.

Chà, mà đã sống sót qua những nhiệm vụ mà trước đó cứ ngỡ sẽ là nhiệm vụ cuối cùng của mà, tôi nghĩ, hiện ra một kí ức.

Sau vụ xả súng đầy tàn bạo của chúng tôi ở Campuchia, mọi chuyện bắt đầu trở nên tồi tệ cho đơn vị của tôi. Trước lúc đó, chúng tôi khá vô cảm với việc giết chóc. Anh bước vào một trận chiến hỏa lực ác liệt, anh chỉ đang nhắm về phía những tràng đạn lửa, anh thậm chí không thể nhìn thấy những người đang bắn trả anh. Có lẽ sau này anh sẽ tìm thấy máu hoặc óc, hoặc có thể là vài thi thể. Hoặc chúng tôi sẽ nghe tiếng một cái bẫy mìn định hướng mà chúng tôi đặt cách đó một, hai cây số phát nổ, và biết chúng tôi đã kết liễu ai đó. Nhưng chuyện chúng tôi đã làm ở Cu Lai thì lại khác. Nó ảnh hưởng sâu sắc đến chúng tôi.

Tôi biết việc chúng tôi đã làm là sai trái, nhưng tôi hợp lí hóa nó bằng cách nói ồ, chúng ta đang ở trong chiến tranh; những chuyện sai trái vẫn xảy ra trong chiến tranh đấy thôi. Một vài người khác trở nên rầu rĩ, cảm giác tội lỗi khiến họ bỗng dưng sợ nghe tiếng súng. Jake Khùng - Jimmy - thì đi theo hướng ngược lại. Cậu ta thậm chí còn khóa mình chặt hơn trong vòng tay của chiến tranh.

Jake Khùng trung thành một cách cuồng tín với những người Thượng, và họ cũng đáp lại điều đó. Khi một người Thượng bị chết trong một trận chiến hỏa lực, Jake sẽ đích thân thông báo tin xấu với già làng. Cậu ta tránh xa những doanh trại quân đội, thích ngủ cùng với những người Thượng hơn. Cậu ta học ngôn ngữ và phong tục của họ, tham gia những nghi lễ của họ. Hơn nữa, người Thượng tin vào ma thuật - các ngôi làng đều có những thầy pháp riêng - và một người đàn ông với thành tích giết chóc như của Jake luôn tỏa ra một uy lực mạnh mẽ.

Toàn bộ việc này khiến giới chức cấp cao khó chịu, bởi vì họ không chiếm được sự kính trọng của những người Thượng. Vấn đề càng trở nên tệ hơn khi chúng tôi được chỉ định tăng cường quân sự cho những ngôi làng ở Bù Đốp, nằm ở biên giới Campuchia, bởi vì

việc này đã cho Jake Khùng cơ hội tiếp xúc nhiều hơn với người dân bản địa.

Phần chí với những quy tắc ràng buộc được lập ra bởi Bộ Chỉ huy Viện trợ Quân sự Mỹ tại Việt Nam, và việc MACV không thể tìm ra tên gián điệp hai mang đang phá hoại các hoạt động của SOG, Jake bắt đầu dùng Bù Đốp làm căn cứ cho các nhiệm vụ độc lập chống lại Việt Cộng ở Campuchia. Người Thượng sẵn sàng đi theo Jake Khùng trong những cuộc đột kích trí mạng của cậu ta. Nhưng SOG đang bị giải tán, và Việt Nam hóa chiến tranh - nghĩa là, chuyển giao cuộc chiến cho người Việt để Mỹ có thể rút quân - là điều cần thiết ở thời điểm đó. MACV bảo cậu ta chấm dứt các hoạt động ở Campuchia, nhưng Jake từ chối - nói rằng cậu ta làm vậy là để bảo vệ các xóm làng.

Vì vậy MACV triệu tập cậu ta về Sài Gòn. Jake lừa họ đi. Một biệt đội được cử đến để bắt cậu ta, và không bao giờ quay lại. Việc này còn đáng sợ hơn việc họ bị giết, bị bêu đầu trên những mũi lao. Phải chăng họ đã phản bội và gia nhập với Jake Khùng? Cậu ta có ma thuật lớn đến thế sao? Hay cậu ta đã làm họ biến mất vào trong không khí?

Vì vậy họ cắt các nguồn cung cấp cho cậu ta. Không vũ khí, không trang thiết bị. Nhưng Jake không dừng lại. MACV đoán rằng cậu ta đang bán anh tuc để có tiền trang trải cho hoạt động của mình. Jake đã trở thành vũ trụ riêng của cậu ta. Cậu ta có một đội quân riêng trung thành đến mức cuồng tín, hoạt động hiệu quả và có thể tự lực.

MACV biết về Jimmy và tôi; họ có các hồ sơ cá nhân. Một hôm họ gọi tôi tới. “Anh sẽ phải đến đó và xử hăn,” họ bảo tôi. “Hăn đang bán ma túy, hăn đang tự tung tự tác ở Campuchia, hăn đang coi trời bằng vung. Chuyện này sẽ là một vụ bê bối nếu bị lộ ra ngoài.”

“Tôi không nghĩ tôi có thể bắt cậu ta về. Cậu ta không nghe lời ai cả,” tôi nói.

“Chúng tôi không nói, “bắt hăn về”. Chúng tôi chỉ nói, “xử hăn”,” họ bảo tôi.

Họ có ba người. Hai MACV, một CIA. Tôi lắc đầu. Người từ CIA lên tiếng.

“Hãy làm theo những gì chúng tôi đề nghị, và anh sẽ được về nhà.”

“Tôi sẽ về nhà khi nào được về,” tôi nói, nhưng trong lòng phân vân.

Hắn nhún vai. “Chúng tôi có hai sự lựa chọn. Một là, ném bom rải thảm mọi thôn làng ở Bù Đốp. Ở đó có khoảng một nghìn con người thân thiện, cùng với Calhoun. Chúng tôi sẽ hóa lỏng tất cả bọn họ. Đó chẳng phải vấn đề gì to tát.

Hai là, anh làm một điều đúng đắn và cứu tất cả những người đó, và ngày hôm sau sẽ được lên một chiếc máy bay. Còn tôi, tôi cóc thèm quan tâm.” Hắn quay lưng và bước đi.

Tôi nói với họ tôi sẽ làm. Dù gì họ cũng sẽ giết cậu ta. Ngay cả khi họ không làm vậy, tôi cũng thấy cậu ta đã trở thành thế nào. Tôi đã thấy chuyện đó xảy ra với rất nhiều người, mặc dù Jimmy là trường hợp tệ nhất. Họ tới đó, và phát hiện ra giết chóc là việc họ làm giỏi nhất. Anh có kể với mọi người không? Anh có ghi vào lí lịch của mình rằng, “Giết được chín mươi mạng. Bộ sưu tập lớn gồm những cái tai người. Điều hành đội quân riêng”? Thôi nào, anh sẽ không bao giờ tái hòa nhập với thế giới thực được nữa. Anh đã bị nhúng chàm mãi mãi, anh không thể quay lại.

Tôi tới đó, nói với những người Thượng rằng tôi muốn gặp Jake Khùng. Họ đã biết tôi từ những nhiệm vụ mà chúng tôi hoạt động cùng nhau, vì vậy họ dẫn tôi đến chỗ cậu ta. Tôi không có vũ khí; họ chẳng việc gì phải lo lắng.

“Chào, Jimmy,” tôi nói khi thấy cậu ta. “Lâu rồi không gặp.”

“John John,” cậu ta chào tôi. Cậu ta luôn gọi tôi như thế. “Cậu đến gia nhập với tôi đây à? Đến lúc phải vậy rồi. Chúng tôi là đơn vị duy nhất trong cuộc chiến đáng nguyên rủa này mà Việt Cộng thật sự

e sợ. Chúng tôi không phải chiến đấu khi một cánh tay bị trói bởi một đồng chính trị gia tặc trách.”

Chúng tôi dành chút thời gian để hàn huyên. Lúc tôi kể với cậu ta rằng họ sắp ném bom cậu ta thì đã là buổi đêm.

“Tôi cho rằng họ sẽ làm thế, không sớm thì muộn,” cậu ta nói. “Tôi không thể chống lại việc đó. Chà, tôi đoán là chuyện này sẽ tới mà.”

“Cậu định làm gì?”

“Không biết nữa. Nhưng tôi không thể biến những người Thượng này thành con tin của tôi. Cho dù tôi có thể làm vậy, thì những kẻ khốn đó vẫn sẽ bỏ bom họ.”

“Tại sao cậu không đầu hàng?”

Cậu ta nhìn tôi với ánh mắt ranh mãnh. “Tôi không thích vào tù, John John ạ. Sau khi sống một cuộc sống tươi đẹp ở vùng Tây Nguyên này.”

“Chà, cậu đang lâm vào một tình thế nguy hiểm. Tôi không biết phải nói gì với cậu.”

Cậu ta gật đầu, rồi nói, “Cậu phải giết tôi, đúng không anh bạn?”

“Ừ,” tôi nói với cậu ta.

“Vậy thì làm đi.”

Tôi không nói gì.

“Tôi chẳng có lối thoát nào cả. Tôi biết, nếu cậu không làm vậy thì họ cũng sẽ làm bốc hơi người của tôi thôi. Và tôi thà để cậu giết tôi còn hơn là một kẻ nào đó mà tôi không biết thả hơn ba trăm cân bom xuống từ độ cao ba mươi nghìn feet. Cậu là anh em tốt của tôi, anh bạn ạ.”

Tôi vẫn không nói gì.

“Tôi yêu những người này,” cậu ta nói. “Tôi thực sự yêu quý họ. Cậu có biết bao nhiêu người trong số họ đã chết vì tôi không? Bởi vì họ biết tôi sẽ chết vì họ.”

Đây không chỉ là những lời nói suông. Một người bình thường thì khó mà hiểu được độ sâu nặng của niềm tin và tình yêu có thể nảy sinh giữa những người đàn ông trong chiến trận.

“Người của tôi sẽ chẳng vui vẻ gì với cậu đâu. Họ thực sự yêu quý tôi, những con người gốc ghêch ấy. Họ nghĩ rằng tôi là người có năng lực siêu nhiên. Nhưng cậu khá nhanh nhẹn. Cậu sẽ thoát được.”

“Tôi chỉ muốn về nhà,” tôi nói.

Cậu ta cười. “Chúng ta không có nơi nào là nhà, John ạ. Sau những gì chúng ta đã làm. Không thể quay lại như trước được nữa. Đây.” Cậu ta đưa tôi một khẩu súng lục. “Đừng lo cho tôi. Hãy cứu lấy người của tôi.”

Tôi nghĩ về nhà tuyển dụng, người đã cho chúng tôi hai mươi đô la để trả cho người phụ nữ kí tên thay mẹ chúng tôi để cho phép chúng tôi gia nhập quân đội.

“Hãy cứu lấy người của tôi,” Jimmy lặp lại.

Tôi nghĩ về lời dặn dò của Deirdre, *Anh hãy trông nom Jimmy nhé?*

Cậu ta nhắc lên một khẩu CAR-15, phiên bản súng tiểu liên của khẩu M-16 thường gặp với báng gấp và nòng ngắn, và nạp một băng đạn. Kéo chốt an toàn “cạch” một tiếng để tôi có thể thấy cậu ta làm thế.

“Nào, John John. Tôi sẽ không đề nghị cậu một cách tử tế như thế mãi đâu.”

Tôi nhớ cái lần cậu ta giơ tay ra sau khi bị tôi đánh gục, và nói *Cậu được lắm. Cậu tên gì?*

John Rain, đồ khốn, tôi đã trả lời, và chúng tôi lại tiếp tục đánh nhau.

Khẩu CAR-15 đang chĩa về phía tôi.

Tôi nghĩ về cái hố bơi gần Dryden, về việc phải quên hết mọi sự và nhảy xuống.

“Cơ hội cuối cùng,” Jimmy nói. “Cơ hội cuối cùng.”

Hãy làm theo những gì chúng tôi đề nghị, và anh sẽ được về nhà.

Chúng ta không có nơi nào là nhà, John ạ. Sau những gì chúng ta đã làm.

Tôi giơ khẩu súng lục lên một cách nhanh chóng, dứt khoát, chĩa ngang ngực cậu ta, bóp cò hai lần. Hai viên đạn xuyên qua ngực và bay ra từ sau lưng cậu ta. Jimmy đã chết trước cả khi gục xuống đất.

Hai người Thượng lao vào lán trại của Jimmy nhưng tôi đã nhặt khẩu CAR lên. Tôi bắn hạ họ và bỏ chạy.

An ninh của họ chỉ đảm bảo kiểm soát người từ bên ngoài vào. Họ không được chuẩn bị kỹ để ngăn ai đó chạy từ bên trong ra. Và họ bị sốc, hoảng loạn, trước việc mất Jimmy.

Tôi lãnh vài mảnh đạn văng ra từ một quả mìn định hướng phát nổ. Các vết thương nhỏ thôi, nhưng khi về lại căn cứ, họ đã báo tôi, “Tốt lắm, anh lính, đó là vết thương triệu đô đấy. Bây giờ anh sẽ được về nhà.” Họ đưa tôi lên một chiếc máy bay, và bảy mươi hai tiếng sau tôi đã trở lại Dryden.

Hai ngày sau thì thi thể Jimmy được đưa về. Đám tang diễn ra. Cha mẹ Jimmy khóc lóc thảm thiết, Deirdre khóc lóc thảm thiết. “Ôi Chúa ơi, John, em biết mà, em biết anh ấy sẽ không trở về. Ôi Chúa ơi,” cô ấy nói.

Tất cả mọi người đều muốn biết Jimmy đã chết thế nào. Tôi nói rằng cậu ta chết trong một trận chiến hỏa lực. Đó là tất cả những gì tôi biết. Gần biên giới.

Tôi rời thị trấn vào ngày hôm sau. Không từ biệt bất cứ ai trong số họ. Jimmy đã đúng, chúng tôi không có nơi nào là nhà sau những gì chúng tôi đã làm. “Sau khi biết được sự thật, làm sao tha thứ được đây?” Một nhà thơ từng nói.

Tôi tự nhủ đây là nghiệp chướng, những bánh xe lớn của vũ trụ đang xoay vần. Đời trước tôi đã giết anh trai của bạn gái tôi. Bây giờ sau khi sát hại một người, điều tiếp theo mà tôi biết lại là tôi có quan hệ tình cảm với con gái của ông ta. Nếu chuyện này xảy ra với ai khác, tôi sẽ nghĩ nó thật nực cười.

Tôi đã gọi điện tới khách sạn Imperial trước cuộc gặp với Tatsu và đặt phòng. Tôi có cất một vài thứ ở khách sạn này phòng khi trời mưa: vài bộ com lê, giấy tờ tùy thân, tiền, vũ khí được giấu giếm. Nhân viên khách sạn nghĩ tôi là một Nhật kiều thường xuyên về thăm quê hương, và tôi trả tiền cho họ để cất đồ của tôi ở đây, do đó tôi không phải mang chúng đi đi lại lại mỗi lần di chuyển. Tôi thậm chí còn tới đây ở định kì để làm tăng sức thuyết phục cho câu chuyện của tôi.

Imperial nằm ở vị trí trung tâm và có một quán bar tuyệt vời. Quan trọng hơn, nó đủ lớn để giúp anh ẩn nấu giống như một khách sạn tình yêu, nếu anh biết cách.

Tôi vừa đến ga Hibiya bằng tuyến Hibiya thì máy nhắn tin của tôi rung lên. Tôi rút nó ra khỏi thắt lưng và nhìn thấy một số điện thoại lạ, nhưng nhờ có đuôi 5-5-5 mà tôi biết rằng người nhắn là Tatsu.

Tôi tìm một máy điện thoại công cộng và bấm số điện thoại đó. Đầu dây bên kia nhắc máy ngay hồi chuông đầu tiên. “Đường dây an toàn chứ?” Giọng Tatsu hỏi.

“Đủ an toàn.”

“Hai vị khách sẽ rời Narita lúc 09:00 ngày mai. Họ sẽ mất chín mươi phút để tới nơi họ sẽ đến. Tuy nhiên, nhân vật của chúng ta có thể tới trước họ, vì vậy cậu sẽ cần có mặt ở đó sớm, ngay bên ngoài.”

“Được. Đồ nghề của tôi thì sao?”

“Đang được đặt vào vị trí. Cậu có thể lấy nó trong một tiếng đồng hồ nữa.”

“Được.”

Im lặng. Rồi anh ta nói: “Chúc may mắn.”

Kết nối bị ngắt.

Tôi nhét lại thẻ điện thoại và gọi vào số mà Tatsu đã cho tôi ở Ebisu. Thì thầm để che giấu giọng nói thật, tôi cảnh báo người ở đầu dây bên kia rằng sẽ có một quả bom được gài dưới gầm một chiếc xe ngoại giao đến thăm Căn cứ Hải quân Yokosuka vào ngày mai. Điều đó sẽ làm chậm lại quá trình di chuyển trước đồn gác.

Tôi đã tắm ở nhà Harry trước khi đi gặp Tatsu, nhưng trông tôi vẫn khá nhếch nhác khi đến nhận phòng ở khách sạn. Không một ai tỏ vẻ chú ý đến tay áo tôi, vốn bị ướt khi tôi mò gói đồ của Tatsu từ đài phun nước ở công viên. Dù sao đi nữa, tôi vừa mới bay về đây từ Bờ Đông của Hoa Kỳ - đó là một chuyến đi dài, bất cứ điều gì cũng có thể xảy ra. Nhân viên lễ tân cười khi tôi nói với anh ta rằng tôi đang trở nên quá già với việc đi lại này.

Đồ đạc của tôi đã được để sẵn trong phòng, những chiếc sơ mi được là phẳng phiu và những bộ com lê được treo ngay ngắn. Tôi bấm chốt cửa và ngồi lên giường, sau đó kiểm tra một ngăn giả trong cái va li mà họ đã mang lên cho tôi, và thấy ánh sáng mờ mờ phát ra từ khẩu Glock.

Tôi mở túi đồ dùng vệ sinh cá nhân, lấy ra những viên đạn mà tôi muốn từ một cái lọ trước đây đựng chất khử mùi, nạp đạn, và luôn khẩu súng xuống dưới đệm.

Vào lúc chín giờ, điện thoại reo. Tôi bắt máy, nhận ra giọng của Midori, và cho cô ấy biết số phòng.

Một phút sau, có tiếng gõ cửa khê khàng. Tôi đứng dậy và nhìn qua mắt thần trên cửa. Trong phòng không bật đèn, vì vậy người ở bên ngoài sẽ không biết liệu người ở trong phòng có đang nhìn ra ngoài để kiểm tra xem ai đang đứng trước cửa hay không. Để đèn sáng có thể biến anh thành một mục tiêu ngon lành cho một cú bắn.

Đó là Midori, như tôi mong đợi. Tôi mở cửa cho cô ấy vào rồi chốt cửa lại. Khi tôi quay về phía cô ấy, cô ấy đang nhìn ngăm quanh

phòng. “Chà, đã đến lúc chúng ta ở một nơi như thế này,” cô ấy nói. “Em ngán những cái khách sạn tình yêu kia đến tận cổ rồi.”

“Nhưng chúng cũng có những ưu điểm,” tôi nói, ôm cô ấy.

Chúng tôi gọi sashimi và rượu sake nóng cho bữa tối, và trong khi đợi phục vụ phòng mang tới, tôi kể với Midori về cuộc gặp với Tatsu, và tin xấu về Bulfinch.

Đồ ăn được đem đến, và, khi phục vụ phòng đã rời đi, Midori nói, “Em phải hỏi anh một chuyện hơi... ngớ ngẩn. Có được không?”

Tôi nhìn cô ấy, và cảm thấy ruột gan quặn thắt trước sự thành thật trong mắt cô ấy. “Dĩ nhiên là được.”

“Em đang nghĩ về những kẻ đó. Chúng đã giết Bulfinch. Chúng đã cố giết anh và em. Chắc hẳn chúng đã muốn giết cha em. Anh có nghĩ... ông thực sự bị truy tìm không?”

Tôi rót rượu sake từ chiếc bình thót cổ bằng gốm vào hai chiếc cốc nhỏ giống nhau, ngắm nhìn những dải khói bốc lên từ bề mặt của chúng. Bàn tay tôi vẫn vững vàng. “Câu hỏi của em chẳng ngớ ngẩn chút nào. Có những cách giết người trông như một vụ tai nạn, hoặc như thể xuất phát từ những nguyên nhân tự nhiên. Và anh đồng ý rằng, dựa vào những gì chúng biết được về các hoạt động của cha em, chúng chắc chắn sẽ muốn ông ấy phải chết.”

“Ông đã sợ rằng chúng sẽ giết ông. Ông đã bảo em thế.”

“Ừ.”

Cô ấy đang gõ ngón tay trên bàn, chơi một giai điệu dữ dội trên một chiếc piano tưởng tượng. Trong mắt cô ấy lóe lên một tia lửa lạnh lẽo. “Em nghĩ chúng đã giết ông ấy,” cô ấy nói, gật đầu.

Chúng ta không có nơi nào là nhà, John ạ. Sau những gì chúng ta đã làm. “Có thể em nói đúng,” tôi nói, khẽ khàng.

Cô ấy đã biết? Hay trí óc cô ấy từ chối đi đến nơi bản năng muốn dẫn cô ấy đến? Tôi không tài nào nhận ra.

“Điều quan trọng là cha em là một người dũng cảm,” tôi nói, giọng hơi khàn. “Vì vậy, dù ông ấy chết thế nào, cái chết của ông ấy cũng không vô ích. Đó là lí do anh phải lấy lại cái đĩa. Anh phải hoàn tất những gì cha em đã bắt đầu. Anh thật sự...” Tôi không biết mình định nói gì. “Anh thật sự muốn làm điều đó. Anh cần làm điều đó.”

Những cảm xúc mâu thuẫn lướt qua trên mặt cô ấy như bóng của những đám mây đang bay nhanh. “Em không muốn anh làm vậy,” cô ấy nói. “Việc đó quá nguy hiểm.”

“Nó không nguy hiểm như em tưởng đâu. Bạn anh sẽ đảm bảo rằng cảnh sát ở đó biết chuyện gì đang xảy ra, vì vậy sẽ không có ai bắn anh cả.” Tôi hi vọng như vậy.

“Còn người của CIA? Anh không thể kiểm soát họ.”

Tôi nghĩ về điều đó. Có lẽ Tatsu đã tính toán rằng nếu tôi bị giết, anh ta sẽ dùng nó làm một cái cớ để yêu cầu tất cả mọi người ra khỏi xe, lục soát vũ khí, và tìm cái đĩa theo cách đó. Anh ta vốn là một người thực tế.

“Sẽ không ai bắn anh đâu. Theo kế hoạch của anh, chúng sẽ không biết chuyện gì đang xảy ra cho đến khi quá muộn.”

“Em tưởng rằng, trong chiến tranh, chẳng có gì diễn ra theo đúng kế hoạch cả.”

Tôi cười. “Đúng vậy. Anh còn sống đến giờ này là nhờ giới ứng biến mà.”

Tôi nhấp một ngụm sake. “Dù sao đi nữa, chúng ta gần như không có lựa chọn,” tôi nói, tận hưởng cảm giác thứ chất lỏng nóng bỏng đó lan tỏa trong bụng. “Yamaoto không biết rằng Holtzer đã có cái đĩa, vì vậy hẳn sẽ tiếp tục săn lùng em nếu chúng ta không lấy lại nó. Và săn lùng cả anh nữa.”

Chúng tôi im lặng ăn uống trong vài phút. Rồi cô ấy nhìn tôi và nói, “Điều anh nói có lí, nhưng vẫn thật khủng khiếp.” Giọng cô ấy nghe thật chua xót.

Tôi muốn nói với cô ấy rằng rồi cuối cùng cô ấy sẽ quen với những điều khủng khiếp nhưng có lí. Nhưng tôi không nói gì.

Cô ấy đứng dậy và thơ thẩn lại gần cửa sổ. Lưng quay về phía tôi, ánh sáng chiếu vào qua ô cửa sổ rọi bóng cô ấy. Tôi ngắm cô ấy một lát, rồi đứng dậy và bước tới, từng bước chân nặng trĩu giẫm trên tấm thảm. Tôi dừng lại đủ gần để ngửi mùi hương trong lành tỏa ra từ làn tóc cô ấy, và một thứ mùi khác lạ lùng hơn, rồi chậm chậm, chậm chậm giơ tay lên để những đầu ngón tay chạm vào vai và cánh tay cô ấy.

Rồi những đầu ngón tay tôi nhường chỗ cho cả bàn tay, và khi bàn tay tôi di chuyển xuống hông cô ấy, cô ấy ngả vào người tôi. Bàn tay cô ấy tìm tay tôi và chúng cùng nhau di chuyển lên phía trên, ôm lấy bụng cô ấy và vuốt ve nó theo một kiểu khiến tôi không thể nhận ra ai đang dẫn dắt động tác ấy.

Đứng đó với cô ấy, nhìn Tokyo qua cửa sổ, tôi cảm thấy sức nặng của thứ mà tôi sẽ đối mặt vào sáng mai đang từ từ rời bỏ tôi. Tôi vui vẻ nhận ra rằng vào lúc đó, tôi chẳng muốn ở bất kì một nơi nào khác trên hành tinh này. Thành phố quanh chúng tôi là một sinh vật sống: hàng triệu ánh đèn là những con mắt của nó; tiếng cười của những cặp tình nhân là giọng nói của nó; những con đường cao tốc và nhà máy là các múi cơ và bắp thịt của nó. Và trái tim nó chính là nơi tôi đang đứng đây.

Chỉ một chút nữa thôi, tôi nghĩ, hôn cổ và tai cô ấy. Thêm một chút thời gian ngắn ngủi ở một khách sạn nơi không ai biết chúng tôi là ai, nơi chúng tôi có thể thoát khỏi vòng tay kìm kẹp của quá khứ, lánh xa tất cả những điều mà tôi biết sẽ sớm cắt đứt sự ràng buộc mong manh giữa tôi với người phụ nữ này.

Tôi bắt đầu cảm nhận được hơi thở của cô ấy, vị của làn da cô ấy, và cái cảm giác thư thái về thành phố lẫn vị trí của chúng tôi trong nó dần dần bay biến. Cô ấy quay lại và hôn tôi, nhẹ nhàng, rồi dữ dội hơn, bàn tay cô ấy đặt lên mặt tôi, dưới áo tôi, sức nóng từ sự đụng

chạm ấy lan tỏa trong lồng ngực tôi như những gợn sóng lăn tăn trên mặt nước.

Chúng tôi ngã nhào lên giường, lột quần áo của nhau, hối hả quăng chúng xuống sàn. Lưng cô ấy rướn cong lên và tôi hôn ngực cô ấy, bụng cô ấy, và cô ấy nói, “Không, ngay bây giờ, em muốn anh ngay bây giờ,” và tôi dẫn người lên, cảm thấy đôi chân cô ấy đang dang rộng hai bên đùi tôi, và tôi đi vào bên trong cô ấy. Cô ấy thốt lên một tiếng kêu như gió nổi, và chúng tôi chuyển động đối nghịch nhau, nhịp nhàng với nhau, ban đầu từ từ, rồi gấp gáp hơn. Chúng tôi cùng nhau tan chảy, thở hơi thở từ lá phổi của nhau, cảm giác phấn khích lan dần từ đầu đến háng đến những ngón chân và vòng lại cho đến khi tôi không thể nhận ra đâu là cơ thể tôi và đâu là cơ thể cô ấy. Tôi cảm thấy một tiếng vang rền dâng lên giữa chúng tôi và bên trong chúng tôi như những đám mây bão đang cuộn cuộn lan tới và khi tôi xuất, khắp nơi như bùng lên tiếng sấm nổ, từ cơ thể cô ấy đến cơ thể tôi và tất cả những chỗ chúng tôi giao nhau.

Sau đó chúng tôi nằm yên ở đó, vẫn quấn lấy nhau, cạn kiệt sức lực như thể chúng tôi đã giao chiến với nhau nhưng không thể hạ gục đối phương bằng những cú đòn cuối cùng uy lực nhất. “*Sugoi**,” cô ấy nói. “Họ đã bỏ gì vào rượu sake vậy?”

Tôi mỉm cười với cô ấy. “Em muốn một chai nữa à?”

“Nhiều chai nữa ấy chứ,” cô ấy nói, uể oải. Và đó là điều cuối cùng mà cả hai chúng tôi nói trước khi tôi chìm vào một giấc ngủ mà may mắn thay không bị những kí ức quấy rầy và chỉ hơi bị khuấy động bởi nỗi sợ hãi về thứ vẫn sẽ tới.

23

TÔI THỨC GIẤC ngay trước lúc bình minh ló dạng, và đứng nhìn ra ngoài cửa sổ khi những tia sáng tỏa lan trên Tokyo và thành phố dần dần tỉnh dậy từ giấc ngủ của nó, mơ màng duỗi những ngón tay và ngón chân. Midori vẫn đang ngủ.

Tôi đi tắm và mặc một bộ com lê tôi cất ở Imperial, nó được may bằng vải flannel màu xám nặng mười một ounce của hãng Paul Stuart. Một cái áo sơ mi cotton Sea Island trắng, cà vạt màu xanh nước biển truyền thống. Đôi giày được đặt đóng riêng, chiếc cặp ngoại giao lâu năm thuộc một hãng sản xuất đồ da của Anh đáng tiếc là hiện không còn tồn tại có tên W. H. Gidden. Tôi ăn mặc chỉnh chu và lịch lãm hơn hầu hết những người cần phải ăn mặc như thế - anh nên nhớ rằng, các chi tiết là thứ giúp anh nguy trang, hoặc lật tẩy anh. *Và biết đâu đấy? tôi nghĩ. Nếu chuyện này không diễn ra suôn sẻ, mà có thể được chôn cất trong bộ đồ này. Mà nên giữ một vẻ ngoài tử tế.*

Midori đã dậy lúc tôi tắm. Cô ấy đang mặc cái áo choàng tắm màu trắng bằng vải bông xù của khách sạn và ngồi im lặng trên giường trong khi tôi thay đồ. “Em thích anh mặc com lê,” cô ấy nói khi tôi đã xong. “Trông anh tuyệt lắm.”

“Chỉ là một *sarariman* trên đường đi làm,” tôi nói, cố gắng bông đùa.

Tôi thả khẩu Glock vào một bao súng ngắn được đặt làm riêng đeo ở chỗ thắt lưng, ở đó nó sẽ được nếp gấp cầu kì của lớp vải flannel che giấu. Rồi tôi luồn quả lựu đạn gậy choáng vào dưới nách, ngay bên trên tay áo vét, ở đó sức ép tự nhiên của cánh tay tôi sẽ giữ nó nằm yên một chỗ. Tôi giơ cánh tay ra vài xentimét và lắc lắc nó thật

mạnh, và quả lựu đạn trượt xuống bàn tay đang đợi sẵn của tôi. Cảm thấy hài lòng, tôi đưa nó trở lại vị trí cũ.

Tôi xoay đầu và nghe tiếng những khớp xương cổ kêu răng rắc. “Thôi. Anh phải đi đây. Tối anh sẽ về. Em đợi anh nhé?”

Cô ấy gật đầu, khuôn mặt đành lại. “Em sẽ ở đây đợi anh. Hãy quay về nhé.”

“Anh sẽ về.” Tôi nhắc cái cặp ngoại giao lên và rời đi.

Sảnh khách sạn tương đối vắng những vị khách doanh nhân sẽ sớm thức dậy và gặp nhau để họp mặt trong những bữa sáng đắt đỏ của những người quyền lực. Tôi bước qua cửa chính và lắc đầu trước lời đề nghị giúp đỡ gọi tắc xi của nhân viên khuôn vác hành lí, vì muốn đi bộ theo đường vòng đến ga Tokyo hơn, như thế tôi sẽ có cơ hội để đảm bảo rằng tôi không bị theo dõi. Từ nhà ga tôi sẽ đi tàu đến Shinbashi, và từ Shinbashi sẽ đi tiếp đến nhà ga ở Yokosuka. Tôi có thể đi thẳng từ ga Tokyo, nhưng thích một lộ trình vòng vèo hơn vì những lí do quen thuộc.

Đó là một buổi sáng trong lành, mát mẻ: kiểu thời tiết hiếm hoi của Tokyo, và là kiểu thời tiết tôi ưa thích nhất. Khi đi tắt qua công viên Hibiya, tôi thấy một bông *asagao** nhỏ nở bung một cách lạ lùng dưới tia nước lạnh giá của một đài phun nước. Đó là một loài hoa của mùa hè, và tôi thấy nó có vẻ buồn bã, như thể nó biết mình sắp tàn trong cái lạnh mùa thu.

Ở ga Tokyo, tôi mua một tấm vé đến Shinbashi, từ đó chuyển tiếp sang tuyến Yokosuka, vừa đi vừa kiểm tra xem có kẻ nào theo dõi không. Tôi mua một chiếc vé khứ hồi đến Yokosuka, mặc dù một chiếc vé một chiều sẽ an toàn hơn đôi chút. Tất cả binh lính đều mê tín, như Jake Khùng hay nói, và những thói quen cũ thường khó bỏ.

Tôi lên tàu lúc 7 giờ, và bốn phút sau nó rời ga, rất đúng giờ. Bảy mươi tư phút sau, chúng tôi vào ga Yokosuka, nằm ở bên kia bến cảng tính từ căn cứ quân sự hải quân. Tôi bước ra sân ga, tay cầm chiếc cặp

ngoại giao, và giả vờ gọi điện thoại ở một bộ điện thoại công cộng trong khi những hành khách khác xuống cùng chuyến tàu với tôi đang tản đi.

Từ nhà ga, tôi đi bộ dọc theo mép nước của cảng Yokosuka. Một cơn gió lạnh lướt qua mặt nước phả vào mặt tôi, thoảng đưa hương vị mặn mòi của biển. Bầu trời u ám, đối lập với thời tiết quang đãng ở Tokyo. *Tốt đẹp đến đáng ngờ*, tôi nghĩ.

Mặt cảng xám xịt và mang dấu hiệu của điềm gở giống như bầu trời. Tôi dừng lại trên một lối đi bằng gỗ trông ra bến cảng, nhìn những con tàu chiến ẩn tàng nguy hiểm của Mỹ đang nghỉ ngơi, những ngọn đèn nhấp nhô đằng sau chúng xanh đến sừng sốt giữa màu xám của vụn vật. Những mảnh rác thải của quân đội đang bập bênh trôi giạt vào bờ kè bên dưới: những cái chai rỗng, những gói thuốc lá, những cái túi ni lông trông như một loài sinh vật biển kì quái đang phân hủy đã bị thương ở sâu trong lòng đại dương và nổi lên bề mặt để chết.

Bến cảng này gợi tôi nhớ đến Yokohama, và những buổi sáng chủ nhật ngày xưa khi mẹ dẫn tôi tới đó. Yokohama là nơi bà tới để đi lễ nhà thờ, và bà đã định nuôi dạy tôi như một tín đồ Công giáo. Hồi đó chúng tôi đi từ ga Shibuya, và chuyến đi kéo dài hơn một tiếng đồng hồ, chứ không phải hai mươi phút như ngày nay.

Tôi nhớ những chuyến tàu dài ấy, khi mẹ tôi luôn cầm tay tôi, dẫn tôi lánh xa sự bất mãn của bố tôi trước sự áp đặt thứ nghi lễ phương Tây đã có từ ngàn xưa này lên đứa con trai nhỏ nhạy cảm của ông. Nhà thờ là một trải nghiệm âm thầm về cảm quan: thứ mùi ẩm mốc không đổi của giấy cũ và đệm ngồi; những hàng ghế dài có lưng dựa thẳng đứng, cứng nhắc như khuôn bó bột; ánh sáng lấp lánh của những thiên thần bằng kính màu; những tiếng vang rợn người của nghi thức tế lễ; vị nhạt nhẽo của bánh và rượu trong lễ ban thánh thể. Tất cả được xúc tác bởi một cảm giác ngày một lớn dần rằng trải nghiệm này diễn ra qua một ô cửa sổ mà cha tôi, nửa di sản văn hóa còn lại của tôi, sẽ muốn đóng chặt lại.

Người ta thường nói nền văn hóa của phương Tây là nền văn hóa dựa trên tội lỗi, trong khi nền văn hóa của Nhật Bản dựa trên sự xấu hổ, sự khác biệt lớn nhất của chúng là văn hóa tội lỗi phụ thuộc vào cảm xúc nội tâm trong khi văn hóa xấu hổ phụ thuộc vào sự hiện diện của cả một nhóm người.

Nhưng tôi có thể quả quyết với tư cách một Tiresias * của cả hai thế giới này rằng sự khác biệt ấy không quá quan trọng như người ta làm anh tin. Cảm giác tội lỗi xuất hiện khi không có nhóm người nào khiến anh thấy tự hổ thẹn. Sự hối hận, nỗi khiếp sợ, hành động tàn bạo: nếu nhóm người xung quanh không quan tâm, chúng ta chỉ đơn giản tạo ra một vị Chúa làm việc đó thay họ. Một vị Chúa có thể bị lay động bởi những hành động, hay chí ít là những nỗ lực tốt đẹp sau này của một kẻ từng có thời phạm tội.

Tôi nghe tiếng những chiếc lốp xe nghiêng trên lớp sỏi, và quay về phía bãi đỗ xe đằng sau đúng lúc trông thấy chiếc đầu tiên trong ba chiếc sedan màu đen phanh lại cách chỗ tôi đứng một vài mét. Những cánh cửa sau bật mở và mỗi bên có một người đàn ông bước ra. Tất cả đều là người phương Tây. *Holtzer*, tôi nghĩ.

Những chiếc xe phía sau dừng lại bên trái và bên phải của chiếc dẫn đầu; vì đang quay lưng về phía mặt nước, tôi đã bị bao vây. Từ mỗi chiếc xe mới tới lại có thêm hai gã đàn ông nữa bước ra. Tất cả bọn chúng đều lăm lăm trong tay những khẩu Beretta.

“Lên xe,” tên đứng gần tôi nhất gầm gừ, ra hiệu về phía chiếc xe đi đầu bằng khẩu súng của hắn.

“Tôi không nghĩ vậy,” tôi nói, giọng bình thản. Nếu chúng định giết tôi, chúng sẽ phải thực hiện ở đây.

Sáu tên đứng xung quanh tôi theo hình bán nguyệt. Nếu chúng khép chặt vòng vây hơn một chút, tôi có thể cố gắng xông qua một gã đứng ở ngoài rìa - gã đứng đối diện với hắn sẽ không dám bắn, vì sợ bắn nhầm vào đồng bọn.

Nhưng chúng có kỉ luật quá tốt và kiềm chế được thôi thúc tiến lại gần. Có lẽ chúng đã được dặn dò kĩ lưỡng về những mối nguy hiểm của việc ở quá gần tôi.

Thay vào đó, một tên trong bọn thò tay vào bên trong áo khoác và lấy ra thứ mà tôi nhận ra ngay là một khẩu súng điện - loại súng làm người ta tê liệt.

Có nghĩa là chúng muốn bắt tôi, chứ không phải giết tôi. Tôi xoay người để lao mình vào gã đàn ông gần tôi nhất, nhưng đã quá muộn. Tôi nghe tiếng khẩu súng điện kêu “póc” một tiếng và bắn ra hai mũi kim phóng điện, cảm thấy chúng cắm ngập vào đùi tôi, một luồng điện ào ạt đổ vào khắp cơ thể. Tôi quy xuống, co giật không kiểm soát nổi, muốn đưa tay nhổ những mũi kim ra nhưng không điều khiển được tứ chi.

Chúng chờ đợi lâu hơn mức cần thiết, đứng xung quanh tôi trong khi tôi co giật như một con cá trên sàn tàu. Cuối cùng sự co giật cũng chấm dứt, nhưng tôi vẫn không điều khiển được tứ chi và không hít nổi một hơi thở. Tôi cảm thấy chúng lục soát người tôi - mắt cá chân, đùi, thắt lưng. Những bàn tay thọc lên lưng áo vét và tôi cảm thấy khẩu Glock bị lấy ra khỏi bao súng. Tôi đợi cuộc lục soát tiếp tục nhưng chúng đã dừng lại. Chắc là chúng thỏa mãn vì đã tìm thấy vũ khí của tôi, và không tìm kiếm thêm nữa - sai lầm a-ma-tơ này đã cứu được quả lựu đạn gây choáng, nó vẫn đang nằm yên ở vị trí cũ.

Ai đó ngồi quỳ trên cổ tôi và còng hai cánh tay tôi ra sau lưng. Một cái mũ trùm đầu được chụp vào đầu tôi. Một kẻ khác bước tới và tôi cảm thấy chúng nhấc tôi lên, mềm nhũn như một cái bao tải, và ném tôi vào sàn của một chiếc xe. Rồi những cái đầu gối lại đè vào lưng tôi, cửa đóng sập lại, và chiếc xe chồm lên di chuyển.

Chiếc xe đi chưa tới năm phút. Dựa vào tốc độ xe và việc nó không rẽ lần nào, tôi biết chúng tôi vẫn đang ở trên Quốc lộ 16 và đã đi qua căn cứ quân sự. Trong suốt chuyến đi, tôi thử ngo ngoáy các ngón tay, ngón chân. Tôi đã điều khiển được chúng, nhưng hệ thần

kinh của tôi vẫn bị rối loạn từ cú điện giật lúc nãy, và tôi cảm thấy nôn nao trong dạ.

Tôi cảm thấy chiếc xe chạy chậm lại và rẽ phải, nghe thấy tiếng sỏi lạo xạo bên dưới lớp bánh xe. Chúng tôi dừng lại. Những cánh cửa mở ra, và một đôi tay nắm lấy hai cổ chân và lôi tôi ra khỏi xe. Đầu tôi va vào cạnh dưới của cánh cửa trên đường ra ngoài và tôi nỗ lực nhắm mắt.

Chúng lôi tôi dậy và đẩy tôi về phía trước. Tôi nghe tiếng những bước chân xung quanh và biết rằng mình đang bị bao vây. Rồi chúng đẩy tôi lên một cầu thang ngắn. Tôi nghe tiếng cửa mở, rồi đóng lại với tiếng va đập của nhôm rỗng. Tôi bị ấn vào một cái ghế và chiếc mũ trùm đầu được lột ra.

Tôi đang ở bên trong một cái rơ moóc. Ánh sáng lờ mờ lọt vào qua một ô cửa sổ trượt duy nhất. Một bóng người đang ngồi quay lưng về phía nó.

“Chào, John. Rất vui khi gặp anh.” Đó là Holtzer, dĩ nhiên.

“Mẹ kiếp,” tôi nói, cố ý bộc lộ vẻ thất bại và chán nản. Không quá gay gắt, trong hoàn cảnh này. “Làm thế nào mà tóm được tao?”

“Tôi biết anh sẽ nghe về chuyện của Bulfinch, và anh sẽ tìm cách giành lại cái đĩa. Tôi biết anh có những nguồn thông tin, và anh có thể lần theo dấu vết của tôi. Để đề phòng, chúng tôi đã dựng lên các chốt kiểm tra xung quanh những khu vực mà anh có khả năng xuất hiện gần căn cứ quân sự. Anh đã bước thẳng vào một trong số chúng.”

“Mẹ kiếp,” tôi lặp lại, lần này là xuất phát từ cảm xúc thật.

“Đừng tự trách mình. Anh đã suýt thực hiện được kế hoạch. Nhưng đáng ra anh phải biết là anh sẽ không thể thành công, John ạ. Anh luôn như vậy mà, mỗi khi đối đầu với tôi.”

“Đúng vậy,” tôi nói, cố gắng tính toán xem tôi sẽ thoát khỏi chuyện này bằng cách nào. Nếu không có còng tay, tôi có thể xử lý Holtzer và hai gã ở cửa, mặc dù tôi không biết có còn ai ở bên ngoài không. Có còng tay, tôi sẽ chẳng làm được gì cả.

“Anh thậm chí không biết ý tôi là gì, đúng không?” hấn tiếp tục.
“Chúa ơi, anh lúc nào cũng quá đui mù.”

“Mày đang nói gì vậy?”

Đôi môi dày của hấn méo mó nở một nụ cười đáng ghét và hấn lặng lẽ mấp máy bảy từ. Ban đầu tôi không hiểu, vì vậy hấn tiếp tục mấp máy cho đến khi tôi vỡ lẽ.

Tôi là tên gián điệp hai mang. Tôi là tên gián điệp hai mang.

Tôi cúi đầu xuống và cố gắng kiềm chế. “Mẹ kiếp, Holtzer. Mày làm gì có quyền tiếp cận thông tin. Đó là một người bên phía ARVN.”

“Anh nghĩ vậy à?” Hấn nói, ghé sát mặt tôi và hạ giọng thì thào để người của hấn không nghe thấy. “Còn nhớ Cu Lai không?”

Ngôi làng ở Campuchia. Tôi cảm thấy một cảm giác nôn nao dâng lên mà không liên quan gì đến tác động của cú điện giật lúc nãy.

“Nó làm sao?” Tôi nói.

“Nhớ câu ‘Khử chúng’ không? Nhớ câu ‘Con trai à, ta quả quyết với anh rằng nếu ta nói cấp bậc của ta cho anh biết thì anh sẽ sợ vãi cả ra quần mất’ không? Anh cứng đầu lắm, John ạ! Tôi đã phải sử dụng ba giọng nói khác nhau để thuyết phục anh.”

Bình tĩnh nào, John. Hãy tập trung vào vấn đề trước mắt. Làm thế nào để thoát được chuyện này.

“Tại sao?” Tôi hỏi.

“Tôi có một nguồn cung cấp tin, một gã có thể làm được nhiều việc cho tôi. Tôi phải cho hấn thấy tôi có thể làm được gì cho hấn. Một người trong làng đã cho hấn vay nhiều tiền, và đang gây ra rắc rối cho hấn về vấn đề này. Tôi muốn cho hấn thấy tôi có thể giải quyết những rắc rối đó như thế nào.”

“Vì vậy mày tàn sát cả một ngôi làng chỉ để xử lí một người?”

“Phải làm vậy thôi. Chúng giống nhau cả mà, anh biết đấy.” Hấn cười phá lên trước câu nói đùa của mình.

“Nhảm nhí. Mà chỉ cần cho nguồn thông tin của mà tiền để trả nợ không được à?”

Hắn ngửa đầu ra sau và cười. “Thôi nào, Rain, mấy thằng đếm đậu chú ý đến số tiền được chi tiêu hơn là số đạu được dùng. Vài dân làng bị chết ư? Chỉ thêm vài tay Việt Cộng để tính vào số thi thể chết trậu của phe địch thôi. Chúa ơi, giải quyết bằng cách đó còn dễ dàng hơn là yêu cầu chúng xuất tiền, điền vào giấy tờ, hay tất cả những thứ lằng nhằng như thế.”

Lần đầu tiên kể từ sau một số cơn ác mộng của chiến tranh, tôi có thể cảm thấy nỗi thất vọng thực sự đang bắt đầu len sâu vào đầu óc tôi. Tôi bắt đầu hiểu rõ rằng chỉ trong vài phút nữa thôi tôi sẽ chết, rằng Holtzer sẽ chiến thắng, như từ trước đến giờ. Và mặc dù không còn quá quan tâm tới chuyện sống chết, nhưng việc biết rằng tôi đã không thể ngăn chặn hẳn, đồng thời hiểu ra hẳn đã dặt mũi tôi làm gì nhiều năm trước, khiến tôi choáng váng.

“Tao không tin,” tôi nói, câu giờ. “Họ đã cho mà thứ gì đáng để mà làm thế? Tao biết đó không phải là tiền - ba mươi lăm năm sau, mà vẫn là một thằng đếm đậu của chính phủ trong bộ com lê rẻ tiền.”

Hắn làm bộ thông cảm một cách cường điệu. “Anh đúng là đồ nông dân, Rain ạ. Thế giới này có những lẽ thói mà anh không hiểu được. Anh trao đổi tin tức để lấy tin tức, đó chính là mảnh khöhe. Lúc đó tôi có một nguồn thông tin đang cung cấp cho tôi tin tức về các hoạt động của NVA - những thông tin cực kì quan trọng cho chiến dịch Arc Light* phá hoại đường dây tiếp tế trên đường mòn Hồ Chí Minh. Và cho dù các nhiệm vụ của SOG không thực sự gây hại đến các hoạt động của họ, nhưng miền Bắc vẫn bị ám ảnh với đám cao bồi các anh bởi vì các anh khiến họ có cảm giác như họ không thể kiểm soát hậu tuyến của họ. Vì vậy họ muốn có tin tức tình báo về SOG, và sẵn sàng đổi lấy chúng bằng tin tức tình báo về họ. Tôi đã đổi được vàng từ phân lợn.”

Tôi biết hẳn đang nói thật. Tôi không thể nói được gì cả.

“Ồ, để tôi chia sẻ thêm một mẩu tin lí thú nữa trước khi những người này đưa anh ra ngoài, bắn vào sau đầu anh, và ném thi thể anh xuống cảng,” hẳn tiếp tục. “Tôi biết hết mọi chuyện về ‘Jake Khùng’. Tôi đã đề cử anh cho nhiệm vụ trừ khử hẳn.”

Họng tôi nghẹn lại. Tôi không thể nói gì. Cảm giác như bị cưỡng hiếp.

“Thật đấy, may mắn làm sao khi vấn đề về đội quân người Thượng nhỏ bé của hẳn lọt vào sự chú ý của tôi. Tôi biết người nào có thể giải quyết chuyện đó - người bạn thân của hẳn từ thời học trung học, John Rain. Không một ai khác có thể đến gần hẳn.”

Tất cả đã kết thúc. Tôi sẽ chết. Tâm trí tôi bắt đầu nghĩ lan man, và một sự điềm tĩnh lạ lùng phủ xuống.

“Sau đó tôi đem chuyện này rêu rao khắp nơi. Đó là một thông tin mật, nhưng tôi đã làm cho tất cả mọi người đều biết. ‘Chỉ có anh và tôi biết thôi nhé,’ anh có thích cụm từ đó không? Nó chẳng khác nào câu nói, ‘hãy đảm bảo là đưa nó lên mặt báo nhé.’ Tuyệt thật đấy.”

Tôi bỗng thấy mình nhớ lại lần đầu tiên leo núi Phú Sĩ. Lúc đó tôi đi với bố tôi, và cả hai cha con đều không mặc đủ ấm để đối phó với cái lạnh. Chúng tôi cứ thay nhau đòi quay về, nhưng không hiểu sao người kia luôn nhất mực đòi đi tiếp, và cuối cùng chúng tôi đã lên tới đỉnh. Sau này chúng tôi luôn cười khi nhắc lại chuyện đó, và ông rất thích kể về nó.

“Anh biết không, chuyện đó làm mọi người khó chịu, John ạ. Loại người gì mà có thể giết chính người bạn thân nhất của mình cơ chứ? Lên đến chỗ hẳn và khử hẳn? Dĩ nhiên không phải là người mà sau đó ta có thể tin tưởng rồi. Không phải là người mà ta có thể thăng chức, giúp đỡ trên con đường sự nghiệp. Tôi đoán rằng cái thông tin chỉ có anh và tôi biết thôi nhé đã hủy hoại phần nào sự nghiệp của anh trong quân đội, đúng không? Kể từ lúc đó, anh chỉ còn được coi là một

thằng lính lai tay sai hèn hạ, giết người để đạt được mục đích của mình.”

Bố tôi luôn thích kể câu chuyện đó. Và điều khiến ông ấy vui nhất là chúng tôi đã luân phiên thuyết phục nhau tiếp tục cho đến khi chúng tôi lên tới đỉnh.

“Mèo ăn mất lưỡi của anh rồi à, Rain?”

Phải, đó là một kí ức thú vị. Không tời khi mang theo nó trên đường rồi bỏ cõi đời này.

Hắn đứng dậy và quay sang hai gã ở cửa. “Đừng giết hắn ở đây - nó quá gần căn cứ hải quân. Quân đội vẫn có hồ sơ răng của hắn, và có thể nhận dạng thi thể. Chúng ta không muốn bất cứ ai phát hiện ra sự liên quan của hắn với chính phủ Mỹ - hay với tôi. Hãy đưa hắn đến một chỗ nào đó và ném hắn đi khi các anh xong việc.”

Một gã tay chân mở cửa cho Holtzer, và hắn bước ra ngoài.

Tôi nghe tiếng cửa xe mở ra và đóng lại, rồi tiếng hai bộ bánh xe nghiêng lạo xạo trên lớp sỏi khi chúng rời đi. Chúng tôi đã tới đây trong ba chiếc xe, như vậy chỉ còn lại một chiếc. Tôi không biết liệu bên ngoài có còn ai không.

Hai gã kia vẫn đứng ở cửa, khuôn mặt không cảm xúc.

Một phần nào đó sâu thẳm trong con người tôi nổi dậy, cương quyết đòi ra ngoài để chiến đấu.

“Còn tay làm tôi đau quá,” tôi nói, chậm chạp đứng dậy. “Các anh có thể làm gì giúp tôi không?”

Một gã cười. “Đừng lo, bọn tao sẽ giúp mày giải quyết cơn đau trong vài phút nữa thôi.”

“Nhưng cánh tay tôi đau quá,” tôi lại nói, làm bộ sắp khóc và giơ khuỷu tay lên để tạo khoảng trống giữa phần trên của cánh tay và thân người. Tôi thấy một gã nhếch mép cười khinh bỉ.

“Ôi Chúa ơi, tôi nghĩ tôi đang bị nghẽn tuần hoàn máu,” tôi rên rỉ. Tôi xoay xoay vai cho đến khi quả lựu đạn gậy choáng lộn xuống

tay áo, rồi giơ khuỷu tay lên và bắt đầu lắc lắc cánh tay thật dữ dội. Tôi cảm thấy quả lựu đạn trượt xuống phần trên của tay áo khoác.

Quả lựu đạn gậy choáng sẽ không trượt xuống dễ dàng cho lắm do sức ép của cánh tay bị còng vào mạng sườn. Tôi nhận ra đáng lẽ tôi phải cố gắng đẩy nó ra sau lưng, từ đó nó sẽ rơi xuống hai bàn tay bị còng của tôi dễ dàng hơn. Quá muộn rồi.

Tôi hạ cổ tay xuống, duỗi thẳng cánh tay, và bắt đầu nhún nhún bàn chân như thể tôi mót đi tiểu lắm rồi. “Tôi cần giải quyết nỗi buồn,” tôi nói.

Hai gã ở cửa nhìn nhau, vẻ mặt tỏ rõ sự khinh bỉ.

Mỗi cú nhún lại làm quả lựu đạn dịch chuyển xuống một xentimét cốt yếu nữa. Khi nó qua được khuỷu tay, tôi cảm thấy nó trượt thẳng xuống bàn tay đang đờ của tôi.

Quả lựu đạn được định giờ năm giây. Nếu tôi ném nó ra quá sớm, chúng có thể thoát được ra ngoài trước khi nó phát nổ. Nếu tôi chần chừ quá lâu, tôi có thể sẽ mất một bàn tay. Dĩ nhiên tôi không định tháo còng tay bằng cách đó.

Tôi kéo chốt an toàn ra và đếm. *Một giây...*

Gã bên trái cửa thò tay vào trong áo khoác, bắt đầu rút súng ra.

Hai giây.

“Chờ chút, chờ chút,” tôi nói, cổ họng thít chặt. *Ba giây.*

Chúng nhìn nhau, vẻ mặt tỏ ra ghê tởm. Chúng đang nghĩ, *Đây mà là cái trường hợp khó nhằn mà chúng ta đã được cảnh báo là sẽ hết sức nguy hiểm ư?*

Bốn giây. Tôi nhắm chặt mắt và xoay người để lưng hướng về phía chúng, đồng thời vẫy cổ tay ném quả lựu đạn gậy choáng vào chúng. Tôi nghe tiếng nó rơi bịch xuống sàn nhà, theo sau là một tiếng nổ lớn làm rung chuyển cả cơ thể. Tôi cảm thấy nghẹt thở và ngã quy xuống đất.

Tôi lăn sang trái, rồi sang phải, cố gắng hít vào một hơi, cảm giác như đang bơi dưới nước. Tôi không thể nghe thấy gì ngoài một tiếng ong ong lớn trong đầu.

Người của Holtzer cũng đang lăn trên sàn, nhắm tịt mắt, bàn tay ôm chặt hai bên thái dương. Tôi hít một hơi thở rệu rã, khó nhọc và gượng dậy bằng đầu gối, rồi lại đổ về một bên, sự thăng bằng của tôi đã bị ảnh hưởng.

Một gã bò dậy được và bắt đầu sờ soạng trên sàn, cố gắng lấy lại khẩu súng.

Tôi lại gượng dậy bằng đầu gối, tập trung vào việc giữ thăng bằng. Gã kia đang mò mẫm theo những vòng tròn đồng tâm và tôi thấy hần sắp chạm được vũ khí của hắn.

Tôi loạng choạng đặt bàn chân trái về phía trước và cố gắng đứng dậy, nhưng lại ngã xuống. Tôi cần hai cánh tay để giữ thăng bằng.

Những ngón tay dò dẫm của gã tay chân nhích lại gần khẩu súng hơn.

Tôi lăn ngửa người lại và lấy hết sức vươn hai bàn tay xuống phía dưới, rướn cổ tay bị còng xuống dưới eo lưng và mông và lên mặt sau của đùi. Tôi điên cuồng vặn vẹo từ trái sang phải, trượt hai cổ tay dọc theo bắp chân, luồn một bàn chân, rồi bàn chân kia, qua khe hở, và đưa được tay ra đằng trước.

Tôi bò dậy. Thấy những ngón tay của gã kia đã tóm được nòng súng.

Không hiểu sao tôi xoay xở đứng dậy được. Tôi chạy tới chỗ hần đúng lúc hần cầm khẩu súng lên và đá thẳng vào mặt hần như sút một quả bóng. Lực của cú đá làm hần bắn ra xa và tôi ngã ngửa về đằng sau.

Tôi lại lao đảo đứng dậy đúng lúc gã thứ hai cũng đứng dậy được. Hần vẫn đang hấp háy mắt liên tục vì ánh sáng chói mắt, nhưng hần có thể thấy tôi đang đến. Hần thò tay vào bên trong áo khoác, tìm vũ khí.

Tôi nghiêng ngả lao đến chỗ hắn ngay khi hắn rút ra một khẩu súng. Trước khi hắn kịp giơ súng lên, tôi thọc mạnh những ngón tay của hai bàn tay bị còng vào cổ họng hắn, chẹn đứng cơ hoành và những dây thanh quản của hắn. Rồi tôi luồn tay ra sau cổ hắn và dùng đoạn xích ngăn ngui giữa hai cổ tay giật mạnh đầu hắn xuống và lên gối vào mặt hắn, liên tục lặp đi lặp lại động tác đó. Hắn trở nên mềm nhũn và tôi quăng hắn sang một bên.

Tôi quay về phía cửa và thấy gã kia đã đứng dậy. Hắn đang giơ một bàn tay về phía trước và tôi liếc mắt kiểm tra, nhìn thấy con dao. Trước khi tôi kịp phản ứng bằng cách cầm thứ gì đó lên và chặn giữa chúng tôi, hắn đã xông tới tấn công.

Nếu hắn dừng lại và bình tĩnh thì hắn sẽ có cơ hội tốt hơn, nhưng hắn đã quyết định đối sự thắng bằng lấy tốc độ. Hắn thọc con dao xuống, nhưng không nhắm vào vị trí nào cụ thể. Tôi đã bước nửa bước sang bên phải, sớm hơn mức lí tưởng, nhưng hắn không kịp điều chỉnh. Con dao đâm trượt tôi. Tôi xoay người ngược chiều kim đồng hồ, kẹp chặt cổ tay cầm dao của hắn bằng cả hai bàn tay. Tôi cố gắng vật hắn xuống đất theo kiểu aikido, nhưng hắn lấy lại thăng bằng quá nhanh. Chúng tôi giằng co như thế trong một giây, và tôi có cảm tưởng như sắp tuột mất bàn tay cầm dao của hắn.

Tôi giật mạnh cổ tay hắn về phía bên kia và thúc khuỷu tay phải vào mũi hắn. Rồi tôi xoay người thật nhanh, gần như không tính toán trước, dùng cánh tay phải khóa đầu hắn và túm lấy ve áo khoác của tôi bên dưới cằm hắn như thể đó là một *judogi*. Bàn tay cầm dao trở nên lỏng lẻo và tôi quật ngã hắn bằng đòn hông với miếng võ khóa đầu, bàn tay trái của tôi tăng thêm lực siết trên cổ hắn khi cơ thể hắn nhào qua người tôi. Khi hắn ngã xuống, tôi vặn mạnh cổ hắn sang phía bên kia. Một tiếng rắc dội lên hai cánh tay tôi khi cổ hắn bị gãy chỗ cẳng tay tôi đang ép vào. Con dao rơi cạch xuống đất và tôi thả hắn ra.

Tôi quy xuống, đầu óc quay cuồng, và cố gắng suy nghĩ. *Kẻ nào trong số chúng có chìa khóa mở còng?* Tôi nghĩ. Tôi lục soát người gã

thứ nhất, da dẻ hằn tím tái và sưng phồng, cái lưỡi lè ra mách bảo tôi rằng hăn đã chết, và tìm thấy một chùm chìa khóa xe ô tô nhưng không có chìa khóa mở còng tay. Vật quý giá đó ở trên người gã còn lại. Tôi lôi ra thứ tôi đang tìm kiếm, và một giây sau đã được tự do. Tìm kiếm nhanh trên sàn, và tôi đã có trong tay một khẩu Beretta.

Tôi lão đảo đi ra khỏi cửa và vào trong bãi đỗ xe. Đúng như dự đoán, còn một chiếc xe ở lại. Tôi chui vào xe, tra chìa vào ổ, khởi động và lao ra đường.

Tôi biết tôi đang ở đâu - trên một nhánh của quốc lộ, cách cổng căn cứ hải quân khoảng năm hay sáu kilômét. Việc cần làm lúc này là chặn chiếc sedan của Holtzer lại trước khi nó có thể vào trong căn cứ. Holtzer đã rời đi cách đây chưa tới năm phút. Dựa vào tình hình giao thông và số lượng đèn giao thông từ đây tới căn cứ, tôi có thể vẫn còn thời gian.

Tôi biết mình đang ở thế cực kì bất lợi, nhưng tôi có một lợi thế quan trọng. Tôi không quan tâm mình sẽ sống hay chết. Tôi chỉ muốn thấy Holtzer xuống địa ngục trước.

Tôi rẽ trái vào Quốc lộ 16, bật đèn pha thật sáng và bấm còi inh ỏi để dẹp đường. Tôi gặp ba đèn đỏ nhưng vượt qua tất, những chiếc xe khác phanh dúi dụi hai bên xe tôi. Bên kia tòa nhà NTT* địa phương, tôi thấy cái đèn đỏ phía trước đã tạo ra một khoảng trống trên làn đường bên kia và tôi lao ngay sang đó. Tôi tăng tốc một cách điên cuồng vào luồng xe ngược chiều, bấm còi inh ỏi, rồi trở lại đúng làn đường ngay khi đèn đổi màu để tôi có thể vượt lên trước những chiếc xe ở trước mặt tôi lúc này. Tôi xoay sở khóa đai an toàn trong lúc lái xe, và nhận ra với sự thỏa mãn đáng sợ rằng chiếc xe được trang bị một cái túi khí. Ban đầu tôi đã định quăng quả lựu đạn gây choáng vào xe của Holtzer như một cách tiếp cận hăn. Như đã nói với Midori, tôi sẽ phải ứng biến.

Còn cách cổng chính mười mét thì tôi trông thấy chiếc sedan rẽ phải vào con đường dẫn tới căn cứ quân sự. Một viên cảnh vệ hải quân mặc trang phục rằn ri đang tiến lại, giơ hai tay lên, và cửa sổ phía tài xế của chiếc xe đang từ từ hạ xuống. Tôi nhận thấy ở đó có rất nhiều cảnh vệ, và họ đang kiểm tra cách cổng bảo vệ vài mét - kết quả của lời đe dọa đặt bom nặc danh.

Trước mặt tôi có quá nhiều xe. Tôi sẽ không thực hiện được dự định của mình mất.

Cửa sổ bên ghế lái của chiếc sedan hạ xuống.

Tôi bấm còi, nhưng không ai di chuyển.

Viên cảnh vệ ngẩng lên để xem sự om sòm phát ra từ đâu.

Tôi nhấn một nút và cửa sổ của tôi bắt đầu hạ xuống một cách tự động.

Viên cảnh vệ vẫn đang nhìn quanh.

Tôi lao lên vỉa hè, húc đổ những cái thùng rác và những chiếc xe đạp đang dựng ở đó. Một người đi bộ hoảng hốt nhảy vọt đi. Còn cách con đường dẫn vào căn cứ quân sự một vài mét, tôi bẻ lái sang phải và tăng tốc lao chéo qua dải ngăn cách, băng qua đám hoa cỏ và nhắm vào xe của Holtzer. Viên cảnh vệ ngoảnh lại, nhìn thấy tôi đang lao tới với tốc độ cao, bèn nhảy tránh sang một bên vừa kịp lúc để tự cứu mình. Tôi đâm toàn lực vào cửa sau bên phía ghế lái của chiếc sedan, làm chiếc xe xoay hẳn đi do lực va chạm và hai chiếc xe hư hỏng nặng nề cùng nhau tạo thành một hình chữ V. Tôi đã chuẩn bị tinh thần cho cú va chạm, và đai an toàn cùng chiếc túi khí, thứ đã bung ra và xẹp xuống trong một phần tỉ giây như được quảng cáo, giúp tôi không bị thương tổn.

Tôi cởi đai an toàn và mở cửa, nhưng nó bị kẹt. Tôi xoay người lại và phi hai chân ra qua cửa sổ để mở, tóm lấy thanh ngang bên trên cửa và dùng nó để đẩy người ra ngoài.

Chỉ còn cách chiếc sedan hai bước chân. Tôi chộp lấy vô lăng qua cửa sổ để mở và nhào vào trong, đầu gối va mạnh vào khung cửa

khi làm vậy. Tôi lao người ngang qua đui tài xế, loạng choạng đặt chân xuống, rồi nhảy bổ vào băng ghế sau. Holtzer đang ngồi ở ghế bên trái, chúi về đằng trước, rõ ràng choáng váng vì cú va chạm. Một gã trẻ măng mà tôi cho là phụ tá của Holtzer ngồi bên cạnh hẳn, một chiếc cặp ngoại giao bằng kim loại hiệu Halliburton được đặt giữa chúng.

Tôi dùng tay trái túm lấy đầu Holtzer, ấn nòng khẩu Beretta vào thái dương hẳn bằng tay phải. Qua cửa sổ phía tài xế, tôi thấy một viên cảnh vệ hải quân đã rút súng ra và đang tìm một cơ hội thích hợp. Tôi kéo đầu Holtzer lại gần hơn.

“Lùi lại, nếu không tao sẽ bắn vỡ sọ hẳn!” Tôi hét lên với gã.

Ve mặt gã do dự, nhưng vẫn giơ súng lên. “Tất cả ra khỏi xe!” Tôi quát. “Ngay lập tức!”

Tôi vòng cánh tay quanh cổ Holtzer và nắm lấy ve áo tôi. Chúng tôi đang áp má vào nhau, và bây giờ viên cảnh vệ cầm súng sẽ phải tự tin lăm vào tài thiện xạ của gã thì mới dám bóp cò súng.

“Ra khỏi xe!” Tôi lại quát lên. “Ngay lập tức! Mày!” Tôi hét lên với tài xế. “Kéo cái cửa sổ khốn kiếp kia lên! Kéo nó lên!”

Tay tài xế nhấn một cái công tắc và kính cửa sổ từ từ đi lên. Tôi lại đuối hẳn ra ngoài và bắt hẳn đóng cửa lại sau khi đã xuống xe. Hẳn loạng choạng bước ra, đóng sầm cánh cửa. “Mày!” Tôi hét lên với viên phụ tá. “Ra ngoài! Đóng cửa lại sau lưng mày!”

Holtzer mở miệng phản đối, nhưng tôi siết cổ hẳn chặt hơn, chặn lại lời hẳn. Viên phụ tá liếc Holtzer một lần, rồi mở cửa.

“Nó bị kẹt,” hẳn nói, rõ là ngạc nhiên và không thể tiếp nhận việc này.

“Trèo ra đằng trước!” Tôi quát. “Ngay!”

Hẳn lồm ngồm leo lên đằng trước và ra ngoài, mang theo cái cặp ngoại giao.

“Được rồi, thẳng khốn, chúng ta cũng sẽ ra ngoài,” tôi nói với Holtzer, buông cổ hăn ra. “Nhưng trước hết hãy đưa tao cái đĩa.”

“Được rồi, được rồi. Bình tĩnh nào,” hăn nói. Nó nằm trong túi áo ngực bên trái của tôi.”

“Lấy nó ra. Từ từ thôi.”

Hăn thò tay phải vào túi và cẩn thận lấy cái đĩa ra.

“Đặt nó lên đầu gối tao,” tôi nói, và hăn làm theo. “Giờ thì hãy đan các ngón tay vào nhau, quay mặt về phía cửa sổ, và đặt hai bàn tay ra sau đầu.” Tôi không muốn hăn giằng khẩu súng trong khi tôi nhặt cái đĩa.

Tôi cầm nó lên và thả nó vào túi áo khoác. “Giờ thì chúng ta sẽ ra ngoài. Nhưng từ từ thôi. Nếu không óc mày sẽ văng khắp các ghế đây.”

Hăn quay sang tôi, đôi mắt đanh lại. “Rain, anh không hiểu anh đang làm gì đâu. Hãy bỏ súng xuống trước khi các cảnh vệ bên ngoài bắn anh.”

“Nếu mày không ra khỏi cái xe này trong vòng ba giây nữa,” tôi gầm gừ, giơ khẩu Beretta lên, “tao sẽ bắn vào cửa quý của mày. Liệu tao có dừng lại ở việc đó hay không, tao không thể nói trước được.”

Có điểm gì đó không ổn trong cái cách hăn giao nộp cái đĩa khiến lòng tôi thấy gờn gợn. Hăn đầu hàng quá dễ dàng.

Rồi tôi nhận ra: Đó chỉ là một vật nguy trang. Một thứ đồ bỏ đi. Hăn sẽ không bao giờ đưa cái đĩa thật cho tôi dễ dàng đến thế.

Cái cặp, tôi nghĩ.

“Ngay!” Tôi hét lên, và hăn chạm vào tay nắm cửa. Tôi ấn nòng súng vào mặt hăn.

Chúng tôi chui ra khỏi xe và lập tức bị bao vây bởi một đội quân gồm sáu cảnh vệ lính thủy đánh bộ, tất cả đều mang súng và có vẻ mặt cực kì nghiêm trọng.

“Lùi lại nếu không tao sẽ bắn vỡ sọ hần!” Tôi hét lên, ấn khẩu súng từ bên dưới hàm hần. Tôi thấy viên phụ tá đang đứng sau đám cảnh vệ, chiếc cặp ngoại giao được đặt dưới chân hần. “Thằng kia! Mở cái cặp ra!” Hần nhìn tôi, không hiểu gì. “Phải, mày đó! Mở cái cặp ngoại giao đó ra ngay bây giờ!”

Hần tỏ vẻ lúng túng. “Tôi không thể. Nó bị khóa.”

“Đưa hần chìa khóa,” tôi gầm gừ với Holtzer.

Hần cười. “Đưa cái con khi.”

Sáu viên cảnh vệ chĩa súng vào tôi. Tôi lôi Holtzer sang bên trái để họ phải nhắm bắn lại, cho tôi một giây chớp nhoáng để nhấc súng ra khỏi đầu hần và dùng báng súng đập vào thái dương hần. Hần quy xuống, choáng váng, và tôi quỳ xuống theo hần, áp sát cơ thể hần để hần che chắn cho tôi. Tôi vỗ vỗ túi quần trái của hần, nghe thấy tiếng leng keng. Rồi thò tay vào trong và lôi ra một chùm chìa khóa.

“Mang cái cặp lại đây!” Tôi ra lệnh cho viên phụ tá. “Mang nó lại đây nếu không hần sẽ chết!”

Viên phụ tá ngần ngừ trong một giây, rồi nhấc cái cặp lên và mang nó tới chỗ tôi. Gã đặt nó xuống trước mặt chúng tôi.

Tôi ném cho hần chùm chìa khóa. “Giờ thì mở nó ra.”

“Đừng nghe hần!” Holtzer quát, cố gắng đứng dậy. “Đừng mở nó!”

“Mở ra!” Tôi lại hét lên. “Nếu không tao sẽ bắn vỡ sọ hần!”

“Tôi ra lệnh cho anh không được mở cái cặp đó!” Holtzer hét lên. “Đó là một cái cặp ngoại giao của Mỹ!” Viên phụ tá đứng im như phỗng, khuôn mặt do dự. “Chết tiệt, nghe lời tôi đi! Hần đang lừa anh đấy!”

“Im đi!” Tôi quát, gi nòng súng từ dưới cằm hần. “Nghe này. Mày nghĩ hần sẽ mạo hiểm nhận lấy cái chết chỉ vì một cái cặp ngoại giao à? Thứ gì trong đó mà có thể quan trọng đến thế chứ? Mở ra!”

“Bắn hẵn đi!” Holtzer chọt hét lên với những viên cảnh vệ. “Bắn hẵn đi!”

“Mở cái cặp đó ra nếu không óc hẵn sẽ văng khắp người mày!”

Đôi mắt viên phụ tá hết nhìn cái cặp lại nhìn lên Holtzer, vài lần như thế. Có vẻ như mọi người đều đang bị đông cứng lại.

Chuyện đó xảy ra thật đột ngột. Viên phụ tá quỳ xuống, dò dẫm mở khóa. Holtzer mở miệng định phản đối, và tôi lại đập báng súng vào đầu hẵn. Hẵn đổ người vào tôi.

Chiếc cặp bật mở.

Bên trong, nằm chình ình giữa hai lớp bọt xốp bảo vệ, là cái đĩa của Kawamura.

Một giây dài trôi qua, rồi tôi nghe thấy một giọng nói quen thuộc từ đằng sau.

“Bắt lấy người đàn ông này.”

Tôi quay lại và thấy Tatsu đang bước về phía tôi, ba cảnh sát Nhật theo sau anh ta.

Mấy viên cảnh sát cùng xúm vào tôi, một người trong số họ mở một chiếc còng tay từ cái thắt lưng chuyên dụng.

Một viên cảnh vệ lính thủy đánh bộ định mở miệng phản đối.

“Chúng ta đang ở bên ngoài căn cứ quân sự,” Tatsu giải thích bằng thứ tiếng Anh trôi chảy. “Các anh không có thẩm quyền. Đây là một vấn đề của người Nhật.”

Cánh tay tôi bị bẻ quặt ra đằng sau, và tôi cảm thấy cái còng được bập vào. Tatsu nhìn vào mắt tôi đủ lâu để tôi thấy nỗi buồn trong đôi mắt anh ta, rồi anh ta quay người bước đi.

24

HỌ ĐƯA TÔI lên một chiếc xe tuần tra và chở tôi đến tổng hành dinh của Keisatsucho. Tôi bị chụp ảnh, lấy dấu vân tay, và bị tống vào một xà lim bê tông. Không ai nói tôi bị buộc tội gì, hay cho phép tôi liên lạc với luật sư. Quỷ tha ma bắt, dù sao thì tôi cũng không biết quá nhiều luật sư.

Xà lim cũng không tệ. Nó không có cửa sổ, và tôi tính thời gian bằng cách đếm những bữa ăn họ đem đến cho tôi. Ngày ba lần, một viên cai ngục lầm lì sẽ đặt xuống trước mặt tôi một cái khay đựng cơm, cá giấm, một ít rau, và nhặt lên cái khay từ bữa ăn trước. Đồ ăn cũng ổn. Cứ sau ba bữa ăn tôi lại được phép đi tắm.

Tôi đang đợi bữa ăn thứ mười sáu, cố gắng không lo nghĩ về Midori, thì hai viên cai ngục tới tìm tôi và bảo tôi đi theo họ. Họ dẫn tôi đến một căn phòng nhỏ với một cái bàn và hai cái ghế. Một bóng đèn không có chao treo trên trần ngay phía trên cái bàn. *Có vẻ như đã đến lúc họ thăm vấn mày*, tôi nghĩ.

Tôi đứng quay lưng vào tường. Vài phút sau, cánh cửa mở ra và Tatsu bước vào, một mình. Khuôn mặt anh ta nghiêm nghị, nhưng sau năm ngày đơn độc, thật dễ chịu khi được gặp một người mà tôi quen biết.

“*Konnichi wa**,” tôi nói.

Anh ta gật đầu. “Chào cậu, Rain,” anh ta nói bằng tiếng Nhật. “Rất vui khi gặp cậu. Tôi mệt quá. Ngồi xuống đi.”

Chúng tôi ngồi xuống hai bên bàn. Anh ta im lặng một lúc lâu, và tôi đợi anh ta lên tiếng. Tôi thấy sự trầm lặng của anh ta không mang

tính khích lệ cho lắm.

“Tôi hi vọng cậu sẽ thứ lỗi cho tôi về vụ tổng giam này, tôi biết đây hẳn là điều mà cậu không ngờ tới.”

“Tôi nghĩ một cái vỗ lưng khen ngợi sẽ thích hợp hơn sau khi tôi lao mình qua cửa sổ của chiếc xe đó.”

Anh ta nở nụ cười buồn đặc trưng, và không hiểu sao nó khiến tôi thấy dễ chịu. “Cần phải duy trì sự giả bộ cho đến khi tôi có thể thu xếp mọi chuyện,” anh ta nói.

“Việc đó cũng mất thời gian nhỉ.”

“Chứ sao nữa. Tôi đã làm việc nhanh hết mức có thể rồi đấy. Cậu thấy đấy, để thu xếp thả cậu ra, trước hết tôi phải đem cái đĩa của Kawamura đi giải mã. Sau đó, phải gọi vài cú điện thoại, sắp xếp các cuộc gặp mặt, tác động đến vài đối tượng để đảm bảo an toàn cho việc phóng thích cậu. Có quá nhiều bằng chứng về sự tồn tại của cậu cần được xóa sạch khỏi hồ sơ của Keisatsucho. Tất cả những chuyện này đều mất thời gian.”

“Anh đã giải mã được cái đĩa ư?” Tôi hỏi.

“Phải.”

“Và những nội dung của nó đúng như anh mong đợi?”

“Còn hơn thế.”

Anh ta vẫn còn đang giấu điều gì đó. Tôi có thể cảm nhận được qua thái độ của anh ta. Tôi đợi anh ta tiếp tục.

“William Holtzer đã bị tuyên bố là *không được nước sở tại chấp thuận* và đã quay về Washington,” anh ta nói. “Đại sứ của cậu đã thông báo với chúng tôi rằng hẳn sẽ bị đuổi khỏi CIA.”

“Chỉ bị đuổi thôi sao? Hẳn không bị buộc tội gì ư? Hẳn là gián điệp hai mang cho Yamaoto, cung cấp thông tin tình báo sai lệch cho chính phủ Mỹ. Cái đĩa không tố cáo hẳn sao?”

Anh ta gật đầu và thở dài. “Thông tin trên cái đĩa không phải là loại bằng chứng sẽ được sử dụng ở tòa án. Và cả hai bên đều có

nguyện vọng tránh một vụ bê bối gây xôn xao dư luận.”

“Còn Yamaoto?” Tôi hỏi.

“Vấn đề về Yamaoto Toshi thì... phức tạp lắm,” anh ta nói.

“Nghe có vẻ không ổn nhì.”

“Yamaoto là một kẻ địch quyền lực. Cần phải chiến đấu với hắn một cách gián tiếp, âm thầm, và cần nhiều thời gian.”

“Tôi không hiểu. Còn cái đĩa thì sao? Tôi tưởng anh đã nói đó là chìa khóa cho quyền lực của hắn?”

“Đúng vậy.”

Rồi tôi chợt hiểu ra. “Anh sẽ không công bố nó.”

“Đúng.”

Tôi im lặng một lúc lâu khi những ẩn ý trở nên rõ ràng. “Vậy thì Yamaoto vẫn nghĩ nó đang ở đâu đó ngoài kia,” tôi nói. “Và anh đã kí vào bản án tử hình dành cho Midori mất rồi.”

“Yamaoto đã được gợi ý bóng gió rằng cái đĩa đã bị hủy bởi những phần tử tham nhũng của Keisatsucho. Mối quan tâm của hắn với Kawamura Midori do đó đã giảm đi về căn bản. Cô ấy sẽ an toàn tại Mỹ trong một thời gian, nơi quyền lực của Yamaoto không vươn tới được.”

“Cái gì? Anh không thể đẩy cô ấy đi Mỹ, Tatsu. Cô ấy có một cuộc sống ở đây.”

“Cô ấy đã đi rồi.”

Tôi không thể chấp nhận chuyện này.

“Cậu có thể muốn liên lạc với cô ấy,” anh ta tiếp tục. “Nhưng tôi khuyên cậu không nên làm vậy. Cô ấy tin rằng cậu đã chết.”

“Tại sao cô ấy lại tin như thế?”

“Bởi vì tôi đã nói với cô ấy như vậy.”

“Tatsu,” tôi nói, giọng đều đều, mang đầy tính đe dọa, “anh hãy tự thanh minh đi.”

Giọng anh ta vẫn thản nhiên. “Mặc dù tôi biết cậu quan tâm đến cô ấy, nhưng lúc tôi nói với cô ấy về cái chết của cậu, tôi không biết chuyện gì đã xảy ra giữa hai người,” anh ta nói. “Từ phản ứng của cô ấy, tôi mới nhận ra.”

Anh ta ngừng lại một lúc lâu, rồi nhìn thẳng vào tôi, đôi mắt tỏ vẻ cam chịu. “Tôi thực sự rất lấy làm tiếc với nỗi đau của cậu bây giờ. Tuy nhiên, tôi tin chắc hơn bao giờ hết rằng tôi đã làm đúng khi nói với cô ấy như vậy. Cậu đang rơi vào một tình cảnh nan giải. Tốt hơn là cô ấy không biết gì về sự liên quan của cậu với cái chết của cha cô ấy. Thử nghĩ xem sự thật đó sẽ tác động đến cô ấy thế nào sau những gì đã xảy ra giữa hai người.”

Tôi thậm chí không ngạc nhiên khi Tatsu đã biết được mọi chuyện. “Cô ấy không cần phải biết,” tôi nghe thấy mình nói.

“Trong chừng mực nào đó, tôi tin rằng cô ấy đã biết. Sự hiện diện của cậu cuối cùng sẽ xác nhận cho những mối nghi ngờ của cô ấy. Trái lại, bây giờ cô ấy chỉ lưu giữ những kí ức về cái chết anh hùng của cậu khi đang hoàn thành những tâm nguyện cuối cùng của cha cô ấy.”

Tôi nhận ra, nhưng không hiểu sao không thể hiểu thấu, rằng Midori đã trở thành một phần trong quá khứ của tôi. Giống như một trò ảo thuật vậy. Vừa mới đây anh còn thấy nó; vậy mà trong nháy mắt đã không thấy đâu cả. Lúc này nó vẫn đang hiện hữu; thoắt cái đã chỉ còn là kí ức.

“Xin phép được nói thế này,” anh ta nói, “chuyện tình của cậu và cô ấy mới chỉ diễn ra trong một khoảng thời gian ngắn ngủi. Chẳng có lí do gì để cho rằng nỗi đau khổ của cô ấy khi mất cậu sẽ kéo dài mãi.”

“Cảm ơn, Tatsu,” tôi cố gắng nói. “Đó là một điều an ủi.”

Anh ta gật đầu. Sẽ chẳng thích hợp chút nào nếu anh ta biểu lộ những cảm xúc giằng xé của anh ta, và dù sao đi nữa anh ta vẫn sẽ làm những điều anh ta phải làm. *Giri* và *ninjo*. Lí và tình. Ở Nhật, về đầu luôn quan trọng hơn.

“Tôi vẫn không hiểu,” tôi nói sau một phút. “Tôi tưởng anh muốn công bố những thứ chứa trong cái đĩa. Nó sẽ chứng minh cho tất cả các giả thuyết của anh về những âm mưu tội ác và nạn tham nhũng.”

“Chấm dứt những âm mưu và nạn tham nhũng còn quan trọng hơn là chứng minh cho những giả thuyết của tôi về chúng.

“Không phải chúng đều là một và như nhau sao? Bulfinch đã nói rằng nếu nội dung của cái đĩa được công bố, các phương tiện truyền thông Nhật Bản sẽ không có sự lựa chọn nào khác ngoài việc vào hùa theo, và quyền lực của Yamaoto sẽ bị tiêu tan.”

Anh ta chậm rãi gật đầu. “Điều đó đúng một phần nào. Nhưng công bố cái đĩa giống như phóng một quả tên lửa hạt nhân vậy. Cậu chỉ làm một lần, và nó dẫn đến sự hủy diệt hoàn toàn.”

“Thì sao nào? Hãy phóng quả tên lửa. Hủy diệt nạn tham nhũng. Để xã hội hồi sinh.”

Anh ta thở dài, có lẽ sự cảm thông với cú sốc tôi vừa trải qua đã cải thiện sự thiếu kiên nhẫn mà anh ta thường cảm thấy mỗi khi phải giải thích rõ ràng một điều gì đó cho tôi. “Ở Nhật, nạn tham nhũng chính là xã hội. Sự han gị đã lan quá sâu đến nỗi thượng tầng được xây nên từ nó. Cậu không thể chỉ đơn giản xé toạc nó đi mà không làm sụp đổ cả một xã hội nằm bên trên nó.”

“Vớ vẩn,” tôi nói. “Nếu nó đòi bại đến thế, vậy thì hãy đập đổ nó đi. Hãy xé toạc nó.”

“Rain ạ,” anh ta nói, giọng nói đã vương chút thiếu kiên nhẫn, “cậu đã cân nhắc đến chuyện thứ gì sẽ mọc lên từ đám tro tàn chưa?”

“Ý anh là gì?”

“Hãy đặt mình vào vị trí của Yamaoto. Kế hoạch A là sử dụng cái đĩa để thao túng LDP từ trong bóng tối. Kế hoạch B là kích nổ cái đĩa - công bố nó - để hủy hoại LDP và đưa Đảng Niềm Tin lên nắm quyền.”

“Bởi vì cuốn băng chỉ liên quan đến LDP,” tôi nói, bắt đầu hiểu ra.

“Dĩ nhiên. So với nó, Niềm Tin có vẻ là một hình mẫu liêm khiết. Yamaoto sẽ phải bước ra từ trong bóng tối, nhưng cuối cùng hẳn sẽ có một nền tảng để hướng đất nước đi theo đường lối hữu khuynh. Thực ra, tôi tin rằng đó chính là mong ước tột bậc của hẳn.”

“Tại sao anh lại nói thế?”

“Có những dấu hiệu. Những nhân vật của công chúng ca ngợi vài huấn lệnh của Hoàng gia từ thời trước chiến tranh về nền giáo dục, quan điểm cho rằng người Nhật là một “dân tộc thần thánh”, và những vấn đề khác. Các chính trị gia chủ chốt đang công khai đến thăm các đền thờ như Yasukuni và các binh lính thời Thế Chiến II được chôn cất ở đó, bất chấp việc bị các nước khác chỉ trích. Tôi tin rằng Yamaoto đã sắp đặt những sự kiện này từ trong bóng tối.”

“Tôi không biết anh lại quá thông thoáng về những vấn đề này đến thế, Tatsu.”

“Tôi là người thực tế. Đất nước này có đi theo đường lối nào thì cũng chẳng mấy quan trọng với tôi, miễn là nó không bị Yamaoto kiểm soát.”

Tôi suy ngẫm. “Sau những gì đã xảy ra với Bulfinch và Holtzer, Yamaoto sẽ đoán ra rằng cái đĩa chưa bị hủy, rằng anh đang giữ nó. Hẳn đã sẵn sàng sẵn lòng anh. Việc này sẽ chỉ khiến cho mọi chuyện trở nên tệ hơn thôi.”

“Tôi không phải là người dễ dàng bị trừ khử đến thế, như cậu biết đấy.”

“Anh đang quá mạo hiểm.”

“Tôi đang chơi trò may rủi.”

“Tôi cho rằng anh biết mình đang làm gì,” tôi nói, không thềm lo lắng nữa.

Anh ta nhìn tôi, khuôn mặt bình thản. “Còn có một lí do khiến tôi phải thận trọng với những nội dung chứa trong cái đĩa. Nó có dính dáng đến cậu.”

Tôi bật cười. “Thế à?” Tôi hỏi, bắt chước thói quen giả ngốc của anh ta.

“Tôi đã tìm kiếm tên sát thủ trong một thời gian dài, Rain ạ - đã có quá nhiều những cái chết đúng lúc vì “những nguyên nhân tự nhiên”. Tôi luôn biết hẳn có tồn tại, mặc dù tất cả những người khác đều tin rằng tôi đang theo đuổi một bóng ma. Và bây giờ khi đã tìm ra hẳn, tôi nhận ra hẳn chính là cậu.”

“Anh sẽ làm gì với chuyện này?”

“Điều đó do cậu quyết định.”

“Nghĩa là sao?”

“Như tôi đã nói, tôi đã xóa toàn bộ vết tích về các hoạt động của cậu, ngay cả sự tồn tại của cậu, khỏi cơ sở dữ liệu của Keisatsucho.”

“Nhưng vẫn còn cái đĩa. Đây là cách để anh nói với tôi rằng anh sẽ có thứ để uy hiếp tôi chẳng?”

Anh ta lắc đầu, và tôi nhìn thấy sự thất vọng thoáng hiện lên trên gương mặt anh ta vì sự thiếu tế nhị đặc chất Mỹ của tôi. “Tôi không hứng thú với cái kiểu uy hiếp như thế. Đó không phải là cách mà tôi đối xử với một người bạn. Hơn nữa, chẳng lạ gì cá tính và những khả năng của cậu, tôi nhận ra rằng việc sử dụng sự uy hiếp như thế sẽ là vô ích, và có lẽ còn nguy hiểm nữa.”

Thật kì lạ. Người đàn ông này vừa mới tổng tôi vào tù, không công bố cái đĩa như đã nói, đẩy Midori sang Mỹ, và nói với cô ấy rằng tôi đã chết, thế mà tôi lại cảm thấy xấu hổ vì đã xúc phạm anh ta.

“Do đó cậu được tự do quay lại với cuộc sống trong bóng tối,” anh ta tiếp tục. “Nhưng tôi phải hỏi cậu, Rain ạ, cậu có thực sự muốn sống cuộc đời như vậy không?”

Tôi không trả lời.

“Có thể nói tôi chưa bao giờ thấy cậu... hoàn hảo hơn hồi ở Việt Nam. Và tôi tin rằng tôi biết lí do tại sao. Bởi vì tự đáy lòng cậu là một

samurai. Ở Việt Nam, cậu tưởng rằng cậu đã tìm thấy ông chủ của mình, tìm thấy thứ chính nghĩa lớn lao hơn cả bản thân cậu.”

Anh ta đã động đến một vấn đề nhạy cảm.

“Cậu không còn là người như thế nữa khi chúng ta gặp lại nhau ở Nhật sau cuộc chiến đó. Hẳn là ông chủ của cậu đã làm cậu thất vọng khủng khiếp nên cậu mới trở thành một *ronin*? *Ronin* có nghĩa đen là một người trôi dạt trên những con sóng, một người bị mất phương hướng. Một samurai vô chủ.

Anh ta đợi tôi trả lời, nhưng tôi không nói gì. Cuối cùng anh ta nói, “Tôi nói không đúng ư?”

“Không phải thế,” tôi thừa nhận, nghĩ về Jake Khùng.

“Cậu là samurai, Rain ạ. Nhưng samurai không thể là samurai nếu không có ông chủ. Ông chủ là âm, còn samurai là dương. Người này không thể tồn tại một cách đúng nghĩa nếu thiếu người kia.”

“Anh đang cố nói với tôi điều gì vậy, Tatsu?”

“Cuộc chiến của tôi với những thứ gây hại cho nước Nhật còn lâu mới kết thúc. Việc giành được cái đĩa đã cung cấp cho tôi một món vũ khí quan trọng trong cuộc chiến đó. Nhưng chỉ riêng nó thôi thì không đủ. Tôi cần cậu ở bên tôi.”

“Anh không hiểu gì cả, Tatsu ạ. Anh không đi tìm một ông chủ khác sau khi bị một ông chủ đối xử tồi tệ. Những vết thương lòng đã ăn vào quá sâu.”

“Vậy cậu còn sự lựa chọn nào khác?”

“Sự lựa chọn khác của tôi là tự mình làm chủ mình. Như lúc trước.”

Anh ta phẩy tay như thế xua đi một điều vô lí như thế. “Con người không thể làm vậy đâu. Cũng giống như thủ dâm không thể dẫn đến việc sinh sản vậy.”

Sự thô lỗ bất ngờ của anh ta khiến tôi kinh ngạc, và tôi bật cười. “Tôi không biết, Tatsu. Tôi không biết liệu tôi có thể tin tưởng anh

không. Anh là một gã quý quyết. Cứ xem những gì anh đã làm trong lúc tôi đang ở trong tù thì biết.”

“Việc tôi có quý quyết hay không và việc cậu có tin tưởng tôi hay không là hai vấn đề hoàn toàn khác nhau,” anh ta nói, dễ dàng phân định những điều như thế bởi vì anh ta là người Nhật.

“Tôi sẽ cân nhắc,” tôi bảo anh ta.

“Tôi mong rằng vậy.”

“Giờ thì hãy để tôi ra khỏi đây.”

Anh ta chỉ ra cửa. “Cậu đã được tự do kể từ lúc tôi đặt chân vào đây.”

Tôi nở nụ cười nhẹ nhàng nhất. “Sao anh không nói sớm hơn? Nếu vậy chúng ta đã có thể bàn chuyện này qua tách cà phê rồi.”

25

TÔI KHÔNG VỘI quay lại với Tatsu. Có vài chuyện cần giải quyết trước.

Chẳng hạn như Harry. Cậu ta đã xâm nhập tài liệu của Keisatsucho vào ngày tôi phục kích Holtzer ở Yokosuka, vì vậy cậu ta biết tôi đã bị bắt và “bị giam giữ”. Vài ngày sau, cậu ta kể với tôi, tất cả tài liệu liên quan đến tôi đã bị xóa sạch khỏi dữ liệu của họ.

“Khi tôi phát hiện những tài liệu đó đã bị xóa,” cậu ta nói, “tôi nghĩ họ đã thủ tiêu anh. Tôi tưởng rằng anh đã chết.”

“Họ muốn mọi người tin như vậy,” tôi nói.

“Tại sao?”

“Họ muốn sự giúp đỡ của tôi với những vấn đề nào đó.”

“Đó là lí do họ thả anh?”

“Chẳng có thứ gì là cho không cả, Harry ạ. Cậu biết điều đó mà.” Tôi kể với cậu ta về Midori.

“Có lẽ đó là điều tốt nhất,” cậu ta nói.

Cậu ta đã gần như biết hết sự thật. Nhưng dù tôi hay cậu ta thừa nhận điều đó thì cũng có ích gì chứ?

“Bây giờ anh định làm gì?” Cậu ta hỏi.

“Tôi chưa biết.”

“Nêu anh cần một hacker giỏi, anh biết phải tìm tôi ở đâu rồi đấy.”

“Tôi không nghĩ vậy, Harry. Cậu đã gặp rất nhiều khó khăn với cái mật mã “thu gọn dần” bằng âm nhạc hay gì gì đó ấy. Keisatsucho đã bẻ được nó tương đối dễ dàng.”

“Này này, mấy gã đó được quyền sử dụng các siêu máy tính ở các trường đại học của Nhật Bản!” Cậu ta lúng búng phản đối, trước khi nhận thấy nụ cười của tôi. Rồi kết thúc bằng câu: “Rất hài hước.”

“Tôi sẽ liên lạc với cậu,” tôi nói. “Tôi cần có một kì nghỉ nho nhỏ trước đây.”

...

Tôi bay đến Washington, D.C, Tatsu nói Holtzer đã được đưa đến đó. Xử lí việc “nghỉ hưu” của hắn sẽ mất vài ngày, thậm chí hàng tuần lễ, và trong thời gian chờ đợi hắn sẽ ở trong khu Langley.

Tôi nghĩ mình có thể tìm thấy hắn bằng cách gọi điện đến tất cả các khách sạn được liệt kê trong Những trang vàng của vùng ngoại ô Virginia. Tôi bắt đầu từ khu Langley và hướng dần ra ngoài theo những vòng tròn đồng tâm, nhưng không có người khách nào tên là William Holtzer ở bất kì nơi nào trong số chúng. Có lẽ hắn đã thuê phòng bằng tên giả, sử dụng tiền mặt và không dùng thẻ tín dụng, vì sợ rằng tôi có thể truy đuổi hắn.

Nhưng còn ô tô thì sao? Tôi bắt đầu gọi điện đến các công ty cho thuê xe lớn qua đầu số điện thoại miễn phí 800. Tôi đóng giả làm William Holtzer, gọi điện để kéo dài hợp đồng dịch vụ. Avis không có khách hàng nào là William Holtzer cả. Hertz thì có. Cậu nhân viên tốt bụng đã nói cho tôi biển số xe, vì tôi đã nói với cậu ta rằng tôi cần nó để đăng kí bảo hiểm bổ sung qua công ty thẻ tín dụng của tôi. Tôi đã chuẩn bị tinh thần đón nhận câu hỏi tại sao tôi không lấy thông tin từ móc găng chìa khóa hay từ chính chiếc xe, nhưng cậu ta chẳng hề vụn vẹo gì. Sau đó, tất cả những gì tôi phải làm là tra cứu cơ sở dữ liệu của DMV* để biết rằng Holtzer đang lái một chiếc Ford Taurus màu trắng.

Quay lại với những vòng tròn đồng tâm. Đêm đó tôi lái xe qua các bãi đậu xe của các khách sạn lớn gần Langley nhất, đi thật chậm

để kiểm tra biển số của từng chiếc Ford Taurus màu trắng mà tôi băng ngang qua.

Khoảng hai giờ sáng hôm đó tôi đã tìm thấy xe của Holtzer trong ga ra đỗ xe của Ritz Carlton, Tyson's Corner. Sau khi xác nhận biển số xe, tôi lái tới khách sạn Marriott gần đó, tháo trộm biển số xe từ một chiếc ô tô đang đậu. Ở rìa bãi đỗ xe vắng vẻ của Tysons Corner Galleria, tôi gắn biển số xe đó vào chiếc xe tải nhỏ đi thuê mà tôi đang lái. Chiếc biển số mới và những vật ngụy trang nhẹ nhàng mà tôi đang mang trên mình sẽ che giấu được thân phận của tôi trước bất cứ nhân chứng không mong đợi nào hoặc những chiếc camera an ninh.

Tôi lái xe quay lại Ritz. Những khoảng trống gần kề chiếc Taurus đã bị chiếm, nhưng chếch về đằng sau nó vẫn còn một chỗ trống. Dù sao thì cũng không nên đỗ xe sát bên cạnh hẳn. Nếu anh hiểu biết về thế giới của tôi, hay thậm chí nhạy cảm với chuyện mình có thể bị cướp ở đâu và như thế nào, anh sẽ lo lắng nếu thấy một chiếc xe tải đỗ ngay bên cạnh xe của anh - đặc biệt là một chiếc có cửa sổ đằng sau tối đen, như xe của tôi. Tôi đỗ xe, mũi xe trời lên phía trước để cánh cửa trượt của chiếc xe tải sẽ đối diện với xe của Holtzer.

Tôi kiểm tra đồ nghề của mình. Một chiếc "Thunder Blaster" 250.000 volt đảm bảo gây choáng váng khi tiếp xúc và sự bất tỉnh trong vòng chưa đến năm giây. Một quả bóng "Super Ball" cao su màu hồng cỡ trung bình, được bán với giá tám mươi chín xu ở hầu hết bất cứ hiệu thuốc nào. Một cái máy sốc tim di động giống như loại mà một vài hãng hàng không đang bắt đầu mang theo trên những chiếc máy bay thương mại của họ, đủ nhỏ để xách theo bên mình trong một chiếc va li bình thường và đắt hơn đáng kể so với quả bóng Super Ball.

Sốc điện để giúp ai đó thoát khỏi tình trạng rung tâm thất là một việc đòi hỏi sự khéo léo. Ba trăm sáu mươi Jun là một lượng điện lớn. Nếu một cú sốc điện như thế được thực hiện ở đỉnh sóng T của tim - nghĩa là, giữa các nhịp tim - thì anh sẽ gây ra một chứng loạn nhịp tim

chết người. Do đó những chiếc máy sốc tim hiện đại có những thiết bị cảm biến tự động phát hiện phức hợp QRS của nhịp tim, đó là khoảng khắc ngăn ngừa duy nhất để thực hiện một cú sốc điện tim an toàn.

Dĩ nhiên, cái phần mềm được thiết kế để tránh sóng T có thể bị sửa lại để tạo ra nó.

Tôi ngả ghế ra sau vài độ và thư giãn. Chắc chắn Holtzer sẽ tới đại bản doanh của CIA vào một lúc nào đó trong buổi sáng, vì vậy tôi hi vọng sẽ chỉ phải đợi thêm vài giờ nữa.

Vào lúc sáu rưỡi, khoảng nửa tiếng trước khi ngoài trời sáng tỏ, tôi bước tới đầu kia của ga ra và đi tiểu vào mấy chậu cây cảnh. Tôi tập vài động tác khởi động trong vài phút, rồi quay lại chiếc xe tải, thưởng thức bữa sáng gồm cà phê nguội và gà rán Mc-Nuggets, còn thừa từ bữa tối hôm qua. Hưởng thụ niềm vui ăn uống trong quá trình theo dõi.

Một tiếng sau thì Holtzer xuất hiện. Tôi nhìn hẩn bước ra từ thang máy và đi về phía tôi. Hẩn đang mặc một bộ com lê màu xám, áo sơ mi trắng và cà vạt sẫm màu. Trang phục tiêu chuẩn của nhân viên chính phủ, gần như là quy định của CIA.

Tâm trí hẩn đang để ở đâu đâu. Tôi có thể thấy điều đó trên vẻ mặt hẩn, dáng điệu hẩn, cái cách hẩn lơ là kiểm tra những “điểm nóng” trong ga ra, đặc biệt là quanh xe hẩn. Thật đáng xấu hổ thay, khi hẩn quá bất cẩn ở một khu vực dễ gây tội ác như một cái ga ra đỗ xe.

Tôi luồn tay vào một đôi găng tay bằng da bò màu đen. Cú bật công tắc của chiếc Thunder Blaster tạo ra một cung lửa điện màu xanh rõ nét và tiếng lách tách của dòng điện. Tôi đã sẵn sàng hành động.

Tôi quét mắt quanh ga ra, thỏa mãn vì lúc này nó vắng tanh. Rồi tôi trườn xuống cuối xe và quan sát hẩn di chuyển về phía ghế lái của chiếc Taurus, nơi hẩn dừng lại để cởi chiếc áo vét. *Tốt lắm*, tôi nghĩ, *Đừng làm nhàu chiếc áo liệm của mày*.

Tôi đợi cho đến khi chiếc áo vét đang được lột qua vai, vị trí sẽ khiến hẩn phản ứng vụng về nhất, rồi mở tung cánh cửa phụ của chiếc

xe và lao tới chỗ hắn. Hắn ngẩng lên khi nghe tiếng cửa mở, nhưng chẳng kịp làm gì ngoài việc há hốc miệng kinh ngạc. Rồi tôi áp sát hắn, bàn tay phải gí chiếc Thunder Blaster vào bụng hắn, bàn tay trái tóm cổ họng hắn và xốc hắn lên trong khi cú sốc điện đang tác động đến hệ thần kinh trung ương của hắn.

Mất chưa đến sáu giây để lôi cái thân hình mê man của hắn vào trong xe tải và đóng cửa lại. Tôi đẩy hắn lên băng ghế sau rộng rãi, rồi gí chiếc Thunder Blast vào người hắn một lần nữa để đảm bảo rằng hắn bất tỉnh cho đến khi nào tôi xong việc.

Những động tác này quá quen thuộc và không mất nhiều thời gian. Tôi khóa hắn bằng dây đai thắt đùi và vai, kéo căng cái đai thắt vai ra hết cỡ rồi để nó thụt lại hoàn toàn cho đến khi nó siết chặt người hắn. Phần khó nhất là cởi áo sơ mi và tháo cà vạt của hắn để tôi có thể dán các bản điện cực vào thẳng ngực hắn, nơi kem dẫn điện sẽ ngăn chặn bất cứ vết sạm nào có thể làm lộ tẩy chuyện này. Đai an toàn và đệm vai sẽ giữ hắn yên vị trong khi tôi làm việc.

Khi tôi dán bản điện cực thứ hai, đôi mắt hắn hấp háy mở. Hắn liếc xuống bộ ngực bị phanh trần, rồi ngẩng lên nhìn tôi.

“Đợ... Đợ...,” hắn lắp bắp.

“Đợ á?” Tôi hỏi.

Hắn lầm bầm gì đó, tôi đoán là để xác nhận điều đó.

“Xin lỗi, không thể được,” tôi nói, dán bản điện cực thứ hai lại bằng băng dán y tế.

Hắn mở miệng định nói thêm điều gì đó và tôi ấn quả bóng Super Ball vào mồm hắn. Tôi không muốn hắn cắn phải lưỡi từ tác động của cú sốc điện - điều đó có thể gây nghi ngờ.

Tôi tránh sang một bên của chiếc xe tải để đảm bảo rằng tôi không chạm vào hắn khi cú sốc được thực hiện. Hắn nhìn theo khi tôi di chuyển, đôi mắt mở to.

Tôi bật công tắc của thiết bị.

Cơ thể hấn giật nảy về đằng trước tới hết mức giới hạn của cái dây đai thắt vai có khóa tự động còn đầu hấn bật ngửa ra đằng sau, đập vào chiếc gối tựa đầu chống chấn thương cổ gắn trên ghế. Ngày nay những chiếc ô tô an toàn đến không ngờ.

Tôi đợi một phút, rồi kiểm tra mạch đập của hấn để chắc chắn rằng hấn đã tiêu đời. Thỏa mãn, tôi bỏ quả bóng và bóc các bản điện cực ra, chùi đi những gì còn sót lại của lớp kem dẫn điện bằng một miếng giẻ tẩm cồn, và mặc lại quần áo nghiêm chỉnh cho hấn. Tôi nhìn vào đôi mắt dại đờ của hấn và kinh ngạc trước việc mình cảm thấy nhẹ nhõm thế nào. Có lẽ là thanh thản. Vậy thôi.

Tôi mở cửa chiếc Taurus bằng chìa khóa của hấn, rồi cắm nó vào ổ khởi động. Tôi lại quét mắt qua ga ra lần nữa. Một phụ nữ mặc bộ vét doanh nhân, có lẽ đang trên đường đến dự một cuộc họp sớm, bước ra khỏi thang máy. Tôi đợi cho đến khi cô ta chui vào xe và phóng đi.

Tôi xoắn thi thể hấn lên vai và vác nó theo kiểu lính cứu hỏa tới chỗ chiếc xe, và ném phịch nó vào chỗ ghế lái. Tôi đóng cửa, rồi ngừng lại một lát để kiểm tra công việc của tôi.

Đó là dành cho Jimmy, tôi nghĩ. Và Cu Lai. Họ đều đang đợi mày ở địa ngục.

Và đợi cả tôi nữa. Tôi tự hỏi liệu chỉ riêng mình Holtzer có đủ để thỏa mãn họ không. Rồi tôi chui vào trong chiếc xe tải và phóng đi.

26

TÔI CÒN MỘT ĐIỂM nữa cần đến. Manhattan, số 178 Nam Đại lộ 7. Village Vanguard.

Tôi đã kiểm tra trang web của Vanguard, và biết rằng ban nhạc của Midori Kawamura sẽ biểu diễn ở câu lạc bộ này từ thứ ba đầu tiên trong tháng mười một đến tận chủ nhật tuần sau đó. Tôi gọi điện và đặt chỗ cho suất diễn lúc 1 giờ vào đêm thứ sáu. Tôi không cần dùng thẻ tín dụng, mặc dù tôi biết họ sẽ hủy việc đặt chỗ của tôi nếu tôi không đến trước buổi biểu diễn ít nhất là mười lăm phút, vì vậy tôi có thể dễ dàng dùng một cái tên giả: Watanabe, một cái tên phổ biến của Nhật.

Tôi thẳng tiến trên xa lộ liên bang 95, băng qua từ Maryland đến Delaware và rồi tới New Jersey. Từ trạm thu phí, tôi có thể chọn xa lộ 80 và tới Dryden, cách đó hai trăm dặm và cả một đời người.

Thay vào đó tôi rời trạm thu phí để tới hầm cao tốc Holland*, đi vào thành phố và lái xe trên quãng đường dài một phần tư dặm để đến khách sạn Soho Grand trên đường West Broadway. Ông Watanabe đã đặt một phòng hạng sang vào tối thứ sáu. Ông ta tới trước sáu giờ để đảm bảo rằng khách sạn không hủy việc đặt phòng của ông ta, và thanh toán bằng tiền mặt với số tiền một ngàn bốn trăm đô la cho một đêm. Nhân viên khách sạn thật đáng khen ngợi khi không tỏ ra ngạc nhiên chút nào, có lẽ họ cho rằng người đàn ông giàu có muốn giấu giếm thân phận này sẽ gặp nhân tình ở đây.

Vì đến sớm nên tôi có thời gian để tắm, ngủ khoảng ba tiếng, và thưởng thức một bữa tối tuyệt vời được phục vụ tận phòng gồm thịt bê

và một chai Mouton 1980 từ nhà hàng Canal House của khách sạn. Còn một tiếng rảnh rỗi nữa trước khi tới Vanguard, tôi ghé qua Grand Bar có vẻ ngoài cực kì ấn tượng, nơi không khí của những cái trần cao, những ánh đèn ấm áp và những cái bàn kính màu đen cân đối hoàn hảo bù đắp cho một bộ sưu tập rượu mạch nha nhạt nhẽo và tiếng nhạc sàn đầy khó chịu. Tuy nhiên, không có gì phải phàn nàn với một chai Macallan hai mươi lăm năm tuổi.

Tôi đi bộ khoảng một dặm từ khách sạn đến Vanguard. Trời lạnh, và tôi thấy mừng vì đã mặc chiếc quần garbadine màu xám đậm, chiếc áo cổ lọ giả ca sơ mia màu đen, và chiếc áo vét blazer màu xanh lính thủy; Chiếc mũ nỉ mềm màu xám đậm mà tôi đang đội sùm sụp cũng mang lại cho tôi chút ấm áp, trong khi vẫn che bớt phần nào khuôn mặt tôi.

Tôi lấy vé lúc 12 giờ 35 phút, rồi tiếp tục đi dạo đến gần 1 giờ. Tôi không muốn Midori hay ai khác trong nhóm tam tấu của cô ấy đi ngang qua tôi ở cuối căn phòng hình nêm ấy trước khi buổi trình diễn bắt đầu.

Tôi băng qua bên dưới mái hiên màu đỏ đặc trưng và biển hiệu neon rồi bước vào qua cánh cửa gỗ gụ, chọn một chỗ ngồi ở một cái bàn tròn nhỏ màu trắng ở phía cuối. Midori đã ngồi bên cây đàn piano, mặc đồ đen như lần đầu tiên tôi thấy cô ấy. Thật dễ chịu khi được ngắm cô ấy vào lúc này, âm thầm lặng lẽ, bị ngăn cách bởi một nỗi buồn mà tôi biết cô ấy hẳn cũng đang mang trong lòng. Cô ấy thật xinh đẹp, và điều đó khiến tôi đau xót.

Những ánh đèn mờ đi, tiếng rì rầm trò chuyện tắt dần, và Midori đánh thức chiếc piano với một sự dữ dội, những ngón tay cô ấy lướt hết tốc lực trên những phím đàn. Tôi chăm chú ngắm nhìn, cố gắng giữ lại kí ức về cái cách cô ấy di chuyển đôi bàn tay và lắc lư thân người, và những nét biểu cảm trên gương mặt cô ấy. Tôi biết tôi sẽ mãi mãi nghe nhạc của cô ấy, nhưng đây sẽ là lần cuối cùng tôi được xem cô ấy biểu diễn.

Tôi đã luôn nghe thấy một sự phẫn nộ trong tiếng đàn của cô ấy, và yêu cái cách thi thoảng nó được thay thế bởi một nỗi buồn sâu lắng, chấp nhận. Nhưng tối nay không có sự chấp nhận nào cả. Nó bộc phát và giận dữ, đôi khi thê lương, nhưng không bao giờ cam chịu. Tôi ngấm nhìn và lắng nghe, cảm thấy từng nốt nhạc và từng phút giây cứ trôi tuột khỏi tôi, cố gắng tìm chút an ủi trong cái ý nghĩ rằng có lẽ chuyện xảy ra giữa chúng tôi giờ đã trở thành một phần trong tiếng nhạc của cô ấy.

Tôi nghĩ về Tatsu. Tôi biết anh ta đã làm đúng khi nói với Midori rằng tôi đã chết. Đúng như anh ta nói, rồi sau này cô ấy sẽ đoán ra sự thật, hoặc sự thật sẽ tự tìm được đường để len vào ý thức của cô ấy.

Anh ta cũng đúng về chuyện việc mất tôi sẽ không ảnh hưởng lâu dài đến cô ấy. Cô ấy còn trẻ và còn cả một sự nghiệp rực rỡ đang mở ra trước mắt. Khi anh quen biết một người trong một thời gian ngắn ngủi, cho dù mối quan hệ ấy mãnh liệt đến đâu, cái chết của người ấy sẽ khiến anh cảm thấy bị sốc, nhưng đó không phải là một cú sốc đặc biệt lâu dài hay sâu sắc. Suy cho cùng, họ không có đủ thời gian để dẹt chặt mình vào tấm vải cuộc đời anh. Anh sẽ thấy kinh ngạc, thậm chí hơi vỡ mộng, trước việc mình vượt qua chuyện đó nhanh đến mức nào, kí ức về những gì anh có thể đã chia sẻ với người đó sẽ mau chóng trở nên xa xăm, hư ảo ra sao, như thể đó là chuyện xảy ra với ai đó mà anh biết chứ không phải với chính bản thân anh vậy.

Buổi biểu diễn kéo dài một tiếng đồng hồ. Khi nó kết thúc, tôi đứng dậy và lặng lẽ ra ngoài qua cánh cửa gỗ và đứng lại một lát bên dưới bầu trời không ánh trăng. Tôi nhắm mắt và hít vào mùi vị của không khí đêm Manhattan, nó thật kì lạ nhưng đồng thời cũng thân thuộc đến mức khó chịu khi liên tưởng đến cuộc đời của tôi bao nhiêu năm trước.

“Xin lỗi,” một giọng phụ nữ cất lên đằng sau tôi.

Tôi quay lại, nghĩ rằng đó là *Midori*. Nhưng đó chỉ là cô gái làm việc ở phòng giữ đồ. “Ông để quên thứ này,” cô ta nói, giơ ra chiếc mũ

nỉ mềm. Tôi đã đặt nó lên chỗ ngồi bên cạnh sau khi những ánh đèn mờ đi và rồi quên bằng nó.

Tôi cầm cái mũ mà không nói gì và bước vào màn đêm.

Midori. Có những khoảnh khắc ở bên cô ấy, tôi quên hết những việc mình đã làm và những gì mình trở thành. Nhưng những khoảnh khắc đó không kéo dài mãi. Tôi là sản phẩm được sinh ra từ những gì tôi đã làm trong quá khứ, và tôi biết tôi sẽ luôn thức tỉnh trước kết luận này, cho dù mộng tưởng trước khi thức tỉnh có hấp dẫn thế nào chăng nữa.

Điều tôi cần làm không phải là phủ nhận bản thân mình trước đây, mà là tìm một cách để thay đổi nó. Có lẽ, lần đầu tiên, thành một cái gì đó có giá trị. Có lẽ là một cái gì đó với Tatsu. Tôi sẽ phải suy nghĩ về chuyện này.

Midori. Tôi vẫn nghe nhạc của cô ấy. Tôi túm chặt những nốt nhạc, cố gắng ngăn chúng đừng biến mất vào hư vô, nhưng chúng thật khó nắm bắt và níu giữ, và từng nốt nhạc tắt lịm trong bóng tối xung quanh tôi như một viên đạn lửa biến mất sau rặng cây.

Đôi khi tôi bắt gặp mình thốt ra tên cô ấy. Tôi thích khẩu hình của nó trên môi tôi, một thứ mong manh nhưng vẫn hữu hình để cung cấp chất liệu cho những kí ức của tôi. Tôi thốt nó ra thật chậm rãi, vài lần liên tục, như một câu kinh hay một lời cầu nguyện.

Cô ấy có bao giờ nghĩ đến mày không? Đôi khi tôi tự hỏi.

Có lẽ là không, là câu trả lời quen thuộc.

Không sao. Chỉ cần biết cô ấy đang ở đâu đó ngoài kia là được. Tôi sẽ tiếp tục lắng nghe cô ấy từ trong bóng tối. Như trước đây. Như mãi mãi sau này.

HẾT

MỤC LỤC

1. MỞ ĐẦU
2. PHẦN MỘT
 1. 1
 2. 2
 3. 3
 4. 4
 5. 5
 6. 6
 7. 7
 8. 8
 9. 9
 10. 10
 11. 11
 12. 12
 13. 13
3. PHẦN HAI
 1. 14
 2. 15
 3. 16
 4. 17
 5. 18
4. PHẦN BA
 1. 19
 2. 20
 3. 21

4. [22](#)
5. [23](#)
6. [24](#)
7. [25](#)
8. [26](#)

Table of Contents

MỞ ĐẦU

PHẦN MỘT

1

2

3

4

5

6

7

8

9

10

11

12

13

PHẦN HAI

14

15

16

17

18

PHẦN BA

19

20

21

22

23

24

25

